

Phan Nhật Nam

tự binh và hòa bình



PHAN NHẬT NAM, VĂN CHƯƠNG VÀ NHỮNG HỆ LỤY THỜI THỂ

Tôi muốn nói về tác giả Phan Nhật Nam từ tác phẩm đến đời sống của ông suốt trong cả cuộc chiến và sau cuộc chiến ở vị trí của một độc giả qua những cảm nhận của cá nhân mình. Có thể đó là những nhận xét có nhiều chất chủ quan và nhiều khi đầy cảm tính.

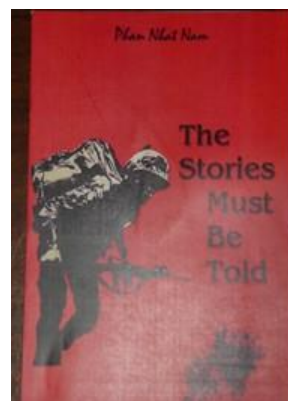
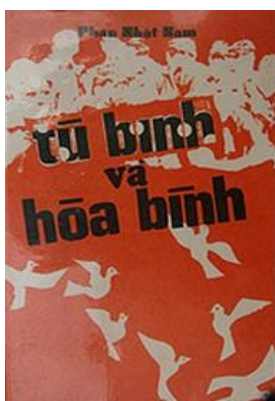
Theo tôi, ở cương vị một người lính, Phan Nhật Nam phát biểu rất trung thực cái tâm cảm của một thế hệ thanh niên phải bắt buộc đi vào chiến tranh. Những tác phẩm của ông mang chất lửa của một người tốt nghiệp khóa sĩ quan hiện dịch của trường Võ Bị Đà Lạt chọn võ nghiệp làm mục đích cho cuộc sống mình. Từ khi ra trường, viết lên những dòng chữ nói lên hoài bão của mình, dù cả những lúc binh nghiệp bị gập ghềnh trắc trở, ông vẫn là người lính trẻ thật nhiều mơ mộng và lãng mạn, tham dự cuộc chiến như một việc phải làm của một thanh niên như mọi người trong thế hệ của ông...

Lý do à! Thật giản dị. Tôi muốn nói về một người lính và viết văn có lửa. Những tác phẩm của ông là kết tinh của xương máu tủy da của một người lính đã trải qua những thống khổ của cuộc chiến. Văn chương của ông không phải là một thứ cưỡi ngựa xem hoa mà là cuộc đời thực, của cảm xúc thực.

Viết về bè bạn, ông và họ chia sẻ niềm vui nỗi buồn của những người chung mang một thời thế, một cảnh ngộ của những nhiều nhượng, những oan khuất.

Viết về chính mình, ông không muốn là người phác họa một chân dung mà còn có tham vọng đi kiếm tìm ở đó những kinh nghiệm sống, những bài học của một người tuổi trẻ lớn lên trong chiến tranh nhưng tấm lòng lúc nào cũng ngây thơ tin tưởng vào những tốt đẹp nhân bản.

Phan Nhật Nam là tên tuổi sau này của Phan Ngọc Khuê, thay đổi tên vì lý do cha ông không được vào Đảng Cộng Sản vì lý do thuộc giai cấp tiểu tư sản, sinh năm 1943 ở Quảng Trị. Là một người lính, tốt nghiệp khóa 18 Võ Bị Đà Lạt và đơn vị đầu tiên là binh chủng dù. Là một nhà văn, mang chiến tranh Việt Nam vào văn chương với tác phẩm đầu tay Dấu Binh Lửa và các tác phẩm tiếp theo Dọc Đường Số Một, Ai Trần Gian, Dưa Lưng Nổi Chết, Mùa Hè Đỏ Lửa, Tủ Binh và Hòa Bình.



Sau 1975, ông bị tù cải tạo 14 năm trong đó có 7 năm 8 tháng bị kiên giam. Năm 1993, qua Mỹ định cư và xuất bản Những Chuyện Cần Được Kể lại, Đường Trường Xa Xăm, Đêm Tân Thất Thanh, Mùa Đông Giữ Lửa. Tác phẩm Những Chuyện Cần Được Kể Lại được in với ấn bản Anh ngữ The Stories Must Be Told. Tác phẩm Mùa Hè Đỏ Lửa được giải thưởng văn học toàn quốc năm 1973.

Đó là một bút ký chiến tranh ghi lại một thời kỳ chúng ta gắng quên nhưng lại phải nhớ. Những địa danh như đồi Charlie, như An Lộc, như Quảng Trị, như sông Thạch Hãn, là những bãi chiến trường khốc liệt, nơi thử sức của những cường quốc qua vũ khí, bom đạn viện trợ cho cả hai bên và ở chiến địa đó, không biết bao nhiêu là thanh niên Việt Nam ở hai bên bị gục ngã.

Nhà thơ Đỗ Quý Toàn đã đọc một bài viết về Mùa Hè Đỏ Lửa trên Chương Trình Văn Học Nghệ Thuật của đài truyền hình Việt Nam với tâm cảm bùng bùng đầy lửa. Tôi nhớ lúc đã nghe bài viết ấy buổi tối khi vừa về thăm nhà từ đơn vị. Tôi vừa bước chân vào nhà, nghe chương trình chưa vội cơm nước gì cả mà cảm xúc đã làm tôi tự nhiên như thấy đã no ngang rồi và không thấy đói nữa.

Về sau gặp lại nhà thơ Đỗ Quý Toàn thì ông cho biết là lúc ấy Phan Nhật Nam đang nằm trong Tổng Y Viện Cộng Hòa thấy thật lạ lùng khi được khen ngợi hết lời từ một cây bút chưa hề quen biết. Có lẽ, đó là những đồng cảm cùng phát sinh từ những tâm hồn đồng điệu. Cũng như nhà báo Chu Tử đã hết lời ca tụng tập bút ký chiến tranh này và đề nghị

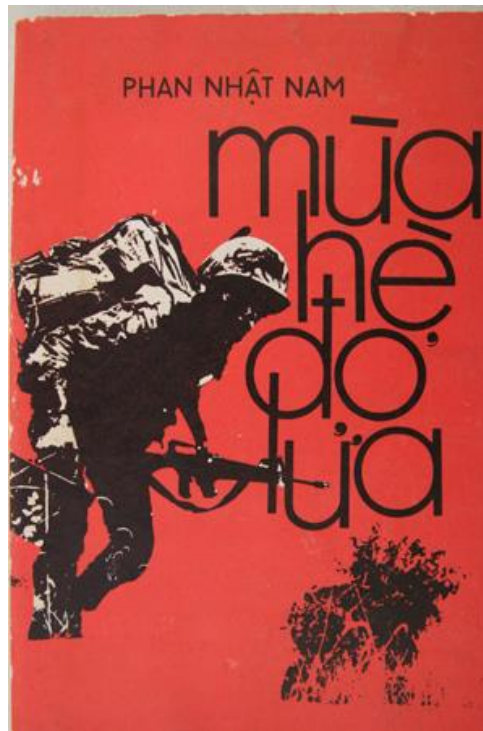
lập một giải thưởng xứng đáng để trao tặng cho tác phẩm này.

Không những thế, những người cầm bút đối nghịch phía bên kia như Tô Hoài và Nguyễn Tuân đã phải có nhận định rằng quả thực Phan Nhật Nam đã viết những tác phẩm bằng máu của chính mình nhưng lại là loại máu bị nhiễm độc (dù rằng chê bai nhưng vẫn không dấu được sự thán phục).

Nhà thơ Đỗ Quý Toàn cũng có bài thơ cảm khái về Mùa Hè Đỏ Lửa có những câu như:

*“Ngày mưa đọc lại Phan Nhật Nam
trời bỗng sẫm đen tóe sẫm sét
mặt đất ào ào trận pháo tuôn
trong thành phố tử thần co quắp
viên đạn cuối cùng đã bắn đi
người chết giữa trời cơn đồng cháy
hồn anh thẳng thốt bay lên không
suốt dọc Trường Sơn đất rung rẩy
mặt trời chưa thấy đêm dài ôi
từng khối lớn mệnh mang đặc cứng*

*qua khe nhìn lại đồi C2
nhớ lại anh em ta nằm xuống...”*



Nhà thơ đã làm thơ về một tác phẩm văn xuôi của một nhà thơ. Phan Nhật Nam cũng là một nhà thơ, không những mê thơ mà còn coi thi ca có vị trí trang trọng nhất trong văn chương. Giống như câu thơ Phùng Quán “vịn vào thơ mà đứng dậy” trong 7 năm 8 tháng bị biệt giam, ông đã làm thơ như một cung cách vận động thân thể để chống lại cái khung cảnh tối tăm cô độc của xà lim kiên giam. Ông dùng cán của một chiếc muỗng bằng inoxidable vạch những câu thơ trên tường. Và sau này ông đã nói đùa rằng mình đã có lúc khắc thơ lên đá...

Cứ tưởng tượng một thời gian dài 7 năm 8 tháng mà nằm bó rọ trong một căn phòng bịt kín thì cái cảm giác ấy sẽ kinh khiếp đến bậc nào. Có lúc dường như ông quên cả tuổi tên và thời gian cũng chỉ là những ký ức mờ ảo không rõ rệt. Ông đã làm thơ như vắt máu mình để viết ra:

*Bước đằng trước ba bước
Bước đằng sau ba bước
Ngang dọc hai mươi mốt gang
Căn phòng chìm ảm đạm
Ta là ai họ Phan?
Người Nam giam đất Bắc
Đôi lúc chợt bàng hoàng
Phải chăng năm thứ tám?*

Phan Nhật Nam làm thơ để kể về đời mình. Những câu thơ uất nghẹn. Những cuộc đời mà bi thảm cứ mãi kéo dài. Ông làm thơ kể chuyện về người em ruột, trong cái đau đớn của người bị vây bủa bởi bi thảm thống khổ:

Tôi đi làm lính chiến
Trôi nổi chốn trận tiền
Em một thân cô cút
Đâu được ngày đoàn viên
Mong phần sau lớn lên
Tình duyên nên mãi nguyện
cầu em đời bình yên
quên khuất thời uất nghẹn
nào đâu buổi sụp vỡ
cảnh nước mất tan nhà
làm thân sơ thất sở
vây quanh khổ mù sa
Long Thành , chồng tập trung
Anh ngục tù lấm nhục
Trên quê hương lưu đầy
Rừng rực lửa địa ngục
Bốn con thơ khốn cùng
Sức người căng vượt sống
Tư trang bán sạch dần
Cây rừng khô lá rụng
Tôi đi lên miền Bắc
Nghịch phần riêng thậm ngặt
Nhớ thương em dãi dầu
Nơi quê nhà bắn bắt
Rừng núi trời vào thu
Tù vượt đồi đón núa
Bên đường đèo nghỉ đỗ
Nghe chuyện buồn thương tâm
Chồng cải tạo tập trung
Vợ ở nhà chết thảm
Bốn con nhỏ khốn cùng
Quay quắt bên thầy cúng
Những tưởng nghe nhảm tai
Giật mình gào hỏi lại
Ôi xiết bao kinh hãi
Đúng tên chồng em gáiChuyện Những đời hoa sim
Nay một lần hiện thực

*Không chết người ngục tù
Một mình Em oan trái
Tôi bật khóc trên đồi
Nhìn khoảng không vãn vũ
Có còn không ? Đất –Trời
Mây mang mang kéo lũ..”*

Bài thơ này ông làm năm 1983 khi còn đang bị nằm trong xà lim tối. Những tiếng kêu thất thanh: Có còn không? Đất? Trời?... Tiếng của mòn mỏi, của nặng nề hiện tại, của đau buồn quá khứ và của nhọc nhằn tương lai!!! Thơ của niềm đau nào mệnh mang nhất, của đòn đau nào tột cùng...

Con đường binh nghiệp của ông cũng khá gập ghềnh. Cùng khóa Võ Bị với ông có nhiều người đã lên đến cấp đại tá, trung tá. Thế mà, năm 1975 ông chỉ mới có cấp bậc đại úy nhiệm chức nghĩa là chỉ trên cấp bậc trung úy thực thụ một chút xíu. Dù rằng ông ở trong binh chủng nhảy dù và bị thương nhiều lần. Nhưng không phải vì thế mà ông không yêu quân đội. Ông viết về binh chủng nhảy dù của mình, về những cấp chỉ huy mà ông gọi là “ngoại khổ” hay về những bằng hữu của mình, những người bạn sống chết của ông với cả tấm lòng trân trọng.

Ông kể những “tai nạn” của đời binh nghiệp mình như một cách thể để hồi tưởng và nhớ lại chứ không có một chút nào căm hận cả. Ông viết về thân phận người lính, những người mà ông cho rằng có thể chất và tâm hồn cứng cỏi như sắt, như một cách vinh danh những thiệt thòi và mất mát của họ. Và, chẳng bao giờ ông than van về cách đời đối xử không công bằng với mình,,

Nhà văn Nguyễn Bá Trạc, tác giả Ngọn Cỏ Bồng, là một bạn thân của ông đã viết như thế chứ không phải tôi. Sở dĩ tôi tin vào điều đó là vì anh Trạc là bạn của ông từ thuở ấu thơ ở Đà Nẵng cho đến bây giờ nên rất hiểu hoàn cảnh của ông. Xuất thân từ con nhà nghèo, cha đi tập kết và bà mẹ nuôi dưỡng hai anh em ông trong hoàn cảnh gieo neo. Rồi bà mẹ mất sớm và hai anh em đùm bọc với nhau để sống cho đến khi vào lính, gia nhập binh chủng nhảy dù bị thương bảy lần nhưng binh nghiệp lên đến. Sau năm 1975 thì bị 14 năm tù đầy nghiệt ngã rồi qua xứ người thì lại bị hiểu lầm và có người kết án là có tư tưởng chao đảo muốn hòa giải hòa hợp dân tộc, thậm chí là Cộng sản nằm vùng nữa. Nhưng rồi thời gian qua đi, để thấy những luận điểm buộc tội ấy có vẻ mơ hồ không căn cứ. Trước sau, Phan Nhật Nam vẫn là một người lính và nhiều công việc ông làm đã chứng minh điều ấy.

Nếu có một nhận xét khách quan, thì chúng ta sẽ nghĩ ngợi như thế nào để có sự công bằng hơn trong nhận xét về một mẫu nhân vật như Phan Nhật Nam?

Có rất nhiều chuyện kể về ông. Tôi có người anh rể cùng bị tù với Phan Nhật Nam và anh tôi đã khen ngợi hết lời về sức chịu đựng cũng như tư cách của ông trong tù. Một người nữa cũng ở chung trại với Phan Nhật Nam là anh Nguyễn Thế Đình, một tiểu đoàn trưởng

Biệt Động Quân nổi tiếng cũng nói với tôi rằng khi Phan Nhật Nam ở chung trại tù với anh tư cách rất đàng hoàng. Anh Đĩnh kể lại chuyện cha của anh Phan Nhật Nam là một cán bộ tập kết vào thăm thì anh cũng tỏ ra rất rõ ràng trong sự phân định chính kiến của mình...

Cũng như, chuyện giữa anh Phan Nhật Nam và nhà thơ Phan Duy Nhân tức sinh viên Phan Chánh Dinh, hai người là bạn chí thân với nhau. Khi Phan Duy Nhân lãnh đạo nhóm biểu tình ở Đà Nẵng thì Phan Nhật Nam làm đại đội trưởng nhảy dù có nhiệm vụ giải tán đám biểu tình. Tiêu lệnh là phải bắt sống hoặc bắn chết Phan Duy Nhân nhưng khi Phan Nhật Nam biết thì một người lính đã nổ súng và Phan Duy Nhân bị thương ở chân và bị bắt đầy đi Côn Đảo. Sau năm 1975, Phan Duy Nhân trở thành phó trưởng ban tôn giáo trung ương và đi tìm những người thù cũ để trả hận. Một người bạn cả hai người là sử gia Trần Gia Phụng đã hỏi sẽ xử ra sao với Phan Nhật Nam thì Phan Chánh Dinh trả lời là giết, giết không thể có sự khoan hồng nào. Dù khi ấy Phan Nhật Nam đã vào tù cải tạo.

Trước năm 1975, Phan Nhật Nam đã viết trong bút ký của mình về người bạn thân Phan Chánh Dinh, người hay đọc bài thơ của Thủy Thủ, đăng ở trang đầu của báo Chỉ Đạo...

Có lẽ giới tuyến phân cách hai bên đến nỗi hai người bạn thân thiết trở thành hai người thù địch ghìem súng bắn nhau, một tệ hại của cuộc chiến nổi da xáo thịt...

Dĩ nhiên, là nhà văn không thể là một người tả một cách chân thực một trăm phần trăm. Phải có sự thêm bớt để sự kiện được nhìn ngắm toàn diện hơn cũng như có bề sâu hơn. Ở Phan Nhật Nam ông có phong cách của một người lính luôn luôn giữ trong tâm hồn mình ngọn lửa của sự hiến tặng hết mình cho cuộc sống. Từ bút ký đầu tiên Dấu Bình Lửa đến các tác phẩm sau kể cả Mùa Hè Đỏ Lửa, những ngọn lửa hồng được nhen lên để soi rọi từng góc cạnh của chiến tranh. Và, từ những chứng tích ấy, những tâm tư, những nỗi niềm được giải bày để người thế hệ sau có thể hiểu biết được phần nào con người Việt nam trong chiến tranh và trong khi đã ngưng tiếng súng nhưng cuộc chiến vẫn còn tiếp tục...

Ở chủ quan tôi, một người đã là lính và có nhiều tâm tư có phần trùng hợp với tác giả Mùa Hè Đỏ Lửa thì ý nghĩ của tôi rất đơn giản. Viết về chiến tranh có lẽ không ai hơn được Mặt Trận Miền Tây Vãn Yên Tĩnh của Erich Maria Remarque với chân dung người lính muôn thuở, có thể tương tự với nhau dù ở bên này và bên kia chiến tuyến.

Nhưng với Phan Nhật Nam, của Mùa Hè Đỏ Lửa thì chân dung ấy lại đặc biệt của người lính Việt nam Cộng Hòa mà ông gọi là “ người lính nhiệm màu”. Và một điều khá lạ là chân dung ấy lại sinh động và đậm chất nhân bản không thua người lính của Remarque. Thành ra, tôi đọc và bị lôi cuốn theo những người lính như Anh Năm Nguyễn Đình Bảo tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 11 Nhảy Dù, như Sông Lô Lọ Rượu tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 7 Nhảy Dù, như Robert Lửa Nguyễn Xuân Phúc lữ đoàn trưởng Lữ Đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến, như Beo Gấm Lê Quang Lương tư lệnh Sư Đoàn Nhảy Dù..

Những người lính ngoại hạng, những người lính thép nhưng lại rất người, rất nhân bản.

Giống như thống tướng Mac Arthur đã nói những người lính không bao giờ chết, họ chỉ mờ dần đi... Nhưng với tôi, họ vẫn sáng rực từ một niềm kính phục vì những hy sinh cho tổ quốc.

Nguyễn Mạnh Trinh

* * *

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-75 THEO CÁCH NHÌN CỦA VƯƠNG TRÍ NHÀN HÔM NAY*

Thời gian mấy năm 72 -73, một số anh em bạn tôi ở tạp chí Văn nghệ quân đội có lúc xôn xao hẳn lên khi đọc một cuốn của Phan Nhật Nam, không phải cuốn nhiều người hay nói tới mang tên Mùa hè đỏ lửa, diễn tả không khí chiến trường rất ác liệt, mà là cuốn trước đó, cuốn Dấu binh lửa.

Theo tôi, Dấu binh lửa gây ấn tượng mạnh, vì nó cho thấy sự tan vỡ tâm hồn, tan vỡ đời sống tinh thần của một lớp người thanh niên khi vào đời là vào với chiến tranh. Từ chỗ là một người đầy nhiệt huyết, muốn biết, muốn hiểu, muốn đóng góp, muốn làm cái gì cho xứ sở, nhân vật xung tôi ở đây biến thành người không còn là mình nữa, chai lỳ, bất nhẫn, chỉ muốn đập phá. Phan Nhật Nam trong Dấu binh lửa là thế.

Tôi nhớ là những nhà văn như Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, khi đọc cuốn này đều thấy nể, ngay cách diễn tả, cách viết rất trực tiếp và khả năng sử dụng tiếng Việt trong Dấu binh lửa cũng đáng ghi nhận. Khoảng 1990 -91 xuất hiện Nỗi buồn chiến tranh của Bảo Ninh, đọc Nỗi buồn chiến tranh tôi lại nhớ đến Dấu binh lửa. Nhà tôi lúc đó gần nhà Bảo Ninh, tôi có đưa cho anh xem. Khi trả Bảo Ninh có nói với tôi -- không biết bây giờ anh có nhớ không, nhưng tôi vẫn nhớ. Rằng nếu tôi đọc cuốn này trước thì có lẽ tôi sẽ viết khác đi.

Có cảm tưởng rằng đây là một trong những cuốn sách viết về chiến tranh mà bạn tôi không thể quên nổi và ở chỗ đó, nó cho thấy sự cần thiết tức cũng là những đóng góp của Văn học miền Nam, với vai trò ghi nhận được trạng thái nhân thế của con người một thời, tất cả những đau đớn, vật vã của con người trong một hoàn cảnh phi nhân văn và chính từ đó chúng ta có thể giải thích tất cả những biến động trong đời sống từ sau 75 đến nay.

* * *

HÒA BÌNH, 28 -1-1973

Để mở đầu cho tập bi ký, tôi lấy ngày tháng này để làm dấu - Ngày Hòa Bình - Một thứ

hòa bình quái dị, đắng như thuốc mà quê hương trong cơn thập tử phải uống vào.

Nhân dân tự vệ đi đập cửa từng nhà hối thúc gia chủ treo cờ, Tổng Thống Thiệu đọc trên tivi gởi đến toàn dân thông điệp lịch sử - Thông điệp báo tin một hòa bình đe dọa. Thông điệp gồm những ngôn từ nóng, những thành ngữ giản dị đầy hình ảnh, thông điệp dồn dập không thể có được ở cấp nguyên thủ của bất cứ quốc gia nào... Quê hương Việt Nam đón nhận hòa bình trong trạng thái buốt sống lưng.

Tôi đi trong Sài Gòn ngày 28-1 với cảm giác xôn xao kỳ lạ. Tháng năm chinh chiến quá dài biến đổi chiến tranh nên thành một hiện tượng hằng có, thường trực; dứt ra, ngỡ ngàng như ra khỏi vùng quen thuộc. Sự quen thuộc khôn nặn. Ở Tây Ninh, Cộng sản tứ bề vây kín Tòa Thánh, quốc lộ 15 bị đóng mấy "chốt" ở bắc và nam Long Thành, đường đi ra Trung, lên Đà Lạt bị kim kẹp...Cộng sản cố giữ một đoạn Quốc Lộ 1 ở Trảng Bom, hòa bình được đón nhận bằng một loạt vi phạm ào ạt cùng xảy đến khắp bốn quân khu. Đã có hòa bình chưa?

...Vẫn còn được an ủi lớn - Chưa có trận đánh quy mô cấp tiểu đoàn trở lên!! Sự an ủi tội nghiệp như hơi thở hồi dương của xác thân đã chết phần chân tay.

Nhưng "hòa bình" hình như được ráp nối dần. Những phái đoàn Nam Dương, Gia Nã Đại trong Ủy Hội Quốc Tế kiểm soát đình chiến đến Sài Gòn, những người mặc áo đại cán may bằng vải kaki Nam Định đã có mặt tại Tân Sơn Nhất. Những cán bộ Cộng sản từ Hà Nội, Ba Lê, mặt khu lần đầu tiên tập trung tại trên đất quốc gia. Cuộc họp lịch sử khai diễn. Tổ quốc bước qua một chặng đường mới. Con đường dài đầy đặc hỏa mù dấy lên ào ạt như khói súng của những trận đánh trên bốn quân khu. Hòa bình đến với những người chết ngỡ ngàng không nhắm mắt. Những buổi họp thành hình quanh chiếc bàn nỉ xanh trong căn phòng kín cửa. Bằng lời nói uyển chuyển, thái độ hòa nhã, những con người đối cực ngày hôm qua, hôm kia, trao đổi với nhau một đề tài bi thảm - Tù binh, vật thụ nạn trực tiếp đau đớn nhất của chiến tranh, món quà tội nghiệp của hòa bình bắt đầu được ngã giá.

Hôm nay, ngày khởi đầu màn bi kịch lặng lẽ, những người tù bắt đầu được thả để ở yên trong một khoảng trống nào đó hay sẽ mặc lại bộ áo chiến binh, nhận một thứ vũ khí để bắt đầu lại vở bi kịch trường thiên không đứt đoạn.

Được đi chứng kiến và sống cùng "chiến trường" bi thiết lặng lẽ này, người viết với trái tim trung tín, thẳng thắn cố gắng ghi lại sau đây những diễn tiến đã được một lần ghi nhận. Sự ghi nhận chủ quan - Lẽ tất nhiên, nhưng cũng không thể vượt khỏi chủ quan của một người - Người Việt Nam.

...Tôi mở cửa căn phòng, hơi lạnh tỏa ra dễ chịu. Tường gỗ đánh véc-ni nâu, sàn lót thảm,

bàn nỉ xanh, vẻ yên tĩnh trang trọng của nơi tiện nghi theo lối Mỹ, trăm phần trăm Mỹ với không khí thơm thơm sạch sẽ của toàn khối vật chất được khử trùng lọc sạch. Trong căn

phòng nhỏ đẹp gọn ghẽ trơn láng này, vấn đề gai góc nhất của hiệp định ngưng bắn - Ba mươi ngàn tù binh của hai bên và năm trăm sáu mươi một tù binh Mỹ sẽ được giải quyết, trả giá và cân nhắc từng trăm, từng chục, hoặc từng người tùy theo nghiệp độ khí hậu của bốn bên. Con người chỉ còn lại là một con số trống. Tù binh, giờ này anh nghĩ gì?

... Xin giới thiệu với quý vị - Đại Úy Nam. Tôi đứng đây cúi đầu chào. Những con mắt mở ra vừa phải dò dẫm... Tôi đang đối diện với cán bộ cộng sản thực thụ, những người đàn ông trung niên, nghiêm trọng cứng nhắc trong những bộ quân phục may bằng vải kaki Nam Định màu ô-liu. Đây là những cán bộ trung cấp nòng cốt vừa từ Ba Lê đến, những chuyên viên hội nghị, những người có thể ngồi thật lâu nói thật nhiều trên nhiều đề tài mơ hồ, đối cực và vô bổ. Những kịch sĩ thiên bẩm, thiện nghệ, biết kìm hãm tình cảm trong tất cả mọi trường hợp. Ý nghĩ đầu tiên tôi nghĩ về họ qua những nét mặt hình như không biết cười!!

Phiên họp bắt đầu, Đại Tá Đất, đại tá của những đại tá, thâm niên cấp bậc mười lăm năm, con người quen thuộc với tù binh và nhà giam từ những ngày cách đây hai mươi năm, một chuyên viên của tù, không thể ai hơn ông trong chức vụ này. Phiên họp mở đầu bằng thông báo của hoạt động trong ngày, bổ túc việc trao trả, trao đổi danh sách tù nhân của hai bên...

Thứ tự phát biểu xoay theo chiều kim đồng hồ VNCH, Mỹ, Mặt Trận Giải Phóng và Bắc Việt... Lý luận trao đổi qua những ngôn từ trầm lắng, kiểm soát và ngăn chặn. Lý luận không theo cùng hệ thống, không phải là câu trả lời những câu hỏi, nhưng tùy theo chiến pháp của hai bên, Việt Nam Cộng Hòa thông báo số tù binh được dự trù trao trả trong ngày, nhưng vì đến giờ họp, vẫn không thực hiện được vì người của Mặt Trận ở Thạch Hãn, Quảng Trị không chịu qua sông nhận tù và tù binh ở Biên Hòa không chịu lên máy bay đi Lộc Ninh. Đại Tá Russell của Mỹ nêu vấn đề Mặt Trận không trả tù Mỹ ở Lộc Ninh đúng như đã hẹn. Những vấn đề đặt ra rõ ràng gọn như một miếng bánh nhỏ. Tôi chờ đợi câu trả lời của hai phe cộng sản. Nhưng buổi họp đã lộ dần tính chất chạy trốn, sự tránh né lộ liễu buồn cười. Đại Tá Lê Trực, trưởng đoàn Mặt Trận xoay quanh vấn đề danh sách tù binh dân sự và Trung Tá Tấn, trưởng đoàn Bắc Việt thông báo nhà nước Hà Nội thả thêm một trung tá phi công Mỹ sáng nay ở Gia Lâm vì lý do nhân đạo: Mẹ ông ta bệnh nặng!!

Như những hòn bi được rơi tự do trên một độ dốc lồi lõm, các đề nghị, câu hỏi, vấn đề thảo luận do Việt Nam Cộng Hòa đưa ra được biến dạng thành những câu hỏi khác, những vấn đề tổng quát mà chỉ có thể giải quyết được trong thời gian tương lai. Các câu trả lời cho những câu hỏi trực tiếp không có trong suốt phiên họp.

Tôi lắng tai nghe, tay ghi và tinh thần giãn ra trong một niềm lạnh nhạt thú vị... À ra "chiến pháp" tân kỳ của cộng sản là thế - Không bao giờ trả lời một vấn đề trực tiếp, cứ xoay vòng một cách vô tích sự, càng lâu càng tốt, càng xa càng tốt, sự rõ ràng phải được bao bọc dưới lớp màn mù mờ khó khăn. Khó khăn hóa, mơ hồ hóa mọi vấn đề do đối phương đưa ra, dù chỉ là những vấn đề kỹ thuật, thủ tục, của trọng tâm lớn... Trịnh trọng như những công chức già, xoay xở như một anh đánh bạc thiện nghệ, người cộng sản kéo dài phiên họp trong

một rãi rời cổ ý và đúng hệ thống. Hội nghị Ba Lê kéo dài trong bốn năm hay bốn mươi năm cũng có thể được với những chuyên viên hội họp này, họ tránh né và lật đổi vấn đề một cách sỗ sàng bằng những giọng nói nghiêm trọng bất chấp sự hiện thực không thể chối bỏ được. Đại Tá Đất đưa ra tai nạn buổi sáng nay (12-2-73) tại Biên Hòa: Tù binh cộng sản không chịu lên xe ra phi trường, họ đòi phải gặp đại diện Bắc Việt đến để cam kết và bảo đảm sự nhận lãnh... Đại diện tù binh tuyên bố không tin thực chất của đại diện Mặt Trận (Đại Tá Lê Trực)... Sự thật rõ ràng: Tù binh Bắc Việt không tin vào đại diện MTGP... Đối diện với sự thật trên, Trần Tấn chậm rãi mở cuốn sổ nhỏ, đằng hắng lấy giọng: Thưa quý vị, theo điều 1 và 2 của Nghị Định Thư về Tù Binh chỉ xác định có ba loại tù: Tù của Hoa Kỳ và các nước ngoài, của VNCH và của Chánh phủ lâm thời Cộng Hòa miền Nam... Vậy theo tinh thần này và thỏa thuận của hòa hội Ba Lê, chúng tôi xin xác nhận không có tù binh Bắc Việt tại miền Nam!! Đúng sách vở và chiến pháp! Tôi muốn phì cười vì vẻ mặt trang nghiêm, ánh mắt long lanh bằng lòng với phản ứng sắc bén đúng theo "tinh thần Nghị Định Thư" của Tấn... Tinh thần Hiệp Định, một dụng tâm tráo trở của những tay bợm siêu đẳng được căn cứ và nhắc nhở với những ngôn từ trang trọng như giáo điều thiêng liêng. Buổi họp, sự vô liêm sỉ đứng đắn kéo dài trong vô ích. Bốn giờ đi qua không vấp vấp.

À, ra thế là cộng sản, cộng sản chính cống, hạng A, loại cán bộ nông cốt hy vọng trở thành Ủy viên trung ương trong tương lai, Lê Trực, Bí thư của Tướng Trà, Bộ trưởng Quốc phòng của "Chính phủ" lâm thời chỉ là một "chuyên viên" đi đủ qua ba đề mục: bỏ tước danh sách tù quân sự, nêu con số 140 tù dân sự của VNCH và đòi hỏi VNCH thêm vào con số bảy ngàn vì còn hàng vạn người nữa! Ba đề mục được Trực kéo đi kéo lại trong bốn tiếng đồng hồ không mệt mỏi bất chấp câu hỏi của Đại Tá Đất: Tại sao quý vị không trả tù chúng tôi đúng 8 giờ 30 ở Lộc Ninh như đã hứa? Mặc cho các câu hỏi rọi rõ như ánh mặt trời hắt vào mặt, Trực qua lại ung dung giữa ba bản đề của mình như con cá vùng vẫy trong chiếc hồ bơi riêng rẽ. Bắc Thạch Hãn, nơi thuộc về Bắc quân làm sao Trực có thể cho và nhận chỉ thị trực tiếp?! Tội nghiệp cho vẻ kiêu hãnh ốm yếu của Trực sau khi lập lại một đề tài tránh xa sự thật... Trực đã ở Ba Lê trong bao lâu?

Tôi ngồi đối diện với cộng sản, nghe những trả lời trống, những lý luận trơn, nghe những hần học đóng kịch và dễ dãi vô duyên. Thấy rõ toàn bộ cấu tạo và chiến pháp của cán bộ cao cấp đối phương - Một đối phương quá nhiều huyền thoại và huyền hoặc. Thấy rõ người để xét lại mình. Không tự tôn cũng chẳng nên tự ti. Tôi kết luận. Đây chỉ là những chuyên viên bình thường ở âm tượng ngôn ngữ, ở khí phách tia nhìn... Chỉ là những chuyên viên bàn giấy học thuộc bài, nhớ thuộc vở, biết nghe lời thượng cấp, theo đúng chỉ thị, làm việc bằng trí nhớ được tập luyện hơn phản ứng sôi nổi linh động của tâm lý. Đó là một đội cầu gồm nhiều cầu thủ trung bình chuyên lối chơi cộng đồng không có quyền nảy nở phản ứng cá nhân. Toàn thể đặc tính của cán bộ cộng sản có thể thu tóm một cách tổng quát không sợ sai lầm.

Chiến tranh, hòa bình đã được thực hiện và điều hành bởi lớp cán bộ cao cấp này. Những người vâng lời cứng ngắc, quyết chí như một mũi tên huyệt hơi, những người nhìn lịch sử bi

thương của dân tộc qua những sự kiện được đánh số và phân loại. Tôi đã đối diện với đối thủ tàn ác thô bạo ở chiến trường, nay lại gặp phải một đối phương cố chấp qua chiếc bàn rộng lót nỉ màu xanh. Sự tàn ác thô thiển nơi chiến địa hay cứng cỏi cực đoan trong căn phòng có chung một tính chất - Tính chất tổng quát của những phản ứng được hệ thống hóa sau thời gian dài định lượng và kiểm chứng. Tôi không gặp được Người trên hai chiến trận, đây chỉ là những cán bộ tốt biết vâng lời và che dấu tình cảm riêng tư tuyệt đối. Cảm giác lằng đằng kết tụ dần như hơi khói thuốc không tan được trong căn phòng kín cửa. Có một điều đau đớn chập chờn ám ảnh không rời dần lộ mặt - Chiến tranh đã xảy ra thật hợp lý - Người cộng sản quả tình chỉ sống được trong thế giới cường bạo và chấn động. Biện chứng pháp duy vật há không phải là luận lý xây dựng trên "sự nổ" hay sao? Căn phòng rì rầm máy lạnh bỗng chốc mang vẻ đe dọa như cơn im lặng của trái phá sau khi bay ra khỏi nòng...

Tháng 2-1973

* * *

CÂY BÚT KAOLÒ

Đột nhiên thấy được cả một chuỗi ngày thơ ấu trải dài trước mặt như khi mở cuốn Album nhìn lại hình ảnh của ngày qua. Bên tay phải, hơi chéo về trước mặt, Trung Tá Tuấn Anh của phái đoàn Bắc Việt đặt lên trên chiếc thảm xanh cây viết nâu có những sọc ngang vàng đục. À! Viết Kaolò. Lâu lắm, hai mươi năm đi qua, ngày vừa đỗ tiểu học, món quà đắt giá nhất có được lần đầu: Cây viết Kaolò. Cây viết nặng và lớn so với bàn tay nhỏ bé, tôi cẩn thận vận khế từng vòng phần cuối của cây viết, ngòi bút thủy tinh hình tháp có những vòng xoắn ốc từ từ lộ ra khỏi ổ bút. Lũ trẻ chung quanh trầm trồ... Cây viết giá ba mươi lăm đồng, viết mấy cũng không "rè", viết chiều nào cũng được. Tôi hân hoan vận ngược lại, ngòi bút rút dần vào ổ. Hai mươi năm, xã hội qua muôn ngàn biến đổi Đứa bé chưa bao giờ uống nước đá bào ngày nào đã lớn, lớn để chứng kiến những đảo lộn đến chót cùng kinh ngạc, những biến đổi ngược ngạo, chớp nhoáng bưng bưng lạ lùng xảy ra hằng ngày qua, theo năm tới. Biến dạng ở tâm linh và thế giới chung quanh. Biến đổi hệ thống lý luận và cách nhìn. Biến đổi từng mẫu ý nghĩ, từng cái chắc lưỡi khề rung để che dấu niềm kinh ngạc sững sờ.

Năm 1950 ông Nixon phản đối chính sách hoà hoãn với Trung Cộng của Ngoại Trưởng Dean Acheson. Năm 1972 con người đối nghịch với cộng sản đó khề sửa lại vạt áo Chu Ân Lai, hành động vượt xa lịch sự ngoại giao Cũng năm ấy, Thượng Nghị Sĩ McCarthy nổi bật hẳn lên khỏi những đồng viện vì tính chất điều hâu siêu đẳng của mình. Năm 1968, tinh thần McCarthy lại biến tướng thành McGovern sau này Những năm 50, chiếc xe đạp bánh đặc vẫn được xem là dấu hiệu của sung túc giàu có. Năm 1972 ở Sài Gòn xe gắn máy Sachs hoặc Solex đã được xem như vật cũ kỹ hết xài, xe hơi Ford Mustang chỉ là phương tiện di chuyển đắt giá bình thường. Đức Quốc Trưởng Bảo Đại năm xưa nay chỉ còn là một

ông già hết thời dù báo Figaro mở chiến dịch thăm dò và báo Sài Gòn yểm trợ. Vua Bảo Đại đã là một điều của dĩ vãng. Hiện tượng Perón không thể nào có được ở Việt Nam, nơi hai mươi năm chiến tranh đảo lộn hết toàn thể giá trị tinh thần và đời sống. Người Việt Nam, giống dân chai lỳ chịu đựng nhất của nhân loại

Nhưng người Cộng Sản ở miền Bắc "hình như" không thay đổi. Y phục, hệ thống tổ chức, phương cách chuyển đạt ý nghĩ, lý luận, hút thuốc, thờ khói, để tay lên bàn, sửa cái kính... Tất cả đều có vẻ chung chung, quen quen hình như đã gặp, đã nghe, đã thấy. Năm 1950, tại chiến khu bên tả ngạn sông Hương nay thuộc vùng Ashau, tôi hỏi đồng chí "Chú Nhan":.... Sao súng chú quá lớn? " Đáp ngay: " Súng chú dùng để bắn Tây! ". Phản ứng đối đáp nhanh chóng đúng "tinh thần kháng chiến" này sao quá giống với câu trả lời ở phi trường Lộc Ninh khi được hỏi vì sao ông quần quá rộng. Đáp: " Để dễ tác chiến chống Mỹ Ngụy! ". Hai mươi năm hơn đi qua đã không thay đổi gì ở trong những đầu óc đó. Vẫn chỉ là kháng chiến, chống lũ bán nước, đấu tranh công nông, cộng sản đại đồng, hỗn độn và chạm khô cứng vào nhau dưới một đầu tóc rẽ ngôi giữa, hai bên hót cao trắng phều...

Trung Tá Tuấn Anh, người có khuôn mặt lạnh lẽ, trí thức nhất của phái đoàn Bắc Việt, tuy có một nụ cười tươi, nhưng nụ cười đó hình như có tính toán, có sửa soạn. Nụ cười được định lượng dè chừng chột tắt ngay nếu phải nghe một lời vượt ra khỏi hệ thống Trung Tá có nghĩ rằng Đông Dương sẽ trở thành một vùng Balkan nhưng tiến bộ và tự do hơn không? Những lần tắt nụ cười đó thường làm người tiếp chuyện ngạc nhiên, nhưng khi nhìn thấy cây viết Kaolo được cắm mặt để trên bàn, ngòi bút đi ra chậm chậm nghiêm trọng thì lòng tôi chột hiểu. Hai mươi năm hơn đi qua không có thay đổi trên miền Bắc có nhiều hệ thống nghiêm cẩn không suy suyển đó; 138 trang cuốn Chiến Tranh Nhân Dân và Quân đội Nhân dân của Võ Nguyên Giáp (Nhà xuất bản Sự Thật À 1959) rất một thứ lý luận thô thiển đến hàm hồ. Trang 112, Giáp định nghĩa Quân đội Nhân dân À Đây là một quân đội thực sự của nhân dân, của nhân dân lao động, thực chất là công nông, một quân đội do giai cấp công nhân lãnh đạo!!! Không xa đó Giáp viết tiếp: "Đảng của Quân đội nhân dân đó.." Và Đảng của Giáp năm 1930 là gì? Hãy đọc lại nguyên tên: Đảng Cộng Sản Đông Dương... Tiếp tục bước chót của lý luận: "Nhân dân tức là toàn thể đảng viên Cộng sản ". May quá, Giáp chưa đi đến bước chót của thái độ liều lĩnh này...

Tôi đã đi trên đường vào An Lộc trong tháng 6 năm 72, tôi đã tiến theo Nhảy Dù để vào Quảng Trị cuối tháng 7... Dọc quốc lộ 13, dọc quốc lộ 1, trên những đoạn đường chết với câu hỏi vang dội: " Sao người Cộng sản có thể tàn ác tinh táo đến độ này " Tại sao họ có thể xuống tay tận diệt những người dân vô tội không chút e dè như thế này. Nhưng bây giờ thì tôi có thể hiểu. Người cộng sản đã hướng dẫn hành động theo sát với tất cả những giáo điều đã xâm nhập vào từng hơi thở, ý nghĩ của họ. Cuộc đấu tranh vũ trang để thực hiện Chủ nghĩa xã hội do quân đội nhân dân đảm trách. Nó chiến đấu cho quyền lợi của nhân dân lao động cách mạng, được ủng hộ của nhân dân Liên Xô, của nhân dân tiến bộ yêu chuộng hoà bình trên thế giới!... Vậy, Nhân Dân miền Nam, những nhân dân không cách mạng, không giác ngộ, không ủng hộ cho cuộc chiến đấu kia ắt hẳn được xếp vào loại nhân

dân địch, nhân dân "nguy"., loại nhân dân cần phải... Tiêu diệt!! Chúng ta, người của miền Nam chắc sẽ không bao giờ chấp nhận một thứ hệ luận kỳ quái xuẩn ngốc độc địa kia, chúng ta cũng không nghĩ có một thứ lý luận sơ đẳng tàn hại như thế đã được thành hình làm phương châm chỉ đạo cho bao nhiêu hành động cuồng sát. Nhưng thật sự đã xảy ra, xảy đến tột độ kinh hoàng, xảy đến trong chót cùng kinh ngạc... Mậu Thân ở Huế, tháng 4-72 ở Quảng Trị, tháng 3-72 trên đường 13 hướng An Lộc-Chơn Thành, dù tôi là người lính chiến thuần túy đã đi trong lòng cái chết qua thời gian đằng đẳng cũng đã không hiểu nổi tâm trạng đối phương hằng vang dội trong lòng mãi mãi câu hỏi trên. Nhưng hôm nay trong căn phòng kín cửa nhìn cây viết cũ kỹ trên tấm nỉ xanh lòng chợt khám phá ra nguyên lý của hệ thống giết người... Kinh khiếp thật, người Cộng sản đã giết người qua định nghĩa. Định nghĩa cấu tạo từ mùa thu cách mạng, hệ thống hoá thêm bởi mười chín năm trời trong "chủ nghĩa xã hội. Định nghĩa ví như một lá cờ đuôi nheo nhàu nát được mang ra làm chỉ đạo cho cuộc tàn sát tận tình. Tôi hiểu ông Ngô Đình Diệm, người quân tử vụng về của thời đại chỉ vì không theo kịp với nhịp biến động của thế giới chính trị nên phải trả giá bằng cái chết tàn khốc, sự kiện không canh tân hoá ý niệm chỉ đạo điển hình qua chiếc bàn gỗ nặng nề của thời Louis XIV. Vậy nên, viên sĩ quan cộng sản làm sao đuổi kịp được thế giới, hiểu kịp được tâm tư của người dân miền Nam khi trên tay vẫn còn nâng niu hoài cây viết cũ, đầu óc đặc kịt những lý luận "sắc bén" của đồng chí Đại Tướng, một ông giáo sử địa của những năm 1930, soạn thảo phương châm chỉ đạo chiến tranh bằng những luận cứ hồ đồ: "Cuộc vũ trang đấu tranh của nhân dân Việt Nam thành công trước tiên chính là nhờ sự thắng trận của Hồng quân Liên Xô đối với Phat-xít Đức, Nhật..". Vừa phải thôi, chính vì cuộc thắng trận khốn nạn đó, Pháp mới có thể trở lại Việt Nam để cùng anh dự tiệc máu người Việt Nam qua chín năm dài. Thế nhưng luận cứ trên đã viết thành lời, đã đại chúng hoá bằng những tờ ronéo nhem nhuốc, phổ biến đến mỗi cán bộ xã ấp, mỗi "chiến sĩ" với đầu óc bít kín như những viên gạch được xếp đầy đặn chờ hơi nóng nung đốt, để hôm nay - 1973, ở Lộc Ninh, ở Thạch Hãn đâu đâu cũng chỉ nghe: Chủ nghĩa Mác, Lê-Nin dạy chúng ta rằng: Chiến tranh, nhà nước, quân đội đều là những hiện tượng lịch sử, những hiện tượng đó đặt cơ sở trên các giai cấp xã hội đối nghịch và sẽ không còn nữa khi xã hội loài người không còn chia thành giai cấp đối nghịch, nghĩa là khi chủ nghĩa Cộng sản đã thắng khắp thế giới...!!! Chủ nghĩa Mác, Lê-Nin, Cách Mạng tháng 10 hình như chỉ còn là tài liệu nghiên cứu cho một giai đoạn lịch sử đã đi qua... Nhưng Trung Tá Năm Tích - Tư lệnh phi trường Lộc Ninh - gã nông phu phụ bạc ruộng đồng để hân hoan cùng "quân hàm tương đương" cứ lập đi lập lại hoài bài học đó. Phải chăng trong đầu óc đặc cứng đó chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện toàn hảo trên quân hàm mà Năm Tích suốt đời không bao giờ có ý niệm?!!

Tháng 3-1973

* * *

NHỮNG SỢI TÓC BẠC TRÊN THẨM NỈ XANH

Ngồi trước mặt tôi là hai người tóc bạc, một thượng tá và một trung tá của lực lượng vũ trang thuộc Mặt Trận giải phóng, cả hai đều trên tuổi năm mươi, tóc bạc trắng quá nửa đầu, da mặt xám xanh và ánh mắt khác lạ. Người mang cấp bậc thượng tá, Nguyễn Hoàn quê Bến Tre, ngoài nụ cười tươi ít khi sử dụng thường có thái độ tự tin bằng cách ngồi ngửa người nhìn đến người đối thoại, tia nhìn phát từ đôi mắt màu xanh da trời lóng lánh một màn mỏng bóng loáng, đôi mắt có vẻ thâm độc kỳ dị, phản chiếu tính chất hung tàn bệnh hoạn như kẻ bạo dục đứng nhìn nạn nhân quần người dưới tra tấn của hắn. Ở đây, đôi mắt của Thượng Tá Nguyễn Hoàn có một tính chất bạo ngược phát động từ tinh thần đã mất hẳn những rung động tế vi nhân bản, tinh thần lạnh cô đặc của Goering, Rudolf Hess, những người tự tin và tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa, quyết định của tổ chức. Người đã đồng hóa bản thân vào vận động lịch sử, người xóa bỏ mình, hết còn là một nhân vị. Nguyễn Hoàn có đôi mắt của một bộ máy điện tử dùng để đo phản ứng con người. Người thứ hai, Bùi Thiệp mang quân hàm Trung Tá gốc Qui Nhơn, Thiệp có khuôn mặt nặng nề bình thản gồm nhiều nét nhăn ôm thành vòng tròn từ trán xuống miệng, những nét nhăn của một con hổ; khuôn mặt Thiệp là một con hổ phiến não, mệt mỏi. Nhưng con hổ nhọc mệt vẫn còn vẻ hung tợn căn bản; cũng thế, Thiệp như đang lúc tỉnh giấc của con vật vừa xong bữa tiệc máu.

Tôi không vẽ nên quá độ những đường nét của đôi phương, nhưng vì muốn biểu hiện một cách trung thực, phản ánh đúng đắn toàn thể không khí của những cán bộ cộng sản mà tôi đã làm việc, đối diện, nghe và nói cùng họ trong suốt thời gian dài, nên dùng nhiều hình ảnh, ẩn dụ để sáng tỏ hình tượng biểu hiệu của hai nhân dáng, hai cá tánh. Nguyễn Hoàn, Bùi Thiệp, cũng có thể rằng đây chỉ là bí danh, nhưng chắc rằng cả hai thuộc vào lớp cán bộ mùa thu, những cán bộ xuất phát từ 1946, có thể đã vào đảng và có đảng tịch từ những năm trước 1945-46... Cả hai đều được định quân hàm vào năm 1956, sau đợt chỉnh bị toàn quân tại Hà Nội. Họ là những cán bộ tập kết ra Bắc năm 1954 để sửa soạn trở về Nam theo những điều khoản của Hiệp Định Genève năm 54. Nhưng dù không trở về Nam đúng trong năm 1956, họ cũng là những cán bộ của Mặt Trận vào những ngày đầu tiên thành lập. Trước khi về Sài Gòn, Thiệp và Hoàn đã có những tháng năm dài công tác tại hòa hội Ba Lê. Tóm lại, đây là loại cán bộ cốt cán của Mặt Trận với quá trình đấu tranh dằng dặt đầy ứ những kết quả, đúng tiêu chuẩn do Đảng "đề xuất"...

Quá trình tranh đấu liên tục còn được phản ánh cụ thể ở thái độ nghiêm túc, hạn chế, ở phương tức lý luận theo sát ba nhịp của tam đoạn luận, đi đủ chu kỳ cần thiết của một nhịp duy vật biện chứng. Những lý luận phát khởi từ chuẩn bị kỹ càng được ôn tập, phê bình và xếp đặt theo tiến trình của đề tài thảo luận bằng một phương pháp giản dị dễ ghi nhận và sử dụng. Để bác bỏ lời tố cáo của Việt Nam Cộng Hòa về sự kiện tù quân sự và dân sự còn bị giam giữ ở khắp lãnh thổ Đông Dương với những bằng cứ xác đáng như lời nhắn tin của những người tù trên các đài phát thanh Hà Nội, đài Giải Phóng, hình ảnh, thơ từ gửi về Nam theo những người bạn tù đã được trao trả. Những sự kiện chắc chắn, cụ thể tưởng rằng khó để từ chối được, nhưng Hoàn và Thiệp (hay tất cả ủy viên trưởng ban, phó trưởng

ban hay Hoàng Anh Tuấn, Sĩ, Giang của cấp trường phái đoàn) đều dung dị né lách vấn đề theo đúng điều đã học tập. Trước tiên, họ xử dụng lời bác bỏ vì tính cách "bịa đặt, dựng đứng" sự kiện do VNCH bày vẽ nên, tiếp theo họ trình bày những tài liệu cung cấp từ báo Đối Diện, cuốn bạch thư của Hồ Ngọc Nhuận, kháng thư của các hiệp hội, đoàn thể quốc tế đòi đấu tranh và cải thiện đời sống lao tù ở VNCH... Cuối cùng lời kết luận, căn cứ vào tài liệu vừa được trình bày (luôn nhấn mạnh sự chính xác của tài liệu bởi tính chất: Tài liệu phát xuất từ những giới chức, đoàn thể thuộc VNCH hay khối tự do) để đưa ra lời tố cáo: "Chính VNCH đã, đang còn giam giữ hằng trăm ngàn người với chế độ ngược đãi tàn nhẫn nên Chính phủ lâm thời giành lại quyền phản kháng để tố cáo VNCH trước quốc tế và quốc nội đã vi phạm các điều khoản của hiệp định, nghị định thư về trao trả tù quân dân sự!!!" Những luận điệu móc nối khít khao được trình bày bằng giọng nói khuôn thước vừa đủ cường độ gây nên ấn tượng quyết tâm nhưng cũng không ra khỏi tính chất hòa hoãn của tinh thần hòa giải dân tộc. Không những chỉ cùng nhau xử dụng chung một phương thức lý luận, những cán bộ cộng sản luôn luôn dùng một số từ ngữ, cách ngắt câu, chấm dứt vấn đề theo đúng tiêu chuẩn, chỉ thị đã được phổ biến học tập và huấn luyện. Những sự kiện trên thoát đầu gây trong lòng tôi nể nang vì thấy cán bộ đối phương đã chuẩn bị kỹ càng vấn đề thảo luận và thực hiện mục tiêu tranh luận theo phương pháp thuần nhất. Nhưng vào thời gian của tháng thứ sáu, thứ bảy, sau khi đã nhiều lần nghe những động từ "đề xuất, triển khai, lên khung vấn đề, kết tập phương án..." những thành ngữ "tinh thần hoà hợp và hoà giải dân tộc, chấp hành nghiêm chỉnh tinh thần và lời văn của hiệp định ngưng bắn, đấu tranh cho hoà bình tự do..." trong tất cả mọi đề tài, phương thể thảo luận, tôi đâm ra hoài nghi với ý nghĩ: Tất cả ưu điểm của Cộng sản chỉ thế này sao? À Chỉ là diễn dịch vấn đề bằng một số luận cứ sơ đẳng giản dị, với những từ ngữ quen thuộc đã được tập dượt để áp dụng cho tất cả mọi lớp cán bộ trong bất cứ mọi trường hợp; một hệ thống lý thuyết chỉ đạo gồm toàn những từ ngữ, luận lý thô thiển được áp dụng đồng loạt phổ quát từ anh lính gác ở bờ bắc sông Thạch Hãn đến gã thiếu tướng ngồi ở bàn hội nghị!! Hoài nghi biến dần thành xác định, sự nể nang ban đầu rút lui thành cảm giác nã nê vì nhận thấy. Sự chiến đấu của nhân dân cách mạng yêu nước Việt Nam đã được sự ủng hộ nồng nhiệt của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới... đã là một thành ngữ mòn nhẵn, cũ kỹ từ những ngày kháng chiến trong cộng đồng dân tộc của những năm 1940... Hai mươi, ba mươi năm một sáo ngữ đã mất hẳn tính chất và hiệu lực vẫn được xử dụng trang trọng đồng loạt từ bài báo của tạp chí Học Tập, cơ quan ngôn luận đảng Lao Động đến nghị định của Võ Nguyên Giáp về chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng... Từ ngữ cũng được, "cũng phải được" lập lại nghiêm chỉnh trong bài phóng sự "Về các xã giải phóng..." do một anh văn công viết trong một hóc hẻm của đồi núi Quảng Trị đăng trên báo Giải Phóng (Lại giải phóng... Cũng chỉ cùng quê quán với "giải phóng quân" của 1945, 46, từ thắng Mạ giải phóng của Lý Cẩm Dương...)

Thật lạ, người cộng sản xây dựng lý thuyết trên yếu tính đối kháng, hủy diệt, giải thích lịch sử trên căn bản tái tạo của hủy thể tiến bộ, thế nhưng trên rất nhiều khía cạnh họ lại phô trương tận lực tính chất bảo thủ kiên trì, thái độ duy tâm cùng cực. Ở những năm tháng đầu

tiên khi đảng Lao Động vừa được cải danh, Đại Hội Đảng nhóm dưới một gốc đa, trong hang núi vào những năm 1941, 42, thì số từ ngữ mà đám cán bộ hôm nay, năm 1973 dùng như một thứ đá lót đường căn bản cho lý luận, đã là những chữ nghĩa được phổ biến "học tập"; kể từ thuở ấy, ngôn ngữ của thời kỳ "huấn luyện" thì làm sao theo sát và phù hợp với đời sống thực tế hôm nay. Sự kiện này mở ra thêm hai bước lớn với những ý nghĩ sau: Quả tình người Cộng Sản đã không có tiến bộ tối thiểu trong phạm vi ngôn ngữ, văn chương hay rộng rãi hơn, họ không có được tiến bộ trong toàn thể vận động văn hoá. Chúng ta sẽ quá độ khi đánh giá đôi phương qua một vài từ ngữ sử dụng, những danh từ quê kệch trông trải vô nghĩa được cố công gò ép vào những ý nghĩa xúc tích để tạo nên tác động tuyên truyền cho đám đông. Nhưng có sự thật phải được chấp nhận: Mỗi thời đại, mỗi giai đoạn xã hội có một ngôn ngữ riêng biệt, đồng thời ngôn ngữ đó cũng mang tính chất tiến bộ theo nhịp độ của xã hội khai sinh nó. Không thể phủ nhận sự biến hoá kỳ ảo của ngôn ngữ Việt Nam khi so sánh cú pháp, từ, ngữ, văn phong của hôm nay với mười, hai, ba mươi năm trước... Điều này chắc chắn và xác thật như chiều hướng tiến hóa của văn hoá nhân loại, tiến theo chiều cao lẫn chiều rộng, trong đó những khuyết điểm, trở ngại trước sau sẽ dần bị đào thải vì tính chất chậm chạp ứ đọng của nó. Thế nên, thật lỗi bịch khi dùng những chữ nghĩa đã ối động, mất hết giá trị đích thực ở nội dung lẫn sức mạnh phô diễn bề mặt, những từ ngữ "chết" được cấu tạo bởi một nhu cầu chính trị giai đoạn chứ không do khát vọng văn hoá của con người. Như trong năm 1973 mà lập lại những "tình hữu nghị Việt, Trung, Xô, nước anh em Liên Xô vĩ đại, các nước anh em yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới..." Làm gì có được "nước anh em" của thời đại tráo trở và tan vỡ này, làm gì có được hình tượng Liên Xô vĩ đại khi bằng những kẻ hờ của Hiệp ước Varsovie Nga đã xua quân vào Ba Lan, Tiệp Khắc và chắc chắn rằng Liên Xô vĩ đại đã hoàn toàn tan biến khi Âu Châu khai hội Helsinki với sự tham dự bắt buộc của Mỹ và Gia Nã Đại, những nước xa Âu Châu một đại dương mà Nga không phản đối được. Cũng không thể lấp liếm để bảo rằng đó chỉ là những ngôn ngữ tuyên truyền bình dân xuất hiện trên báo Học Tập, trên tạp chí Việt Nam để phổ biến giáo dục tới từng anh em xạ thủ cao xạ, "tên lửa" mang quân hàm binh nhất, hạ sĩ, vì đây cũng là ngôn ngữ của di chúc Hồ Chí Minh, của Võ Đại Tướng, của Đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn, của Trung Tướng Trà, Đại Tá Sĩ, ngôn ngữ cơ sở "khung" của cộng sản Việt Nam trên bước đường thực hiện cách mạng vô sản! Sự kiện chữ viết thật ra chỉ phản ánh khía cạnh của tinh thần, vì không thể có tinh thần tiến bộ nào đang tâm sử dụng một số ngôn ngữ cũ kỹ từ ba mươi, bốn mươi năm trước, không thể dùng xe hơi những năm đầu tiên lập nghiệp của ông Ford để dự cuộc đua hai mươi lăm giờ với những chiếc xe có sức mạnh như một phi cơ phản lực, không thể dùng luận lý của Trương Tửu ở những năm 1930, 40 để giải thích sự đột biến trong lòng những nhân vật tiểu thuyết rã rời của thập niên 1960, 1970. Và giai cấp công nông chắc hẳn không thể phát động đấu tranh được trong xã hội mà nạn nhân chính chỉ là người trí thức bị đe dọa từ vật chất đến tinh thần. Chế độ Sô Viết của năm 73 bị tai tiếng, đe dọa không phải vì thành công vượt bậc của Skylab Hoa Kỳ sau năm mươi chín ngày thành công hoàn hảo trong không gian, không phải vì mấy lộ quân Trung Quốc dàn dọc theo sông Issouri, cũng không vì các công trường Tây Bá Lợi Á nổi loạn, nhưng chỉ bị lung lay, ngột ngạt vì lá thư vài trăm chữ của

người viết văn Solzhenitsyn. Thế nên, trong thực trạng này, mô thức xã hội tinh thần với giai cấp công nông vô sản có một vẻ cường ép thô bạo mà lịch sử đã và đang dần chứng minh không thể nào thực hiện được. Nhưng cuối bản chúc thư, Hồ Chí Minh, bộ óc siêu đẳng của cộng sản Việt Nam vẫn hạ bút: Sau khi chết đi, tôi sẽ được gặp các cụ Karl Marx, cụ Lenin... Ông Karl Marx, ông Lenin những khuôn mặt lớn của triết học Đức, lịch sử cục bộ nước Nga, người đã có công giải thích và thay đổi khối cộng sản trong một khoảng thời gian hạn chế, hiện nay đang được xác định lại giá trị chính quê hương của họ. Vậy, ở Việt Nam, nơi cách mạng vô sản nửa vòng thế giới, sau khoảng thời gian dài hơn nửa thế kỷ, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tin vào lẽ tất thắng của một chủ thuyết rất hạn chế địa bàn thành công cũng như thời gian phát triển, thật sự đã là một lần vô cùng nghiêm trọng... Thế nhưng người cộng sản Việt Nam vẫn không chịu hiểu cùng phân soi sáng của lịch sử...

"Các cô chú khi đi công tác hãy đổ máu cho thật nhiều, biến ruộng vườn thành chiến trường, cày cuốc thành vũ khí, nông dân là chiến sĩ..." Ông Hồ Chí Minh đã thốt ra lời vàng ngọc chỉ đạo cho đám cán bộ trước khi lên đường như thế. Lời nói không phải là phản ánh của tâm tính bạo ngược, tôi không tin như thế, vì lòng của một người già đã qua số tuổi sáu mươi không thể nào còn tính hăng để có nhu cầu bạo ngược nhìn máu chảy... Nhưng lời nói đó phản ánh niềm tin tất thắng của kẻ tin tưởng tuyệt đối vào hành động; lòng tin đã theo đúng đường vận chuyển của lịch sử, không phải chỉ riêng dân tộc mà còn cả nhân loại. Vì Hồ Chủ Tịch đã tin như thế, toàn thể ủy viên của Ủy ban Chấp hành Trung ương đảng Lao Động đã tin như thế, Ủy viên Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng đi theo đà mê mải nồng nhiệt thắm đỏ này nên đã có hiện tượng giết người tinh táo ở Huế trong Tết Mậu Thân, nên từ năm 1964, 65 ủy ban hành chánh xã vùng Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt đã thành hình với đồng chí chủ tịch xã Nguyễn văn Hằng quê Nam Định được cải tên thành Thạch Mét (1) Ở. Niềm tin sắt đá trên cũng làm sáng tỏ phần sâu xa của Sinh Bắc Tử Nam - thể hiện ý niệm chiến lược quyết thắng với toàn cõi Đông Dương rực đỏ. Người cộng sản đã tin chắc chắn như thế nên họ đã bỏ qua sự kiện những trái bom rơi từ pháo đài bay B29 Mỹ xuống nhà ga Đà Nẵng, bến tàu Hải Phòng sau ngày 6-3-1945, nơi những căn cứ có cắm lá cờ mặt trời đỏ của Nhật. Họ đã quên rằng chiến tranh Việt Nam không còn là chiến tranh chống đế quốc và phong kiến, không thể có một chiến tranh giải phóng thuần túy khi thế lực quốc tế đã chọn Việt Nam làm nơi hòa giải. Trái bom Mỹ năm 1945 đã báo hiệu chiến tranh không còn là cuộc thánh chiến giữa hiệp sĩ giải phóng dân tộc cùng tên không lồ thực dân đế quốc; trái bom là điểm nổi đầu tiên của hai ý hệ đối cực đang tìm đường gần nhau qua xương máu Việt Nam. Người cộng sản không thể nào chấp nhận và hiểu được hiện trạng, phải hai mươi tám năm sau đại chiến thứ hai, những thế lực quốc tế mới dần thoát khỏi tình trạng chiến tranh lạnh nằm trên sợi dây thăng bằng với cơn nổ dứt điểm từ chiến tranh Việt Nam (2) Ở. Thế giới đã đứng bình yên trên chiếc trục tàn bạo chôn sâu xuống thân thể đau đớn quê hương ta. Người cộng sản Việt Nam không thể hiểu những sự kiện giản dị này, cũng như khi họ tổng tấn công vào An Lộc, Quảng Trị, Kontum là mở rộng cửa kho bom B52 đã đầy ứ sau thời gian chờ đợi. Một chiếc B52 bị bắn rơi ở Hà Nội

có là bao so với lực lượng khổng lồ gồm 200 B52, 500 phản lực cơ chiến đấu đồng lực đội bom, đánh phá suốt hai mươi bốn giờ trong ngày 5-12-1972 trên nửa mảnh quê hương điêu linh. Cuộc không tập có giá trị tuyệt đối: Chứng tỏ một lực lượng không quân to lớn có thể xử dụng chớp nhoáng từ ngoài khơi biển Thái Bình, từ những hòn đảo bất khả xâm phạm Guam, Midway, Wake để đánh phá bất kỳ những mục tiêu nào trên nội địa Châu Á. Xong, người Mỹ an tâm rút khỏi Việt Nam, Thái Lan sau cuộc "tập dượt" với mục tiêu: miền Bắc Việt Nam. Người Mỹ đã hoàn toàn thành công khi chứng tỏ cùng Nga và Tàu khả năng siêu đẳng của mình, đồng thời trình bày đủ quan niệm tự hạn chế. Hai cường quốc cộng sản cũng an tâm, thúc đẩy Bắc Việt ký Hiệp định. Chiến cuộc Đông Dương coi như dứt điểm, Bắc Việt, Khmer Đỏ uy hiếp Nam Vang, Kompongcham, lính sư đoàn 320 Bắc Việt tấn công trại Lê Minh, công trường 9 bao vây căn cứ Tổng Lê Chân vào tháng thứ mười sáu. Tất cả chỉ là xung đột cục bộ địa phương, một địa phương nhỏ bé chìm đắm giữa bao la của ba đỉnh lớn, Tàu, Nga, Mỹ. Người không tin vào điều này nên nhất định đi nốt bước đường "chiến thắng". Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, khuynh khoáng Lào, Miền dưới bóng dáng âm u của Đảng Cộng Sản Đông Dương. Người cộng sản như con kiến leo lên miệng chén với ảo tưởng rằng đã thoát xa vực thẳm. Ông Hồ Chí Minh nếu có chút anh hồn thiêng liêng chắc hẳn phải đau đớn khi nhìn thấy Kissinger ngồi trên xe từ Gia Lâm tiến về Hà Nội đi qua dãy nhà ga xụp đổ của trận oanh tạc cuối năm 1972. Tưởng như là ngày hôm qua. Ông Hồ chỉ mới chết vào ngày 3-9-1969.

Bên kia chiếc bàn xanh, hai người cán bộ cộng sản tóc bạc lại thêm một lần nữa lập lại một số lý luận quen thuộc (mà tôi đã thuộc lòng sau ba tháng cùng làm việc): "Chấp hành nghiêm chỉnh Hiệp định ghi nhận của quý vị về vấn đề tù VNCH bị bắt ở Nam Lào, chúng tôi cũng đòi quý vị trả vô điều kiện 200.000 tù chính trị... Dẫn chứng là "cuốn sách trắng" của Hồ Ngọc Nhuận, lời tuyên bố của Đại Tướng Dương Văn Minh, bản kháng thư do các dân biểu Trương Gia Kỳ Sanh, Hồ Hữu Tường, kháng thư của Ủy ban cải thiện chế độ lao tù tại miền Nam Việt Nam... Tôi rút tờ ghi chú của phiên họp ngày 20 tháng 4; có tất cả những chi tiết này đã ghi đủ từ ngày ấy. Đợi chờ sự thay đổi nào trong lòng những cán bộ này vì họ đang nói tiếp: Điều 1 Hiệp Định Ba Lê đã bảo đảm quyền dân tộc tự quyết, nước Việt Nam độc lập, thống nhất như Hiệp định Genève 54 đã qui định... Thế nên làm gì có hiện tượng có nước Bắc Việt xâm lăng Nam Việt..." làm sao có thể xử dụng từ xâm lăng cho người trong một nước với nhau! Luận lý và luận lý, tôi nghe bao nhiêu lần, tôi đã thấy bao điều sơ hở vô lý, nhưng đợi chờ gì ở những người này, khi họ vẫn không lay chuyển trước câu trả lời:

" Quý vị hãy trả lời cho chúng tôi: Có hay chẳng hiện tượng giải phóng người một nước ra khỏi cộng đồng dân tộc đó? Có hiện tượng "giải phóng" nào để giải thích trường hợp của 300.000 người đi "giải phóng" trở thành hời chánh viên, người dân các xã "giải phóng" ở Lộc Ninh, Darkto, Gio Linh, Đông Hà cố vượt qua biên giới sống và chết để thoát ra nơi "giải phóng"...

Nhưng luận lý trả lời đã bắt nhãn đến độ cụ thể như thế, thế nên tôi cũng chẳng có hy vọng

thay đổi gì nơi họ. Nơi huấn luyện đã thay thế bản năng, nơi học tập đã thay đổi cho tư duy, nơi chỉ thị đã bao trùm lên mọi lối nhỏ của hệ thần kinh. Đợi chờ gì ở những người hơn ba mươi tuổi đảng này?!! Càng hợp lý hơn khi nhìn lại những sợi tóc bạc trắng, sau ba mươi năm trong tập thể "vô sản cách mạng"; họ đã là ủy viên với quân hàm Trung, Thượng Tá, họ đã là thủ trưởng có quyền hạn của cấp ủy trung ương mặt trận; dứt ra khỏi vùng "đất hứa" này họ sẽ là gì? Họ còn được gì nếu không hiện nguyên hình một cựu giáo viên tiểu học, thứ thầy đồ "raté" bị loại khỏi đời sống đã âm ỉ tiến những bước vượt ngoài ý niệm. Tưởng tượng cảnh Bùi Thiệp trở về làng xưa ở Bình Định với một túi vải kaki mang ở vai, đôi dép râu để vỏ xe hơi dưới chân, nếu không có quân hàm trên vai với chút uy quyền tội nghiệp, Thiệp sẽ còn là gì trước làng xưa tiêu tán, không gia đình, không vợ con, chỉ có chiếc bóng ngã dài trên đất vàng khô le lói chút nắng cuối ngày. Không có quê hương "vô sản cách mạng" với quân hàm trung tá đó Thiệp còn là gì trước sự thật tàn nhẫn như hư không này? Thiệp không còn gì, quả thật vậy. Chỉ còn những sợi tóc trắng chảy mềm trong kẽ tay.

Tháng 4-1973

* * *

ĐI BẮC VỀ NAM

Suốt một tháng nay người cứ căng đầy như quả bóng đến độ chót thể tích, như kẻ nội lực quá thâm hậu mà không phương cách tổng ra ngoài. Từ vị thế người lính tác chiến chuyên nghiệp sau chặng đời dài bỗng được dự phần vào cuộc đấu lạng lẽ quanh chiếc bàn trải thảm xanh, rì rào máy lạnh, tôi bị bao quanh bởi những sự kiện xảy ra ào ào chớp nhoáng. Sự kiện cũng xảy đến chậm rãi, từ tốn, như những phiên họp sau bốn giờ có thể kết luận một câu: Phiên họp sẽ tái tiếp tục để chờ chỉ thị mới... Trận chiến diễn ra trong căn phòng kín cửa, trải dài từ trại giam Phú Quốc qua Lộc Ninh, Minh Thạnh, Hoài Ân, Tam Quan kéo dài đến bờ bắc Thạch Hãn...

Phải viết. Tôi đắm đuối mê man theo nỗi ao ước được ngồi xuống trong lặng lẽ với cây viết để khởi đầu giòng chữ cuốn bút ký "Tù Bình và Hòa Bình". Những chi tiết được xếp đặt dần dần thành hệ thống trên những chuyến bay UH1, lúc ngày mới bắt đầu hay trong lúc chiếc trực thăng bốc khỏi phi đạo Lộc Ninh khi trời vừa tắt nắng. Tiết mục, dàn bài, hình ảnh tài liệu chất cứng bện rộn hoài hoài trong trí não, chỉ đợi chờ được cầm cây viết. Nhưng không thể được, tất cả đang diễn tiến, lý do kỹ thuật của công tác, đồng thời ý thức độc lập và sáng suốt cho người cầm bút không thể có được trong thế hỏa mù sôi động này. Tôi chờ đợi ngày thứ sáu mươi, chín mươi hay một ngày nào gần đây.

Nhưng hôm nay phải cầm đến cây viết. Chuyến đi Hà Nội như ánh sáng chói lòa rơi thật rõ vào hệ thống ấn tượng dậy nên từ thơ ấu kéo dài theo đời người. Những ấn tượng về một quê hương xưa cũ, nơi lịch sử đã diễn thật dài theo thăng trầm của dân tộc. Hà Nội, đất

thánh của tâm linh xao xuyên, gây nên giòng rung động lắng mạn tuyệt vời cho bao nhiêu người làm văn nghệ. Hà Nội, địa danh Việt Nam mà những người lớn và sống dưới vĩ tuyến 17 nghĩ đến như một chốn mơ hồ chỉ có trong trí tưởng.

Thế nhưng tôi đã đến được. Người của miền Nam Việt Nam, lớp tuổi trẻ khôn lớn từ miền Nam đã đến kinh đô cũ miền Bắc. Đến và trở về với tâm trạng nào nề bản khoản thật kỳ lạ. Nỗi xao xuyên không tên, nỗi ray rứt trầm trầm cùng với sự choáng váng dật dờ. Phải ghi lại cảm xúc này... Tôi cảm viết. Viết để tặng quê hương bí nhiệm tan vỡ đó, viết cũng để riêng tặng miền Nam, vùng đất rực rỡ đã nuôi dưỡng tuổi trẻ chúng tôi mà chưa một lần được xưng tụng, miền Nam nơi ân nghĩa chưa được đền đáp và cũng không hề đòi hỏi lời tạ ơn. Tôi cảm thấy có một tội mơ hồ khi máy bay trong chiều tối bỏ mặt biển ép dần vào tay trái. Phía Tây, nơi mặt trời rực rỡ, dải đất đen vùng Long Khánh gập bùng ánh lửa rừng. Đất miền Nam.

Cũng cần nói thêm một điều: Bài viết chỉ là phản ứng cấp thời của tuổi trẻ miền Nam sau chuyến đi, lứa tuổi trẻ có rất nhiều tự do và trung trực, không phải là "công tác" của một thành viên thuộc ban Liên Hợp quân sự kiêm thêm nhiệm vụ "tuyên truyền". Lời phân trần có vẻ khôi hài đối với dân miền Nam nhưng rất cần thiết đối với người miền Bắc.

Những người đã đọc và "triển khai khẩn trương" tôi đa bài viết của Dương Phục và Phạm Huân với nhiều phê phán khắc khe sai lạc, những người luôn chủ trương "công tác tốt..." cho toàn thể mọi hành vi, lời nói.

Liếc nhìn về phía đất liền, mồm Hải Vân ghi nét đậm trên đường chân trời xám đục. Với tốc độ của máy bay như thế này chỉ mười lăm phút nữa tôi vào không phận miền Bắc. Năm 1967, khi dẫn quân lên đến vùng phi quân sự, suốt một đêm dài tôi đã thao thức không ngủ, đợi ngày đến để được nhìn về phương Bắc... Và trong ánh nắng vàng của ngày xưa đó, tôi đã thấy con chấn động mãnh liệt khi nhìn bờ cát cong cong chạy từ cửa Tùng lên mãi vào xa xăm, vùng Vĩnh Linh, Đồng Hới. Xúc động của ngày xưa ấy được nâng niu ấp ủ mãi qua một thời gian dài. Đó là tình cảm để kết hợp lại quê hương... Tôi đã viết rất thành thật như thế trong cuốn sách đầu tay. Thế nhưng, hôm nay, trên không phận miền Bắc, qua khung cửa tròn từ phi cơ nhìn giải cát trắng chạy dài từ Quảng Trị ra Quảng Bình, lòng bình thản thật kỳ lạ. Đã có thay đổi nào trong hồn chăng? Tôi lạ với chính mình. Đang ở trên không phận miền Bắc của quê hương mà sao không có cơn xúc động trong lòng, đang vượt cửa Tùng, đang bay trên Đồng Hới mà sao lòng vẫn tịch nhiên lặng lẽ? Thật lạ, suốt đêm hôm qua đây người vẫn tưởng chừng như vỡ ra vì xúc động được đi Bắc. Giờ này, đất Bắc đây, sao xúc động hôm qua đã biến mất... Tại sao? Suốt tuổi ấu thơ, ngay bây giờ và chắc cũng là mãi mãi cho đến ngày cuối đời, tôi chỉ có một mong ước lớn trong lòng. Đi hết cùng xứ sở, đi tận thước đất chót của quê hương. Đất đai cảnh vật xứ người không gọi trong tôi hứng khởi, không gây niềm cảm kích. Tưởng tượng khi đứng dưới chân tháp Eiffel chắc tôi chỉ có cảm giác vui vui vì trí tò mò được thoả, được biết một cảnh vật, một đồ vật nổi tiếng. Thế thôi, nhưng khi ở trên cao độ hai trăm thước nhìn xuống sông Cái

Lớn chảy ra biển ở cửa Rạch Giá. Đây đây, tôi không phải chỉ biết chỉ thấy mà tôi sống cùng... Tôi mê đắm, ngất ngất trong cảm xúc cao độ như chiêm nghiệm được vẻ đẹp tối thượng, chứng kiến được một nhiệm màu... Trên sông Cái Lớn, tôi được sống lại cảnh tượng của tiền nhân khi tay dao, tay gậy, chống con đò mong manh vượt qua sông Tiền, sông Hậu, đến đây nhìn U-Minh trầm trầm, nhìn đại dương mịt mùng và con sông mênh mông đầm đìa sức sống đang lồng lộng chảy vào nội địa... Nơi đất và nước không ranh giới lớp lớp phù sa tràn ra biển, dải rừng được bạt ngàn với vẻ hoang sơ tối cổ... Không phải chỉ thấy cửa Rạch Giá, mà tôi sống lại cùng toàn thể lịch sử với nổi bồn chồn thao thức của tiền nhân trong đêm thức dậy bên bờ sông âm âm con nước dâng triều nở lách tách giữa hai hàng lau sậy. Trên cao độ hai trăm thước qua khung cửa kính trực thăng tôi không chỉ thấy biển trở màu thành vàng nghệ vì phù sa nhưng còn nghe được tiếng trống trận uy hùng của người xưa Nguyễn Huệ đuổi quân Xiêm qua ngọn sóng bạc đầu, ánh cờ đào phản phật lộng gió trên mặt nước lộng phù sa. Thế nên thật lạ với cảm giác bình yên khi qua sông Mã, khi qua Ninh Bình, khi bay trên đất Bắc... Có gì đã thay đổi với hôm qua. Tại sao??

Máy bay lượn trên những đồng ruộng ngập nước, bờ đê, cây liễu và mây mù, cảnh vật đồng quê miền Bắc, mang vẻ lặng lẽ kém sinh động khác ruộng đồng miền Nam, thiếu hình ảnh lũy tre, thực vật căn bản của dân tộc. Bình thản vẫn bằng bật trong lòng. Lạ thật... Máy bay xuống dần.

Tôi xòe tay hứng những hạt mưa nhỏ, mưa phùn mùa Xuân miền Bắc là đây, hạt mưa quá nhỏ phải một khoảng lâu mới đủ thấm ướt bàn tay. Một đám đông đứng đợi ở phi trường với áo mưa màu ô liu hoặc nâu lạng lẽ nhìn chúng tôi tiến đến. Tôi bước tiếp theo Trung Tá Tuấn Anh, viên sĩ quan Bắc Việt có nhiệm vụ hướng dẫn phái đoàn Liên Hợp. Thoáng lo âu nghĩ rằng nhờ đám đông kia ào tới đánh hội đồng để trả đũa vụ lính Bắc Việt bị dân chúng đả thương ở Huế thì sao? Yếu tố cụ thể cho ý nghĩ này là những viên sĩ quan Bắc Việt bị thương cùng đi chung chuyến bay vừa được đưa vào phi cảng. Kệ nó, bao nhiêu năm lính chết chưa ngán hưởng gì đám người kia, đã vào Lộc Ninh, Minh Thạnh cũng chỉ có mỗi mình, hơn nữa người cộng sản đâu có nổi hứng bắt tử, cái gì cũng có học tập, kiểm thảo, đả thông, đây lại là giai đoạn hòa hợp, hòa giải... Sức mấy nổi hứng đánh ầu được...

Kiểm soát lại tất cả phản ứng và cảm xúc, thấy một điều. Tôi thần nhiên đến độ lạ lùng. Vì chỉ vài năm xa cách Huế, khi trở lại nhìn từ độ cao, đầm Cầu Hai bủa sóng, lòng đã dậy nồn nao, hướng hồ khi trong ánh nắng chiều bay dọc phá Tam Giang, trên làn hơi khói sóng, trên những con sông xanh thăm thẳm lững lờ lá tre già vùng Dường Nong, Niêm Phò. Lòng lúc ấy là cơn phong ba yên lặng vì nhìn thấy quê hương điêu linh lạng lẽ đến uy nghi. Cũng cảm giác náo động đó khi từ đồn điền Xa Cam nhìn vào An Lộc đang nằm trong hơi khói pháo binh. Thế tại sao Hà Nội đang kia, Hà Nội ở đây, rõ rệt như mưa làm mát mặt, đọng trên mi, phủ trên áo, Hà Nội mùa xuân mưa bụi là đây sao lòng cứ vẫn lặng lẽ... Lạ lùng không giải thích. Không lạ lùng sao được, bởi tối hôm qua, ngày hôm kia những ngày được biết chuyển đi chắc chắn được thực hiện không thể bị phục kích tại phút chót như hai

chuyến đi ngày 12, 18-2, tôi đã nôn nao quay quắt, đã đứng ngồi không yên, đã hực hơi nín thở, khi nghĩ đến giờ qua, phút tới để được sát thêm, gần thêm Hà Nội, chốn mơ hồ chỉ có trong trí tưởng...

Chùa Trấn Quốc ở đây nhá... Trấn Quốc chùa xưa(?) đã dãi dầu. Chạnh lòng cố quốc... đây mà. Anh chàng Đăng Giao vừa vẽ bản đồ vừa ghi rõ từng vị trí đặc biệt của Hà Nội. Đây là phủ Toàn Quyền, đây chợ Hôm... Chỗ ngã tư này là khách sạn Hoà Bình mà thằng Phục nói, đằng sau kia có vườn hoa con Cóc... Nhớ nhé, nhớ liếc cái số nhà 102 hộ tao, nhà này tôi ở cho đến ngày di cư, tôi còn bà di ở đó, ông liếc vào xem coi có người nào không, chắc chắn gì ông cũng được đi qua đường đó, bà di tôi và mẹ tôi giống nhau như hệt, nếu thấy được, ông biết ngay là di tôi liền!!! Tôi lăm lăm từng đồng địa chỉ, 102, 115, ở phố X.35, 19 ở phố Y, gần chục địa chỉ với những cảm xúc nồng nhiệt đã được trao cho tôi bằng lời dặn dò như kèm theo tiếng khóc bị nén.

Tôi đã sống hai ngày trong lửa cháy trước khi bước chân đến Hà Nội. Thế nhưng sao hôm nay, ngày biến cố, ngày mong đợi, ngày được sờ trên tay hơi ẩm ướt của cái mát phơn phớt giọt mưa bụi đầu xuân Hà Nội, kinh đô văn hoá dân tộc, trung tâm điểm của lối sống phong cách hào hoa không làm tôi xúc động. Nỗi nôn nao của ngày hôm qua, đêm vừa rồi đã biến mất, biến hẳn, nhường lại cho tâm tư lặng lẽ cứng cõi. Ngồi xuống chiếc ghế, nâng ly bia không đá, nhớ lại tất cả những lời của Phạm Huân và Dương Phục, tôi sửa soạn lâm chiến với bước đầu chiến dịch nụ cười. Những suy tính phẳng phất nét tàn nhẫn hiện rõ trong lòng. Tôi chợt hiểu... Thái độ lặng lẽ bình thản có suy tính này chỉ là một cách thủ thế, phương pháp tự bảo vệ. Hơn tháng qua tôi đã qua bao nhiêu lần bị tấn công, tấn công có kèm nụ cười, tấn công chớp nhoáng sau cái bắt tay nồng nhiệt, tấn công bất thành lình trong những câu chuyện trên trời dưới biển đột nhiên tát vào mặt như bị ném một nắm kim tằm thuốc độc.

Anh người ở đâu? Bố mẹ còn không? Một anh chàng đáng đáp nhả nhận thân mặt hỏi tôi

Vâng tôi người Quảng Bình!!

Ấy, quê hương anh anh hùng lắm đấy nhé, có ông Võ Nguyên Giáp này... nhưng nát bét cả rồi, bầy tấn B52 đấy. Nát bét...

Chương đầu tiên tôi hứng phải được đánh ra một cách lẹ làng như thế. May quá, nói láo là "nghề của chàng" nên tôi phản ứng kịp:

Thật ra tôi người Huế, ở Bãi Dâu nơi mà các anh chôn người hôm Tết Mậu Thân!!! Lần này cũng tương tự như khi vừa cầm ly bia ở bờ bắc sông Thạch Hãn, khi vừa mới hớp ngụm cà phê ở Minh Thạnh, Chơn Thành... Một tháng qua bao nhiêu giờ trong phòng họp, trên máy bay, nơi địa điểm trao trả đã dạy cho tôi một điều: Không thể hớ một chữ, thua một câu, nhường một việc với người cộng sản... Vì tất cả đều có mạch lạc, liên kết chặt chẽ với nhau vào trong một hệ thống.

Toán phục dịch tiếp đón, toán phóng viên nhiếp ảnh đã được phân công, phối hợp và bố trí các câu hỏi, phương thức chụp hình đến độ hoàn hảo, mỗi người có mỗi công việc, có mỗi mục tiêu, một số câu hỏi, một số câu trả lời đã được học thuộc lòng. Tôi không nói quá lời, vì như khi ở Thạch Hãn, Quảng Trị vừa cười cười nói nói với nhau, sau hợp bia thứ nhất, viên thiếu tá chính trị, viên trung đoàn 102 đã "công tác" ngay. Hôm nay chúng ta được ngồi uống bia Trúc Bạch với nhau là do Hiệp Định Ba Lê trong tinh thần hoà giải dân tộc và vì thế chúng ta là người Việt Nam được quyền đi bất cứ chỗ nào!! Ý anh chàng này muốn nói đến điều 1 Hiệp Định (theo quan điểm cộng sản) là nước Việt Nam thống nhất, bất khả phân, nghĩa là Bắc Việt có quyền điều động quân, vật dụng chiến tranh vào giúp nhân dân miền Nam, mà nhân dân miền Nam có đại diện chính thức, duy nhất là Mặt Trận Giải Phóng!! Ở Thạch Hãn đã "khẩn trương công tác" như thế huống gì ở đây, Hà Nội cái "ô" của thủ đoạn, nơi không có tình thương, chỉ có "công tác". Lòng bình thản chỉ là một cách giữ thân.

Xin lỗi đất Bắc, xin lỗi Hà Nội, tôi đã đến cùng với tâm tư quá tinh táo pha chút khắc nghiệt, nhưng biết làm sao khi "đề cao cảnh giác" quả tình phải là một tính chất cốt yếu khi đến cùng người cộng sản.

Mưa bụi bám vào lớp áo nhung của người đàn bà làm mướt lớp tuyết bên ngoài, trông đẹp vô tả. Ông Hoàng Hải Thủy đã "tán" mưa Hà Nội như thế. Sáng hôm nay ở phi trường Gia Lâm không có đàn bà, thiếu nữ mặc áo nhung, chỉ có những người con gái mặc áo cộc, quần đen, mang dép nhựa hướng dẫn đám phóng viên Đông Âu chạy hồi hả trên phi đạo.

Xe qua cầu Long Biên, chiếc cầu bằng sắt, lót gỗ, đường rầy xe hỏa ở giữa, hai bên lối đi bộ nhỏ khoảng một thước rộng. Khung cầu màu đen nặng nề han rỉ, được gắn đầy cờ đỏ của ngày khánh thành sau khi vừa sửa chữa hoàn tất. Cờ được gắn san sát suốt trên hai cây số chiều dài với khẩu hiệu có những chữ từ ngúc ngắc nghe lạ lạ như đội làm cầu... công tác tốt Chiếc xe chạy rì rì phát ra chấn động làm lòng bùng nổ tai. Tôi váng vất khó chịu, nhìn xuống lòng sông cạn đáy mênh mông dần vật trong sương mù... Tôi đang đi qua cầu Long Biên, đang đi trên sông Hồng, địa danh muôn thuở huyền hoặc là đây nhưng sao lòng vẫn nặng trĩu trộm, văng vẳng mặt hắt những cảm xúc ngầy ngất như khi xuống đèo Cả, nhìn lên đỉnh Vọng Phu, tượng đá hiển hiện trên bầu trời làm rợn trên da những gai nhỏ. Con sông lịch sử ở dưới chân tháp thoáng mù sương lẫn khuất cuối chân trời qua cửa kính lấm chấm mưa đối với tôi như là cảnh chết của một giòng nước lặng lẽ thụ động. Ấn tượng con sông hùng vĩ đồ ngàu cuộn dưới chân đê từng đợt sóng bạc và gió thổi mạnh trên làn nước mênh mênh gây nên bởi không khí tiêu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng hoàn toàn khác xa với thực tế và cảm giác bây giờ. Giòng sông cạn đáy tro lớp đất xám đỏ, mặt nước yên lặng không khác Trà Khúc của miền Nam, nhưng kém hẳn cường lực của giòng Cửu Long khi chạy qua Rạch Miễu, Mỹ Thuận, bốc lên thứ khói sương mờ mờ rung rinh qua ánh nắng. Thật ra cũng không phải vậy, ấn tượng rục rĩ về sông Hồng bị công phá không vì lưu lượng nước thấp, nhưng vì khối không khí thụ động bao trùm giòng sông và vẻ nặng nề đe dọa của rừng cờ đỏ máu, hai đối tính gây nên đổ vỡ bất cân xứng. Nhiều cờ quá, nhiều khẩu

hiệu quả nên thiên nhiên vốn thụ động càng bị xóa tan, lấn át. Con sông lịch sử uy nghi trong ấn tượng sáng nay bị lấp dưới rừng cờ cùng khẩu hiệu tăng năng xuất lao động.

Xe chạy chậm, quá chậm, tai bị ù hểnh, không khí trong lòng xe khô rốc, người tài xế ần cỏi liên tiếp. Trước đầu xe, hai ba người dân đang đẩy chiếc xe hai bánh lỏng chổng vật dụng loay quay tìm lối tránh, bên cạnh chiếc xe này người lính chở đứa bé gái trên chiếc xe đạp đang lúng túng dừng lại vì bị ép giữa hai khối lớn. Người lính dừng lại, bế đứa gái lên bờ lề của người đi bộ, xong hối hả nâng chiếc xe lên theo. Sau khi đứng yên được ở vị thế chắc chắn, người lính và đứa bé nhìn lên chiếc xe chở chúng tôi. Đó là một người đàn ông đã quá bốn mươi tuổi, khuôn mặt gầy, lưỡng quyền cùng đôi mắt nổi lên quá độ, khuôn mặt đặc biệt của dân quê miền Bắc với răng cửa hơi hô ra, má hóp, đôi mắt võ vàng chịu đựng. Người đàn ông dù với bộ đồ ka-ki và cái nón cối có vẻ trái ngược với hình ảnh điển hình của người chiến sĩ nhân dân, thành phần tiên phong xây dựng chủ nghĩa xã hội thể hiện qua dây biểu ngữ mang danh từ sắt đá. Vẫn biết người cộng sản đã hình thành được một quân đội nhân dân trong tập hợp xã hội, người lính chỉ là một cán bộ như cán bộ nhà máy điện, cán bộ hợp tác xã rau, cán bộ làm cầu... Người lính chỉ được phân biệt qua đồng phục. Nhưng với ý niệm của một người miền Nam, tôi nghĩ, người lính miền Bắc dù đã đồng hóa vào cùng xã hội nhưng họ vẫn là biểu tượng cụ thể chính yếu cho chế độ, rõ ràng hơn là chế độ đang nuôi dưỡng và dành các quyền ưu đãi vật chất to lớn cho họ, thành phần trực tiếp gánh vác chiến tranh, họ phải là biểu tượng lớn cho ngưỡng mộ của toàn dân. Nên ở đây, những tiếng còi thúc dục của người tài xế, đôi mắt võ vàng chịu đựng trên khuôn mặt lo âu thống khổ của người lính giữa một vùng sương mù bốc lên từ khói sông lẫn cùng làn mưa bụi gây trong tôi một xúc cảm ngậm ngùi... Nhớ đến những người lính địa phương quân ở Long An buổi chiều sau cuộc hành quân tuần tiểu, ngồi câu cá ở chân cầu với vẻ bình yên khoáng đạt; hình ảnh người lính nhân dân của miền Nam tuy chưa được hình tượng hóa, nhưng người lính địa phương quân đó đã thành hình và vững mạnh dần cùng với miền Nam bằng tất cả sung mãn tinh thần và vật chất.

Tôi đi qua sông Hồng trong bầu trời mưa giăng bụi nhưng lòng trống vắng cảm xúc ngây ngất, chỉ thấy tràn đầy phần nộ im lặng. Đứa bé con người lính đội một chiếc nón cối bằng lá gồi, loại nón của những năm 1950, trong vùng Nam, Ngãi, Bình, Phú... Hôm nay ngày đầu xuân, trời còn lạnh nhưng người dân không ai mặc áo ấm, dù là đứa trẻ. Tưởng tượng cảnh đoàn người lầm lũi đi trên chiếc cầu này trong mùa đông khi mưa lớn nước dâng cao và gió bão... Với cảm giác bị canh chừng từ khi xuống phi trường lại vậy cứng thêm không khí u uất trên cầu Long Biên gây nên bởi rừng cờ rực đỏ, tôi đi vào Hà Nội, trái tim vẫn hóa Việt Nam, quê hương lãng mạng và mơ mộng với cảm xúc mới thành hình. Sự náo nê tăng dần cường độ. Náo nê, tôi tựa vào tường từ này để gọi tên trạng thái tinh thần, mà ảnh hưởng còn đến hôm nay khi cầm cây bút, năm ngày sau khi rời Hà Nội, lúc liếc nhìn lại tấm ảnh, lúc bung bát cơm. Tâm tư không yên ổn của buổi sáng mai kia còn nguyên hiển hiện.

Não nề, không thể còn một tỉnh từ nào gọi nên đủ cường độ và tính chất hơn thế nữa. Xe đi hết cầu Long Biên đổ xuống một con dốc, leo lên một con dốc khác, ga hàng Đậu hay hàng Cỏ, tôi cũng chẳng cần để ý. Tờ bản đồ của Đảng Giao trong túi, chỉ cần kéo ra là đủ theo dõi, nhưng tôi mệt, mệt thật sự. Những rộn rã nao nức tối hôm qua, ngày hôm kia, tháng trước mắt hắt, nhường chỗ cho cảm giác mệt. Mệt và muốn trở về Nam. Phải, tôi muốn trở về Nam ngay ở nơi ngã ba có mũi tên chỉ hai hướng Hà Nội - Hà Bắc (chắc là Hà Đông, Bắc Ninh) cách trung tâm Hà Nội bốn cây số. Cách trung tâm Hà Nội bốn cây số, người đàn bà trong lúc mưa nặng hạt chỉ phong phanh một mảnh vải nhựa che thân, chân trần dẫn xe đạp đi lên con đường dốc ngược. Trên nóc nhà ga treo một khẩu hiệu lớn "Đời đời nhớ ơn Hồ Chủ Tịch"... Nhớ ơn Hồ Chủ Tịch; Kissinger cùng Lê Đức Thọ có đi ngang qua chôn này trong cuộc viếng thăm tháng trước chăng? Ông Hồ Chí Minh đã được nhớ ơn vì người Mỹ chỉ "giới hạn" đánh bom từ Gia Lâm đến Long Biên, được nhớ ơn vì người đàn bà miền Bắc được đi xe đạp "trang bị" thêm mảnh ni-lông che mưa gió sau hai mươi năm chiến thắng Điện Biên xây dựng Xã hội chủ nghĩa. Người đàn bà trên đường vào Hà Nội, cách thủ đô bốn cây số đường trải nhựa từ thời thuộc địa. Chiếc xe Prefect hướng dẫn đoàn xe chúng tôi bị hỏng, sẵn dịp tôi chụp bức hình "quán nước" Hà Nội gồm một chiếc bàn gỗ tạp, cao khoảng ba tấc chung quanh có những chiếc đòn nhỏ sát mặt đất, trên bàn vài gói giấy trắng chắc hẳn là thuốc lá hay thuốc lá lè, ấm nước lớn để giữa bàn. Bên cạnh "quán nước" là tiệm hớt tóc, dưới mái hiên dột nát một thiếu nữ đang hớt tóc cho em nhỏ. Tôi tưởng chừng như cảnh không thật, bây giờ là năm 1973, năm người Mỹ chấm dứt chương trình Apollo, các bà Gandhi, Golda Meir cầm quyền quốc gia không thua kém một đồng nghiệp phái nam trên toàn thế giới, rõ rệt hơn "ngoại trưởng" Nguyễn Thị Bình ở Paris mỗi ngày mỗi gây chú ý bởi tác phong cách mạng vô sản rất "văn minh" không loạt choạc với trào lưu của kinh đô ánh sáng. Nhưng ở tại cây số bốn trên đường đến Hà Nội, người thiếu nữ của miền Bắc, biểu tượng của ba đảm đang, ba sẵn sàng, có dáng dấp, y phục của những nữ cán bộ vùng Bình Định, Quảng Ngãi ở giai đoạn trước 1954... Dáng dấp thanh lịch đài các của thiếu nữ Hà Nội bị mất hẳn, bị xóa sạch để cầm chiếc tông-đơ đè xuống đầu em nhỏ ngồi trên chiếc ghế gỗ cũ, cũ bằng hoặc hơn thời gian chủ nghĩa xã hội thành hình ở miền Bắc. Phải chăng đây là đường hướng tiến bộ từ tâm thức Hồ Chủ Tịch và ông đã được nhớ ơn bởi thành quả đó?

Xe tiếp tục chạy qua cửa Bắc nơi Hoàng Diệu tự vận để giữ tròn tiết tháo, một tấm bảng đặt dưới chân cổng thành ghi hàng chữ " Nơi đây dấu vết quả đạn đại bác của quân Pháp "... Tôi đọc không kịp nên cũng không biết có đúng nội dung trên không, nhưng đại ý là như vậy. Hàng chữ nhắc người Việt Nam luôn nhớ đến mối thù với người Pháp để luôn giữ độc lập tinh thần. Hội nghị Ba Lê mà người cộng sản coi là một thắng lợi lịch sử đang tiếp tục những phiên họp ủy ban bàn việc viện trợ cho miền Bắc và âm hưởng Trung Hoa hình như bao trùm lên tất cả tiết tấu những bài hát tôi đã nghe ở bờ Thạch Hãn tuần rồi chập chờn vang dội đầu đây. Đã tan vỡ rồi Hà Nội... Tôi nghe như tiếng nói chính mình vì viên sĩ quan đi cùng, Đại Úy Tuyền cứ lẩm bẩm: Chẳng có gì thay đổi... Y hệt như hôm qua, tất cả như tranh cũ, như ý niệm. Cũng những ngôi nhà khang trang của phố cửa Bắc,

hàng cây xanh, lề đường im bóng mát và sương mờ giăng cuối phố trong tàng cây. Buổi sáng mùa xuân có đủ tất cả yên tĩnh thơ mộng và Hà Nội không mất một gốc cây, không vỡ một viên gạch lề đường; nơi mà Thanh Tâm Tuyền đã di chân qua trước giờ rời Hà Nội hai mươi năm trước chắc giờ này vẫn còn nguyên, nhưng sao thành phố lại gây thê thảm nào nề đến thế này. Thành phố đông người sao thấy quá vắng, phải chăng vì người mật đông phục nhiều quá, màu xanh ô-liu lẫn át hẳn màu trắng xám và xanh nhạt. Màu ô-liu, màu của lính, của tập thể, màu của biểu tình, hội họp, màu của đồng nhất im lặng và kỷ luật lạnh lẽo. Tan vỡ rồi, Hà Nội... Trên lề đường không vang dội tiếng guốc vì đế dép plastic lướt đi vội vã, xe điện qua không nghe hồi còi leng keng rộn rã như trong văn chương của Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Đình Toàn... Phải chăng xe chạy đúng giờ, người dân quá kỷ luật nên tiếng xe reo vui, đặc thù của Hà Nội không còn cần thiết? Hay chuông reo cũng giảm mất một phần năng xuất điện? Tôi đi giữa lòng Hà Nội mưa bay không thấy phố phường, không thấy người, chỉ thấy thê thiết nào nề đồn lên hơi thở. Trần Dần năm xưa thất vọng vì màu cờ đỏ quá mạnh lấn át hẳn cảnh sắc Hà Nội, tôi hôm nay đi trong lòng Hà Nội với đe dọa trùng điệp, cảnh giác thường xuyên và trong không khí đồng nhất quái dị... Hà Nội thiêng liêng bí nhiệm vẫn còn nguyên hè xưa phố cũ nhưng đã tan vỡ đến đáy sừng sờ... Phải chăng đây là Hà Nội? Câu hỏi vang vọng tốt độ đón đau...

Hỏa lò, tòa nhà xám xây bằng đá, phòng họp nước trà đặc và thuốc lá khô... Giọng viên đại úy chỉ huy trưởng trại vang vang hách dịch, giọng Quảng Nam chắc nịch gằn từng tiếng một. Viên thiếu úy thông dịch cao lớn, đôi mắt dữ dội cay nghiệt, không khí trại giam đầy đủ và toàn hảo. Lại thêm màn bỏ quên chìa khoá để rút ngắn thời gian tiếp xúc tù binh. Tất cả màn kịch quen thuộc có đủ hết những gút thắt và mở. Tôi đi qua sân bóng chuyền, chiếc lưới quá mới, phải chăng vì mới giăng nên chưa kịp ẩm ướt mặc dù mưa bụi suốt ngày. Những cửa sổ trên cao thấp thoáng tù binh Mỹ, những khuôn mặt gầy, ánh mắt xao xuyến. Rất thành thực, tôi đưa tay ngoắc và nói lớn với cảm xúc được nén xuống "Cảm ơn, và chào các anh"... Có những ánh mắt rung rung nhìn lại. Tù binh, sinh vật tội nghiệp nhất của chiến tranh, món quà thê thảm của hoà bình. Hello Friends!! Tôi chào họ lần nữa. Máy ảnh hết phim, chẳng cần thay. Trung tâm Hỏa Lò, một đề tài hấp dẫn để làm phóng sự. Tôi không phải một phóng viên đúng nghĩa. Buồn thật.

Đã qua một đoạn viết về Hà Nội, trong lòng có hai phản ứng trái ngược. Tôi có nhìn Hà Nội với nhãn quan độc lập, trung trực hay chỉ vì thiên kiến do ý thức "quốc gia" cụ thể qua tấm áo lính nên đã "bóp méo" Hà Nội để gây nên tác dụng "tuyên truyền"? Thật sự đến lúc này, ngày thứ năm của giờ rời Hà Nội, cảm giác nào nề, lằng đằng vẫn còn đây ứ... Tôi vẫn bị lao đao với câu hỏi sừng sờ: Hà Nội là thế sao? Vùng đất thánh văn hoá, nơi chỉ cách Sài Gòn ba giờ bay có thể nằm ngoài hẳn mọi ý niệm, lạ lùng đến thế được sao? Cố gắng phân tích, cố gắng bình thản viết lại sau đây những hình ảnh để cụ thể hóa cơn náo loạn tinh thần đó, tôi muốn được viết trung thực về vỡ nát ấn tượng Hà Nội... Bữa ăn ở khách sạn Hoà Bình tức là khách sạn Splendide cũ, nơi có cái cửa kính xoay, biểu tượng văn minh xa xưa cũ của Hà Nội. Hai mươi năm đi qua chiếc cửa vẫn còn đó, lớp kiếng mờ, thớ gỗ

lạnh, Hà Nội không một vết nhỏ thay đổi những nơi tôi đi qua. Khách sạn kiến trúc theo lối Pháp, tường dày, nhiều cửa kính theo kiểu Majestic Sài Gòn nhưng bé hơn chỉ bằng khoảng một phần sáu, tường vàng lạnh trông trải hình như vừa quét lại, phòng ăn nơi cửa ra vào được che bởi một tấm màn vải phin màu xanh nhạt, tấm màn cửa mới cứng đờ nếp hồ. Hai két bia Trúc Bạch để ở góc phòng, thực đơn gồm những món ăn thông dụng của người Bắc, giò lụa, chả quế, thịt bò tái và cơm tám thơm. Thức ăn thường nhưng đậm đà và ngon, vị ngọt của miếng thịt bò, lát chả gây xúc cảm... Con gà ngoài Bắc ta... Hoài niệm 12 tháng của nhà văn Vũ Bằng bây giờ mới được hiểu hết cường độ xót xa. Thỏ ngơ, tình tự gọi nên từ bờ tre, đáy giếng, tiếng gà eo óc dưới những cây soan gầy guộc mờ nhạt trong mù sương của miền Bắc hình như vẫn được tồn tại qua miếng chả quế tuy không tinh xảo bằng lát chả Sài Gòn nhưng thoang thoảng hương thơm thuần nhất của thớ thịt, thảo mộc quý cách. Chủ nghĩa xã hội đã "vô tính hóa" người và cảnh Hà Nội, nhưng vẫn không có hiệu lực đối với cảm tính muôn đời của dân tộc. Bàn tay nào đã rải những hạt cơm thừa nuôi loài gia súc, giả mạnh cái chày để tạo nên thức ăn ý hẩn vẫn còn nguyên tính chất tư hữu tài hoa của chốn quê hương tan vỡ này. Ý nghĩ lằng đằng, bức tường nhà ăn lạnh cóng, những người phục dịch lúng túng vội vã, nâng niu từng đĩa thức ăn gây nên cảm xúc lạ. Tôi đã ăn những thức ăn quý giá, kết quả sau bao nỗ lực cần mẫn của người dân miền Bắc. Miếng ăn ngon như nghẹn ở cổ khó khăn vô cùng để gắp thêm một lần thứ hai.

Bữa ăn xong, tôi mời người thiếu nữ tiếp đãi chụp chung tấm hình. Hai anh sĩ quan Bắc Việt không bỏ cơ hội đứng vào luôn. Có đám đông đứng ở bên đường nhìn vào. Không lẽ chính trị viên Bắc Biệt lại bỏ mất cơ hội "tiếp thu tinh thần hòa giải" cụ thể như thế này sao? Lúc nào cũng "công tác tốt" được. Sống thật phien!!

Lại lên xe, di chuyển từ khách sạn ra phố chính (Tràng Tiền, phố Huế, Hàng Ngang, hàng Gai, hàng Đào) xe chạy thật nhanh giữa thành phố đông người với tiếng còi dồn dập, thúc bách... Máy hình chụp liên tiếp, xe điện, ngã tư đường xuôi xuống nhà Hát lớn, nhà Bách Hóa, rạp chớp bóng, tiệm may. Mặc cho xe chạy đảo điên xô đẩy, tôi mê man theo từng mỗi thước đất đi qua. Đang ở giữa trái tim Hà Nội... Những bức hình lịch sử, sự thật sẽ được lưu giữ trong giây phút này. Anh tài xế cố gắng chạy nhanh để ngăn cản cũng vô hiệu đối với tôi, máy Topcon với ống viễn kính sẽ không phản bội sự thật, xe đi hết đường Trường Thi ép về tay phải, thảm nước xanh lạng lẽ trong trời mù. Hồ Gươm. Rung động dọc sống lưng, những gai nhỏ li ti châm chích trên da thịt. Tôi thấy được những rêu phong trên tháp Rùa, bãi cỏ non, làn nước xanh mờ mờ khói nhạt... Đèn Ngọc Sơn khuất sau tàng cây, hàng chữ nho sắc nét, cầu Thê Húc cong cong chập chờn, hình tượng sống động của lịch sử quê hương là đây. Hôm nay tôi hít được mùi nước gầy mát của chiếc hồ muôn thuở, hôm nay tôi thấy được nét chữ in sâu đỏ chói não nùng của câu đối trước đền Xã Tắc. Có một gò đất nhỏ ở cổng đền. Phải chăng là núi Nùng? Chắc không phải, núi Nùng cao hơn ở một nơi nào đó. Nhưng cảm giác phờ phớt rạo rực sau khi bừng sáng bỗng tắt ngấm lạnh tanh... Tại sao? Tôi thấy lạnh kỳ dị lạ lùng, chóng mặt và ngờ ngàng. Hồ vắng quá. Đèn lạnh quá... Kỳ dị thật, từ cái nhà ba tầng to lớn kia (Tòa Thị Chính cũ) nơi có treo những

khẩu hiệu vĩ đại đến chỗ tôi đang đi qua đầy ứ người đi bộ, người lũ lượt hàng hàng lớp lớp, xuôi ngược chen chúc, nhưng sao không nghe tiếng động. Tiếng động thường hằng của thành phố mà chúng ta sống cùng nhưng không cảm thấy, chỉ khi nào mất đi như những hôm cấm đường, đình công, bãi thị, giới nghiêm mới nhận ra. Quái dị, ở đây ban ngày, người đầy ứ mà sao thành phố lặng lẽ một cách kỳ dị; sự lặng lẽ của đám đông trong buổi biểu tình sau khi dứt tiếng hoan hô đả đảo... Chung quanh Hồ Gươm có nỗi im lặng ghê rợn lạ lùng này. Người đông nhưng màu áo nhà binh tràn ngập nặng nề che khuất hết vẻ rộn rã. Đông nhưng không nghe tiếng rì rầm sống động của con người di chuyển và đang sống. Quanh Hồ Gươm có đám đông thiếu sức sống của người. Tôi run tay, khó thở, xe lại bít bùng văng vắt, gió lùa từ cửa sổ vào thành một luồng gợn gợn, trong đầu lại vang vang câu thơ Trần Dần. Tôi bước đi không thấy phố thấy phường. Hôm nay quanh Hồ Gươm, câu thơ lại mang thêm cường độ công phạt tàn bạo. Tôi nghĩ đến lời thơ được sửa đổi: Tôi bước đi không thấy phố, thấy người... Phải, tôi không được thấy người giữa lòng Hà Nội quanh Hồ Gươm...

Xin ngã mũ chào người cộng sản miền Bắc, các anh đã hơn Nga Sô đã hơn Trung Cộng, một thành phố có sức sống cổ kính dài lâu, mãnh liệt như Hà Nội chỉ sau mười chín năm trở nên thành phố "vô tính". Các anh đã thành công khi xóa sạch hết biên giới con người, không còn người già người trẻ, không phân biệt thiếu nữ hay thanh niên, không chia loại trí thức và lao động, không cách xa giữa thiếu nhi và người lớn. Tất cả đều được đoàn ngũ hoá, hệ thống hóa, tổng hợp và vô tính hóa... Con người muôn thuở của Hà Nội đã được "bạch hóa" đến cực độ chỉ sau mười chín năm tôi luyện... Ông Karl Marx, Lenin có bao giờ nghĩ đến một hiện thực cộng sản "đỏ" đến thế này ở một nước Á Châu không? Và kinh khiếp hơn, Hà Nội vẫn còn nguyên yếu tố thiên nhiên, kiến trúc; còn nguyên đủ hè đường lát gạch, hàng cột điện với ngọn đèn ngày trước, cây sấu xanh, lá bàng dày, chuyến tàu điện xưa cũ đi về, mặt nước hồ lặng lẽ gợn rung rinh Tháp Rùa rêu phủ... Tất cả còn nguyên, đủ nhưng tại sao Hà Nội lạnh đến kinh khiếp ngõ ngàng. Thành phố, không khí và con người đã được "bạch hóa" đến độ này sao? Câu hỏi biến thành niềm xao xuyến mông mênh kéo dài đến hôm nay. Ngày thứ năm của giờ rời Hà Nội.

Dự khán buổi trao trả tù binh Mỹ, hai anh Thái Lan ngơ ngác giữa một chốn hận thù hỗn độn... Nghĩ đến những nhân vật của Gheorghiu, thấy ánh mắt bừng sáng vui sướng và hy vọng, bước chân đi lại theo động tác cơ bản thao diễn lúng túng, bàn tay run run đặt cái chào đúng thế của những người tù vừa được trở lại vị thế người lính... Cảm xúc đầy ứ làm nóng mắt. Bỏ qua những dự tính chiến lược và chính trị, người lính trong chiến tranh, bất kể quốc tịch và cấp bậc vẫn là kẻ gánh hết thống khổ điều linh. Người tù, kẻ ở đáy cuối cuộc đời gió bão. Đi theo một toán tù binh Mỹ đến sát đuôi chiếc C141, người nữ y tá hôn nồng nàn mỗi người trở về... Thấy thương người, thương đời, trạnh nhớ tù binh ta, tù binh cộng sản... Có những xa cách và khác biệt nào? Cảnh phát cờ khởi loạn ở bờ sông Thạch Hãn của tù binh cộng sản lại ám ảnh trong lòng. Thù hận vì ý thức hệ có thể là một tính chất căn bản được chăng?

Cũng chẳng muốn đấu trí, đấu khẩu, nhưng những phóng viên trẻ tuổi Đông Âu cứ bao quanh rôt cuộc phải đi đường nói láo.

- Tôi và người này (Tôi chỉ vào anh chàng có nhiệm vụ theo tôi, một phóng viên Bắc Việt) là bạn học cũ!!!- Thật không?

- Thật...

- Đại úy cho biết ý kiến về B52?

- Anh bao nhiêu tuổi?

- Hai mươi lăm.

- Hai mươi lăm quá trẻ, anh phải đợi vài năm nữa mới hiểu được Việt Nam. Anh chưa có khả năng phân biệt tiếng nói của tôi (người Trung) và anh này (phóng viên cộng sản người Bắc) làm sao anh hiểu được diễn tiến chính trị Việt Nam. Không phải lỗi anh, chỉ vì anh quá trẻ so với chiến tranh này. Chỉ nói thế cũng thấy mệt, thấy thừa. Đi lòng vòng ở sân bay chụp hình loạn xạ cốt đợi giờ về.

Buổi trao trả xong, anh phóng viên áo trắng, (cũng chẳng cần hỏi tên) người bám sát tôi từ sáng, kéo riêng ra một góc để ngồi nói chuyện tâm tình. Nghe có tiếng cười mĩa mai im lặng trong lòng. Một tháng rồi, tôi đã qua bao nhiêu lần "nhất trí", hoà giải... để kết thúc với "B-52". Bây giờ thì cũng thế thôi. Ngồi xuống cỏ, mời thuốc lá và lại bắt tay: Anh Nam bao nhiêu tuổi? Người vùng nào? Liếc nhìn sau lưng: Một ống Micro-phone đang ở vị thế thâu... Chán thật! Tôi nổi cáu:

Đây này, tôi cũng có một máy thâu tôi tân hơn máy anh không cần micro, để trong túi bật cái nút là thâu rõ hết tron... Tôi không phải là nhà báo nhưng cũng chẳng lạ gì nghề này, các anh cất máy đi... Tôi sẽ nói chuyện miền Nam trên tư cách là người trẻ, người lính miền Nam...

Bị bắt gặp tại trận, anh "bạn tâm tình" phải dẫu cái micro. Không có sự then thùng và liên sĩ trí thức của một người bị bắt gặp làm việc lén lút. Nản đến tận cổ, ê chề đầy cứng người, nhưng cũng gắng "thuyết trình" hết bài báo chí tự do miền Nam, dẫn chứng bằng tờ Sóng Thần ngày 3-3-1973 có hình ảnh người Huế biểu tình ở Bãi Dâu và hồi ký của hội chánh viên Nguyễn Anh Tuấn. Nói cũng "ngon" như bình thường nhưng biết rằng sẽ vô ích. Bức tường đá cổ chấp không kẻ hở sẽ không để sự thật đi vào. Sau lưng lại thấy dí dí một cái micro khác... Đ.m... Muốn chửi thề một tiếng thật lớn...

Ngồi đợi máy bay quay cánh quạt để dọt. Tôi nhớ Ngã Năm, Ngã Sáu Sài Gòn, đường Trương Minh Giảng, Lê Văn Duyệt giờ này đang tan sở... Mùi xăng, hơi nắng, hơi nhựa hừng hực, nhưng cảnh "địa ngục" dơ bẩn của Sài Gòn mới xa một ngày sao đã thấy vụn

phần thương nhớ trong không khí tịch mịch u uất nơi sân bay Gia Lâm bắt đầu mù hơi lạnh khi trời về chiều... Miền Nam, ban đêm các quán cóc lù mù ánh đèn bán khô cá thiêu, cá mực bỗng nhiên hóa thành từng chuỗi kim cương kết tủa long lanh. Tôi nghe hơi gió Sài Gòn ban đêm, tôi thấy ánh nắng Sài Gòn ban ngày, tôi tưởng hít được mùi tanh tanh mốc mốc vùng bến Chương Dương, Vân Đồn. Cảnh dầu nghèo, dơ cũng là cảnh người, cảnh có sức sống. Sài Gòn, hỗn độn, nóng bức, khô khan bắt đầu từ giờ đây là quê hương cuối cùng, quê hương để bó xương, chôn thịt... Chắc chắn phải là như thế. Bao năm sống ở miền Nam cứ nuôi một tâm lý "sống gởi, thác về" không thiết tha, không xung tưng. Khổ nổi, nếu xung tưng thì mang tiếng "văn nô"... Nhưng hôm nay tôi phải viết, phải bốc, phải hét to, Sài Gòn, Quê Hương Tự Do cho người, nơi đã từ lâu chỉ có nỗi phũ phàng. Xin lỗi miền Nam quý giá và bao dung, xin lỗi Sài Gòn nồng nhiệt. Tôi đã phụ người quá lâu.

Kéo một nụ cười nhạt thếch vì máy bay đã quay cánh quạt mà Trung Tá Bùi Tín còn "công tác" với giọng thân mật...: Nam thấy mấy chiếc Mig kia không? Hạ mấy trăm thằng Mỹ rồi đó! May quá, cánh quạt quá ồn để không cho anh ta nói tiếp về B-52!

Bay cao, hãy bay cao hẳn lên, chẳng cần quay lại nhìn sông Hồng, sông Đuống... Bay thật cao và nhanh, qua đèo Ngang, qua Đồng Hới thật nhanh để đưa tôi về miền Nam... Phía tây ánh mặt trời đỏ ối từ từ chìm dần vào bóng đêm, tàu ép tay trái vào đất liền, ánh lửa vùng Long Khánh chập chờn rực rỡ. Đất miền Nam. Nghe cơn sóng dầm ầm trong lòng vang dội. Tôi về Nam - Miền Nam.

Đọc lại bài viết của năm trước để xét xem đã viết trong một "áp lực" nào không, nhưng cuối cùng vẫn phải nhìn nhận. Tôi đã viết thật đúng, thật trung thực, tôi không thổi phồng sự kiện, không "quốc gia hóa" cái nhìn, cũng không văn chương hoá, bi thảm hóa sự kiện, cảnh sắc và yếu tính của Hà Nội. Sau này, những chuyến đi khác chỉ còn là một công tác bắt buộc, thiếu hào hứng, đầy nhọc mệt và nhàm chán, tuy thế nhưng cũng có một vài đền bù như được đến Văn Miếu, Viện Bảo Tàng nơi tập trung khá đầy đủ các di tích văn hoá do viện Bác Cổ trước kia sưu tập và các cuộc tìm kiếm sau này của chính quyền miền Bắc. Nhưng chỉ là những vui thích "kỹ thuật", được thấy và biết thêm nhiều điều để mở rộng kiến thức. Xúc động từ chuyến đi đầu tiên hoàn toàn mất hẳn.

Đọc lại bài viết cũ nhân dịp xem một đoạn phim quay tại Hà Nội và miền Bắc hơn hai mươi năm trước. Cuốn phim tuy non yếu về kỹ thuật, hổng hoàn toàn trên tất cả mọi khía cạnh nhưng quả tình đã giúp cho tôi soi sáng được một phần nào ấn tượng đẹp đẽ về Hà Nội. Dù ống kính đã thu hình Hà Nội với non yếu kỹ thuật và thiếu vắng nghệ thuật, nhưng đoạn phim Kiếp Hoa ấy đã ghi đủ những cảnh sắc và tinh thần Hà Nội... Đó là một nơi chón tươi mát, hồn hậu và thân mật, những hè đường đầy trâm trâm tiếng guốc, bờ hồ thăm tàng cây, mặt nước loang nắng, hắt hơi mát lạnh xanh xao lên lớp vỏ cây dịu dàng, và những "người Hà Nội" thanh nhã chậm rãi đi lại trên lối nhỏ im bóng lá sinh động hiện thực phẩm tính lịch lãm nhẹ nhàng của thủ đô văn hóa, nơi văn minh Việt Nam đã khai phóng nên thành hình tượng. Tôi nhìn lên màn ảnh, bỏ qua hình ảnh của các tài tử vốn chỉ là đào kép cái

lượng Bắc Việt, bỏ đi giòng nhạc đệm nặng nhọc, ngớ ngẩn, để chỉ thấy lại một khối Hà Nội rực rỡ trong nắng, để thấy Hà Nội trầm mặc trong mưa, một di sản văn hoá cao quý mà tiền nhân đã gây dựng nên và trao gởi lại... Thấy trên màn ảnh, nhớ lại cảnh sắc của lần đầu tiên đến Hà Nội với cảm giác náo nê trên mỗi thước đường đi qua, chông dằn, chông dằn cứng đờng nổi thất vọng khi nhìn khối dân chúng lặng lẽ dị thường của buổi chiều Chủ Nhật 4-3-1973... Kinh dị thật. Chủ nghĩa Cộng Sản đã đánh gục được tâm chất Việt Nam sâu thẳm ngay tại thủ đô văn hoá miền Bắc. Tôi bàng hoàng với sự thật tàn bạo ghê gớm âm thầm này. Cảm giác của một năm về trước...

Qua đoạn phim cũ, tôi được nhắc nhở thêm một điều. Chiến tranh đã quá lâu trên quê hương. Cảnh tượng của đoàn người tản cư chạy loạn trên đường đê, trên cánh đồng chiêm dù chỉ được đạo diễn dựng nên nghèo nàn, ấu trĩ, vụng về, nhưng bóng dáng những đứa bé Việt Nam ôm tay nải, đầu đội nón rách, chân trần đi trên con đường quê điêu tàn, gót chân trẻ thơ vội vã tội nghiệp bước lên lớp đất nứt nẻ phủ bụi mờ đã như cơn tấn công phũ phàng nhất, đập mạnh vào cảm xúc, gây nên choáng váng. Hóa ra chiến tranh thật sự đã quá lâu, gần ba mươi năm máu lửa tràn ngập, tác động tiêu hủy lên bao nhiêu thế hệ. Đứa trẻ trong đoạn phim giờ này đã lớn, chắc rằng hiện đang lập lại cảnh đời cay nghiệt với lửa đạn có thật ở một nơi nào đó của quê hương. Cuốn phim quay khoảng 1952, 1953, các ngôi đình tan tác trong phim chắc rằng vẫn giữ nguyên hình trạng tang thương vỡ nát đó ở hiện tại, và biết đâu lại không bị suy sụp, hư hao, hủy diệt nhiều hơn... Đau đớn thật, một quê hương đẹp đẽ, đôn hậu hiền hoà như quê hương ta trong ba mươi năm chưa được hưởng trọn một ngày thanh bình!! Chỉ có bóng dáng thường trực của bom đạn, chỉ có ám ảnh hằng hằng của sự chết, chỉ hằng chuẩn bị miên man để chạy loạn, tản cư... Cay đắng quá: Hòa Bình, tiếng gọi linh thiêng màu nhiệm này sao vẫn còn vắng mặt. Hòa Bình, giấc mơ thiết tha mà toàn khối Việt Nam đang mong tới đã vắng mặt ba mươi năm. Ba mươi năm chiến tranh. Chiến tranh ba mươi năm... Những người Cộng Sản có nhớ điều đau đớn, tan vỡ này không?!!

Tháng 4-1974

* * *

NHỮNG NGƯỜI LỖ LÀNG

Bây giờ, một giờ chiều của ngày 24-7-73, cuộc trao trả tù dân sự tại địa điểm Lộc Ninh đi vào bế tắc. Cộng sản tập trung một số đông dân chúng và cán bộ chung quanh lều trao trả tạo áp lực vào khối tù nhân đang và sắp được trao trả, số người này sẽ được dàn cảnh ào hẳn vào lều trao trả để tạo nên những cảnh hỗn loạn như đã xảy ra tại Quảng Trị, Quảng Ngãi. Tôi đã quá đủ với chiến thuật gây rối này, đồng thời chỉ thị cũng đã nhấn mạnh: Nếu cộng sản vi phạm thủ tục thì phải hoãn trao trả. Cuộc trao trả tạm ngưng, tôi cùng Trung Ủy Nội sắp sửa trận đánh tuyên bố đình hoãn trao trả và quy trách nhiệm cho Việt Cộng vì họ đã gây trở ngại cho công tác. Những lý lẽ này phải được thông báo chính thức cho Ủy

Ban Quốc Tế, minh xác quan điểm của Việt Nam Cộng Hòa. Hôm nay là ngày công tác chót của phái đoàn Gia Nã Đại và những người trong Ủy Ban Quốc Tế cũng đã thấy rõ được thực chất và khả năng của nhau sau sáu tháng hoạt động. Những điều khoản của Hiệp Định, Nghị Định Thư quả tình đã bị vô hiệu hóa trước tình thế và thực trạng của Việt Nam, chưa nói đến sự cứng rắn bất chấp vô liêm sỉ của hai phái đoàn Ba Lan, Hung Gia Lợi. Họ đã đánh mất tư cách "Quốc Tế" của Ủy Ban khi khai triển tối đa sự nhất trí đoàn kết giữa những người cộng sản. Sáu tháng qua hàng chục lần trao trả ở nhiều địa điểm, tôi đã quá nể nề với ủy ban "Quốc Tế" này, nhưng lời lẽ thông báo sắp nói vẫn giữ đúng cốt cách trang nghiêm của một "đại biểu".

- Kính thưa quý vị, trước tiên là lời cảm ơn nồng nhiệt của chúng tôi. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, vì quý vị đã đến đây giám sát và quan sát cuộc trao trả... Đồng thời trình bày cùng quý vị lý do vì sao chúng tôi phải tạm đình hoãn cuộc trao trả...

Anh Trung Úy Nội vắn vẹo mấy chữ Ăng-Lê để phiên dịch. Tôi lim dim mắt vì ánh nắng nhưng thật ra đang dò xét xem phản ứng của anh Thiếu Tá Vầy (Việt Cộng) để tìm hiểu ý định của hắn ta. Thoảng trong tiếng gió có tiếng hát cao vút vang vang, tiếng hát hòa nhịp bởi âm thanh của một chiếc Tây Ban cầm... Quê hương, hòa bình, cầu mong hết chiến tranh, những bài hát của Phạm Thế Mỹ, Trịnh Công Sơn được diễn tả bởi giọng hát tuy không điêu luyện sành sỏi nhưng vang dội nhiệt tình trong sáng. Những người sinh viên "tranh đấu" được trao trả ngày hôm qua (23-7) nay đang tập hợp trong một chiếc lều gần lều của chúng tôi để đợi được phát biểu nguyện vọng với Ủy Ban Quốc Tế, đồng thời yêu cầu tôi (chuyển qua lời của viên Thiếu Tá Việt Cộng) ký nhận và bảo đảm cho họ trở về Sài Gòn trong tư thế nguyên thủy. Chỉ là những sinh viên tranh đấu cho hòa bình dân tộc.

Nhóm sinh viên gồm hai mươi người, có những người "nổi tiếng" như Võ Như Lanh, Trịnh Đình Ban, Cao Thị Quế Hương, Trần Thị Lan, Trần Thị Huệ, Nguyễn Thành Công. Tất cả can tội phá rối trị an vì các vụ biểu tình xuống đường đòi hủy bỏ chế độ quân sự học đường, chống chiến tranh, chống Mỹ, chính quyền Tổng Thống Thiệu và đòi quyền sống.

Tôi trình bày ý kiến cũng để trả lời cùng Vầy:

- Những người này được trao trả vào các đợt 7, 8 của ngày hôm qua 23-7 tại địa điểm này và hôm nay họ đưa yêu sách chính quyền Việt Nam Cộng Hòa phải nhận họ lại, trả tự do vô điều kiện và cam kết không bắt giữ lại. Với vị thế là một nhân viên Ban Liên Hợp Quân Sự phía Việt Nam Cộng Hòa, tôi từ chối xác nhận cam kết này vì tội trạng của những người trên đã cấu thành bởi hành động được ghi rõ trong hồ sơ, tôi cũng không thể nhận họ về với tư cách "chỉ là những sinh viên học sinh bị bắt giữ vì tranh đấu" vì như thế là gián tiếp phủ nhận tính chất của công tác trao trả. Đây là cuộc trao trả giữa hai bên miền Nam về những nhân viên dân sự bị bắt giữ. Tôi cũng không có khả năng để cam kết một điều khoản vượt quá xa trách nhiệm của một sĩ quan trung cấp, hơn nữa trên thực tế những người này đã được trả ngày hôm qua, hôm nay phía Việt Nam Cộng Hòa không còn trách nhiệm nào

với họ (theo thủ tục trao trả, lời phát biểu nguyện vọng chỉ có giá trị khi cuộc trao trả đang diễn tiến mà thôi).

Tôi chấm dứt vấn đề bằng những lý lẽ có hệ thống, các viên sĩ quan của Ủy Ban Quốc Tế gạt đầu tán thành, ngay cả những anh Ba Lan và Hung Gia Lợi thường ngày vốn yểm trợ Việt Cộng ra mặt nhưng hôm nay trước tính chất "lô-gích" của sự việc cũng đành phải ra chấp thuận lý lẽ của chúng tôi. Tôi nói tiếp:

- Tóm lại, vấn đề hai mươi sinh viên học sinh này đã được vượt khỏi giới hạn của chúng tôi và quý vị (chỉ UBQT) vì nhiệm vụ "chúng ta" chỉ là quan sát cuộc trao trả những nhân viên dân sự thuộc hai bên miền nam Việt Nam, nay những người sinh viên này bảo rằng họ không thuộc hai thành phần đó, nhưng là một thành phần "thứ ba" trung lập... Thì tôi nghĩ rằng, vấn đề cũng đã ra khỏi điều 7 của Nghị Định Thư (điều 7 Nghị Định Thư chỉ nói đến việc trao trả Nhân viên dân sự hai bên miền nam Việt Nam). Tôi dứt điểm cú chót bằng bằng cớ rất cụ thể: Các điều khoản của Hiệp Định và Nghị Định Thư.

Các anh Ba Lan và Hung Gia Lợi thờ dài, trao đổi ý kiến để kiếm đường giúp đồng chí nhưng cuối cùng chỉ phát biểu một ý kiến rất não nê: "Chúng tôi ghi nhận sự kiện về các người sinh viên..."

Tôi thắng cuộc, một trở ngại lớn của vấn đề trao trả đã được vượt qua. Nhưng đó chỉ là tôi một phía, phía của công vụ, của con người bốn phận được ấn định bởi bộ quần áo đang mặc, cấp bậc trên cổ áo. Còn có một phần người khác đang lằng đằng giữa một vùng phiến muộn hiu hắt, phần con người đang nghe những câu hát lòng lộng, con người đang nhìn thấy những ánh sáng trong vạt vị tha trong tia nhìn của hai mươi người tuổi trẻ. Vấn đề của họ không bao giờ giải quyết được.

Phải nói thật, từ lâu nay tôi vốn không tin phẩm cách và khả năng của lớp sinh viên tranh đấu, những người tuổi trẻ xuống đường với những mục tiêu chiến thuật đoản kỳ như chống quân sự học đường, chống động viên, chống chính quyền, người Mỹ và chiến tranh. Những sinh viên trong nước như Huỳnh Tấn Mẫm, ở nước ngoài như Đoàn Hồng Hải, Nguyễn Thái Bình... Trong tư thế một người lính tác chiến, chịu những khổ ải và đau đớn cụ thể nhất của chiến tranh, sống trong lòng cuộc chiến tàn ác phi lý, lạ lùng, tôi đã cố gắng hết sức để tồn tại đồng thời tìm lời luận giải thích cho hành động. Thế nên dù có "phản chiến" đến mức độ nào chẳng nữa, sẽ vô cùng phi lý khi quy trách nhiệm cuộc chiến này lên chính phủ và người lính Việt Nam Cộng Hòa: giai tầng đau đớn nhất của cuộc chiến. Tôi không thể nào chấp nhận những luận cứ buông súng vô điều kiện, những lý lẽ hàm hồ hoan nghênh sự chiến đấu hợp lý của những người lính cộng sản và thái độ thời thượng chống chiến tranh ở hình thức khả ố, bệnh hoạn. Trong khoảng tháng 7-1972 tôi viết một bài đã kích đám sinh viên này ở tuần báo Điều Hâu, một bài báo bốc lửa, cấu tạo bởi những từ ngữ mạnh mẽ dậy nên từ một tâm thức phản nộ, bài viết đã cấu thành sau khi ở miền Trung từ thành phố đẹp Quảng Trị, dọc Đại lộ Kinh Hoàng trở về... Tôi đã viết bài báo với cơn giận

làm run tay, trước mắt chập chờn những mảnh áo cháy xém bay phát phơ trên đồng cát xám từ những xác chết co quắp. Những người dân bị pháo cộng sản chết trong ngày 1-5-1972. Lòng tôi căng thẳng trên hình ảnh tai ương uất ức đó; thế nên, nhìn mặt chiến tranh, cố tìm hiểu lý do tại sao người cộng sản đã giết người tinh táo đã là ám ảnh não nề hằng mỗi giờ, mỗi ngày khi đối diện với những kẻ thù còn rất mới qua chiếc bàn rộng trái nỉ xanh. Trong tình huống này, tôi nhìn Ngô Bá Thành, Trần Ngọc Châu, Huỳnh Tấn Mẫm như những kẻ mắc chứng dở hơi bị ám ảnh bạc nhược, được thôi thúc hướng dẫn bởi một khối chỉ đạo tinh ma già ngọn, hơn thế nữa tôi đồng hóa họ với những kẻ giết người. Thời đại này xây dựng trên tan vỡ, mâu thuẫn và phi lý, cả một khối đông nhân loại đang bị đốt cháy dưới tiếng chuông cầm thú kiểu thí nghiệm Pavlov, tiếng chuông bỉ ổi này vang động những danh từ đẹp đẽ: Giải Phóng, Tự Do, Hòa Bình... Nên lũ người phản chiến reo hò trong đường phố Sài Gòn, nơi công viên Mỹ Quốc theo sau chiếc hot-pants của á đào cỏi trường Jane Fonda, thật đang đùa cợt, hân hoan sỉ nhục những cái chết đau đớn của người dân Việt Nam. Tôi nhìn những người "tranh đấu" qua nhãn quan khắc nghiệt uất hận này.

Nhưng hôm nay, khi nghe tiếng hát trong sáng lồng lộng trong gió, khi thấy nét mặt tinh anh của Nguyễn Thành Công lúc tiếp xúc với viên Đại Tá Hung Gia Lợi dù đôi mắt đã có vẻ lạc thần, giọng nói đã đượm màu mệt mỏi. Tôi thấy được một điều lạ ở những người tranh đấu, tôi tìm được kẻ hở của vấn đề, lời giải thích về hiện tượng phản chiến đồng thời có nỗi hận khác bùng nổ theo với tốc độ chóng mặt: Quả tình Cộng Sản đã và đang hủy diệt hằng bao thế hệ bởi ngọn đòn sơ đẳng: Thêu dệt và lập đi lập lại một số danh từ hàm súc trong một hệ thống luân lý chặt chẽ để quyến rũ con người theo tiếng gọi của máu. Sự khám phá gây nên nỗi giận hờn chen thêm niềm thương cảm xót xa. Tôi đã biết.

Phải, tôi hiểu rằng nhóm sinh viên đang ngồi ở dưới tàng cây cao su, đang gây nên những âm thanh trầm lắng với tiếng hát nhiệt thành trong sáng kia quả tình không thể nào là những người cộng sản được. Họ không thể nào là những người cộng sản chuyên chính, dù cho họ đã vào khu học tập, dù đã là cán bộ nội thành làm nhiệm vụ sinh viên vận theo đường lối và kỹ thuật đấu tranh phát xuất từ cục R, kiểm soát và điều hành bởi ủy viên thanh niên thuộc Thành Ủy Sài goon-Chợ Lớn. Họ cũng không phải là cộng sản dù có chứng minh thư xác nhận là thành viên của Đảng Lao Động, hoặc thành viên của Đoàn Thanh niên trong Mặt Trận Giải Phóng... Vì tiếng hát, điệu đàn, nét mặt và lời nói tất cả vẫn là phản ảnh của một hoài bão, hoài bão bất diệt của tuổi trẻ. Muốn thoát khỏi hoàn cảnh bít bùng của đời sống hiện tại, đấu tranh và xây dựng một quê hương rạng rỡ tốt đẹp hơn. Và chính phát xuất từ ý định đẹp đẽ mơ tưởng này, hoài bão của họ đã được đồng hóa với mục tiêu chiến thuật đoản kỳ của cộng sản. Và họ trở thành loại cán bộ tiên phong đặc lực thực hiện những mục tiêu hạn chế trong đường phố Sài gòn, nơi giảng đường, trong lòng cộng đồng tuổi trẻ Việt Nam. Bởi Cộng sản không bao giờ đại dột lộ hẳn bộ mặt của mình từ đầu, trái lại chúng đã "phục kích" tuổi trẻ bằng cách "tặng" không một số sách lược tranh đấu, cung cấp phương tiện và kỹ thuật sách động (Vì còn ai hơn người cộng sản Việt Nam, khối nhân lực vô tận luôn luôn gài người, xách động, hướng dẫn các cuộc đấu tranh, dù bắt đầu với

những mục tiêu lành mạnh, hữu khuynh)... Dần dần cán bộ cộng sản đưa ra một vài mục tiêu "chiến thuật" như chống đi lính cho Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa, được ngụy trang thành chương trình chống quân sự học đường, động viên, những mục tiêu đoản kỳ nhưng sinh tử đối với sinh viên. Và cứ thế tiếp tục xâm nhập dần vào phong trào đấu tranh để biến thành vận động chống chiến tranh, thực hiện hòa bình cấp thiết... Mục tiêu dần lộ mặt cùng với những vận động khắp nơi trên thế giới. Vô tình để trở nên hữu ý, những người xuống đường dần thấy những ước vọng to lớn của mình phù hợp với cương lĩnh của Mặt Trận, nên từ chống Mỹ, chống quân sự học đường đến chống Mỹ cứu nước chỉ là bước nhỏ của vấn đề kỹ thuật. Cuối đường, chính thể Việt Nam Cộng Hòa cùng cộng đồng miền Nam tự động biến thành những đối tượng thù nghịch khi đã thâm sâu lý luận: "Chiến tranh Việt Nam là chiến tranh cách mạng chống với chiến tranh phản cách mạng do Mỹ Ngụy khởi xướng. Chiến tranh Việt Nam khởi động do nhân dân giác ngộ yêu nước, được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới..." Khi đã chấp nhận những chữ "hòa bình, giác ngộ, cách mạng" nằm đúng vị trí trong hệ thống luận lý của cán bộ cộng sản thì tất cả năng lực sáng suốt để soi sáng cuộc đấu tranh hoàn toàn tắt ngấm. Người sinh viên diễn xuất theo động tác phản ứng có điều kiện gọi nên từ những danh từ đẹp đẽ trên.

Nhưng, như đã nói, những người tuổi trẻ đó sẽ không bao giờ trở thành cán bộ nòng cốt của Đảng Lao Động được vì họ không bao giờ là "giai cấp công-nông". Họ cũng không phải là tiểu tư sản giác ngộ; họ chỉ là những tên lính tiền phong trong đường phố Sài Gòn, nơi buổi họp báo tại trụ sở sinh viên, họ chỉ dùng để chạy tránh hơi cay với một túi ni-lông pha nước chanh, để làm đầy các nhà giam giúp cho cộng sản có thêm lý lẽ: "Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã bắt giam nhiều sinh viên học sinh yêu nước..." Và nặng nề hơn hết thấy: Người sinh viên vẫn còn là "những sinh viên học sinh yêu nước" - Nghĩa là còn một bản vị sinh viên, một cá thể sinh viên, một nhân vị yêu nước... Không bao giờ là "người cộng sản" khi vẫn còn mang tước hiệu đẹp đẽ đó. Người sinh viên, gã anh hùng trong đường phố không bao giờ là người cộng sản thuần túy. Không có trường hợp đặc biệt cho trường hợp những cá nhân này.

Thế nên, khi điều động một số dân chúng và binh sĩ đến để nghe các "sinh viên yêu nước" hát, cán bộ cộng sản đã xác nhận lại vị thế cho các anh, đã nhắc nhở sự xa cách giữa "thành phần sinh viên trí thức" và tầng lớp "công nông giác ngộ", họ đã vạch một ranh giới giữa các bản vị sinh viên và tập thể nhân dân kia, khi họ để anh mặc chiếc áo trắng đẹp nổi bật lên giữa đám dân chúng và binh sĩ cộng sản nghèo đói, xấu xí cũng là lúc tô đậm chữ khai trừ các anh ra khỏi tập thể đấu tranh của Mặt Trận và sự thật cũng vừa xảy đến. Các anh có đấu tranh được những gì ở địa điểm Lộc Ninh, trong lòng người cộng sản. Vai trò anh đã hết. Những người sinh viên tranh đấu Sài Gòn hãy hát cao lên nữa; tiếng hát đó cũng như một lần của Phạm Duy cất lên từ khu tư, trên nương đồi Yên Bái, trên thượng lưu của những giòng sông miền Trung với khí thế say đắm hào hùng và lãng mạn của những ngày "cứu nước" từ mùa Thu 46. Giọng hát của các anh giờ này cũng mang tính chất đẹp đẽ thơ

mộng hào hùng đó. Và chỉ có thể, vì bản chất cuộc chiến đã thay đổi, con người đã lộ mặt, vai trò của các anh cũng đã hết, sân trường, đường phố đã xa xôi. Các anh đã lỡ làng trong cơn say đắm của buổi tiệc rượu nấu bằng máu của quả tim nhiệt thành.

Đây là phản ứng thứ nhất, phản ứng thương cảm, bội phục, trong lòng còn có một phản ứng đối nghịch đau đớn khác: Sự giận. Phải, tôi giận dữ, vì những người tuổi trẻ trong lòng cộng đồng miền Nam đã được nuôi dưỡng và lớn lên từ thực trạng đau đớn quê hương. Hơn ai hết, họ phải thấy được bản chất của cuộc chiến Việt Nam. Kết quả tất nhiên của những cường lực thế giới đang tìm cách thế để hòa giải, cân bằng lẫn nhau. Những người sinh viên lại càng phải biết rõ hơn ai hết, thủ phạm gây nên tiêu hủy cấu trúc xã hội ổn định Việt Nam đã trường tồn và vững chắc qua hai nghìn năm dài, một xã hội trật tự, điều hòa, trong đó các giai cấp đã được vô tính hoá, xung đột xã hội được hòa giải do tính chất tổng hợp cùng mạch sống dân tộc. Lẽ tất nhiên tôi không mê muội gì để bảo rằng hai nghìn năm lịch sử của nước ta là mô thức lịch sử không kẽ hở; nhưng quá trình vận chuyển lịch sử ấy đã chứng minh tính cân bằng của cơ cấu xã hội Việt Nam, đã là một kết quả tuyệt kỹ. Và như thế, những người tuổi trẻ, lòng mở rộng vị tha, trí sáng ngời hoài bão và tình tự quê hương, thấm đậm cùng nhịp đập của trái tim trung trực lẽ nào không nhận thức được: Chiến tranh này, chỉ là kết quả cuối cùng của chuỗi nổ dây chuyền gây nên bởi xung động của hai ý hệ cùng phát xuất từ phương Tây, hai ý hệ tuy mang nhãn hiệu đối cực nhưng thực chất cũng chỉ là một phản ánh biểu hiện tình trạng tan vỡ, suy đồi của cơ cấu xã hội xây dựng trên vật chất thuần lý. Cộng sản, tư bản, tự do, dân chủ, giải phóng, độc tài, thuộc địa: quả tình chỉ là sản phẩm thuần túy Tây phương và chỉ dành riêng cho những xã hội bên bờ Thái Bình. Nhưng khốn nạn đã xảy đến cho chúng ta, những ý hệ xung đột đó đã chọn lựa đất nước này làm chiến trường tranh chấp, đã cân bằng, hòa giải, cùng nhau qua máu xương người Việt. Những người tuổi trẻ phải biết rõ điều này, phải biết rõ trước khi lên đường nhập cuộc, trước khi dự vào trò chơi lớn mà dịp may không bao giờ có, chỉ có một đường sống hay chết cho cá nhân, cũng của cả dân tộc. Thế nhưng những người trẻ tuổi chỉ có một phía nhìn, chỉ có lời giải thích (Thật lố bịch khi đang ở một giai đoạn lịch sử và tự giải thích giai đoạn ấy theo tiêu chuẩn của mình định đặt) và nguy hiểm hơn, nhất quyết tin tưởng mình đi đúng đường. Chỉ riêng một mình với cục bộ lý luận riêng.

Những người tuổi trẻ tranh đấu còn mắc thêm một nhược điểm trầm trọng, nhược điểm cốt tủy hình như đã biến thành tổng quát khắp thế giới. Mặc cảm vô vọng đau đớn của người trí thức. Đúng như thế, từ Tây qua Đông trong lòng của Paris rực rỡ đến những góc hóc hẻm của một nước nhược tiểu Á Đông, đâu đâu cũng có một lớp trí thức lòng đầy những ước vọng nhân bản, những hoài bão tuyệt vời nhưng giữa vòng đai ngột ngạt phi nhân của xã hội. Người trí thức trong khi ý thức về giá trị của mình đồng thời cũng thấy hết nỗi tuyệt vọng bi đát của khả năng hạn chế. Vì đây không còn thời đại của cá nhân nhưng là thời của tổ hợp, không còn những thi sĩ, chỉ có giai cấp công nhân, không còn tri thức lẻ loi giữa vòm trời trí thức nhưng là con người nhập thế để chịu sự va chạm toé lửa phũ phàng của đời sống. Và đây cũng là thời đại đối nghịch của tâm linh, những giá trị tinh thần dần dần

trở nên hạ giá trước những hệ Sinh Tâm lý. Trong cơn đồ nhào của giai cấp kẻ sĩ, người tuổi trẻ tranh đấu chắc sẽ không ngại ngừng tham gia ngay vào thế giới nơi chiếc chiếu hoa kính trọng đã dành sẵn cho những Sartre, Gide, Malraux, những người đã thử lửa với Cộng sản để dò xem năng lực trí thức của mình; và ở Việt Nam, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Đăng Trùng, Lê Hiếu Đằng. Nếu không võ đoán, thì ít hẵn khi họ nhúng tay vào máu cũng mang cảm giác hân hoan của người được gột rửa những bạc nhược bất lực của khối trí thức tuyệt vọng để chuyển mình thành những trí thức giác ngộ, yêu nước. Nguy biến đã xảy ra, tan vỡ đã hiện hình, người trí thức tuổi trẻ ít hẵn trong núi rừng mật khu chắc phải tự kiểm thảo quá trình tranh đấu để nhận thức lại giá trị của chính mình. Chỉ là người trí thức khi mang tâm thức xao xuyến ở đường phố Sài Gòn, trong giảng đường đại học và đã là người lạc lõng, bơ vơ giữa một đám "đồng chí" cách biệt, giác ngộ, lầy lừng bởi thành tích và gốc gác giai cấp. Hoàng Phủ Ngọc Tường, tên tuổi sáng chói của lớp sinh viên tranh đấu Huế nay là một ủy viên học vụ ở Gio Linh, cuối đường đấu tranh của nỗ lực trí thức với kết quả tầm phào mặt hạng...(1) Trịnh Đình Ban, Trần Thị Huệ sẽ là gì ở núi rừng Lộc Ninh?!! Hình ảnh trong buổi sáng 24-7, tên Trung Tá gốc "thợ rèn" Năm Tích nửa vừa ra lệnh, nửa vừa coi thường sửa tay sửa chân cho Trịnh Đình Ban để chụp ảnh gây trong tôi cay đắng... Cuối đường tranh đấu chống Mỹ, chống chiến tranh của tuổi trẻ trí thức rất cuộc để được cười hãnh diện vì chụp ảnh cùng Trung Tá Năm Tích, một cựu thợ rèn, lớp cán bộ mùa thu với quá trình đấu tranh cách mạng mà suốt đời Ban không bao giờ thực hiện được. Có phải thế không?! Có phải thế để tiêu hủy mặc cảm dư thừa của đời sống ù lỳ cứng đờ của ba mươi năm trong gia đình và học đường... Người tuổi trẻ tranh đấu, anh thấy gì trong tàng cây cao su xanh thắm ở rừng Lộc Ninh?

Lộc Ninh 24-7-1973

* * *

NHỮNG NGƯỜI LÃNG MẠN

Người sinh viên được nhắc nhở đến nhiều nhất trong vòng năm năm trở lại đây, ngồi trước mặt tôi với dáng điệu của một diễn viên không sành nghề đóng một vai trò quá khổ. Huỳnh Tấn Mẫm mặc chiếc áo trắng, quần xanh, chân mang dép, một túi vải lớn có kẻ hàng chữ xác định: Sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm.

Tôi đứng bên cạnh Mẫm để thấy rõ những giọt mồ hôi lấm tấm ở tóc mai đang kết thành giòng chảy xuống má, Mẫm xoắn mười ngón tay vào nhau, anh không có một dáng dấp chế ngự, đập mạnh lên cảm nhận của kẻ khác khi nhìn thấy lần đầu. Mẫm chỉ là một người tầm thước với nét mặt đều đặn bình thường, đôi mắt hơi lé và một gò má cao. Người sinh viên được hầu hết báo chí bám theo từng hành động, lời nói, của những năm trước, người được các hãng thông tấn quốc tế đánh đi khắp cùng thế giới kèm với biến động chính trị Nam Việt Nam, trung tâm thu hút của mọi nguồn tin mà một số đông mỗi buổi chiều mở ti-vi, giờ trang báo đều hướng mắt vào. Huỳnh Tấn Mẫm, người của dàn chào, của hơi cay,

khiên mây, áo giáp mà khối Cảnh Sát Dã Chiến hùng hậu nhất thế giới đã đồng ý là mục tiêu số một, "ngon" nhất. Tôi không thấy ở người ngồi trước mặt là người thanh niên có dáng dấp của kẻ gây biến động đó. Mầm dưới mắt tôi trong buổi sáng này là một người rất thường.

Giữa đám người lao xao cùng chung toán tù, những người tù già, những người tù "cách-mạng", Mầm lạc lõng hoàn toàn với chiếc áo trắng, đôi mắt xao xác của kẻ bị rơi vào một thế giới hung bạo.

- Anh này là Huỳnh Tấn Mầm, không thuộc về thành phần trao trả, chúng tôi biết rõ như thế, chúng tôi không cần hỏi ý kiến của anh...

Anh cán bộ cộng sản với quân hàm tương đương thiếu tá bí danh Dũng bỗng nhiên chỉ tay vào Mầm khẳng định trước cách đối xử. Thật lạ, bình thường cán bộ cộng không bao giờ có những lời lẽ, hành động hấp tấp như vậy, tất cả phải được tập dượt, "hội ý", lấy ý kiến chung rồi mới quyết định. Nhưng sáng nay viên thiếu tá Việt cộng đã làm một biệt lệ (Những người muốn phát biểu nguyện vọng phải đến khi trao trả hết người trong toán mình (hai mươi lăm người) khi ấy mới được hỏi ý kiến về bên tiếp nhận (Mặt Trận Giải Phóng), hay ở lại bên trao trả (Việt Nam Cộng Hòa), Mầm co rúm người trước lời nói chát chúa thẳng thừng bất ngờ này. Thiếu tá Ngọc của Việt Nam Cộng Hòa đốp chát ngay để giữ tinh thần cho Mầm:

- Thiếu tá Dũng vi phạm thủ tục, hai bên phải điểm danh sách, đến tên người nào người đó có ý kiến hay không, ở đây không có sinh viên Huỳnh Tấn Mầm nào hết, chỉ có danh sách hai mươi lăm nhân viên dân sự do Việt Nam Cộng Hòa trao trả... Yêu cầu thiếu tá Dũng bắt đầu theo đúng thủ tục ấn định...

Cần phải mở một dấu ngoặc về công việc ngày hôm nay: Hôm nay là ngày thứ mười hai của đợt trao trả cuối cùng (Bắt đầu từ 8-12-1974 đến 6-3-1974), Việt Nam Cộng Hòa trả cho Mặt Trận Giải Phóng con số còn lại của tổng số 5081 người (Đã trả số lớn đợt đầu tiên vào tháng 3-73; đợt thứ hai ngày 23 và 24-7-73...). Đợt cuối cùng này cũng là lần quan trọng nhất, ngoài mấy ngàn nhân viên dân sự thường còn có một số tù nhân nổi tiếng mà hai bên có những tính toán riêng khi đem trao trả và tiếp nhận. Đó là những người chống chính phủ Việt Nam Cộng Hòa qua các phong trào vận động hòa bình, các mặt trận chính trị mà mục tiêu là chính phủ của Tổng Thống Thiệu. Năm ngoái, chúng tôi đã đưa về bên kia hai mươi một nhân viên dân sự gốc sinh viên như Trần Thị Huệ, Trần Thị Lan, Trịnh Đình Ban, Võ Như Lan, Nguyễn Thành Công... trong buổi trao trả ngày 23-7-73, cũng tại địa điểm Lộc Ninh này. Năm nay chúng tôi có nhiệm vụ "đẩy" một số nhân viên dân sự (NVDS) khác mà tên tuổi đã được dư luận trong cũng như ngoài nước đang cực lực theo dõi đó là các tù nhân Trần Ngọc Châu, Huỳnh Văn Trọng, Nguyễn Long, Huỳnh Tấn Mầm, Cao Thị Quế Hương, Thiệu Sơn... Phía Việt Nam Cộng Hòa khi đưa những người này để trao trả có chủ tâm chứng minh: Họ chỉ là những người được cộng sản ngụy danh xâm

nhập vào sinh hoạt chính trị miền Nam Việt-Nam dưới những hình thức đấu tranh hòa bình dân chủ. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa còn muốn dọn đường trước cho dư luận thấy rằng: "Thành phần thứ ba" mà Hiệp Định Ba-Lê quy định để tham dự vào Hội đồng Hòa Giải thực tế cũng chỉ là những người "nằm vùng" trên mà thôi. Trái lại, phía Mặt Trận Giải Phóng lại muốn dùng những nhân viên dân sự (NVDS) trên để làm có tố cáo: Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đàn áp đối lập, chụp mũ những người đấu tranh cho hòa bình là cộng sản rồi đem "tra ép" về phía Mặt Trận Giải Phóng; mà thật ra chính là những "nhân tố" cần thiết để cấu thành nên lực lượng thứ ba trong ba thành phần của Hội Đồng Hòa Giải theo điều 12 Hiệp Định.

Từ hai phía nhìn đối nghịch, mỗi bên đã có một phương thức giải quyết rõ rệt đối với lớp người này. Phía Việt Nam Cộng Hòa muốn trả về cho Mặt Trận tất cả những người đấu tranh này, và chỉ nhận về khi họ phát biểu ý kiến "Xin trở về vùng Việt Nam Cộng Hòa". Phía Mặt Trận Giải Phóng lại có cơ tâm khác, họ sẽ không nhận những người này danh nghĩa là những nhân viên dân sự của họ, mà chỉ nhận những người "tị nạn chính trị" Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trong vùng Mặt Trận tạm kiểm soát. Cán bộ cộng sản cũng trù tính một chương trình nội công ngoại kích tạo điều kiện thuận tiện để những "Nhân Viên Dân Sự" này phát biểu, tố cáo những điều bất lợi đối với Việt Nam Cộng Hòa tại địa điểm trao trả. Phía Mặt Trận đã đưa vào nhà giam tất cả chi tiết diễn tiến trao trả để những người này hình dung và chuẩn bị trước công việc sẽ làm, những lời phải nói; họ cũng "dọn" trước tại Lộc Ninh một số phóng viên báo chí ngoại quốc thiên tả, những luật sư trẻ tuổi của Ủy Ban các luật gia tranh đấu cho Tự Do tại Nam Việt Nam; Ủy Ban Quốc Tế đòi tự do cho những tù nhân chính trị tại miền Nam Việt Nam... Những người này đã đến Việt Nam sau hội nghị vận động trả tự do cho các tù nhân chính trị tại miền Nam Việt Nam mở tại Paris trong 4-1-73. Bề mặt, không hiểu họ đến với tư cách gì, chỉ biết khi đến Sài Gòn, họ đã được một số cán bộ cộng sản thuộc Thành ủy Sài Gòn móc nối hướng dẫn vào khu để nhận tài liệu, cách điều hành công tác tại Sài Gòn cũng như ở các địa điểm sắp thực hiện trao trả. Tôi không biết rõ các cơ quan tình báo của ta đã hoạt động như thế nào để kiểm soát những nhóm người này, điều ngạc nhiên là họ đi đứng, trang phục và phát biểu một cách gần như công khai tất cả dự tính, hoạt động thiên cộng của họ... Dép da, áo quần bà-ba đen, các tài liệu về tù nhân do cán bộ cộng sản cung cấp. Lẽ tất nhiên sự có mặt của đám người này cùng cách đấu tranh cách mạng theo lối Mỹ của họ không phải là một trở ngại cho công việc trao trả chúng tôi. Điều đáng nói là sự chuẩn bị rất kỹ của đôi phương để làm nổi bộ mặt Tù Chính Trị, Lực lượng thứ ba tại miền Nam Việt Nam... Mầm, Long, Châu, Quế Hương khi đến địa điểm trao trả đã thuộc lòng tất cả thủ tục về cách thức phát biểu nguyện vọng, các từ ngữ cần tránh né như từ "VNCH", cách thức yêu sách ghi ở mục cước chú khi phát biểu nguyện vọng. Đám luật sư người Mỹ chỉ một ngày sau khi đến Sài Gòn đã có đủ mấy chục tập báo Đối Diện, cuốn bạch thư của Hồ Ngọc Nhuận, tuyên cáo của Phái đoàn Mặt Trận trong Ban Liên Hợp Quân Sự Hai bên Trung Ương về vấn đề tù binh và rõ ràng hơn hết là những tài liệu mà đám sĩ quan cộng sản trong Ban Liên Hợp có được chỉ là những tài liệu đem đến từ nước ngoài... Phải nói thật rộng về vấn đề liên quan đến đám tù

nhân nổi tiếng trên để xác định lại một sự kiện: Cộng sản chuẩn bị chu toàn tối đa để khai triển yếu tố "tù chính trị" ở miền Nam Việt Nam... Cuộc đấu tranh giữa chúng tôi cùng với âm mưu trên sẽ được trình bày lại rõ ràng trong đoạn đầu về "Thủ tục trao trả" sau này.

Hôm nay ngày 21 tháng 2-1974, Huỳnh Tấn Mẫm đến địa điểm trao trả, mục tiêu "nổi" nhất của đợt trao trả này. Chúng tôi và cán bộ cộng sản nhập trận. Sau phần giáo đầu với câu nói tấn công bất chợt như trên, thiếu tá Dũng của Mặt Trận bắt đầu lời "chào mừng", xong đến điểm danh từng người một. Người thứ nhất, thứ nhì... Huỳnh Tấn Mẫm đưa tay: Tôi có ý kiến, Dũng đáp ngay: Anh đợi khi trả hết danh sách chúng tôi sẽ giải quyết trường hợp anh. Mẫm ngồi xuống lại, mồ hôi chảy giòng lớn và hai bàn tay xoáy cứng vào nhau.

Danh sách trao trả hết. Dũng lớn tiếng gọi: Xin mời Ủy Ban Quốc Tế, Ban Liên Hợp Quân Sự đến để chứng kiến anh Huỳnh Tấn Mẫm phát biểu ý kiến. Để thực hiện cuộc trao trả và tiếp nhận, mỗi bên đưa ra một sĩ quan đại diện để trao trả hoặc tiếp nhận. Sáng hôm nay phía Mặt Trận đưa thiếu tá Dũng, phía Việt Nam Cộng Hòa có thiếu tá Ngọc. Công việc này tại địa điểm Lộc Ninh chúng tôi gồm có ba người, Ngọc, Chuẩn và tôi thay phiên nhau đảm nhiệm theo tình hình, sáng hôm nay tôi rút lại về vị trí thành viên Trung Ương, không thuộc thành phần trao trả, nhường chỗ cho Ngọc. Cần phải nói qua về anh chàng này, Ngọc người Quảng Nam, từng sống với cộng sản trong thời kỳ 45 lúc Nam, Ngãi, Bình, Phú là Liên khu 5 giải phóng. Gốc Quảng Nam với một kinh nghiệm tích cực nhất đối với cộng sản kinh qua bằng máu xương của mình, Ngọc là đại diện cho thành phần chống cộng đến nơi đến chốn của người quốc gia miền Nam... Tôi báo cho các anh biết: "Các anh lần tôi một bước, tôi sẽ lần lại hai bước, các anh nói dai một giờ, tôi nói dai một buổi, nếu cần tôi sẽ ngủ tại Lộc Ninh này để "cãi" với các anh..... Các anh nên nhớ tôi là dân Quảng Nam, nơi đã lập tuyến chiến đấu đối kháng với các anh từ ba mươi năm nay, có các anh thì không có tôi và ngược lại..." Đó là những lời giao hữu của Ngọc với sĩ quan Mặt Trận. Tên Triệu Tử Long của địa điểm trao trả này hôm nay được dịp "đánh" tối đa với mục tiêu Huỳnh Tấn Mẫm. Tôi rút về vị trí quân sự nhường Ngọc đi xung kích.

Khi đông đủ bốn thành viên quốc tế, hai sĩ quan thuộc Ban Liên Hợp Quân Sự Hai bên Trung Ương, Dũng trên tư cách tiếp nhận được quyền hỏi trước. Nhưng thay vì hỏi Mẫm ba câu hỏi đúng theo thủ tục, câu thứ nhất hỏi về hộ tịch: tên họ, nơi, ngày và năm sinh; câu hỏi thứ hai lý do bị bắt; câu thứ ba: Nay muốn xin về đâu, ở xã, quận, tỉnh hay đô thị nào.. Dũng cất cao giọng:

- Đây là anh Huỳnh Tấn Mẫm, sinh viên tranh đấu cho hòa bình, hòa giải dân tộc bị chính phủ Sài Gòn bắt và hôm nay trả ép cho chúng tôi. Chúng tôi khẳng định anh Mẫm không phải là "diện trao trả" nên chúng tôi sẽ không ký nhận anh Mẫm là một nhân viên dân sự của "Chính phủ" chúng tôi, mà chúng tôi chỉ giúp đỡ anh theo đúng ý kiến anh phát biểu...

Mẫm đứng dậy nói lớn:

- Tôi là sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm thuộc trường Đại học Y khoa Sài Gòn, như ai cũng biết

trước đây tôi tranh đấu cho hòa bình và hòa giải dân tộc nên bị Chính phủ Sài Gòn bắt...

Ngọc can thiệp ngay: (Thật ra ngay từ đầu, khi Dũng mới nói được câu thứ nhất thì Ngọc đã lớn tiếng cắt đứt nhưng vì để người đọc theo dõi đủ nội dung của lời phát biểu, người viết trình bày theo thứ tự...)

- Chúng tôi phản đối, yêu cầu của thiếu tá Dũng hỏi đúng ba câu hỏi của thủ tục quy định, yêu cầu nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm chỉ được trả lời theo từng câu hỏi... Chúng tôi không chấp nhận sự phát biểu ý kiến này, nếu không, yêu cầu bên tiếp nhận hoặc ký nhận và mang nhân viên dân sự này đi, hoặc không thì chúng tôi mang về.

Anh thiếu úy Hiếu, sĩ quan thông dịch của phía Việt Nam Cộng Hòa, người có tác phong của một sĩ quan cán bộ tại quân trường và khả năng dịch Anh ngữ thì đúng "tiêu chuẩn" chống cộng. Hiếu, vọt lên chiếc ghế, dịch sang Anh ngữ, dịch thanh thoát, nhấn mạnh từng từ ngữ, Hiếu dịch như "vòn" dịch thủ, như "chươi" cả một chế độ cộng sản...

- Chúng tôi phản đối! Chúng tôi phản đối! Yêu cầu thiếu tá Ngọc lần thiếu úy Hiếu hãy để cho anh Mẫm phát biểu ý kiến của anh ta!!... Dũng quơ tay phân bua cùng đám sĩ quan quốc tế. Dịch cho mấy "ông" quốc tế đi... Dũng xúi thiếu úy Khánh, sĩ quan phiên dịch của Mặt Trận cố gắng phản công Hiếu; vì bây giờ Hiếu không dịch nữa nhưng đang "đánh" bên đối phương bằng khả năng tiếng Anh rất có học, rất chống cộng. Chống cộng đúng sách vở với "chính nghĩa sáng ngời" (Thành ngữ cộng sản thường dùng)... Các anh Ủy Ban Quốc Tế không biết nghe theo ai, cả một nhóm người nhón nháo... Thủ tục! Thủ tục! Chúng tôi bắt buộc phải áp dụng đúng thủ tục gồm ba câu hỏi và ba câu trả lời!! Ngọc nói như hét. Hiếu lập lại toàn bộ để chấm dứt phần thuyết trình. Mẫm tái mặt, mồ hôi không phải từng dòng, nhưng mồ hôi đầy mặt, lời nói của anh ta chìm vào đám đông, một đám đông đầy đe dọa, chắc nịch từng phe từng khối, rõ rệt vững vàng. Đây không phải là giảng đường, không phải là trụ sở sinh viên, nơi Mẫm đã từng cất cao giọng trấn áp đối thủ, nơi Mẫm nổi tiếng đánh thép đè bẹp một liên danh đồng bạn, những người tóc xanh mắt sáng, lòng bùng ngọn lửa đấu tranh của tuổi trẻ, cho dân tộc, thiếu hẳn các thủ đoạn chính trị tinh ma... Mẫm, chỉ đã gặp những cường lực chống đối bề mặt đó cùng những phần nộ bấp thịch ở những ngày qua trong các đường phố để rồi chỉ gây nên phản ứng hận thù hơn bị khuất phục. Nên đây là lần đầu tiên Mẫm thấy được cuộc đấu tóe lửa giữa Cộng Sản và Quốc Gia mục tiêu là chính mình. Một cái cơ nhỏ nhoi của xung đột căn bản giữa hai ý hệ không hòa giải cùng nhau được. Mẫm sững sờ trước những khuôn mặt đối nghịch, giữa các luận cứ không thể hòa hợp, một bên là Dũng với khuôn mặt xấu xí, bộ răng ủa vàng, đầu tóc ngã màu xám của tuổi già với những sự lập lại chát chúa: Anh cứ phát biểu ý kiến, anh cứ phát biểu ý kiến với chúng tôi, chúng tôi sẽ giải quyết thích đáng... Một bên là Ngọc với âm vang xứ Quảng kiên cường, xứ sở của Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp, Phan Khôi với lý luận cứng như gạch nung, với quyết chí trong từng âm lượng: Phải áp dụng đúng thủ tục phát biểu ý kiến, thiếu tá Dũng hãy hỏi ba câu hỏi, nhân viên dân sự này trả lời ba câu, đi hay xin ở lại... Ở đây không có phát biểu ý kiến, ở đây không có khích động, tuyên truyền, đừng giở trò phá

hoại trao trả... Chúng tôi sẽ ngưng trao trả ở đây yêu cầu quý vị về lều Liên Hợp Quốc để làm việc... (Khi có một vấn đề không giải quyết được tại lều trao trả thì hai bên trao trả, tiếp nhận; sĩ quan của Ban Liên Hợp của hai bên về lều Liên Hợp để tìm cách giải quyết: Thủ tục hai bên ấn định). Trong khi chờ đợi, nhân viên dân sự ngồi tại đây, không ai được tiếp xúc, kích động. Ngọc kết luận mở qua một hướng tấn công mới...

Nhóm người giãn ra, Mẫn ngồi xuống. Tôi nhìn thấy nét mệt mỏi tàn tạ trong ánh mắt của anh. Mẫn đã vào một trận đấu không có ý niệm đủ, trận đánh quá xa lạ, khốc liệt và anh ý thức mình chỉ là một cái cơ vô nghĩa khởi đầu cho xung đột. Mẫn không còn là sinh viên y khoa Huỳnh Tấn Mẫn, Chủ tịch Tổng Hội Sinh viên Sài Gòn, người dẫn đầu lực lượng xung kích xuống đường phố Sài Gòn đòi quyền sống. Mẫn đã trở thành một cái "cơ" không hơn không kém, một cái "cơ" bị triệt tiêu!! Chúng tôi để Mẫn ngồi lại gian lều; đám trật tự của Mặt Trận vây chung quanh xì xào...

Mẫn ngồi lại trong hừng hờ sau cơn huyên náo tàn nhẫn, hai bàn tay bám chặt trên chiếc băng đôi mắt nhìn về phía trước để tránh hẳn tất cả gặp gỡ, tra hỏi. Nếu chạm phải một cái nhìn bất ngờ, Mẫn cười, nụ cười sẵn sàng muốn thoát khỏi thực tế tàn bạo đang vây bủa.

Tôi ngồi trong chiếc lều của Ban Liên Hợp cách lều trao trả nơi Mẫn ngồi một khoảng ngắn, tai lắng nghe bên ta cùng đối phương phân tích trường hợp Huỳnh Tấn Mẫn và các cách giải quyết. Hôm nay tôi không phải đấu, nhường nhiệm vụ này lại cho thiếu tá Chương, sĩ quan Liên Hợp cùng Tiểu ban Tù binh với tôi. Chúng tôi đủ sức đề bẹp cái đối phương tội nghiệp ngày hôm nay, như đợt đầu vừa qua giữa Ngọc và Dũng, chúng tôi đã chiếm thượng phong rõ rệt. Cán bộ cộng sản không phải chỉ có ưu điểm; Rành lý luận và biện luận giỏi hơn phe ta; họ chỉ học thuộc bài hơn. Bài học đọc nhất. Nên chỉ lên lớp, vượt đượt "kẻ vô học", người không quen trận địa miệng lưỡi. Hơn một năm qua ở bàn hội nghị cũng như các địa điểm trao trả chúng tôi đã thấy rõ được bài học của đối phương, nên khi đây vấn đề ra khỏi phạm vi bài học, cán bộ cộng sản sẽ ngất ngư đến độ buồn cười. Tên tôi được Chương nhắc tới... "Đại úy Nam sẽ trình bày các chi tiết của thủ tục trao trả ở đoạn nói về các trường hợp tương tự như của nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫn và cách thức phát biểu ý kiến..." Chương nhường lời cho tôi.

Tôi bắt đầu: Trước mặt tôi có hai bản thủ tục, một bản của chúng tôi, một bản của quý vị, hai bản có nội dung khác nhau và một vài vấn đề chưa được thỏa thuận, nhưng quả tình cả hai đã thỏa thuận những nguyên tắc cơ bản để làm "khung" (tôi dùng một từ ngữ của họ) cho việc trao trả và tiếp nhận. Chính trong bản văn của quý vị cũng công nhận tính chất này qua câu kết luận: "Tuy chưa có sự thỏa thuận chính thức của cấp trưởng đoàn nhưng thủ tục trao trả này có giá trị thi hành...". Văn bản của quý vị thiết lập chính thức từ 21-7 đã được sử dụng trong hai cuộc trao trả ngày 23, 24 tháng 7 năm ngoái cũng tại địa điểm này. Và cũng đã từng áp dụng cho trường hợp hai mươi một nhân viên dân sự gốc sinh viên tương tự như anh Huỳnh Tấn Mẫn. Vì tính chất thực tế và thực dụng của những thỏa thuận căn bản, đã từng áp dụng qua nhiều lần trao trả, hôm nay tôi nhắc lại những điều này để

giải quyết trường hợp nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm"...

- Thỏa thuận thứ nhất là người phát biểu ý kiến chỉ được hỏi khi bên trao trả đã trả hết danh sách trong đó có người ấy.

- Bên tiếp nhận chỉ được phép hỏi ba câu: Câu thứ nhất hỏi tên, họ, năm, nơi sinh; câu thứ hai hỏi lý do bị bắt tức là những hoạt động trước kia gây nên duyên cớ bị bắt giữ, và câu chót hỏi về nguyện vọng (Tôi xin nói rõ ở đây, trong cả hai bản thủ tục chỉ có từ ngữ "phát biểu ý kiến"). Và nguyện vọng ở đây được xác định là nguyện vọng thay vì đi về theo bên tiếp nhận thì xin được ở lại phía bên trao trả. Nguyện vọng này sẽ được thực hiện khi trả lời câu hỏi: Nay xin ở lại quận, tỉnh nào... Sở dĩ chúng tôi đã cấu tạo nên câu hỏi trên vì muốn tránh tính chất khích động từ những câu hỏi: Nay xin về với Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa hay theo Chính phủ Lâm Thời; cũng vì muốn tránh những khích động tạo căng thẳng tại địa điểm trao trả nên chúng tôi mới đề nghị dùng ghi chú "xin ở lại" ở cột cước chú để tóm tắt nguyện vọng của người phát biểu thay vì những ghi chú như: Chiêu hồi, tìm tự do, ở lại với bên nào...

Những điều trên tôi vừa trình bày đến quý vị là những thỏa thuận căn bản đã thực hiện qua nhiều địa điểm trao trả. Thế nên hôm nay chúng tôi cần nhắc lại để giải quyết với trường hợp của nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm. Chúng tôi sẽ không thể nào giải quyết được vấn nạn mà chắc chắn quý vị sẽ nêu ra: Nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm không thuộc "diện trao trả", nghĩa là anh ta thuộc về một thành phần thứ ba, thứ tư nào đó. Chúng tôi xin mở rộng vấn đề này thêm một lần nữa để rồi khép lại dứt khoát vì vấn đề này hoàn toàn vượt khỏi khả năng, quyền hạn, trách nhiệm không những của chúng tôi mà cả quý vị. Những sĩ quan của Ban Liên Hợp Quân Sự Hai bên... Như danh từ "quân sự" đã xác định, nhiệm vụ của chúng tôi cũng như quý vị lại được Nghị Định Thư về Ban Liên Hợp Quân Sự xác định thêm một lần nữa, nhiệm vụ đó đã được nêu rõ từng dòng, từng chữ, nghĩa là một nhiệm vụ rất hạn chế và cũng rất cụ thể... Trong phạm vi trao trả, nhiệm vụ của "chúng ta" lại được xác định thêm một lần nữa ở điều 11(d) Nghị Định Thư về trao trả những nhân viên quân sự và dân sự tại các địa điểm trao trả mà cả hai bên thỏa thuận... "Quan sát" có nghĩa là nhìn, ghi nhận và báo cáo các diễn tiến, trở ngại, kết quả của các buổi trao trả lên trưởng ban của hai bên ở trung ương để các vị này thảo luận hoặc đưa lên cấp trưởng đoàn... Thế nên khi quý vị khai triển trường hợp nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm để ép buộc chúng tôi phải quan sát, chứng kiến và cuối cùng giải quyết một trường hợp đặc biệt, xác nhận thành phần, lực lượng chính trị thứ ba, thứ tư, hoặc quá đáng hơn nữa, quý vị đẩy chúng tôi vào những cam kết nghiêm trọng như: Trả tự do cho các nhân viên dân sự này vô điều kiện, không được bắt lại, theo đúng nguyện vọng của người ta... Làm sao chúng tôi có thể thực hiện những cam kết, xác nhận như trên, không phải cấp trưởng đoàn của ban Liên Hợp Quân Sự mà ngay cả hội nghị cấp cao ở La Celle Saint Cloud cũng chưa thỏa thuận được về định nghĩa, xếp đặt cho thành phần thứ ba này... Chúng tôi chỉ là những sĩ quan trung cấp của một tiểu ban thuộc ban Liên Hiệp Quân Sự làm sao có thể giải quyết được một vấn đề nghiêm trọng, to lớn và rất phức tạp... Một vấn đề nhiều tính chất "chính

trị" rất khác biệt với nhiệm vụ cụ thể của một sĩ quan trong tiểu ban trao trả. Tóm lại, chúng tôi cũng như trong quá khứ của khoảng thời gian tháng 4, 5, 6, 7 năm 73 trong lúc ngồi làm việc với quý vị trung ương để thiết lập thủ tục trao trả, khẳng định lại rằng: Chúng tôi chỉ làm việc theo nhiệm vụ của một quân nhân, ấn định rõ bởi các Nghị Định Thư về ban Liên Hiệp Quân Sự. Trong trao trả và chúng tôi làm việc theo thể thức nào. Đây là thủ tục trao trả hiện đang có trước mặt tôi. Một thủ tục có "giá trị thi hành", từ ngữ của quý vị. Để chấm dứt, tôi xin đúc kết thành khẳng định sau đây: Nhân viên dân sự Huỳnh Tấn Mẫm sẽ được hỏi theo ba câu hỏi của thủ tục, và cũng chỉ trả lời theo ba câu hỏi đó. Nếu quý vị bảo rằng anh ta không thuộc "diện trao trả", có nghĩa không là đối tượng để trao trả thì chúng tôi gạch tên anh ra khỏi danh sách và mang anh ta về. Tôi chấm dứt.

Bên kia lều trao trả, Mẫm lặng lẽ ngồi nghe, chắc anh đang chọn lựa, so sánh và cân nhắc, những chỉ thị đã nhận trước có lẽ đã không có giá trị với thực tế vừa trải qua. Mẫm đã bị đánh bật ra khỏi địa bàn quen thuộc với những đối lực mãnh liệt, phũ phàng hơn anh dự tưởng. Qua khoảng sân nắng, tôi thấy Mẫm gục đầu.

Cuối cùng, Mẫm được giải quyết trong khuôn khổ thủ tục ba câu hỏi, anh chỉ yêu cầu đừng ghi là "hồi chánh" (lẽ tất nhiên) và ghi rõ nguyện vọng: "Xin trở về gia đình ở Sài Gòn" ở mục cước chú. Tôi mang xác tay cho Mẫm đi về phía lều đợi, sát ở bãi trực thăng, ngang qua lều y tá, Nguyễn Thành Công, Tổng Thư Ký của Tổng Hội Sinh viên, lúc Mẫm là Chủ tịch, tay mang băng "y tá" đưa tay lên chào Mẫm. Hai người tuổi trẻ nhìn nhau thật nhanh, hình như họ cố gắng cười với nhau nhưng không nổi.

Đến lều đợi, ngồi xuống bên cạnh Mẫm, sẵn có trung úy Vượng, dân Đại Học xá Minh Mạng quen với Mẫm từ trước, sĩ quan báo chí của phái đoàn gợi chuyện; tôi tìm lời nói mở đầu thân thiện nhất. Tôi tự giới thiệu, Mẫm gật đầu xác nhận có đọc qua những bài báo của tôi. Lấy đà từ sự kiện này tôi nói cùng Mẫm:

- Trước kia tôi rất chống đối hoạt động của anh, ở vị thế của một người lính chiến đấu, từ chiến trường nhìn về một hậu phương hỗn loạn trong đó các anh nhân danh hòa bình, dân tộc để đòi chấm dứt chiến tranh, nhưng trong cách thể đấu tranh đó các anh đã đề cao người cộng sản và sỉ nhục chúng tôi. Chúng tôi còn gọi đó là thái độ vong ơn với những kẻ góp máu để các anh sống ở hậu phương, không những chỉ chống đối, tôi cũng nhìn các anh như là những hiện tượng cần phải hủy diệt, đánh nát. Nhưng bây giờ, sau những ngày sống cùng sinh hoạt này, tôi biết được thêm nhiều chuyện, biết để nghĩ rằng thái độ của mình trước kia tuy căn bản không sai nhưng quả tình thiếu nhiều tinh tế và quá hạn chế. Trước thì tôi nghĩ các anh bị cộng sản giật giây, nếu không muốn nói là cộng sản chính công, nhưng bây giờ qua hai năm sống và tranh đấu trực tiếp cùng họ, hai năm chìm ngập trong hoạt cảnh bị thẩm tù tội, tôi có những ý kiến khác về anh, về anh Công, rộng rãi hơn về những người tranh đấu chống chính quyền. Tôi nghĩ trừ một thiểu số nhỏ, những "nhân tố cơ sở" (chữ Việt cộng) mà cộng sản "cấy" vào lòng các tổ chức sinh viên, các tổ chức tranh đấu hòa bình là những cán bộ cộng sản đích thực, còn ngoài ra, anh hay các bạn trẻ dù có

nhận tài liệu từ khu đưa vào, dù có được đón đi vào Hồ Bò, Bến Mương, Tây Ninh học tập, các anh vẫn chưa là người cộng sản, không bao giờ có thể là người cộng sản, cộng sản thuần túy từ lý lịch quá khứ đã tạo dựng lên. Các anh chỉ là những người trẻ tuổi không muốn thỏa hiệp với một chính phủ nhiều sơ hở, nhiều khuyết điểm, tôi không thể phủ nhận tính chất này và có muốn phủ nhận cũng không được, vì ngay cả ông Thiệu, ông Hương cũng đã báo động về tham nhũng, đã kêu gọi tiếp tay để diệt trừ tham nhũng. Trước một xã hội như thế, hoài bão, trí thức và lòng tự trọng của tuổi trẻ không cho phép các anh thỏa hiệp, và các anh phải phát cờ tranh đấu. Nhưng tranh đấu thì phải có kỹ thuật, tranh đấu phải có mục tiêu. Thế thì còn ai ngoài người cộng sản để tặng đến cho các anh hai khí giới chiến thuật cần thiết đó. Và dần theo sự giải thích của họ, anh thấy mục tiêu của mình "có vẻ giống" mục tiêu của họ. Anh nhận thấy họ cùng anh ở một tuyến chiến đấu. Nhưng vẫn đề không dừng lại ở đây, những mục tiêu chiến lược gói trọn cả hoài bão tuổi trẻ của anh đối với người cộng sản chỉ là một mục tiêu chiến thuật đoản kỳ. Đòi lại thái độ nhận họ vào tuyến chiến đấu chung của các anh, thì họ chỉ xử dụng các anh như những đội ngũ tiên phong ở một vài giai đoạn nào đó, trong một vài địa bàn nào đó, như những năm 1966 - 67 ở đường phố Sài Gòn. Họ luôn luôn bảo vệ lực lượng chiến lược căn bản gồm những công - nông trung kiên với "đảng tính" tinh truyền, các anh chỉ là những "trí thức trẻ" thặng dư để lót đường trong một chiến dịch. Một chiến dịch chứ không là trận đánh cuối cùng, quyết định. Nhưng đến đây, tôi cũng phải nói rõ niềm thán phục của tôi đối với anh; những người tự bỏ đời sống bình yên để dấn thân vào cuộc đấu tranh mang đến nhiều cay đắng, thua thiệt. Nếu như những người khác, giờ này anh và anh Công chắc đã trở thành bác sĩ bình yên ở Sài Gòn, nhưng các anh đã chọn con đường chông gai, các cô Lan, Huệ đã lựa những vị thế bão táp... Chúng tôi thán phục sự chọn lựa can đảm đầy hy sinh cao đẹp này. Đến đây, anh Mẫn nếu có, cũng đừng nghĩ rằng tôi đang làm một công tác "chiến tranh tâm lý", công việc này tôi không quen làm, cũng không xứng đáng để tôi thực hiện cùng anh, được như thế thì tôi mới nói tiếp - Tôi ngần ngại một chút, xong tiếp tục - Tôi nghĩ rằng sự chọn lựa vừa rồi của anh đứng đắn, cũng như các anh Công, cô Lan, cô Huệ đã thấy, Lộc Ninh này không phải là thế giới của các anh, các chị. Thế giới, không khí, môi trường của các anh là ở Sài Gòn, trong giảng đường, giữa cộng đồng sinh viên, chỉ những nơi này anh mới có mục tiêu, cuộc tranh đấu của anh mới có ý nghĩa, chứ ở đây các anh còn gì nếu không là hình ảnh của anh Công mang băng y tá, ngồi trước mũi một chiếc xe Hồng Thập Tự công tác cùng với những "bác sĩ", chị "y tá" mà khả năng chuyên môn là điều đùa cợt với danh xưng và trong ánh mắt chỉ loáng lên những tia nhìn rình mò nghi kỵ hạ đẳng. Anh về lại Sài Gòn học tiếp xong bằng bác sĩ, kết tập kinh nghiệm, mở thế tranh đấu mới trong tinh thần độc lập sắc son của quê hương, dân tộc... Nếu có thể tôi xin làm người viết diễn văn, dán bích chương cổ động cho anh.

Mẫn cười, phải, tôi cũng chỉ chờ đợi nụ cười tự nhiên trong sáng đó, tôi không biết anh nghĩ gì về lời tôi nói, nhưng chắc rằng, (hy vọng như thế) anh không bỏ qua lòng thành thật của tôi. Bây giờ, tháng 4-74, hai tháng sau ngày trao trả, Mẫn vẫn bị biệt cư với một vài điều kiện nào đó, ước mong chính quyền có những biện pháp tích cực, uyển chuyển

hơn để chấm dứt tình trạng hạn chế của Mẫn, vì quả tình đó chỉ là những người lãng mạn đẹp để mang nhiệt tình vào đời sống nhiều hư hại này mà thôi.

Lộc Ninh hai ngày sau, hôm nay chính tôi đứng trao trả, một tù nhân nổi tiếng khác: Luật sư Long. Ông Long ngồi ở băng cuối cùng, ngồi hẳn về một góc riêng rẽ, hai tay chống lên đùi chắc nịch tự tin, bên cạnh không phải chỉ một gói hành lý như Huỳnh Tấn Mẫn, luật sư Long có đến một đồng hành lý gồm nhiều xác tay công kênh. Ông già ngồi vững chãi, mắt quyết chí, đôi mắt nhỏ long lanh sau lớp kính trắng. Tôi nhủ thầm, ông ta chắc chắn sẽ có thái độ khác hẳn Mẫn hay Huỳnh Văn Trọng những ngày trước. Thái độ đó như thế nào, tôi không tiên đoán được, nhưng cảm thấy có một dự mưu và bề ngoài hăm dọa kia chỉ là một lớp sơn che dấu. Từng tên người, từng người tù xao xuyến, còm cõi đi qua... Số 23, Nguyễn Long. Luật sư Long đứng dậy, cầm tay nải, một anh cộng sản có nhiệm vụ tiếp đón, đón lấy hai xác lớn khác, ông đi thẳng không nhìn qua lại, không lộ vẻ ngần ngại, hai dãy sĩ quan Ủy Ban Quốc Tế và Liên Hợp quân sự theo dõi lần lần bước chân của ông Long. Ông đi thẳng từ lều trao trả qua lều chờ đợi, ngồi xuống cùng đám tù chung danh sách vừa được trao trả. Chúng tôi trả thêm hai người cuối cùng (Danh sách hai mươi lăm người), các nhân viên thuộc Bộ Nội Vụ Việt Nam Cộng Hòa cùng các cán bộ cộng sản trao đổi nhau ý kiến chót trước khi để tôi cùng thiếu tá Dũng (Mặt Trận Giải Phóng) ký xác nhận cuối cùng ở cuối bản danh sách. Bỗng tôi nghe từ bên lều đợi, cách trao trả khoảng năm thước những tiếng xôn xao, luật sư Long đang sửa soạn tuyên bố vài điều gì đó. Mấy viên sĩ quan Mặt Trận hấp tấp đi tập hợp đám sĩ quan Ủy Ban Quốc tế, Thiếu úy Khánh (Mặt trận Giải phóng) sĩ quan phiên dịch đang oang oang gọi viên Chủ Tịch Hung Gia Lợi. (Mỗi phái đoàn quốc tế thay phiên nhau làm chủ tịch một tháng), một anh thiếu úy mặt non, bung ra sữa với những trịnh trọng khô khan... Như thế này là không được. Tôi bỏ tờ danh sách sắp ký xuống chạy băng qua lều đợi...

- Bác không thể tuyên bố, họp báo hay phát biểu ý kiến gì ở đây được. Thủ tục chỉ quy định phát nguyện vọng tại lều trao trả và trong lúc tiến hành trao trả mà thôi. Tôi nói cùng luật sư Long.

- Tôi muốn phát biểu ý kiến, tôi không rõ thủ tục, tôi nghe nhầm, cho tôi phát biểu ý kiến.

- Bác phát biểu ý kiến gì?...

Đôi mắt ông Long hốt hoảng, hai tay ông mở ra phân bua:

- Tôi có tội chi, tôi có tội chi, cho tôi phát biểu ý kiến trở về Việt Nam Cộng Hòa. Bốn chữ chót này làm lấp trí khôn, mất hết phản ứng vốn rất nhạy, tôi tưởng rằng ông Long muốn trở về thật, sự hăng hái đi thẳng vừa rồi chỉ vì không nghe rõ lời hướng dẫn thủ tục về cách phát biểu nguyện vọng trước khi cuộc trao trả bắt đầu... Nhưng chỉ sau ba phút, tôi đã biết mình nhầm lẫn, bị mắc lừa. Trở về VNCH, tôi nghĩ ông Long cũng như Mẫn hay Huỳnh Văn Trọng. Đến lúc chọn lựa cụ thể nhất đã chọn Việt Nam Cộng Hòa; vì quả tình chỉ có trong cộng đồng này họ mới là Nguyễn Long, Huỳnh Văn Trọng, Huỳnh Tấn Mẫn, qua

phía Mặt Trận Giải Phóng, họ sẽ không là gì hết. Cán bộ cao cấp như Phùng Văn Cung, Phạm Văn Bạch cũng chỉ là những chỗ ngồi bung xung thôi, hướng gì chính sách sa-lông Nguyễn Long, thành tích tranh đấu không gì ngoài ba tuyên cáo chưa hề được phổ biến đến dân chúng. Tôi dẫn ông Long trở lại lều trao trả để ông phát biểu nguyện vọng, những sợi tóc trắng trên một thân thể đã vào tuổi già làm tôi chùng xuống, tôi quên mất đề phòng trong cảm giác xót xa này. Ông Long ngồi xuống băng ghế, liếc mắt thấy đủ tất cả các viên sĩ quan của Ủy Ban Quốc Tế, đột nhiên ông vùng dậy, mau như một con nai khi thoáng tiếng động...: Tôi, Nguyễn Long, luật sư, 65 tuổi người xã Diên Khánh, phủ Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, nhà tôi ở 42 Võ Tánh Sài Gòn, văn phòng tôi ở 40C Gia Long Sài Gòn. Năm 1961 tôi tham gia vào Phong trào Dân Tộc tự quyết, năm 1965 tôi tham gia vào Ủy Ban Bảo Vệ Hòa Bình tôi bị bắt thả ra, rồi năm 1971 (?) tôi bị bắt lại và hôm nay đem trao trả cho Chính Phủ Lâm Thời... Tôi không phải là người của Chính Phủ Lâm Thời (Chánh Phủ Mặt Trận Giải Phóng) nhưng bây giờ tôi xin tỵ nạn chính trị tại Lộc Ninh này!!

A! ra thế!! Tôi đã bị ông Long lừa một cú lớn, tôi đã bị đôi mắt lạc thần, hai bàn tay run run mở ra cùng câu nói như tiếng khóc "tôi có tội chi" làm mờ mắt, tôi bị những sợi tóc bạc, khối thân thể già nua mệt nhọc làm mất hết năng lực nhận xét, nên đã vội vã đưa ông về lều trao trả và ông đi được bước "phát biểu ý kiến" chính thức trước Ủy Ban Quốc Tế... Nỗi sợ hãi "đây" một người oan uổng về phía đối phương đã khiến tôi quên mất âm mưu này của phía cộng sản; suốt ba tháng 4, 5, 6 và tháng 7 năm 1973 tại bàn hội nghị, qua hàng chục lần trao trả ở địa điểm này, chưa bao giờ phía Mặt Trận Giải Phóng thực hiện được một cú "phát biểu ý kiến" đầy đủ như lần này!! Lần này là lần độc nhất và chắc cũng là lần cuối cùng. Tôi có thêm được một kinh nghiệm xác đáng. Không bao giờ đem tinh thần nhân ái ra sống cùng Cộng Sản... Phải nhớ như in vào óc như thế, một lần này quá đủ... Tôi đưa tay ngắt lời ông Long, nói lớn gấp năm lần ông Long, nói lớn gấp mười lần lời phiên dịch chát chúa của viên thiếu úy cộng sản.

- Thưa quý vị, nhân viên dân sự Nguyễn Long đã được chúng tôi trao trả đúng thủ tục và không có một ý kiến, một nguyện vọng nào của nhân viên dân sự này được ghi nhận trong khi diễn tiến cuộc trao trả. Sự kiện phát biểu ý kiến của nhân viên dân sự Nguyễn Long sau khi cuộc trao trả hoàn tất chỉ là do thiện ý (quả tình như thế) của chúng tôi, tưởng để làm sáng tỏ một nguyện vọng, nhưng bây giờ biến thành một cuộc kích động, tố cáo. Chúng tôi chấm dứt sự phát biểu này vì sai hấn thủ tục trao trả. Về phần bác, tôi đã trao trả xong, xin mời bác đi (tôi nói riêng với ông Long).

Ông Long bước đi, bước chân vui thích sột sắng, cán bộ Mặt Trận Giải Phóng chung quanh tỏ vẻ hớn hờ. Nhưng rồi có ra gì, đi đến đâu, Ủy Ban Quốc Tế "ghi nhận" sự kiện, và nhân viên dân sự Nguyễn Long chìm hẳn vào màu xanh đậm ngắt của rừng Lộc Ninh.

Lần đầu tiên trong hai năm "đấu" cùng cộng sản, tôi bị thua một đòn, thua vì nghĩ ông Long là người "quốc gia"; thua là vì yếu tính "quốc gia" làm mờ khả năng phòng ngự... Nhưng quả tình tôi không thua nặng lắm, kẻ thua thật sự là những Nguyễn Long, Nguyễn Thành

Công, Trần Thị Lan, Võ Như Lan, những người đem nhiệt tình vào trận, ném lên chiếu bạc đấu tranh chính trị tất cả nòng nân cao quý của những con tim sáng ngời trung chính; Để đến cuối đường nơi khu rừng Lộc Ninh, trên đám rầy vùng đồi đất đỏ, trong đêm khuya qua liếp cửa lộng gió, chập chờn giữa những giấc ngủ bị rình rập, theo dõi. Họ có được gì, còn được gì, ngoài nỗi tan vỡ bi thương của một tâm thức lãng mạn không đất sống.

Tháng 2, 1974

* * *

THỜI ĐẠI CỦA GIAN DỐI

Ngày gần hết, ánh nắng loáng vàng trên mặt sông, chiều ngày đầu năm vắng vất khí lạnh mùa đông còn sót lại. Tôi đứng nhìn về bờ nam sông Thạch Hãn, lá cờ Vàng bay phơ phới trên bầu trời xanh thấp mây trắng. Lòng nôn nao nhẹ nhàng, tôi muốn được trở về bên bờ kia mau chóng. Toán chốt của tù binh vừa được trao trả xong, cuộc họp cuối cùng của ngày bắt đầu. Nói và họp, người Cộng sản chuẩn bị, liên kết hai công việc vào nhau gọn ghẽ, thích thú.

Sự chán mứa dâng cao cùng cực trong khi tôi ngồi xuống chiếc băng ghế cứng, một nữ cán bộ phục dịch "công tác" ngay một ly trà bốc khói. Tất cả đều được tính toán kỹ.

Thiếu Tá Nguyễn An Giang chỉ huy trưởng địa phương bắc sông Thạch Hãn đứng dậy tuyên bố khai mạc buổi họp, kiểm điểm công tác trong ngày, rút ưu khuyết điểm, hoạch định công tác ngày mai. Từng chữ nghĩa vô bổ, trống rỗng va chạm nhau đều đặn tuông ra, khuôn mặt tái xanh đông cứng nghiêm trọng. Thiếu Tá Giang đúc kết công tác trong ngày bằng những thành ngữ quen thuộc:

Công tác tiến triển tốt, phản ánh được tinh thần hòa giải và hoà hợp dân tộc, hai bên thực

hiện cuộc trao trả đúng như đã dự định trong tinh thần tích cực, khẩn trương công tác đúng theo như điều 8(a) Nghị Định thư, chấp hành nghiêm chỉnh bản Hiệp Định chấm dứt chiến tranh đã được nhân dân tiến bộ yêu chuộng hoà bình trên thế giới ủng hộ....!!!

Tôi ngồi lơ đãng nhìn đám mây xám phủ xuống cuối con sông nơi phía Ngô Xá Đông, nhớ lãng đãng lần trực thăng vận của chiến trận mùa đông năm 1967 trên vùng đất cát đỏ... Cuốn sổ đặt trên đùi được ghi vắn tắt vài con số, số tù binh được trả trong ngày... Thiếu Tá Giang tiếp tục:

Để chấm dứt phần kiểm điểm công tác trong ngày, tôi xin nêu thêm một điểm nhỏ để Đại Úy Nam (thay vì dùng chữ "phía VNCH") ghi nhận để sửa đổi lại cho phù hợp với tinh thần Nghị Định thư và Hiệp Định ngưng bắn (!) Đây là tiêu đề của mỗi bản danh sách nhân viên quân sự của phía Chính phủ cách mạng lâm thời (!) được quân cảnh (chỉ có từ ngữ

"quân cảnh" không có từ VNCH) giao trả. Vì theo như chúng tôi ghi nhận, "tinh thần của Nghị Định thư và Hiệp Định ngưng bắn" là để hai bên miền Nam - Bắc Việt Nam có cơ hội hòa giải, hòa hợp, trao đổi nhân viên quân sự và dân sự, vì vậy tiêu đề ãTù binh Cộng Sản Bắc Việt xâm nhậpã ghi trên mỗi bản danh sách không phù hợp với thực tế pháp lý của tinh thần Nghị Định thư (!) vậy nên yêu cầu Đại Úy Nam ghi nhận và sửa đổi...

A! Lại một đòn mới, kết quả của cuộc "hội ý" suốt buổi chiều nay giữa các đầu óc cách mạng! Tôi ngồi thẳng dậy, vụt bỏ sự lơ đãng, chuẩn bị nghênh đón đối phương. Đ...m, đúng là Việt Cộng. Tôi bực dọc chửi thề trong bụng. Vì hôm nay (19-2-1973) là ngày trao trả thứ ba của đợt II tại địa điểm này, bờ bắc sông Thạch Hãn. Từ ngày đầu của cuộc trao trả (12-2) tại các địa điểm khác như Lộc Ninh, đàu đàu, Quân cảnh VNCH vẫn dùng tiêu đề đó trên các bản danh sách, và rõ ràng hơn ba ngày trao trả trước tại đây, các danh sách với tiêu đề đó vẫn không đặt nên vấn đề, nhưng hôm nay... Lại dờ trò mới rồi... Tôi tập trung chú ý lại. Khi Thiếu Tá Giang ngồi xuống thì đến Thiếu Tá Vầy trưởng tổ Liên hợp phe Mặt trận giải phóng thuộc Tiểu ban Tù Binh Trung ương phát biểu ý kiến. Thêm một màn lập lại:

Cám ơn quý vị trong Ủy ban Kiểm soát và Giám sát Quốc tế đã tích cực tham gia vào công tác kiểm soát cuộc trao trả nhân viên quân sự... Thể hiện tinh thần hòa giải hòa hợp (!). Cám ơn chính quyền địa phương (?) đã tổ chức chu đáo (!) và cuối cùng là "điểm nhỏ": Theo điều 1 và 2 của Nghị Định thư về Tù Binh thì chỉ phân loại ba thứ tù binh: Nhân viên quân sự và dân sự của Hoa Kỳ và các nước ngoài, nhân viên quân sự và dân sự hai bên miền Nam Việt Nam vậy ý kiến của Thiếu Tá Giang là một thực tế (!) phản ánh đúng tinh thần Nghị Định thư nên yêu cầu Đại Úy Nam ghi nhận và sửa đổi!!!

Thiếu Tá Vầy ngồi xuống, bật cái hộp quẹt Thăng Long đốt điếu thuốc lá Điện Biên khói bay khét lẹt, rung đùi lắng tai nghe Đại Úy Lân của Bắc Việt phát biểu ý kiến... Cám ơn quý vị... Tinh thần hòa giải và "điểm nhỏ" của Thiếu Tá Gang vừa nêu ra... Theo điều 1 và 2 Nghị Định thư!! Một lập lại lần thứ ba qua người phát biểu!! Một lập luận được ba người lập lại trong nghiêm trọng, được dịch lại ba lần bởi một thứ "broken English" rất vất vả. Vòng tròn người ngồi nghe nghiêm trang, những cái đầu gục gặc tán thưởng đồng ý lẫn nhau, hai anh Hung Gia Lợi và Ba Lan gật mạnh đầu hơn hết, tra cứu cuốn sổ nhỏ để tìm điều 1 và 2 Nghị Định Thư... Những đôi mắt đăm chiêu lướt vội trên giòng chữ, những xì xào to nhỏ xác nhận ãthực tếã của tù binh căn cứ trên điều khoản Nghị Định thư... Tất cả màn kịch khôi hài gian trá được đồng tình khai triển tới đa. Đợi lúc Đại Úy Lân và tên thông dịch viên ê a luận lý điều 1 và 2 Nghị Định thư tôi làm việc thật mau trong đầu... Điều 1 và 2 Nghị Định thư quả thật qui định không có từ "Cộng Sản Bắc Việt" trong đó, suốt bản Hiệp Định ngưng bắn cũng không có một chữ nhắc đến Quân đội Nhân dân của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa... Vậy thì trả lời như thế nào? Căn cứ ở đâu?... Bản Hiệp Định hay là tấm màn nói dối vĩ đại đã được cả thế giới tán thưởng!!! Đại Tá Thompson của phái đoàn Hoa Kỳ đây đưa vài lời cám ơn, nêu con số các chuyến bay trong ngày và kết thúc bằng một lời cám ơn khác. Người bạn đồng minh độc nhất không thể giúp gì tôi

hơn được vì hôm nay 18-2, Bắc Việt vừa thả đợt 2 tù binh Mỹ ở sân bay Gia Lâm: Tù binh Hoa Kỳ, gánh nặng lớn cuối cùng của chiến tranh Việt Nam cần phải giải quyết nhanh chóng trước tiên.

Tôi đứng dậy. Nắng cuối cùng của ngày đầu năm đã tắt, vùng núi đồi phía tây La Vang mờ trong sương xám, ngọn cờ Vàng ở đầu cầu Quảng Trị bay phấp phật. Khói đạn pháo binh Bắc quân bắn vào vùng Tích Trường, Như Lệ của Nhảy Dù Việt Nam dâng cao từng cột... Hình ảnh xa nhưng vang dội đau đớn trong lòng. Tôi lâm chiến:

Thưa quý vị, tôi xin được thông qua các con số tù binh do chúng tôi trao trả trong ngày mà quý vị đã tận tường, tôi cũng xin thông qua các ưu điểm mà quý vị vừa xác nhận. Tôi xin đi thẳng vào "điểm nhỏ" mà Thiếu Tá Giang vừa nêu ra... Đó là "Tiêu đề Tù binh". Thưa quý vị, tiêu đề "Tù binh Cộng sản Bắc Việt xâm nhập" hay "Tù binh Cộng sản hồi kết" hay "du kích" là những tiêu đề hiện thực tính chất thực tế về người tù binh đã được Quân cảnh Việt Nam Cộng hòa thiết lập khi hoàn tất lý lịch căn cứ trên cung từ của mỗi người tù. Cung từ của mỗi tù binh được lập nên, đúc kết từ những câu hỏi liên quan đến các yếu tố cụ thể sau đây: Sinh quán của tù binh, ví dụ như tù binh đó sinh ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Quảng Ngãi hay ở Thanh Hóa, Ninh Bình, Nghệ An. Đơn vị của tù binh đó, ví dụ như tù binh thuộc các đội du kích ở Tân Bình, Gia Định hay các Công trường 5, 7, 9 của lực lượng võ trang thuộc Mặt Trận Giải Phóng miền Nam hay các Sư đoàn 308, 320, 324 B, 325 của Quân đội Nhân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cung từ của tù binh cũng xác định nơi xuất phát của đơn vị mà tù binh đó trực thuộc. Ví dụ như tù binh du kích thuộc xã Xuân Thới Thượng quận Tân Bình tỉnh Gia Định xuất phát từ mật khu Lý Văn Mạnh nằm giữa Long An, Hậu Nghĩa, Gia Định, hay tù binh thuộc Công trường 7 xuất phát từ vùng Mỏ Vẹt vượt biên giới Việt Miên tấn công vào Lộc Ninh, tràn xuống An Lộc. Và tù binh có tiêu đề "Cộng sản Bắc Việt xâm nhập" thì được chỉ định cho những người phát xuất từ Nghệ An, theo đường mòn Hồ Chí Minh hay đường dây "Xã hội Chủ nghĩa" xuống nam Lào đến Tchépone theo đường số 9 vượt biên giới Lào Việt vào tham chiến tại mặt trận Trị Thiên. Cụ thể là tù binh thuộc Sư đoàn 325 Tổng trừ bị Quân đội Nhân dân Bắc Việt đang có mặt tại đây, tỉnh Quảng Trị của VNCH... Hiện thời, đã ở đây rất lâu.

Tôi ngừng nói, đưa mắt đi một vòng, Thiếu Tá Giang, Thiếu Tá Vây, Trung Tá Martin (Hung), Đại Tá Garrick (Gia Nã Đại)... Những ánh mắt khó chịu, những tia nhìn phần nộ... A! Ra tất cả đều muốn tránh xa sự thật, tất cả đều muốn bỏ qua sự kiện có một nước Nam Việt Nam, mọi người đều đồng ý thực hiện một màn dối trá bịp bợm theo khuôn mẫu của Hiệp Định ngưng bắn. Tờ cam kết được cả thế giới hoan nghênh. Mà giá trị đích thực chỉ là mảnh giấy trá trở chứng nhận trò bịp lớn của thế kỷ và che dấu sự thật đau đớn của người Việt Nam.

Tôi hơi khép đôi mi, hình như những gân máu nằm trong mắt nở to, căng phồng những lượng nước mắt phần nộ. Phía trái bên kia con sông thành phố Quảng Trị tan vỡ như một dấu tích ngàn đời không nguôi ngoai, Cổ Thành, Tòa Hành Chánh, nhà thương... Đồng đá

vĩ đại bị thương kia chỉ cách năm trăm thước, như ngọn lửa đốt cháy thêm lòng thù hận... Tôi gần mạnh từng chữ, tiếp tục:

Và hơn ai hết, quý vị đã biết rõ, biết rất rõ những sự thật sáng như ánh mặt trời mà tôi vừa kể đến. Điều 1 và 2 của Nghị Định thư chỉ là một trò chơi chữ nghĩa muốn xóa tan một sự thật. Đó là có một nước Bắc Việt xâm lăng, tấn công miền Nam Việt Nam! Nếu quý vị có một trí nhớ khả dĩ, quý vị hãy nhớ năm 1966 chúng tôi đã phóng thích một số tù binh thuộc quân đội chính qui Bắc Việt về bên kia bờ bắc sông Bến Hải với những danh sách được thiết lập cùng tiêu đề này... Từ năm 1966 đến nay tính chất, lý lịch của những người tù binh căn cứ trên các yếu tố cụ thể vừa kể không thay đổi, vậy hôm nay không có lý do gì bắt chúng tôi phải xóa bỏ tiêu đề đó. Thế nên tôi xin lập lại: Chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì tiêu đề "Tù binh Cộng sản Bắc Việt xâm nhập..." cho đến ngày chót của đợt trao trả tù quân sự đối với những tù binh gốc quân đội Bắc Việt.

Tiếng xì xào bất mãn, những ánh mắt toé lửa không che dấu. Tôi đứng thẳng chịu đựng sự tấn công của bốn hướng, chờ đợi những phản ứng bùng nổ... Lê Thanh Lâm (Bắc Việt) nghiêng vai qua Vầy (Mặt trận giải phóng), cặp mắt màu xám chớp chớp, chiếc đầu đội nón ông sao gật gật theo những lời của Vầy. Thiếu Tá Vầy đứng dậy:

Đại Úy Nam đã trình bày dưới một dạng thức vô lễ, mặc dù ở đây, Đại Úy Nam là người nhỏ tuổi nhất, nhỏ cấp bậc nhất...

Tôi cười nhạt, đứng phắt dậy nói trong tiếng hét:

Ở đây, chúng ta họp nhau lại để làm những công việc của lịch sử không phải để phân định cấp bậc và xét xem phẩm chất của mỗi cá nhân trên khía cạnh luân lý...

Anh thông dịch viên Chi lấp bắp hỏi... Làm sao dịch, có phải dịch không? Chẳng cần. Tôi ngồi xuống với một hân hoan tội nghiệp. Trước hay sau sự thật cũng đã bị đồng tình chối bỏ... Ý nghĩ xảy đến làm rã rời, trầm hết xuống tất cả mọi ồn ào. Tôi nén tiếng thở dài...

Trở về bờ Nam, trời mù sương, chiếc máy bay bốc khỏi bãi đáp đưa toán Ủy ban Quốc tế và Ban Liên Hợp Quân sự trở về Huế, tôi đứng lại giữa đám gạch ngói và những người lính thủy quân lục chiến đang chuẩn bị lại tuyến phòng thủ đề phòng đêm xuống lũ giặc bắc bờ sông. Đi bộ về ngã ba Long Hưng xuyên qua những đồng đá lớn trên những con đường trơn trượt. Tôi đang đi trong lòng Quảng Trị, thành phố có sức sống lâu dài kể từ ngày Chúa Nguyễn vào Nam Đây là gì nhỉ? Đứng tần ngần trước một "ngôi nhà" mà chiếc mái bê tông đã bị bẹp xuống sát nền đất, dãy cửa bị ép lại thành một đám sắt vụn như chiếc lò-xo bị rối... Phải chăng đây là quán sách ở góc đường Gia Long? Tôi nhìn về phía Cổ Thành rồi so sánh lại... Cũng không thể nhận ra ngôi nhà mà suốt năm 1967 đã nhiều lần la cà qua lại. Tôi đi trong thành phố Quảng Trị cố vận dụng tới trí nhớ cũng không thể gom đủ chi tiết về một chỗ ở đã qua sống cùng trong thời gian dài. Bên kia bờ sông, năm trăm thước bề rộng, cuộc đấu lý vừa qua như một khinh bỉ không lường. Lương tâm trung trực

của con người ở đâu?? Tôi không hiểu khi Kissinger và Thọ ngồi phân tích từng chữ, gọt dũa từng dòng của Hiệp Định ngưng bắn, họ có ý thức đang cùng nhau thực hiện một đối trá ghê tởm chi phối mười lăm triệu người dân miền Nam Việt Nam, các bộ tham mưu của các văn phòng chính trị khi phân tách, nghiên cứu tìm hiểu có ai đã phải bật cười vì tính chất hồ đồ độc địa của những hàng chữ vô nghĩa có tác dụng che đậy tội ác vĩ đại. Tội ác cao như núi, tội ác ngập ngụa như biển máu, như rừng xác người đã nằm xuống trên chín cây số của Đại Lộ Kinh Hoàng, của dãy người chết nằm rải rác dưới những gốc cao su dọc đường 13... Cả thế giới đều bật mắt, toàn thế giới vỗ tay, rung chuông, mở rượu, tung dây ngũ sắc để mừng hòa bình Đông Dương, đón mừng Hiệp Định ngưng bắn, chuẩn bị cho Nixon lãnh giải Nobel Hòa Bình, đồng công nhận Kissinger là "Ông Thế Giới" và chính phủ Hà Nội, tập đoàn cộng sản Bắc Việt là những kẻ tích cực góp phần xây dựng hòa bình thế giới... Đau đớn biết bao nhiêu. Đau đớn quá!!

Hiệp Định ngưng bắn tái lập hòa bình cho Việt Nam. Hàng chữ như một trêu ghẹo độc ác nhảy múa trong màn mưa, trên gạch ngói, những chữ rơi rớt lỏng chỏng trên con đường phố bị bóc hết nhựa hằn từng vết bùn đỏ chạch. Từ từ đầu đến giòng chữ cuối không có một chương, một dòng ấn định rõ rệt sự kiện Bắc Việt đã xâm lăng miền Nam. Không một giòng xác định Quân đội Nhân dân của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa rút về phía bờ Bắc sông Bến Hải trừ điều 5, nói mơ hồ về sự rút quân của các quân đội không phải của hai bên miền Nam Việt Nam. Đau đớn và độc địa quá, đám lính Bắc chỉ cần qua một buổi học tập là biến thành quân đội giải phóng, nên người Quảng Trị sơ tán vào núi theo lực lượng vũ trang của Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam (!!) Ai trên thế giới sẽ gánh chịu sự lừa dối nham hiểm thô bạo này. Hòa bình nào có được khi đám lính của các Sư đoàn 324, 325, 308, rất một lớp người nói tiếng Bắc, dưới hai mươi tuổi, cổ chấp, cuồng sát, cuồng tín biến thành "người Quảng Trị" kỳ quái trên, để sẵn sàng đào đường, chui súng, sửa phi đạo, thiết lập giàn phóng hỏa tiễn trực chỉ vào bờ Nam sông Thạch Hãn?? Đây chính là tội ác của cả thế giới, từ anh trí thức bên trời Âu đến lũ nguỵ hòa bình đang lúc nhúc tràn ngập ở miền Nam, từ tên thủ lãnh biển lận của thời đại thực dân còn sót lại ở Ba Lê đến anh chánh khách hèn mọn chờ thời làm con cò lót đường trong buổi nhiễu loạn. Tất cả thế giới đang đồng lòng che mặt hóa trang dự buổi dạ vũ máu trên thịt xương người Việt.

Hay thật, sự lừa dối khi đến mức siêu đẳng đã biến thành sự thật. Tội ác khi đạt đến mức tinh vi biến thành hành động cứu rỗi, phụng sự con người. Kim Dung khi tạo ra Vi Tiểu Bảo làm trò cười cho độc giả, chắc hẳn đã ý thức được sự tan vỡ của thời đại này, trong đó những tên đối trá, những kẻ cường bạo chi phối, điều động đại cuộc. Và ghê tởm hơn, cả một khối đông thế giới đều đồng lòng xưng tụng tội ác...

Tôi đi trong Quảng Trị tan vỡ, đi trong mưa phùn, trên lầy lội, quãng đường dài xa xôi không còn lý hội... Con đau xót, nổi phẫn nộ, trí cảm hờn như át hẳn mưa rơi như xóa tan trời gió. Giòng bão trong lòng nghe thấm thiết đau đớn mãnh liệt tưởng như dòng khí độc tác hại hết giác quan... Làm gì được đây? Tôi làm gì được hở?!!

* * *

TÙ CỘNG SẢN... TÙ CỘNG HÒA

Phi đạo nằm theo hướng Nam - Bắc vạch một đường đỏ thẫm giữa lòng rừng cao su xanh lá. Trục thẳng hạ xuống theo lối xoắn tròn ốc, mặt phi đạo hiện rõ dần... Bước xuống sân bay Minh Thạnh, cách quốc lộ 13 không đầy mười lăm cây số đường chim bay. Tôi vào đất địch.

Dưới tàng cây xanh im bóng, trong khu rừng tịch mịch, từ tốn hít từng hơi thuốc ẩm, nghe tiếng gió vi vu thổi qua hàng lá dày... Tôi tận hưởng hết tất cả bình yên trước một ngày căng thẳng. Đám cán bộ cộng sản đến từ Sài Gòn đang "hội ý" với những cán bộ địa phương. Chỉ còn khoảng thời gian "trong sáng" này để sống cho riêng mình. Nửa giờ nữa, một con người thật lạ phải thế chỗ trong tôi.

Hôm nay, tôi dự kiến cuộc trao trả về phía cộng sản bốn trăm người và nhận lại hai trăm. Địa điểm này tôi đã xuống một lần, đã biết được thế nào là chiến pháp cư xử của cán bộ cộng sản miền Nam có cán bộ cộng sản miền Bắc chỉ huy kiểm soát. Biết, nên gương sẵn mọi cẩn thận đề phòng. Minh Thạnh - Tây Ninh. Mặt khu Ba Thu nằm bên kia biên giới Miên - Việt chỉ cần một ngày một đêm di chuyển. Nhân viên của cục R đã ra mặt hoạt động. Khu rừng cao su mông mênh, những người Mỹ ngồi bên cạnh nhỏ to thì thảo, tôi lọt hẳn giữa những bữa vây im lặng mở đầy phong ba.

...Để tránh gây khích động tâm lý nơi những người sắp được trao trả, để biểu lộ lòng yêu

chuộng hòa bình đích thực trong tinh thần hòa hợp và hòa giải dân tộc... Chúng tôi yêu cầu đại úy chỉ thị cho quân cảnh không được mang vũ khí vào khu vực trao trả, tất cả phải để lại trên máy bay...- Anh cán bộ Mặt Trận mở đầu.

Tôi cúi đầu nhìn xuống đất cỏ, phân chia lời nói theo các thứ tự để trả lời... Không được mang vũ khí, lại một khó khăn mới. Việt cộng quả hơn người ở điểm sáng tạo, mỗi ngày phải gây thêm một khó khăn. Những đòi hỏi kế tiếp: Trục thẳng không được lượn vòng trên phi đạo (?!); Quân cảnh phải gọi anh trước tên mỗi tù binh. Quân cảnh không được điểm danh tù khi trao trả (Dù phía MT chưa ký nhận chữ ký cuối cùng ở mỗi danh sách). Những anh Ủy Ban Quốc Tế gật đầu, những anh Bắc Việt gật đầu, những anh Mặt Trận miền Nam trong tổ Liên Hợp cũng gật đầu... Trung Tá Tuệ, gã cán bộ tuổi quá ngũ tuần, da xanh bụng ỏng ồ ề giọng nói đầy những âm thanh đặc thù của vùng quê Bắc Việt. Trung Tá Tuệ, chỉ huy trưởng phi trường Minh Thạnh, người có kiến thức quân sự phi trường ở câu nói: Cứ bảo máy bay C-130 đáp xuống đi, cán bộ phi trường của chúng tôi bảo đáp được...!! Cán bộ "kỹ sư phi trường" Minh Thạnh, một anh mắt toét, răng hô hấp him đôi mắt nhìn ra phi đạo ửng nắng gật gật chiếc đầu xác nhận sự đồng tình góp ý với ông chỉ

huy phi trường. Ai bảo chủ nghĩa xã hội vô giai cấp? Chú Mạ Què quả tình là nhân vật chống cộng hữu hiệu và đúng cỡ nhất đối với cộng sản Á Châu.

Máy bay sắp đến, tôi phải chấm dứt màn kịch để bắt đầu công việc. Trung tá "tur lệnh" phi trường Minh Thạnh bệ vệ lên chiếc xe Jeep mang huy hiệu Nhảy Dù... A! Người cộng sản vẫn biết xỏ xiên lấu cá như ai (vì họ thấy tôi mặc đồ rằn ri nên lấy chiếc Jeep bắt được của nhảy dù ra lái).

Cuộc trao trả bắt đầu với những phiên toái bực mình cổ hủ. Những bộ áo quần gượng gạo vứt bỏ khỏi thân thể, những hộp trái cây, hộp thịt e dè ném đi, những cánh tay đưa lên hô khẩu hiệu hừng hờ, những ánh mắt lơ lảo, những cái siết tay nồng nàn nhạt thềch... Cả một lớp hài kịch bi thảm dằng dặt cũ kỹ được diễn lại trong gượng gạo thảm thương pha lẫn vị khô hời. Bộ quần áo nâu mới và bọc quần áo (của VNCH cấp phát) được ném đi để nhận lại một tấm khăn rằn mỏng như vải mùng cùng một bộ áo quần xanh mới nhuộm lem luốc đậm nhạt từng khoảng màu loang lổ. Hài kịch "cách mạng" ném áo quần này không hiểu do rĩ tai nào đã xúi dục vì những cuộc trao trả trong những ngày đầu tiên (12, 13 tháng Hai 1973) tại các địa điểm Lộc Ninh, Thạch Hãn không thấy thực hiện, và chắc chắn không phải do tự ý tù binh; vì hơn ai hết, những người này sau khi được trao trả, họ sẽ không còn dịp nào để có những bộ áo lành lặn, tốt đẹp, chắc chắn như thế này. Bộ quần áo nâu có chữ T.B. (tù binh) bắt buộc phải cởi đi nhưng những chiếc quần lót, mùng chần là những vật dụng không thể nào có được nữa. Chẳng phải là lý luận suông nhưng cứ nhìn y phục của đoàn quân "cách mạng" mới biết thế nào là sự thiếu thốn, tàn tệ của quân đội cộng sản, Cộng sản Nam cũng như Bắc. Những bộ áo quần sờn mòn (đây là dịp trọng đại mới đem ra mặc) những chiếc dép vệt đế. Tất cả y phục tội nghiệp nghèo khó đó thật khó hòa hợp với những khuôn mặt kiêu căng đầy vẻ tự mãn trẻ con đến độ buồn cười. Nét kiêu căng của "Nhân dân cách mạng giác ngộ" hiến thân cho Độc Lập, Dân Tộc và Chủ Nghĩa!!! Có một điều gì bất ổn trong cảnh sống của người cộng sản. Loại người đặt căn bản hành động trên hệ thống luận lý biện chứng duy vật nhưng lại hướng đến những tiêu chuẩn tâm linh nhiều hơn ai hết... "Tự do, Cộng sản, Xã Hội, Cách Mạng" rốt cuộc chỉ là những danh từ trống được bơm vào đó chút say sưa kích thích để xô đẩy cả bao thế hệ vào dòng vận động cuồng tín... Năm 1973, năm của những tiến bộ khoa học tưởng chừng như trong chuyện cổ tích, nhưng người cộng sản Việt Nam vẫn phải khó khăn đấu tranh với từng mẩu sắn, từng lon gạo, một hai điều thuốc khô, dăm ba chiếc kẹo ngọt trên bước đường đấu tranh thần thánh thực hiện chủ nghĩa xã hội thì quả tình quá tội nghiệp. Cả một đội vận tải trên đường dây "Chủ Nghĩa Xã Hội" (đường mòn Hồ Chí Minh) phải "hội ý" (hội họp) từ năm giờ chiều đến chín giờ tối để đạt "tiêu chuẩn" "tiếp thu" năm điều thuốc. Đội vận tải gồm những kỹ sư, bác sĩ, những cán bộ mang quân hàm trung, thiếu tá phải bình nghị, hội họp suốt bốn tiếng đồng hồ để đạt "tiêu chuẩn" phân chia năm điều thuốc Điện Biên. Thế nên cuộc cách mạng vô sản giải phóng miền Nam phải cần nhìn lại mục đích và phương tiện. Phải chăng cách mạng đã là một việc vô ích và quá phí phạm phương tiện. Nhưng phương tiện "người" trong chế độ cộng sản phải chăng là yếu tố không hao mòn, yếu tố không cần phải lý hội.

Tôi không nhìn sự "nghèo" của người cộng sản để bêu, nhưng quan niệm tính chất "nghèo" đó là một ưu điểm cần phải đấu tranh để thực hiện thì không thể nào chấp nhận được với đầu óc bình thường. Người cộng sản Việt Nam đã thực hiện được gì trong ba mươi năm đấu tranh trên đại dương mênh mông xác chết, chiếc xe đạp của một cán bộ cao cấp ở Hà Nội, bộ áo quần thô kệch của viên "Tur Lệnh phi trường Minh Thạnh", bữa cơm không có thịt trong suốt mười tám năm của người dân Tuyên Quang miền Bắc, hai điều thuốc lá được viên kỹ sư máy nổ "tiếp thu" trên đường dây chủ nghĩa xã hội như mặt trái của tấm gương phản chiếu những chữ nghĩa rục rờ, nghe xa xăm như một giấc mộng mơ hồ không bao giờ có thật.

Tàn tệ như thế, thê thảm như thế, nhưng người tù cộng sản trước giờ trao trả khi bước ra khỏi lồng máy bay, chân bước xuống mặt đất "giải phóng" phải hành động như một lũ người mê man... Tay vỗ vào nhau, mồm cất giọng khàn đặc..."Đoàn kết chúng ta là sức mạnh... Thề chết không hề lui. Giết cho hết loài bán nước..." Giết cho hết loài bán nước thì quá sai với "Tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc" mà những người lính cộng sản "Nam Việt Nam" xuất phát từ trại Xuân Mai, Hà Đông, nói giọng Sơn Tây, Thái Bình đang nhắc đi nhắc lại hoài xem như là phương châm chỉ đạo mới! Bài hát phải được xì xào chỉ thị đình chỉ, để bậm tay nâng cao hoan hô: "Hò Chủ tịch muôn năm... Tinh thần chống Mỹ cứu nước bất diệt..." Hò Chủ tịch không hề là Chủ tịch của Mặt Trận Giải Phóng miền Nam và "tinh thần chống Mỹ" thì quả tình đã được xóa tan từ lâu. Tôi muốn nhắc họ yếu tố này. Nhưng như một lũ đồng bóng đã bị cốt nhập, đám tù bắt đầu cởi áo quần, ném tay nải... Chiếc quần lót, vật xa xỉ của chế độ cộng sản được ném đi với hối tiếc không dấu được trong ánh mắt để bậm môi, quất mắt, vung tay hô to khẩu hiệu. Sự hận thù dù cần thiết trong cuộc chiến bi thảm cũng đã là một điều tàn nhẫn, huống gì bây giờ (khi tiếng súng tạm ngừng nổ trên văn bản Hiệp Định), nên những khích động cảm hờn, những xúi dục phần nộ này mang một nét bạo ngược tàn ác lỗi thời... Anh cảm hóa ai? Thù hận người nào? Ai là lũ bán nước? Ôi nước rách tan không do sự góp tay tích cực của người cộng sản sao? Căm thù lũ bán nước, giết lũ tham tàn, mùa thu 1945, mùa đông 1946, cuối thập niên 50, đầu những năm 60, đã được hát bao nhiêu lần, đã được vỗ tay bao nhiêu lần... Người Pháp, Ông Diệm, chống Mỹ... Bao nhiêu đối tượng đã thay đổi mà nội dung cứ mãi cũ kỹ nhạt nhòa. Thật lạ, có những quy luật sơ đẳng tưởng chỉ như là chuyện đầu môi hóa thành động lực căn bản. Căm thù, thứ gia vị thô thiển độc địa mà người cộng sản thêm vào bữa tiệc máu người Việt Nam không chán ngấy. Cộng sản sẽ là gì khi không còn khích thích tố mê man đó? Con chó Pavlov không thể nhỏ giọt nước bọt nếu thiếu tiếng chuông khiêu gọi. A! Chỉ mỗi tiếng chuông lạnh đó, chỉ mỗi hai chữ ngắn ngủi nhối kia mà cả một khối người bị chi phối, những người có đủ trí thức, giác quan nhưng đã mất phần nhân bản, người còn xác nhưng lạc hồn, người không phải sống cho người nhưng cho Cách Mạng, cho Tổ Quốc, Hòa Bình, Tiến Bộ, Xã Hội Chủ Nghĩa... Câu hỏi không phải là phản ứng cực đoan của một tinh thần "chống cộng" quá độ. Tôi chỉ muốn tự hỏi sao có những con người quá quy tắc, bị kìm kẹp, huấn luyện đến độ cuồng tín như thế này. Vì được trả tự do, phải có nghĩa là nhảy lên khỏi mặt đất chật hẹp, phải vung tay thật cao để hít cho hết lượng

gió mát mênh mông của trời cao; nhưng những người tù cộng sản không được quyền biểu lộ niềm sung sướng đó, họ phải chứng tỏ "kiên gan, duy trì tinh thần quyết chiến, quyết thắng..."; họ phải biểu lộ "lòng căm thù không suy giảm, trí căm hờn không phai..." Họ phải quên những giờ khắc của năm trước, năm kia khi phải đưa tay đầu hàng trước mũi súng của người lính Việt Nam, phải quên những đối xử nhân đạo sau khi đã trao cây súng, phải quên điều thuốc chân thành được mời hút dù trong vị thế tù binh... Họ phải quên luôn thực tại. Một thân thể chắc cứng khỏe mạnh với lồng ngực nở nang, những bắp thịt ở vai ở lưng cuồn cuộn... Thân thể căng phồng chiếc áo tù binh, hùng hực mùi muối bể và không khí tốt lành của trại giam Phú Quốc, thân thể cường tráng vạm vỡ nổi bật lên dưới ánh nắng, tương phản cực độ với thứ nước da xanh mả, hình vóc còm cõi thiếu hụt của những đồng chí tiếp đón. Người tù cộng sản phải quên hẳn sự thật trên thân thể họ để đứng lên tố cáo: "Chế độ giam giữ hà khắc tàn nhẫn của trại giam Phú Quốc..." Viên trung úy Bắc Việt lóng cồng chiếc máy ghi âm để thu lời tố cáo... Nhìn thân thể gầy gò của anh ta dưới chiếc áo đại quân lụng thụng bên cạnh lồng ngực trần cường tráng của gã tù binh khi nghe câu tố cáo "Trại giam đã bỏ đói, hành hạ chúng tôi..." Cùng với sự chăm chú ghi nhận của các sĩ quan Ba Lan, Hung Gia Lợi, tôi nghe trong lòng nổi phần nộ bão bùng dấy lên như giông tố... Sự thật được che đậy và lật ngược trong tráo trở tinh táo, ngang ngược vô liêm sỉ đến tận cùng!!

Vì sự thật không phải chỉ trên thân thể gã tù cộng sản, sự thật còn ở cuối phi đạo cách nơi trả tù cộng sản năm trăm thước, góc rừng hai trăm người lính Việt Nam ngồi im lặng với cặp mắt đứng trông...

- Có chắc trả không Đại úy, tụi em có được trả không Đại úy...

- Chắc mà, chiếc trực thăng bay đi thì có chiếc kia lại liền... Tôi đến đây để lãnh các anh em...

- Đại úy, em... có được trả về mình không...

Cả trăm con người ngồi thì thảo to nhỏ, lo sợ từng tiếng nói, lo sợ từng đầu ngón tay lóng cồng đón điều thuốc do tôi mời, lo sợ ở đôi mắt lạc thần cứ coi chừng mãi "anh cán bộ"... Tôi muốn nói một câu gì thật đủ, tôi muốn làm một việc gì thật mạnh mẽ, muốn ôm lấy hết hai trăm người lính đưa họ ra thẳng trực thăng, bay lên thật nhanh, để tránh khỏi vùng rừng cao su thẫm đặc, những gã cán bộ canh gác lằm lỉ soi mói, nét độc ác ngấm ngấm tràn đầy trên những sợi gân máu đỏ rực... Tôi muốn đẩy đám sĩ quan Ba Lan, Hung Gia Lợi, Gia Nã Đại... đến tận từng người tù để họ thấy lớp da người lở loét ăn sâu xuống phần xương tay, để họ thấy những đôi mắt hừng, chiếc má vàng bủng tương như động cứng cả một khối vi trùng độc hại dưới lớp da mỏng tanh vàng bệch... Tôi muốn hét to cho cả khu rừng, cho cả thế giới biết đâu là cường bạo, đâu là sự thật, gã tù nhân trại Phú Quốc cách xa đây năm trăm thước với lồng ngực vạm vỡ cùng những lời tố cáo như một cái xiên nung đỏ chọc hẳn vào mắt tôi khi nhìn người tù Việt Nam Cộng Hòa không kêu nổi được tiếng "có mặt"

loạng choạng run rẩy từng bước một, đi qua chiếc bàn của nhân viên trao trả... Sự thật ở hai thân thể đối cực này nhưng tại sao cả thế giới, cả hàng triệu người trên thế giới vẫn dành riêng những ý niệm tốt đẹp cho người cộng sản, cả những người chân tu, những nhà hiền triết hình như đều nghĩ một chiều, hướng một phía Phía cộng sản. Tôi muốn gọi họ đến đây chỉ vào từng đôi mắt người tù để cả nhân loại ngộ nhận tìm được sự thật... Người tù bình đứng đây, một đáy quần sưng nước. Trong cơn chờ đợi thảng thốt người lính đã đá ra quần!!!... Không phải vậy, phải nghe lời anh nói: Em sợ tội nó lắm, tội nó tàn ác không phải như người đối với nhau... Em sợ xin nó đi tiểu rồi nó giữ lại không trả thì chết mất... Tôi muốn chảy nước mắt, tôi muốn khóc giòng phần nộ... Gã Ba Lan đâu rồi? Tôi muốn nói cho hắn ta nghe lời nói, tiếng kêu của người đã ở trại giam cộng sản. Hình như mọi người dấu mặt, hình như mọi người đã đánh mất lương tri, chẳng có ai chụp hình vũng nước tiểu đọng trên nền đất phủ đầy lá, chẳng ai chụp hình hai trăm con người ngồi dật dờ như một đám xác chết chưa tắm liệm, sao không có tên Hung Gia Lợi nào chụp hình người tù Việt Nam ngã quỵ trên phi đạo mồm sùi nước dãi vì thiếu ăn!! Hung Gia Lợi Chúng ta đã dành cho dân tộc này biết bao cảm tình trong những ngày Budapest đổ máu cho tự do. Nhưng hình như những người Hung yêu tự do, sống cho sự thật đã không đến nơi này, chỉ có đến đây những cán bộ cộng sản mang quốc tịch Hung Gia Lợi. Hóa ra người sống cùng người không phải do tương quan của hai chủ thể nhân bản nhưng do chính trị của quốc gia, đảng phái xác định. Người Hung Gia Lợi phải ủng hộ cộng sản Việt Nam và gây bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa. Chỉ thị đã được học tập, phổ biến thế, nên gã tù Bắc Việt với thân hình lực sĩ lớn tiếng tố cáo chế độ giam giữ hà khắc của Việt Nam Cộng Hòa vẫn hữu lý hơn hình ảnh người tù Việt Nam ngồi lạc thần, không dám tin vào sự thật sắp được trao trả, kiệt sức để không nói lên được hai chữ "có mặt"... Chỉ thị đã ban bố, gã sĩ quan Hung phải xóa bỏ lương tri, phải tự che mắt để không thấy sự kiện, gã chỉ được chụp hình người tù Bắc Việt đưa tay lên hô đã đảo, bỏ qua bàn tay ghẻ lở thấu xương của người tù Việt Nam. Cách vong thân đi đến mức tuyệt hảo khi quan niệm hành xử như thế là đúng với công lý và chân thật!!! Không phải chỉ mỗi Trung Tá Martin thuộc nước Cộng Hòa Nhân Dân Hung Gia Lợi này tin vậy, nhưng hình như toàn thể nhân loại. Những dân tộc tiến bộ và yêu chuộng hòa bình của toàn thể thế giới. Đều mắc phải chứng bạo ngược tâm lý với dân tộc Việt Nam. Phải có một ngày sự thật này hẳn được nhận ra.

Tháng 3-1973

* * *

VẤN ĐỀ TÙ BINH

Ngày 27-1-1973, Hiệp Định Ba Lê được ký kết, đình chỉ chiến tranh Việt Nam. Hiệp Định gồm có chín chương bao gồm tất cả các điều khoản căn bản để thực hiện ngưng bắn và giải quyết những vấn đề do hòa bình đem đến. Việc trao trả tù binh giữa các bên tham chiến là một nét chính của Hiệp Định, được quy định bởi Chương III, Điều 8, ấn định tổng quát công việc trao trả và một Nghị Định Thư (NĐT) gồm mười bốn điều nhằm qui định nhiệm

vụ, chức năng của mỗi bên, đồng thời phác họa một số quy định để các bên làm cơ sở thi hành. Việc trao trả nhân viên quân - dân sự của hai bên miền Nam được thiết lập từ Điều 8 Hiệp Định và Nghị Định Thư kể trên. Có thể tạm gác vấn đề trao trả những tù binh quân sự Hoa Kỳ và các nước ngoài (Những nước tham chiến trong khuôn khổ quân viện của thế giới tự do giúp Việt Nam Cộng Hòa), thường dân Hoa Kỳ và các nước ngoài do Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Mặt Trận Giải Phóng bắt giữ và trao trả. Chủ điểm chính của hai bài viết là vấn đề những tù binh Quân-Dân sự của hai bên miền Nam Việt Nam mà Điều 8 (a+c) đề cập, cũng như Điều 1 và 7 Nghị Định Thư ấn định trên những nguyên tắc căn bản để giải quyết.

Điều 8 Hiệp Định và Nghị Định Thư về trao trả tuy trên hình thức đã ấn định một số điều khoản cần thiết để trao trả, có thể thực hiện được với một mức độ hiệu quả, nhưng không khí chung của toàn thể những bản nội dung trên lại đặt căn bản trên một tính chất mơ hồ và uyển chuyển "tinh thần nhất trí hòa hợp hòa giải giữa các phe lâm chiến" cụ thể là "tính chất hòa giải trong tinh thần dân tộc của hai phe miền Nam." Một bản văn chính trị đặt cơ sở trên tính chất tâm lý khởi đầu đã tạo nên một không khí không mạch lạc, dứt khoát; vì vậy các bên ký kết có thể nhìn lời văn dưới nhiều quan điểm khác chiều, đôi khi đối nghịch. Trong tính chất tổng quát đó Điều 8 Hiệp Định cũng như Nghị Định Thư về trao trả đã vô tình (và cố ý) bỏ qua sự kiện: Có những quân nhân và nhân viên dân sự Việt Nam Cộng Hòa bị các lực lượng chính qui của quân đội Bắc Việt bắt và giam giữ; những người lính Việt Nam Cộng Hòa bị bắt ở ngoài lãnh thổ miền nam Việt Nam và những thường dân Việt Nam bị bắt bởi lực lượng Cộng sản trong suốt thời gian từ khi phát khởi cuộc đấu tranh tại miền Nam từ những ngày đất nước phân ly (20-7-1954). Tuy Điều 1 và 7 của Nghị Định Thư đã nói tổng quát đến vấn đề toàn thể nhân viên quân sự và dân sự của hai bên miền Nam bị bắt giữ trong chiến tranh phải được hoàn toàn trao trả hết, ấn định một thời lượng cơ bản để hoàn tất công tác này; 60 ngày, để trả hết tù quân sự; 90 ngày để trả tù dân sự trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc cho những người ở cả hai phe hiện bị giam giữ ở các trại giam bên này hoặc bên kia. Nhưng Điều 1 và 7 Nghị Định Thư chỉ mới là cái khung cần thiết chứ chưa phải là điều kiện đủ để giải quyết thỏa đáng vấn đề tù binh Việt Nam; Điều 1 Nghị Định Thư chỉ kể ra: Tất cả Nhân viên Quân sự Việt Nam bị bắt, thuộc các lực lượng vũ trang chính qui hoặc không chính qui sẽ được trao trả cho hai bên miền Nam Việt Nam; những người nào phục vụ dưới sự chỉ huy của bên miền Nam Việt Nam nào thì sẽ được trao trả cho bên miền Nam Việt Nam đó. Vấn đề cơ bản đã có kể hở ở đây. Những tù binh của quân đội miền Bắc sẽ được giải quyết ổn thỏa khi Việt Nam Cộng Hòa trao họ cho lực lượng vũ trang giải phóng; những xáo trộn về địa bàn hoạt động của những tù binh này sẽ được giải quyết ổn thỏa cho dù các đơn vị tiếp nhận có trực thuộc vào cục R (Trung ương Cục miền Nam), đường lối chỉ đạo chính trị vẫn phát xuất từ Bộ Chính Trị Đảng Lao Động miền Bắc; nên khi tù binh quân sự Cộng sản vốn là lính của Sư đoàn 324B Bắc Việt được trao trả tại Lộc Ninh do nhân viên tiếp nhận của Mặt Trận Giải Phóng đề cử vẫn có được cơ sở tinh thần để tiếp tục công tác trong lòng đơn vị mới. Kẽ hở nguy hiểm nhất của điều 1 NDT giương lên về phía Việt Nam Cộng Hòa vì điều 1 này đã không đề

cập với mức độ chính xác tối thiểu đến những quân nhân VNCH bị bắt bởi các đơn vị chính quy miền Bắc, những người bị giam giữ ở trong các trại giam Bắc Việt, Lào, Kampuchia. Kẽ hở cũng chính là lý hướng nguy hiểm nhất của Hiệp Định: Nguy trang hay không đề cập đến sự tham chiến của lực lượng quân sự chính qui miền Bắc tại chiến trường miền Nam. Trong tinh thần này, câu "Sinh Bắc Tử Nam" không chỉ là khẩu hiệu tác động tinh thần nhưng là một ý niệm chiến lược chỉ đạo mà đảng Cộng sản miền Bắc quyết tâm thực hiện.

Nghị Định Thư cũng có kẽ hở khác ở Điều 7, khi không xác định rõ rệt và dứt khoát những thường dân VNCH bị bắt trong thời gian dài của mười chín năm chiến tranh. "Tinh thần hòa hợp và hòa giải dân tộc" được nhắc lại trong Điều 7 này không đủ khả năng để giải quyết tình trạng bi thiết mà nhân dân Việt Nam phải gánh chịu trong cuộc chiến cục bộ của hai ý hệ đối nghịch. Con số 67.501 thường dân và cán bộ của VNCH bị bắt từ năm 1954 - 1/1975 phải là một con số có thực mà ý niệm hòa giải của Điều 7 này không làm sao bao gồm được, Mặt Trận Giải Phóng (MTGP) đã đeo cứng vào những kẽ hở để xóa bỏ những thực tế bi thảm này.

DIỄN TIẾN

Ngày 27-1-1973 là ngày bắt đầu thi hành những biện pháp cụ thể tích cực tái lập hòa bình, Hoa Kỳ đình chỉ oanh tạc khắp lãnh thổ VN các phe lâm chiến ở miền Nam đình chỉ các cuộc hành quân, ở nguyên tại vị trí, cùng ngày tại Ba Lê, VNCH trao cho Mặt trận Giải Phóng (MTGP) danh sách 4.285 người. Đại diện MTGP khi trao danh sách đã đưa ý kiến sẽ bổ túc thêm danh sách để tỏ thiện chí, cụ thể hóa tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc. Phiên họp đầu tiên của Tiểu Ban Tù Binh Ban Liên Hợp Quân Sự 4 bên ở Sài Gòn nhóm vào ngày 3-2-1973. Vấn đề trao trả tù binh theo danh sách trên bắt đầu đặt lên bàn hội nghị.

Trong thời gian 60 ngày (kể từ 28-1-1973) theo Điều 8a Hiệp Định và 4a Nghị định thư (NĐT) về trao trả, Tiểu Ban Tù Binh 4 bên đã nhóm họp tất cả 50 phiên để hoàn tất việc trao trả 26.508 nhân viên quân sự MTGP, 585 nhân viên quân sự Hoa Kỳ các nước ngoài và 4.956 nhân viên quân sự VNCH trong bốn đợt. Bốn đợt trao trả đã được bốn bên thực hiện như sau:

VNCH trả 26.508 người ở bốn địa điểm: Lộc Ninh (Bình Long), Minh Thạnh (Bình Long), bắc sông Thạch Hãn (Quảng Trị) và Bồng Sơn (Bình Định).

VNCH nhận 1.956 người ở bảy địa điểm: Lộc Ninh, Quảng Trị, Minh Thạnh, Thiện Ngôn (Tây Ninh), Bồng Sơn (Bình Định), Đức Phổ (Quảng Ngãi), Tam Kỳ. Riêng địa điểm Đức Nghiệp (Pleiku) tuy đã thám sát ba lần nhưng 410 nhân viên Quân Sự (NVQS/VNCH) hiện tại ở địa điểm này vẫn chưa được trao trả, phải đợi đến hơn một năm sau, MT mới được trả làm ba đợt kéo dài trong một tháng từ 8-2-74 đến 7-3-74 với tỷ lệ thiếu là 31/410.

MTGP và Bắc Việt (BV) trả 585 nhân viên quân sự Hoa Kỳ và thường dân các nước ngoài

tại hai địa điểm Lộc Ninh và Gia Lâm (Hà Nội). Trong số này có một binh sĩ Đại Hàn được trả tại Đức Phổ (Quảng Ngãi) và hai lính Thái Lan tại Gia Lâm.

Tổng cộng hai bên miền Nam đã xử dụng tất cả bảy địa điểm để trao trả và tiếp nhận số NVQS mỗi bên trong thời hạn do Hiệp Định đề ra. Ngày 28-3-73, chấm dứt thời hạn sáu mươi ngày của NĐT. Vấn đề tù binh quân sự được tạm kết thúc với 26.508 nhân viên quân sự MTGP được trao trả và 4.956 NVQS/VNCH; vấn đề còn lại có hai điểm cụ thể : 410 người ở Đức Nghiệp chưa được trao trả và 210 phía Mặt Trận hồi chánh ở Biên Hòa và hai mươi tám người tìm tự do phía VNCH chưa được hợp thức hóa đúng thủ tục trao trả (Theo quan điểm phía Cộng sản). Ngoài ra, một số lớn quân nhân VNCH hiện còn bị giam giữ cũng là một mối quan tâm lớn mà Tiểu Ban Tù Binh VNCH phải cố gắng thuyết phục để phía CS chấp thuận bổ sung. Vấn đề nhân viên quân sự này đã kéo dài quá thời hạn sáu mươi ngày, lan qua thời hạn chín mươi ngày quy định cho vấn đề nhân viên dân sự, và kéo dài cho đến ngày 3-1-74 (Ngày Mặt Trận trả đót chót của 410 người ở Đức Nghiệp) mới tạm coi giải quyết xong.

Theo tinh thần Điều 7b NĐT trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày ký kết 27-1-73 hai bên phải phổ biến danh sách nhân viên dân sự mà hai bên giam giữ và phải hoàn tất trong vòng 90 ngày kể từ ngày 27-1-1973 việc trao trả toàn bộ số nhân viên dân sự được thông báo. Để thi hành đúng đắn điều khoản trên, phía VNCH trong phiên họp ngày 12.2.1973 đã mang sẵn danh sách đầy đủ 5081 NVDS/MTGP để trao đổi, đổi lại phía Mặt Trận dự định chuyển giao một danh sách chỉ vỏn vẹn 140 người. VNCH không thể chấp thuận con số này nên cuộc trao đổi bất thành. 140 người, một số lượng quá ít ỏi so với 67.501 nhân viên dân sự và thường dân VNCH đã bị bắt trong khoảng thời gian 1954-1973. 67.501 người có đủ chi tiết hộ tịch, các trường hợp bị bắt, ngày tháng, nơi bị bắt được tu chỉnh đầy đủ chi tiết. Trước đòi hỏi hợp lý của VNCH với danh sách chính xác, MT không thể muối mặt ngoan cố hơn được đành phải bổ sung vào số lượng 140 bằng những con số kế tiếp: 60, 200, 28 và 209... tổng cộng tính đến ngày 2.4.1973, MTGP công bố một danh sách 637 người và xác định: Đây là con số cuối cùng, nếu có bổ sung thêm thì cũng chỉ có được với một, hai người đầu đó mà họ chưa kiểm kê chính xác được. Con số 637 người vẫn còn là một cách xa không bù so với tổng số 67.501, nên VNCH một mặt vẫn đòi hỏi MT bổ sung đến một con số thỏa đáng; một mặt để tỏ thiện chí, tôn trọng thời hạn do NĐT đề cập, nên đã thiết lập một kế hoạch trao trả bắt đầu vào ngày 28.4.1973 để thăm dò thiện chí của phía CS. Kế hoạch dự trù trả 750 người cho MT tại Lộc Ninh và bắc sông Thạch Hãn từ 28.4.73 đến 11.5.73, đồng thời nhận về 385 người ở ba địa điểm Lộc Ninh, Quảng Trị, Bình Định. Nhưng đúng như dự kiến của VNCH, đối phương đã gài vào số lượng 385 người được trao trả này 128 quân nhân VNCH, một tỷ lệ vô lý vi phạm trầm trọng yếu tố chính của tinh thần trao trả: Trao trả nhân viên dân sự giữa hai bên miền Nam. Trước sự trá trở này cùng những thủ đoạn xảo trá tại các địa điểm trao trả nhằm mục đích ngăn chặn người muốn tìm tự do về phía VNCH, diễn hình trong cuộc trao trả ngày 9.5.73 tại Quảng Trị khi 10 trong 25 người của danh sách thứ nhất phát biểu nguyện vọng tìm tự do, cán bộ MT tại địa điểm

bắc Thạch Hãn đã trở mặt đòi hợp thức hóa những người này ngay ở cuối đợt trao trả danh sách thứ nhất này. Trái với thủ tục phát biểu nguyện vọng đã thỏa thuận trên nguyên tắc ở BLHQ/2B/TU". Sự kiện đã làm trì hoãn việc trao trả cho đến ngày 11.5.73. Vì những lý do xác đáng này, VNCH tạm thời đình chỉ công tác để kiện toàn lại thủ tục hầu có một bản văn làm căn bản để có thể thi hành ở tất cả mọi địa điểm trao trả hoặc tiếp nhận.

Ngày 13.6.73, Thông Cáo Chung Ba Lê được ký kết để tìm một giải pháp tích cực và cụ thể hơn cho việc thi hành Hiệp Định ngưng bắn, vấn đề trao trả nhân viên quân sự và dân sự cũng được đề cập chặt chẽ bởi Điều 8 của Thông Cáo Chung này và một số thời lượng chính xác khác lại được nêu ra làm mốc để việc trao trả phải được hoàn tất nhanh chóng: Vấn đề nhân viên quân sự phải được giải quyết trong 30 ngày, nhân viên dân sự trong 45 ngày kể từ 13-6.

Nhưng Thông Cáo Chung cũng như Hiệp Định ngưng bắn, dù với những điều khoản thiện ý cùng các qui định chặt chẽ tới đâu cũng không thể thực hiện được vì tính ngoan cố căn bản của phía cộng sản, hướng gì ngay trong căn bản, Hiệp Định đã vô tình hay hữu ý có những kẽ hở trầm trọng to lớn, và MT núp sau đó, làm nơi trú ẩn tránh né sức công phá do đòi hỏi hợp lý cụ thể của phía VNCH. Thế nên số lượng nhỏ nhoi 637 cần được phía MT kiên trì giữ vững với lập luận:

- Chúng tôi chỉ có chừng đó và kế hoạch trao trả cho quý vị chỉ có được với số còn lại của 637 (385 người đã trả ở Quảng Trị, Lộc Ninh, Bình Định).

Một lần nữa để tỏ rõ cùng thể giới lòng tha thiết muốn thực hiện hòa bình bằng những biện pháp tích cực nhất, VNCH lại khởi đầu lập ra một kế hoạch trao trả khác kể từ 23-7-73 đến 28-8-73 để trả hết số nhân viên dân sự MTGP còn lại của 5.081 (750 đã trả theo kế hoạch ngày 28-4 và 11-5 tại hai địa điểm Lộc Ninh và Thiện Ngôn) đồng thời thu nhận 410 nhân viên quân sự VNCH ở Đức Nghiệp và 252 dân sự. Kế hoạch này không thực hiện.

Trước Tết Giáp Dần, phía VNCH muốn khai thông vấn đề trao trả với hy vọng cuộc trao trả sẽ tiến hành và kết thúc trước Tết. Nhưng hai bên đã nhìn vấn đề theo hai quan điểm đối cực. Phía Việt Nam muốn đặt vấn đề trong khung cảnh toàn bộ, muốn giải quyết toàn thể tù binh (gồm số tù đã được thông báo nhưng chưa trả hết và quân nhân VNCH bị bắt ở Hạ Lào, Kampuchia, Mậu Thân, và tổng số nhân viên dân sự bị bắt cóc từ 1954 hay trở về trước nữa...) Trái lại, phía MT chỉ muốn tiếp tục lại kế hoạch bị bỏ dỡ từ tháng 7-1973; họ quan niệm kế hoạch này là toàn bộ vấn đề tù binh, trả hết số tù binh này là kết thúc. Vấn đề Tù Binh (nếu gọi là còn) tức là số 200.000 nhân viên dân sự và tù chính trị thuộc lực lượng thứ ba hiện VNCH đang giam giữ (!); theo quan điểm của họ 410 quân nhân VNCH và 252 nhân viên dân sự là những "con số thực tế" cuối cùng! Thật gọn, ai bảo người cộng sản không biết khôi hài; quả tình họ khôi hài độc địa và thâm hiểm hơn bất kỳ loại khôi hài đen nào.

Tết Giáp Dần đi qua, kế hoạch không được thực hiện, mãi tới ngày 8-2-74 một cuộc trao

trả mới được bắt đầu để kết thúc vào ngày 7-3-74. Cuối cùng VNCH trao trả đủ số 5081 nhân viên dân sự thêm 76 nhân viên quân sự cho Mặt Trận, nhận về 410 người ở Đức Nghiệp (với số thiếu là 31/410) và tỷ lệ thiếu về nhân viên dân sự là 12%... Một cuộc chiến tranh ý hệ dài dằng dặc được kết thúc với con số 252 còn lại của tổng số 637 người dân, nhân viên dân chính bị bắt.

NHỮNG CON SỐ ĐAU ĐỚN

Theo Điều 8a của Hiệp Định Ngưng Bắn và Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam, trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký kết 27-1-1973 những phe tham chiến tại Việt Nam sẽ trao trả hết số tù quân sự và thường dân nước ngoài hiện đang bị giam giữ, đồng thời phải trao đổi ngay danh sách đầy đủ về số tù nhân này trong ngày ký kết.

Vấn đề tù binh dân sự Việt Nam được qui định giải quyết trong một thời gian 90 ngày đặt căn bản trên Điều 21 (b) của Hòa Ước Genève (Điều khoản này định nghĩa : Nhân viên dân sự bị bắt là người đã tham gia vào cuộc đấu tranh vũ trang hoặc chính trị tại một bên ở Việt Nam mà bị bên kia bắt giữ. Cuộc tham gia này có thể là dưới nhiều hình thức miễn không là ở cương vị người lính.

Vấn đề cụ thể và đau đớn của cuộc chiến, một cuộc chiến khốc liệt cao điểm của phương thức chiến tranh giải phóng, cuộc chiến tinh quái độc hại rồi rãm nhất của nhân loại được giải quyết bởi 11 giòng gồm 195 chữ của Điều 8 HĐ và bốn trang của NĐT gói ghém toàn bộ cách thức giải quyết. Trên cơ sở mong manh hàm hồ nhiều cạm bẫy này, vấn đề tù binh dần được giải quyết với sự thiệt hại nghiêng dần về phía Việt Nam Cộng Hòa. Phải viết đủ bốn chữ như thế để phân biệt với "hai" thứ Việt Nam kia, những người Việt no say hưởng bữa tiệc rượu máu của những người Việt đang bị giam giữ: Những quân nhân Việt Nam Cộng Hòa.

Trong những ngày soạn thảo văn bản Hiệp Định và các Nghị Định Thư, không hiểu những người có nhiệm vụ bót từng chữ, từng câu khi cố tình loại bỏ sự có mặt của quân đội Bắc Việt, của "nước" Bắc Việt để che dấu những thỏa thuận biền lận, thâm độc chính trị, có nghĩ rằng họ đang sửa soạn một bữa tiệc máu: Máu những người lính Việt Nam Cộng Hòa bị quân đội Bắc Việt bắt giữ khi giao tranh. Vì Điều 1 và 2 NĐT/TB không có phân biệt rõ ràng để xác định có bao nhiêu loại tù binh, nên dù cố gắng soi sáng bằng tất cả mọi góc cạnh tỉ mỉ mười bốn hàng chữ của hai điều khoản đó, ta cũng chỉ nhận được có bốn loại tù binh : Tù binh Hoa Kỳ và quân đội nước ngoài (Những nước đã tham chiến giúp VNCH), thường dân nước ngoài thuộc quốc tịch Hoa Kỳ hay của bất cứ nước nào khác (Phi, Úc, Nhật...) và hai loại tù dân - quân sự của miền Nam Việt Nam : tù do Việt Nam Cộng Hòa bắt giữ và tù của Mặt Trận Giải Phóng!! Không có một giòng chữ nào gọi đến những người lính chính qui đã phát xuất từ Bắc Việt theo đường mòn Hồ Chí Minh vào tham chiến tại mặt trận B2 (Trị Thiên), B3 (Ba biên giới)... Không có một chữ, nghĩa dù mơ hồ để chỉ những tù nhân quân sự bị bắt tại trận địa, mình xam câu "Sinh Bắc Từ Nam", trả lời thẳng

thắng: "Tôi thuộc Sư đoàn 304B do Thượng Tá Nguyễn Sơn chỉ huy, đơn vị thành lập năm 1965 tại Thanh Hóa, xâm nhập miền Nam ngày 9-10-1967, tham chiến tại Khe Sanh kể từ ngày 19-1-1968..." Không có một giòng chữ để chỉ loại tù này: Những người lính đi B (đi Nam) và lẽ tất nhiên cũng không có chữ nghĩa vô ích để gọi đến cái Sư đoàn 304B kia! Kinh khiếp thật, cả thế giới a tòng cùng quân cướp, trong đó có những người được nổi tiếng vì hoạt động cho hòa bình!! Và thâm hơn cả, đau đớn hơn cả, hệ luận tất nhiên của hai điều khoản trên ắt phải xảy ra: Không có quân nhân Việt Nam Cộng Hòa bị bắt bởi quân đội Bắc Việt... Tóm lại: Chiến dịch Hạ Lào (2-1971), chiến dịch đánh vào hậu cần Cục R trên đất Miên (5-1970), rõ rệt nhất là cuộc tổng công kích vào miền Nam trong Tết Mậu Thân, và mới mẻ hơn hết: Cuộc đại chiến mùa hè 1972, những cuộc giết người vĩ đại được hợp thức hóa thành chiến tranh cục bộ do phong trào "Nhân dân miền Nam giác ngộ yêu nước chủ động hoặc do Nhân dân Khmer và Pathet Lào kiên cường chống xâm lược..." Người lính Việt Nam Cộng Hòa bị bắt trong các trận chiến này bị hư vô hóa, vô hiệu hóa và vô tính hóa. Không có loại tù binh đó trong Hiệp Định Ngưng Bắn và Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam. Vấn đề tù binh sẽ được giải quyết trên căn bản "Hòa hợp, hòa giải dân tộc, chấm dứt thù hận, giảm bớt đau khổ và để người tù đoàn tụ với gia đình..." Cả thế giới hoan nghinh tinh thần đẹp đẽ và điều khoản nhân đạo của Hiệp Định... Người tù quân sự VNCH, anh ở đâu? Cả thế giới đồng lòng xóa bỏ sự hiện diện đau đớn bị trắng này. Thế Giới, Nhân Loại, trong khi ngửa cổ uống ly rượu "ý thức hòa bình tiến bộ" có nghĩ đến những người lính miền Nam đang bị cùm chân ở núi rừng Cao-Bắc-Lạng. Người Tù rớt khỏi trò chơi Hòa Bình.

Để trao đổi với VNCH khi bên này công bố bảng danh sách tù quân sự 26.750 người của Mặt Trận Giải Phóng bị giam giữ. Trong danh sách 26.750 tù binh cộng sản, VNCH liệt kê các thành phần: Quân đội chính qui Bắc Việt xâm nhập; lực lượng hồi kết (Thuộc các đơn vị ở Trung và Nam Việt Nam tập kết ra Bắc sau Hiệp Định Genève 1954 và xâm nhập về Nam từ 1959 trở đi...); đơn vị chính qui và du kích thuộc MT. Đối lại, MT chỉ ghi chú số 5.018 người là do quân giải phóng bắt giữ được trong mười năm chiến tranh. Cộng sản chỉ dự trù trao trả cho VNCH những tù binh phần lớn bị bắt trong năm 1972, một số ít của những năm 68, 69, 70, 71... Tù binh trước năm 68 không hề được đề cập và liệt kê vào danh sách. Thâm hiểm hơn hết họ không trao trả số quân nhân VNCH đã bị bắt trong các cuộc hành quân vượt biên với lý luận đây là tù binh của Phathet Lào và của Khmer Đỏ.

Phía VNCH không thể nào chấp nhận danh sách 5.018 người kia trả là tổng số thực tế của mười năm dài chiến trận. Không thể chấp nhận này vì sẽ phạm tội đồng lõa khi gọi số lượng nhỏ kia là con số thực tế. Sau cuộc trao trả, khi so sánh danh sách 5.018 người được trao trả này với danh sách đã phổ biến tại Ba Lê người ta thấy ngay được con số lớn chênh lệch: 29 sĩ quan, 1033 binh sĩ và hạ sĩ quan (Có tên trong danh sách 5.081 phổ biến ở Ba Lê) nhưng không được trao trả. Sự kiện có thể hiểu theo hai cách: Vì có 29 sĩ quan và 1033 hạ sĩ quan, binh sĩ trong danh sách này đã chết nên bây giờ phía cộng sản thế vào bằng một số người khác; hoặc 29 sĩ quan và 1033 binh sĩ sau này tuy không được liệt kê vào danh

sách Ba Lê như dự trù nhưng vì danh sách thiếu hụt số lượng người trao trả nên họ bù vào cho đủ số. Tất cả hai luận lý đều có chung một kết luận: "Còn rất nhiều quân VNCH hiện đang còn bị giam giữ trong lao tù cộng sản". Như dẫn chứng sau đây, Tiểu đoàn 101 pháo binh đóng tại Gio Linh, tháng 3-1972; Bắc quân mở đầu đại chiến mùa hè, căn cứ hỏa lực của tiểu đoàn này bị tràn ngập, trung úy Thành bị bắt và đem giam tại Bắc Việt. Một bức ảnh chụp tù nhân VNCH tại miền Bắc trong đó có Thành được đăng lên báo Đoàn Kết (Bắc Việt) và phổ biến tại Ba Lê. Gia đình cũng nhận được lời nhắn tin của Thành qua đài Hà Nội. Sự kiện về trung úy Thành rõ ràng cụ thể không che lấp, dấu diếm nhưng chắc rằng Thành đã có hành động chống đối, lời nói bất phục nên Thành không được trao trả. Tất cả bằng chứng về Thành được đưa ra ở bàn hội nghị của ban LHQS. Phe Mặt Trận "ghi nhận" chi tiết và đi qua trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc"...

Trường hợp của Thành chỉ là một ví dụ điển hình, cụ thể, của hàng ngàn người hiện còn bị giam giữ trong sáu mươi trại giam rải rác khắp ba lãnh thổ Việt, Miên, Lào, trong đó những trại giam miền Bắc Việt Nam được ghi nhận chính xác là mười hai trại. Trong mười hai trại ở Bắc Việt có trại T2 (thành lập vào khoảng tháng 4-71 sau chiến dịch Hạ Lào hai tháng) đặt tại vùng hai xã Việt Hồng, Việt Cường huyện Trấn Yên tỉnh Yên Bái, trong trại này có những quân nhân Việt Nam bị bắt ở chiến dịch Hạ Lào, những sĩ quan như Đại tá Nguyễn Văn Thọ Lữ đoàn Trưởng Lữ đoàn 3 Dù, Thiếu Tá Trần Văn Đức sĩ quan ban 3, Thiếu Tá Phương. Đại úy Thương, những sĩ quan pháo binh của Tiểu đoàn 3 Pháo, đơn vị trấn giữ đồi 31. Những con người có thật đã nói ở đài Hà Nội, bị giam ở những trại đã được kiểm chứng, do lời tiết lộ của những người vừa được trao trả, do cung cấp của những hội chánh viên có nhiệm vụ quản lý trại... Những tài liệu chính xác, những dẫn chứng cụ thể, những lời nói được thâu băng... Tất cả trở nên vô hiệu, vô ích trước cộng sản. Phía MTGP lý luận: Những sĩ quan như Đại tá Thọ, Thiếu tá Phương, Đức,... Như quý vị vừa nêu ra, chúng tôi xin ghi nhận; nhưng chúng tôi xin thông báo trước: Những nhân viên quân sự đó không thuộc quyền "quản lý" của chúng tôi, họ tham chiến tại Nam Lào bị lực lượng Pathet Lào bắt được, chúng tôi chỉ vì "tình đồng bào" (!!) lòng nhân đạo, sẽ "quan hệ" với lực lượng Pathet Lào để thả các anh em đó ra vì dù sao họ cũng là người Việt Nam (!!).

Khỏe ru, MTGP, Bắc Việt ung dung thông qua vấn đề, vì Hiệp Định, Nghị Định Thư không nói đến loại tù này... Quân Bắc Việt không tham chiến ở Lào, ở Nam Việt Nam. Tóm lại, lãnh thổ và chính quyền đó đứng ngoài cuộc chiến tranh. Quái đản và đau đớn quá, nhiều cái mồm hét lớn hoan hô hòa bình, hoan hô thiện chí... Có nhiều nguyên do gây nên chiến tranh, gây nên tội ác. Danh từ là một trong những nguyên nhân chính yếu. Cộng sản, những người chiến đấu vì danh từ và dùng nó để che dấu vết giết người. Rất nhiều người không thấy rõ mặt cộng sản sau những danh từ: Hòa Bình, Hòa Hợp, Hòa Giải...

Tạm gác vấn đề tù quân sự lại, phương thức giải quyết sẽ vô cùng khó khăn khi va mặt với bức tường đá cộng sản. Chúng ta đi tiếp vấn đề. Tù dân sự, khuôn mặt bi thảm thứ hai của vấn đề tù binh. Sau ngày 27-1-1973 Phủ Tổng Ủy Dân Vận phổ biến một tập danh sách tổng kết số thường dân và cán bộ dân sự bị cộng sản bắt cóc kể từ 1954. Tổng số là 67.501

người, gồm 50.747 thường dân và 16.754 cán bộ. Con số tuy lớn nhưng vẫn là con số chính xác căn cứ vào những chi tiết cụ thể đã được kiểm chứng kỹ. Ngoài ra còn có một số lớn thường dân ở những vùng hẻo lánh bị bắt cóc mà chính quyền không kiểm kê được. Đối diện với số người to lớn có đủ dẫn chứng về tên họ, gia cảnh, sinh quán, chức vụ, ngày và nơi bị bắt, người cộng sản tỉnh táo trả lời đến độ ngang ngược: Năm 1959, Phong trào nhân dân vũ trang giải phóng mới được phát động, ngày 20-12-1960, Mặt Trận Giải Phóng mới chính thức thành lập... Vậy thật vô lý khi bảo Mặt Trận đã tham dự vào công việc bắt cóc thường dân và cán bộ VNCH trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1960!! Được đà, đám cán bộ trong bàn hội nghị tiếp tục: Kể từ năm 1960 trở về sau này, quả tình MT có bắt giữ một số cán bộ, những người dân không "giác ngộ", những người dân không có "ý thức cách mạng tiến bộ...", nhưng vì chính sách của MT là cải tạo, giáo dục và không... giam giữ, nên số người này sau một thời gian học tập đã giác ngộ (!!). Mặt Trận đã thả họ về nhà hoặc để họ "tự động" tham gia vào phong trào nhân dân vũ trang yêu nước (!!?). Cuối cùng để chứng tỏ thiện chí và tinh thần tôn trọng Hiệp Định và Nghị Định Thư, Chính phủ Lâm Thời trao cho Việt Nam Cộng Hòa một danh sách 140 người hiện bị MT giam giữ để chứng tỏ lòng yêu chuộng hòa bình. MT luôn sẽ cố gắng bổ sung thêm nếu có!!

Thậm quái đản, không có sự ngang ngược nào hơn thế nữa, cuộc chiến dài giữa hai ý hệ đối nghịch trong thời gian dài mù mịt chỉ có được 140 người tù dân sự. Và đúng như danh từ "cải tạo, giải phóng" mà CS gán vào cho những người thường dân, cán bộ dân chính VNCH, cũng thật đúng nữa khi họ bảo không có chế độ giam giữ. Vì họ đã giết, giết rất nhiều cán bộ hành chánh và thường dân vô tội. Nhân loại thế giới khi vỗ tay ca ngợi lũ người xanh mặt búng từ mặt khu đi hội Ba Lê vì "thiện ý hòa bình" hãy hiểu rõ họ đang cổ vũ tán thưởng "những kẻ giết người". Những đao phủ thâm ác và nhiệt tâm từ ý thức giác ngộ cách mạng; được gây hứng khởi bởi máu xương của người dân miền Nam nước Việt. Người dân Huế chết trong Tết Mậu Thân, người Quảng Trị trên chín cây số xác người của "Đại Lộ Kinh Hoàng", người Bình Long ngã gục dọc đường số 13... Chủ nghĩa siêu nhân của Nietzsche gây cơn hứng giết người cho dân tộc Đức, giáo điều Mao Trạch Đông giúp Vệ Binh Đỏ xuống tay quá độ không ngần ngại... Và ở Việt Nam, nơi đáy sâu tai ương khốn nạn, thứ Marxisme thô sơ được biến thể và cập nhật hóa bởi đầu óc ngoại hạng họ Hồ giúp đám cán bộ đảng Lao Động giết người vô tội trong tận cùng thỏa thuê với ý thức giác ngộ sáng suốt... Kinh tởm quá, hậu bán thế kỷ 20 vẫn còn số đông nhân loại mang chứng bạo ngược tinh thần để a tòng cùng kẻ sát nhân qua máu xương người Việt thụ nạn.

Cuối cùng, phe cộng sản tỉnh táo kết luận như trên, dù khi phía VNCH công bố chi tiết về trại Ba Sao ở Nam Hà (Nam Định và Hà Nam) trong số có các ông Bảo Lộc, Phó Tỉnh Trưởng Thừa Thiên, Nguyễn Văn Đãi Ủy viên Chính phủ Vùng I, Hà Thúc Tứ Trưởng ty Hỏa xa Đà Nẵng, Nguyễn Đình Bá sinh viên và nữ ký giả Nguyễn Thụy An. Và cụ thể nhất là trường hợp của Bác sĩ Nguyễn Đệ Trưởng Ty y tế Bồng Sơn bị cộng sản bắt trong tháng 5-1972, đã bị khám phá bởi ký giả báo Ashahi Shinbul. Báo này viết : "Trường hợp của Bác sĩ Đệ bị bắt ép phải ở lại, là một vết nhơ của vùng giải phóng..." Những người này

không có tên trong danh sách 637 người bỏ tù.

Ngày 12 tháng 2/73, cuộc trao trả tù bắt đầu, Bắc Việt trả tù ở Gia Lâm, Việt Nam Cộng Hòa trả ở Thạch Hãn, Mặt Trận Giải Phóng trả tù ở Lộc Ninh. Cuộc trả tù ở Gia Lâm diễn tiến tốt đẹp. Hà Nội còn trả thêm một trung tá vì mẹ ông này bệnh. Tại Quảng Trị phía VNCH đem tù đến bờ nam sông Thạch Hãn, toán cán bộ gốc Bắc Việt ở bên kia sông chưa kịp chuẩn bị vì thiếu phối hợp, nên từ chối tiếp nhận. Tại Lộc Ninh, MT chơi trò ma giáo, hẹn trả lúc 8 giờ 30, mãi đến chiều tối mới trao trả. Ông tướng Woodward phản pháo lập tức bằng một kháng thư gửi đến Chủ tịch Ủy Ban Quốc Tế và một văn thư cảnh cáo Trưởng Trà với xác định: Việc trao trả của quân nhân Hoa Kỳ chỉ liên hệ trực tiếp với việc rút quân của Hoa Kỳ. Việc rút quân này diễn tiến theo đúng thời hạn ấn định, không có lý do nào để giải thích những trì hoãn tương tự...

Tháng 2, 3 năm 73 qua hết, 556 tù Quân sự Mỹ được hoàn tất đúng boong kỳ hạn, cả hai anh Bắc Việt và Mặt Trận sau hai lần thử gió người Mỹ, đã phải de lui vì phe này nắm trong tay nhiều sức mạnh để quyết định... Chúng tôi không đến đây để đùa cùng quý vị, ông Cố vấn Kissinger đang có mặt tại Hà Nội (2-73) với những chỉ thị của Tổng Thống chúng tôi để yêu cầu quý vị dứt khoát trả các tù nhân Hoa Kỳ đúng thời hạn... Câu nói cứng rắn nhiều uy thế của Tướng Woodward, của Đại tá Russell đẩy mạnh vấn đề của Hoa Kỳ êm đẹp. Việt Nam Cộng Hòa cũng hoàn tất việc trao trả 26,508 tù quân sự cộng sản (còn 210 chưa hợp thức hóa là người tìm tự do). Mặt Trận trở mặt giữ 410 quân nhân VNCH lại Đức Nghiệp không có giải thích thỏa đáng, được che dấu dưới luận điệu : Chúng tôi luôn đặt tinh thần nhân đạo lên trên mọi tác động chính trị. Và tiếp tục giữ 410 người ở Đức Nghiệp này quá thời hạn sáu mươi ngày, chín mươi ngày cho đến tháng 7 năm 1973. Ba tháng đi qua đã có 30 người chết trong các trại giam. Vấn đề tù quân sự được tạm thời đình chỉ đầu tháng 5-73 để bắt đầu cuộc trao trả cho MT 750 tù dân sự và nhận về 385... Kế hoạch đang trên đà tiếp tục bỗng bẻ tắc vì Ủy Ban Quốc Tế không chịu đến địa điểm trao trả nếu MT không chịu bảo đảm hành lang không lưu. Người Cộng sản cũng không chịu nhận tù ở địa điểm nam Thạch Hãn vì muốn lợi dụng địa điểm bắc Thạch Hãn để ngăn những người tù không muốn về phía Mặt Trận. 36 người hồi chánh trong 750 người trao trả của đợt I tù dân sự chắc chắn sẽ có thêm một đa số không chịu về phía bờ bắc Thạch Hãn nơi có những lá cờ máu và cán bộ đáng nói giọng miền Bắc với danh xưng. "Người Quảng Trị". Ngoài ra MT còn chuẩn bị thêm một chiến thuật khác nhằm khai triển và lợi dụng những người như Ngô Bá Thành, Huỳnh Tấn Mẫm, Nguyễn Long... để tạo dựng nên một thành phần thứ ba, những người chắc chắn sẽ gây nhiều trở ngại và rối rắm ở địa điểm trao trả với số phóng viên báo chí ngoại quốc mà Mặt Trận bố trí sẵn sàng. Trong tình trạng dẫn co của tháng 5, 6, 7, 1973 phía VNCH nỗ lực đòi hỏi phía CS trả hết số tù nhân đã được thông báo, ưu tiên là 410 quân nhân ở Đức Nghiệp; số tù dân sự còn lại và trọng tâm của yêu cầu là những tù nhân VNCH còn bị giam rải rác khắp nơi trên lãnh thổ Đông Dương; cụ thể là 7.061 tù nhân quân lẫn dân sự của 34 trại ở nam và bắc Việt Nam. Trước con số cụ thể, những dẫn chứng minh bạch, những vị trí chính xác của trại giam, phía CS vẫn cố tình che lấp vấn đề

bằng lập luận ngang ngược và cố chấp đến cùng cực.

Chúng tôi chỉ còn một hoặc hai người là nhiều, quý vị đánh ở Nam Lào, ở Kampuchia, nếu bị bắt là do Pathét Lào, Khmer Đỏ bắt giữ chứ không phải chúng tôi. Những lập luận quái đản, những lý lẽ hàm hồ được lập đi lập lại không ngưng ngừng bằng những ngôn từ nghiêm trang mầu mực. Bức tường đá cố chấp không tình người vẫn đứng nguyên trước những đòi hỏi hợp lý. Tù nhân Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn bị cùm kẹp nơi hốc núi, cuối lòng rừng ở Tuyên Quang, Vĩnh Phú (Vĩnh Yên À Phú Thọ), Yên Bái, Sơn Tây. Những viên chức hành chánh VNCH vẫn phải lao động sản xuất đến hơi thở cuối cùng trong trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa, hệ thống trại giam Lý Bá Sơ cũ. Trại Lý Bá Sơ, nơi địa ngục trần thế của lũ người nghiện men máu và hơi xác chết qua một thời gian dài. Chỉ còn mười ngày nữa là hết thời hạn bốn mươi lăm ngày của Thông Cáo Chung 13-6-1973 những lính Biệt Kích, Nhảy Dù của Lữ Đoàn 3 thuộc trại T371 nơi núi rừng Lạng Sơn hằng ngày vẫn phải kiếm lá, nhặt rau để ăn cầm hơi vì phần gạo "tiêu chuẩn" tối thiểu... Trong khi ở Trà Mi miền Nam, Trà Bồng, Ba-Tơ, A-Sao, A-Lưới bao nhiêu quân nhân vẫn đang bị học tập cải tạo, sống với tiêu chuẩn hai vắt cơm cùng vài hạt muối mỗi ngày. Mười ngày nữa, thời hạn sẽ qua đi, tù cộng sản được trả hết, phía VNCH còn lại gì để bàn cãi, để đặt vấn đề. Đau đớn quá, tiếng hét của hàng vạn người Việt Nam Quốc Gia không vang được đến tai người đồng đội, không thoát khỏi tầng cây, không vượt qua đỉnh núi... Các anh sẽ ra sao, những người lính đội 31 Hạ Lào, của căn cứ Hòa Lực A1, A2, Gio Linh, các anh sẽ ra sao những người đã giữ vững Tân Cảnh, đã tử thủ Hoài Ân, những người chiến đấu cho Hòa Bình, cho nhân loại, cho thế giới.

Mặt Trận còn sử dụng một chiêu thức khác để chạy tội về vấn nạn tù binh, bằng cách nêu lên đòi hỏi: phía VNCH phải trả tự do ngay lập tức và không điều kiện 200.000 (?) tù chính trị hiện còn đang bị giam giữ. Họ lý luận: "Đây là những người tranh đấu cho Hòa bình, Hòa giải, Dân Tộc"... Thuộc về "thành phần lực lượng thứ ba"; một lực lượng tối cần thiết để thành lập Hội Đồng Hoà Giải Dân Tộc!!! 200.000 người theo MT là tổng số thường phạm hiện còn đang bị giam giữ ở các nhà giam VNCH.

Đây là một đề tài tương đối mới mẻ mà Mặt Trận vừa mới đưa lên bàn hội nghị kể từ tháng 5-73. Vấn đề này sở dĩ xuất hiện muộn vì có hai lý do mà chúng ta có thể dẫn chứng không sợ sai lệch.

Trong những tháng 3 và 4-73, MTGP dồn nỗ lực để tiếp nhận con số lớn 26.750 nhân viên quân sự được VNCH trao trả đồng thời tranh thủ thời gian để kịp nhận số nhân viên dân sự cộng sản (5081 người) mà VNCH sắp trao trả. Nhân tố này là một thành phần tối cần thiết để MTGP bổ sung lại lỗ hổng cán bộ hạ tầng đã tan vỡ và vô hiệu hóa sau biến cố Mậu Thân, hoặc do hậu quả và các chiến dịch vượt biên của quân đội VNCH năm 1970, 1971; các đường giây giữa cục R và cơ sở nông thôn như giao liên tiếp vận, chuyển quân đã bị đứt hẳn hoặc chùng lại trong suốt những năm 69, 70, 71, 72.. Số cán bộ hạ tầng này cũng để dùng thay thế lớp cán bộ chính trị Bắc Việt hiện tại đang khuynh loát toàn thể cơ cấu

của Mặt Trận, lớp cán bộ miền Bắc này đã được bố trí vào hạ tầng cơ sở nông thôn miền Nam trong âm mưu chiến lược của cuộc đại tấn công 1972 do các sư đoàn chính qui Bắc Việt. Nhưng có lẽ sau đợt tiếp nhận từ 28-4 đến 11-5-73 với 750 nhân viên dân sự, MTGP thấy không thể khai thác đám cán bộ này với nhiều lý do, có những lý do nội tại tiêu cực là lớp người này đã mất hẳn cơ sở tinh thần tranh đấu, hoặc áp lực tích cực của khối cán bộ gốc Bắc Việt. Thế nên, cách hăm hở, nôn nóng ban đầu nguội dần, Cộng sản xoay mũi đấu tranh qua địa bàn tù chính trị.

Lý do thứ hai có thể giải thích sự muộn màng việc Mặt Trận Giải Phóng trở hướng chiến đấu vì từ tháng 5-73 trở đi họ mới có đủ tài liệu và dữ kiện để nhập trận. Khi có những tài liệu về các trại giam Côn Sơn, Tam Hiệp, báo chí, sách vở của nhóm trí thức Công Giáo tả khuynh như Ngọc Lan, Chân Tín, tập Bạch Thư của Dân biểu Hồ Ngọc Nhuận; Mặt Trận Giải Phóng tận lực khai triển hợp cùng với những đợt tấn công của các hiệp hội đoàn thể có khuynh hướng cộng sản, thiên tả lấy mục tiêu nhà tù VNCH làm chủ điểm đấu tranh. Nội ngoại tiếp ứng nhịp nhàng để tạo thành cơn nổ lớn với đề tài À Tù chính trị ở miền Nam. Nắm được điểm chủ yếu của phong trào, Mặt Trận Giải Phóng khai triển tối đa thành phần nhân viên dân sự mang tội phá rối trị an như luật sư Long, luật gia Thành sinh viên Mầm, Ban, Lan, Huệ... Với sức đẩy của phong trào, người cộng sản nỗ lực biến những người này thành một lớp "tù chính trị trung tính, một lực lượng thứ ba yêu nước" chỉ vì đấu tranh cho hòa bình mà bị cấu thành tội. "Khối thứ ba" này rất cần thiết cho giai đoạn hòa giải và hòa hợp dân tộc. Một khối thứ ba với kỹ thuật đấu tranh sách lược hoạt động và quá trình tư tưởng là cộng sản. Công tác này bắt đầu được đẩy mạnh trong tháng 6-73. Phía MT tổng hợp số người "thực tế" này với số 200.000 người trên để tạo nên một thực tế "ma" là 200.000 tù chính trị!!!

Với chủ đích nghiêm trọng như thế, Mặt Trận Giải Phóng kết lập tất cả mọi dữ kiện từ cuốn sách của Dân biểu Nhuận với một lời tuyên bố của một giới chức VNCH liên quan đến vấn đề tù nhân, bài báo của nhóm linh mục cộng sản giáo tả khuynh hòa điệu cùng bức thư của sinh viên Mầm. Tất cả diễn ra nhịp nhàng chặt chẽ với sự tiếp hơi của các đoàn thể, hiệp hội khuynh tả trên thế giới, đặc biệt của nhóm Công Giáo Cấp Tiến đang có ảnh hưởng mạnh lên thành phần trí thức phản chiến Tây Phương. Và phong trào đã dừng lại trên cao điểm: Việt Nam Cộng Hòa hiện đang giam giữ hàng trăm ngàn người tù chính trị trong các trại giam Côn Sơn, Tam Hiệp, Phú Quốc, Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát, các trại giam ở 44 tỉnh, ở các quận... Lời tố giác cũng yêu cầu Việt Nam Cộng Hòa phải thả vô điều kiện các thành phần sinh viên học sinh tranh đấu, các nhân vật Châu, Long, Trọng, Thành... Cam kết không bắt giữ họ lại. Mục tiêu này cũng hiện rõ khi MT đưa ra trên bàn hội nghị một dự thảo thủ tục trao trả có nguyên một điều khoản để đề cập đến thành phần "không thuộc hai bên miền Nam" này... Chiến thuật tố cáo này cũng là một đòn né khi Việt Nam Cộng Hòa đưa ra đòi hỏi bổ sung danh sách NVDS/VNCH theo tập thống kê 67.501 như đã trình bày.

Diễn tiến cũng như kết quả của vấn đề này đã một lần được hiện rõ khi phía chúng ta trao trả hai mươi nhân viên dân sự gốc sinh viên học sinh, trong ngày 23-7-73 tại Lộc Ninh. Từ

khi xuống trực thăng cho đến khi hoàn tất thủ tục trao trả nhóm sinh viên này đã lộ hẳn tình trạng. Đó là một thứ cán bộ cộng sản đã thâm nhuần cách thức đấu tranh do MTGP phát khởi và huấn luyện. Mặt trận đã chuẩn bị tinh vi để đám sinh viên học sinh này có cơ hội phát biểu trước Ủy Ban Quốc Tế với thực chất được ngụy trang sinh viên học sinh tranh đấu cho hòa bình dân tộc thuần túy" để tố giác Việt Nam Cộng Hòa đã giam giữ họ cũng như nhiều tù chính trị khác mà không qua căn bản pháp lý nào, mở đầu mối xích chuỗi đấu tranh liên tục cho vấn đề "tù chính trị". Nhưng khôn ngoan, thâm độc là một chuyện, sự thật và công lý lại là một khía cạnh khác, Điều 7 (a) Nghị Định Thư đã nêu rõ chỉ có hai thành phần nhân viên dân sự để hai bên miền Nam trao trả. Hai thành phần nhân viên dân sự đó là những người đã dự phần vào cuộc đấu tranh ở một bên này hay bên kia dưới bất cứ hình thức nào trong tác động võ trang hoặc chính trị nên bị một bên kia bắt giữ (Điều 21b Genève). Thế nên bằng tất cả mọi nỗ lực, 24 giờ sau khi tiếp nhận đám sinh viên học sinh này, Mặt Trận Giải Phóng đã không gây được một tiếng vang hiệu quả nào khác ngoài sự cố gắng tuyệt vọng để khai triển một vấn đề mà thực chất đã bị ngụy danh.

TÙ BINH, ANH ĐI VỀ ĐÂU?

Như tiêu đề đã nêu trên, phần lớn của tập bút ký này là viết về người tù, về cảnh tù, về những người thâm hiểm và cảnh đời tan vỡ. Trong những đoạn đã viết qua, tôi trình bày đủ một vài khía cạnh chính yếu về tù nhân Việt Nam Cộng Hòa do phía Cộng sản bắt giữ, những người tù thâm hại nhất của chế độ tù tội nhân loại. Những người tù bị ngụy danh, bị sỉ nhục, bị tước đoạt hết giá trị con người cùng quyền hạn, khả năng thực hiện thực đời sống. Cộng sản đã không gọi họ qua danh từ thông thường. Tù nhân (dù đã là tù ngừ đen tối, thấp kém đau đớn nhất), nhưng họ bị chụp bởi những chiếc mũ: Giặc, ngụy, hoặc phản nghịch. Các trại tù lại được ngụy danh thành trại sản xuất, trại cải tạo, tù nhân được chia thành đội ngũ để xẻ núi, làm đường, trồng ngô, trồng sắn để sản xuất, tự lực cánh sinh... Trả nợ nhân dân!! Người tù Việt Nam Cộng Hòa không được yên thân trong thế giới địa ngục riêng, họ phải phấn đấu qua mỗi giờ, mỗi phút, làm sao có được bát cơm hầm, giọt nước muối để được sống. Phải, tất cả sức lực tinh thần, vật chất chỉ được hướng vào một mục đích: Sống còn. Nhưng chính vì trong đời sống thụ động đau đớn kinh hoàng này, người tù Việt Nam Cộng Hòa khi được trao trả, trở về trong phần đất quốc gia, đời sống tù tội, giấc mơ ác liệt tưởng như trong địa ngục hoàn toàn chấm dứt, họ bắt đầu một đời sống mới, đời sống tưởng chừng như đã hủy diệt bất phục hồi. Được trao trả đồng nghĩa trở về địa đàng trần thế và quên thật nhanh, quên thật hết tháng qua, ngày trước, giờ phút trước khi điểm danh trao trả để đi như chạy, bò bằng tay lẫn chân vào lòng của chiếc trực thăng để bay cao, trở về và không bao giờ nhớ lại Đã một lần bị người cộng sản giam giữ.Ồ Đã một lần sờ tận tay nỗi chết. Bài viết này không đề cập đến những "người sung sướng" tội nghiệp đó, tôi muốn nói đến lớp tù đối phương, tù Cộng sản do quân đội, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa bắt giữ và trao trả về cho đối phương; những người tù bị bắt khi tay đang giữ vũ khí ở chiến trường hoặc là những cán bộ nội thành bị phát giác đầy đủ tang vật và tài liệu. Cần nói rõ hơn một khẳng định, tôi sẽ không viết những lời tán dương chế độ giam

giữ của chính phủ VNCH, một chủ đề mà cuốn sách không dự liệu, cũng như rất đối nghịch cùng lương tâm người viết: Người kinh sợ cảnh tù trên tất cả mọi sợ hãi. Bài viết sẽ cố gắng trình bày đủ đoạn trường tù tội mà kẻ tù nhân kia bắt buộc phải triệt để chấp hành, bắt đầu từ khi hắn tự đưa tay đầu hàng trước một mũi súng trên chiến địa hoặc đặt tay vào chiếc còng của nhân viên công lực VNCH.

Như đã nhiều lần nhấn mạnh, người Cộng sản không bao giờ bỏ lỡ cuộc đấu tranh trong bất kỳ hoàn cảnh, cơ hội hoặc giai đoạn ngắn ngủi nào... Không có vấn đề nghỉ ngơi, không có đời sống riêng rẽ, hoàn cảnh độc lập. Đã dự vào cuộc đấu tranh do Đảng "đề xuất" và lãnh đạo có nghĩa đã dự vào một cuộc đua liên tục, đua không ngừng, không nghỉ, cho đến phút chót khi thiên đường Cộng sản hoàn toàn thực hiện. Đó là trên lý thuyết, trên cơ sở chủ nghĩa, riêng trong giai đoạn hiện tại, sau bước đường chống Mỹ cứu nước nay đã đến bước "Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, nghiêm chỉnh thi hành Hiệp Định Pa-ri..."; người tù Cộng sản lại phải luôn luôn học tập, phải đa thông vấn đề, phải chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh Đảng ngay trong cảnh tù tội, để đến khi được trao trả thì đã nắm đủ các yếu tố phát động thể đấu tranh mới.

Sau khi đưa tay lên đầu hàng ở chiến trận, người tù quân sự Cộng sản được cơ quan an ninh của đơn vị bắt giữ khai thác tại chỗ để phân loại và cung cấp các hoạt động liên quan đến trận liệt. Thường thường các cuộc thẩm vấn được tiến hành cấp tốc vì những đơn vị tác chiến thuộc Quân lực Việt Nam Cộng Hòa không đủ nhân viên chuyên môn để khai thác tù binh, họ chỉ ghi nhận vài yếu tố lý lịch, đơn vị của người tù, xong giải giao ngay đến các cơ quan lưu giữ tạm thời như Bộ Chỉ huy Trung đoàn, Bộ Tư lệnh Tiền phương của Sư đoàn mà đơn vị đó trực thuộc hoặc thuộc dụng hành quân. Tại những nơi này dù có đủ thì giờ rộng rãi hơn cũng như có chuyên viên thẩm vấn, các cuộc hỏi cung cũng chỉ có mục đích xét hỏi người tù binh những tin tức liên quan đến tình hình mặt trận mà anh ta vừa tham dự, một số chi tiết về tên họ, đơn vị trực thuộc, từ đâu xâm nhập vào trận địa, ý định điều quân của đơn vị này trong thời gian sắp tới... Người tù binh tiếp tục được giải giao đến các Trung Tâm Tù Binh chiến tranh. Sự tranh đấu, nếu được gọi là như thế, giữa tù binh và cơ quan giam giữ quân đội Việt Nam Cộng Hòa không được cấu thành, cũng không bao giờ thực sự cần thiết. Cơ quan có nhiệm vụ chính thức giam giữ tù binh quân sự là binh chủng Quân Cảnh mà tư thế và nhiệm vụ rất cụ thể và hạn chế: Quản trị, điều hành và lưu giữ tù binh. Không có vấn đề phải khai thác, tuyên truyền chính trị, nên tương quan này không dẫn đến những xung đột nghiêm trọng, những đầy ải ác nghiệt như người Cộng sản luôn luôn tuyên truyền, xuyên tạc. Nhưng chính trong những chốn lưu giữ này, người tù binh Cộng sản phải bắt đầu tham gia vào một cuộc tranh đấu kinh hồn quyết liệt mà kết quả độc nhất là sự chết, do những bạn tù thi hành, hoặc tiếp tục giữ vững lập trường Cộng sản không mệt mỏi, không suy giảm để chấp hành đứng đắn mọi chỉ thị do những người đại diện của họ ra lệnh. Cuộc đấu tranh nguy nan giữa những người cùng chiến tuyến bắt đầu trong nhà tù Việt Nam Cộng Hòa.

Đến đây, cần mở rộng vấn đề qua một phạm vi khác để soi sáng yếu tố những người tù

cộng sản ở các trại giam: Những hồi chánh viên. Hồi chánh viên là những người tự nguyện buông súng, rời bỏ hàng ngũ cộng sản trở về phía Việt Nam Cộng Hòa trong tất cả mọi hoàn cảnh, ở khắp nơi trên chiến trường; cũng có thể gọi là hồi chánh dù trong lúc giao tranh nếu người lính cộng sản có thái độ tích cực sau khi buông súng về cùng các đơn vị quân đội cộng hòa. Sự thật, đã có những người hồi chánh vì "thế kẹt", khi đơn vị anh tan rã, rút đi, hoặc đôi khi vì bị bao vây, tấn công quá dồn dập. Nhưng dù có buông súng trong tình huống tiêu cực đó, nếu anh ta tự nguyện cung cấp tin tức, chỉ điểm nơi chôn dấu vũ khí và xin được hồi chánh thì anh ta vẫn được đưa về các Trung Tâm Chiêu Hồi, chứ không là các trại tù như trên đã nói. Những người hồi chánh tự nguyện hay ở vào thế kẹt như vừa trình bày, chỉ là những người hồi chánh "bình thường", những người hồi chánh trong bình yên. Có một loại hồi chánh viên khác, hồi chánh ngay trong trại tù, mới là những người hồi chánh thượng hạng, những người đã vượt qua biên giới cái chết trong đường cơ kệt tóc. Như trên đã nói, người tù binh Cộng sản ngay khi nhập trại đã phải chịu một cuộc thẩm vấn gắt gao do đại diện tù nhân cộng sản thực hiện. Anh ta phải khai rõ lý lịch, không phải chỉ một vài chi tiết của tên tuổi, tên cha mẹ, bạn bè, đơn vị, nghề nghiệp, sở thích... Không phải khai một lần, nhưng năm lần bảy lượt bởi một cuộc thẩm vấn tinh vi kinh khiếp: Mục đích của cuộc tra hỏi này là để nhóm đại diện tù binh cộng sản phát giác ra ngay những "ngụy hồi", tức là những hồi chánh viên mà cơ quan giam giữ Việt Nam Cộng Hòa gài vào đám tù binh cộng sản để dò chừng phản ứng, âm mưu của đám tù binh cộng sản. Cuộc tra hỏi cũng nhằm xem thành phần, tinh thần của người tù để sắp xếp anh ta vào những công tác, nhiệm vụ do ban đại diện đề cử. Cuộc tra hỏi dằng dai khít khao này cũng giám định lại tinh thần của người cán binh cộng sản, xem anh ta vì thụ động, tiêu cực nên đầu hàng quân đội Cộng hòa hay anh ta đã hết sức chiến đấu nhưng bởi kiệt lực bắt buộc. Tóm lại, sau giai đoạn thẩm vấn, người tù binh Cộng sản mới được xác định, xếp loại do chính đồng bạn tù quyết định. Nếu anh ta là một hồi chánh viên được gài vào, nếu anh ta là một chiến sĩ có tinh thần sút kém, chiến đấu tiêu cực. Số mệnh anh đã hoàn toàn được định đoạt: Chết. Chỉ có một giải pháp, một giải pháp độc nhất, cuối cùng. Dùng đũa đâm từ tai này qua tai kia, lột da đầu, cắt cổ, bóp cổ. Cục hình sẽ được thực hiện giữa đám tù để dẫn mặt, cảnh cáo những người sa sút tinh thần, ngã lòng, muốn bỏ cuộc. Các tù binh Cộng sản được ban đại diện của họ chia vào từng tiểu tổ sinh hoạt, công tác chung với nhau, người này kiểm soát, canh chừng người kia để khi phát hiện một dấu hiệu ngã lòng, ý hướng mệt mỏi, muốn xin hồi chánh, làm việc cho ban giám đốc trại VNCH, thì báo động ngay đến ban đại diện tù trong khu của mình. Kẻ bị nghi ngờ sẽ bị hành hình không chút nương tay. Trong tình huống kinh khiếp nghẹt ngào này, người tù binh Cộng sản luôn luôn đề cao cảnh giác, phải luôn luôn biểu lộ lòng tin vào lập trường của Đảng, luôn luôn giữ vững ý chí cách mạng thực hiện công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước dưới sự lãnh đạo của Bác và Đảng. Họ phải kiên định lập trường, học tập tài liệu từ ngoài chuyển vào để luôn nắm vững tình hình, hướng nỗ lực tranh đấu vào mục tiêu do Đảng chỉ định. Để thực hiện công tác gắt gao này, phía Cộng sản đã không ngần ngại chỉ định những chính trị viên cốt cán, giả hàng ở trận địa rồi tìm đủ mọi phương cách làm sao chuyển được tới trại (mà họ được chỉ thị công tác)... Ví dụ như trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân, cán

bộ thuộc Trung đoàn Quyết Thắng (Trung đoàn đánh vùng Cây Thị, Gia Định) bị mất tinh thần trầm trọng... Bộ chỉ huy Ba Cục (R) thấy cần phải giữ vững tinh thần đám tù binh thuộc đơn vị này, đã điều động một số chính trị viên giả đầu hàng Quân đội Việt Nam Cộng Hòa ở một mặt trận nào đó thuộc vùng Bình Dương, Tây Ninh... Nhóm tù binh chính trị viên này sau đó đã được tập trung vào một trại tù như Tam Hiệp (Biên Hòa)... Ví dụ như sau khi móc nối với các đại diện tù và biết được đám tù của Trung đoàn Quyết Thắng đã chuyển đi một nơi nào ở Phú Quốc thì họ sẽ chủ tâm tỏ ra vô kỷ luật, phá hoại, để ban giám đốc trại trừng trị, khiển phạt và cuối cùng bị (được) chuyển đi Phú Quốc. Nơi đây, nếu được chuyển đến một khu không có người của Trung đoàn Quyết Thắng kia thì họ sẽ tiếp tục dùng mọi biện pháp để làm sao cuối cùng chuyển đến tại nơi có "mục tiêu" được chỉ định...

Trong kìm kẹp gắt gao do đề phòng hiểm độc của các chiến hữu mình, người tù binh Cộng sản bị muôn ngàn hiểm nguy thường trực đe dọa... Không tỏ vẻ căm thù nhân viên quân cảnh có nhiệm vụ đưa cơm tới, không giác ngộ về "hiện tình thối nát của chính phủ VNCH", hoài nghi về thành quả giải phóng 3/4 đất, 4/5 dân ở miền Nam, tiếng thở dài nhỏ trong đêm tối... Tất cả đã là nguyên do gây nên cái chết tức khắc. Một tù binh được ban giám đốc trại gọi lên hỏi chi tiết của nơi sinh. Nếu được trả về trại an lành, anh ta chắc đã nắm được đầu giây của cái chết do chính bạn bè anh thực hiện. Thế nên, một người tù trong hoàn cảnh này mà xin được hồi chánh để trở nên hồi chánh viên thì quả tình là một hồi chánh viên thượng thặng, hữu hạng, một người đã vượt mặt tử thần. Sự kiện này trình bày đủ thực trạng bi thảm về người tù binh Cộng sản. Trong trại giam, ngoài lớp cán binh trẻ cuồng tín của các sư đoàn chính qui Bắc Việt, còn có những tù binh thuộc các lực lượng địa phương miền Nam, những du kích xã, huyện. Bên cạnh đoàn tù binh sắt máu luôn tin vào tiền đồ cách mạng, nuôi dưỡng căm hờn chế độ, chính phủ Cộng hòa, có những tù nhân bất đắc dĩ, những chiến sĩ cách mạng lỡ thời, vốn chỉ là một nông dân kẹt ở vùng "giải phóng", hoặc ở các vùng xôi đậu bị kéo vào bùng học tập, đi du kích. Thoạt tiên, họ được "động viên" đi dân công, sau tham gia các công tác phá hoại, tiếp theo do được bình nghị là đã "giác ngộ" tham gia công tác tốt, anh ta trở thành du kích xã, du kích huyện, đôn lên thành bộ đội chủ lực tỉnh. Gặp lúc có chiến dịch lớn như Bình Giả (1964) Đồng Xoài (1965)... Các đơn vị chủ lực Miền bị thiếu sót quân số trầm trọng, du kích xã, huyện theo lệnh của Trung Ương Cục được tập trung về khu C (Tây Ninh, Bình Long) để bổ xung vào các Trung đoàn thuộc các Công Trường 5, 7, 9... Tính chất "cách mạng vô sản" nơi người du kích miền Nam này, ngay cả những cán bộ hồi kết (Gốc miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954 và trở về Nam trong những năm 1959, 1960 hoặc sau) rất khác xa với đám cán binh trên dưới hai mươi tuổi thuộc các sư đoàn Bắc Việt xâm nhập. Đám sau này tích cực hơn, cuồng tín, mê say một cách mù quáng và khắc nghiệt, hoàn toàn tin vào mệnh lệnh đường lối Đảng, lời Bác dạy. Nếu có một số ngã lòng vì cực khổ trên đường xâm nhập hoặc thấy rõ hiện tình miền Nam, thấy rõ thành quả giải phóng của cách mạng miền Nam, thường hồi chánh ngay trong thời gian đầu... Số còn lại, nếu đã thử sức đủ trên đường đi, hiện tình miền Nam vẫn chưa làm hấn ta "giác ngộ", thì lòng cuồng tín càng tăng thêm cường độ.

Thế nên, trong ý hướng cực đoan này, những cán binh có ý định hồi chánh là thành phần cần phải tiêu hủy đầu tiên và tối đa đối với những cốt cán này.

Bị vây bọc bởi đám tù cuồng tín trên, một cán binh có ý định hồi chánh ở trại tù tức đã dự cuộc đua với tử thần trong gang tấc sát sao. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trước giai đoạn thành lập danh sách cuối cùng để chuyển giao về phía cộng sản tất cả cán binh bị giam giữ theo Hiệp Định Ba Lê, đã phát động một chiến dịch gọi là phong trào Tân Sinh Hoạt trong tất cả mọi trại giam tù binh Cộng sản, mục đích phong trào này trên bề mặt là huấn nghệ, giúp điều kiện để tù binh có việc làm trong những ngày giam giữ, nhưng thực chất là tạo môi trường giáo dục tù binh để họ nhận định đúng hiện trạng miền Nam, tiến đến chọn lựa cuối cùng giữa hai ý hệ Cộng Sản và Tự Do. Phong trào đã thành công lớn lao, hơn 10.000 tù binh hồi chánh trong dịp tết Quý Sửu (72-73) trước khi danh sách trao trả cuối cùng chuyển đến phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng tại Hội Nghị Ba Lê. Số lượng 10.000 người tuy lớn so với gần 30.000 mà Việt Nam Cộng Sản dự trù trao trả, nhưng thật sự con số kia chắc chắn sẽ gấp đôi nếu tù nhân được hoàn toàn tự do chọn lựa chế độ trước khi trao trả, hoặc họ rõ được thủ tục phát biểu nguyện vọng và quyền phát biểu tại địa điểm trao trả. Trường hợp các tù binh Thạch Phên trao trả Lộc Ninh ngày 14 tháng 2-73 và Hồ Văn Công ở Quảng Trị ngày 17-3-1973 là điển hình về cảnh bi thảm lặng lẽ mà người cán binh Cộng sản gốc miền Nam phải chịu đựng trong cô đơn và nguy hiểm riêng mình. Thạch Phên, người Việt gốc Miên, anh bị lôi kéo vào Mặt Trận không cưỡng lại được vì cư trú trong vùng bản lẻ giữa mật khu Cộng sản trên đất Miên với vùng VNCH ở Châu Đốc. Ngày 11-2-1973 anh được đưa đến Lộc Ninh để trao trả. Từ trực thăng bước xuống, anh kinh hoàng nhìn khung cảnh địa điểm trao trả, lớp nhà lá gò, dãy cờ đỏ, rừng khẩu hiệu khắc nghiệt, đám cán bộ tiếp rước mặt xanh tím, tròng mắt võ vàng đầy thù nghịch dò xét. Những nụ cười vồn vã máy móc của những chiếc mồm xấu xí không làm anh yên tâm, thêm nữa, tiếng hát vang vang tiết điệu Trung Hoa dội lên từ dãy loa phát thanh làm anh bối rối kinh ngạc... Tuy đã cầm súng chiến đấu trong hàng ngũ những người Cộng sản, nhưng hôm nay, anh được đưa đến một nơi quá xa lạ, lớp rừng cao su xanh ngắt ôm kín những khu đồi đất đỏ, đám cán bộ đồng phục xanh với những cặp mắt vàng chạch vì sốt rét, nụ cười vô hồn, không cảm giác kéo lên, đóng xuống từng chập để lộ nguyên hình tính cách tra hỏi cay nghiệt. Thạch Phên chưa từng bao giờ ở cùng những chiến hữu nguy hiểm với cảnh núi rừng thâm u đầy đe dọa này. Tội nghiệp và đơn độc hơn nữa, tù cùng toán toàn là người Bắc, họ hân hoan biểu lộ sự thù hận, niềm tin sắt đá vào thành trì cách mạng bằng nắm chặt tay tung hô khẩu hiệu, câu hát. Thạch Phên hoàn toàn xa lạ trong không khí gớm ghê đầy đe dọa này... Anh lùi dần, lùi dần xuống cuối toán và chạy về phía mấy sĩ quan quân cảnh (có nhiệm vụ tải áp tù từ Phú Quốc đến Lộc Ninh) để xin hồi chánh. Đại úy Lộc, trưởng toán Liên Hợp Quân Sự Việt Nam Cộng Hòa thông báo sự kiện đến ba thành viên Mặt Trận Giải Phóng, Bắc Việt và Mỹ cùng Ủy ban Quốc tế để hợp thức hóa trường hợp hồi chánh của Thạch Phên. Nhưng hai viên sĩ quan của Mặt Trận Bắc Việt không chịu, nại có anh Phên đã hồi chánh không đúng thủ tục (Nghĩa là không phát biểu ý kiến của mình khi điểm danh trao trả. Cần nhắc lại một điểm, thời gian này chưa có thủ tục trao trả). Hai anh

Hung và Ba Lan trong Ủy ban Quốc tế được "mớm" ý kiến trên, đồng phát biểu: Không giám sát trường hợp hồi chánh của Thạch Phên vì không đúng thủ tục trao trả!! Cuối cùng, vì để có một cách thức giải quyết mẫu cho những lần trao trả sau, Quân cảnh Việt Nam Cộng Hòa hộ tống Phên đến lều trao trả để phát biểu ý kiến, nhưng đám tù binh cùng toán của Phên nhào đến cướp Phên và hành hung quân cảnh; không thể làm sao chống cự nổi với đám tù, hơn nữa, nếu giành giật quá độ, đám tù có thể đánh chết Phên... Quân cảnh VNCH buộc lòng phải thả Phên ra. Hai thành viên Hung và Ba Lan được yêu cầu can thiệp và chứng nhận sự kiện xảy ra, một lần nữa lại tuyên bố: Anh Phên chưa được điểm danh, nghĩa là chưa được trao trả, họ không có trách nhiệm gì ngoài việc giám sát cuộc trao trả tại lều trao trả (?!!). Thạch Phên bị kéo đi một lát sau trở lại, với mặt mũi vỡ nát... "Chính quyền địa phương" Mặt Trận Giải Phóng tại Lộc Ninh yêu cầu có cuộc họp với đầy đủ bốn thành viên của Ủy Ban Quốc Tế để anh Phên phát biểu ý kiến trong "hoàn toàn tự do"... Và cuối cùng, thay vì nói muốn được hồi chánh, Phên phát biểu: "Việt Nam Cộng Hòa "gài" anh ta làm hồi chánh viên, nhưng bây giờ "giác ngộ" nên tự ý xin về phía Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam VN!! Hai thành viên Hung và Ba Lan ghi nhận sự kiện trung thực: Anh Phên đã nói lên nguyện vọng của mình trong tự do!!

Trường hợp của Hồ Văn Công thì khả quan hơn. Công thuộc toán thứ nhất để trao trả trong ngày 17-3-1973 tại Quảng Trị. Cũng như Thạch Phên, Công là du kích thuộc xã Phụng Hiệp Cần Thơ, bị quân đội VNCH bắt trong một cuộc tuần tiễu. Với bản chất thẳng thắn, đơn giản của người miền Nam, Công tham gia vào cuộc chiến đấu võ trang trong hàng ngũ cộng sản hoàn toàn do hoàn cảnh ép buộc, một sự góp mặt trung tính vì không thể sống độc lập giữa hai chế độ đối nghịch. Công đến bờ sông Thạch Hãn, nhìn về phía bờ đối diện, ngọn cờ đỏ ngôi sao vàng cùng tất cả im lặng nặng nề của một khối tổ chức chặt chẽ vô nhân tính vang vang khúc hát gọi căm thù. Công chùng bước... Đây là đâu? Phải chăng là bờ Bến Hải? Bến Hải - Cần Thơ khoảng cách ngút ngàn, suốt đời anh bao không bao giờ ý niệm đến... Nước Việt Nam là một, Tổ quốc Việt Nam là một, chúng ta có thể đến bất cứ đâu, tác chiến bất cứ nơi đâu... Viên bí thư xã đã nhiều lần nói như thế; cán bộ đại diện tù nhân cũng đã giải thích, thông báo hơn tháng trước: Chúng ta sẽ được trao trả tại Quảng Trị, ở đây sẽ "tiếp thu" chúng ta, sau đó tùy nhu cầu thực tế, chúng ta sẽ được phân phối vào các cơ quan khác nhau, có nhiều nhiệm vụ khác nhau. Quảng Trị, một tỉnh Công không bao giờ nghe tên. Đây là Quảng Trị, sông này là sông Bến Hải (!?), trao trả xong họ mang mình thẳng về Bắc luôn!! Công co rúm người khi bước chân lần xuống thuyền để qua sông, Công liếc qua tái, qua phải, hai hàng lính Thủy quân Lục chiến, Nhảy Dù với những bộ đồ rằn ri rất quen thuộc và ngay cả lá cờ vàng ba sọc đỏ này nữa... Dù anh đã một lần chiến đấu chống lại. Đám lính Cộng hòa với cách thức phát âm, dáng điệu phóng khoáng kia vẫn quen thuộc, thân mật gần gũi với Công hơn là đám tù binh mặt nặng cằm hờn đang to nhỏ với nhau, hoan hô đả đảo... Lá cờ Việt Nam Cộng Hòa - Công đã quen thuộc từ bao lâu, kể từ ngày anh lớn lên, đi qua đồn nghĩa quân, đi qua trụ sở hành chánh xã Phụng Hiệp. Công nổi gai khi nghĩ tới cảnh trời nơi đất Bắc xa xôi, nơi anh sẽ đến và không có ngày trở về làng xưa cuối miền Nam... Anh bước chân xuống thuyền, thuyền trông thành, đám lính

Thủy quân Lục chiến đứng trên bờ cười nói vang vang, tiếng cười, giọng nói miền Nam yêu quý... Thuyền nổ máy hướng mũi về phía bờ Bắc nơi có lá cờ đỏ... Công quyết định, anh đứng dậy trên lòng thuyền, một bàn tay nào đó muốn vít cổ anh xuống, Công đưa tay lên gạt mạnh, phóng mình xuống nước... Nước lạnh cóng, Công cố bơi vào bờ, mắt anh mờ ánh nước, tay chân anh giãn ra, anh thả trôi người, chìm xuống... " Hồi chánh! Hồi chánh... Có người hồi chánh ". Công loáng thoáng nghe có tiếng người kêu lớn ở trên bờ, nghe tiếng sóng đập mạnh đầu đầu trên giòng nước, có cánh tay bế xốc anh lên... Công đưa tay xuống cạp quần nơi có tấm ảnh của vợ con anh ở miền Nam!!

Viên Y sĩ Thủy quân Lục chiến chích cho Công mũi thuốc khỏe... Ảnh vợ con tôi đâu? Ảnh vợ con tôi đâu? Đây đây... Công lần mò bàn tay run rẩy trên mép tấm ảnh quen thuộc...

Tôi đi qua bờ Thạch Hãn, yêu cầu tổ Ủy ban Quốc tế đến chứng kiến và xác nhận trường hợp anh Công, để hai anh Hung và Ba Lan không thể thoái thác từ chối với lý do anh Công chưa đến địa điểm trao trả (Bờ Bắc sông Thạch Hãn)... Tôi đón trước bằng đề nghị: Vì anh Công đang trên đường đến địa điểm và nhảy xuống nước, hiện tại đang bị kích ngất không thể di chuyển qua sông được, sẵn dịp Ủy ban Quốc tế sẽ về bờ Nam đáp trực thăng đi Gio Linh, tôi yêu cầu họ phải xác nhận trường hợp hồi chánh của anh Công. Nhưng vì tôi cũng chỉ một mình, một miệng, hai toán Liên Hiệp Quân Sự phe Cộng sản xử dụng tôi đa nhân lực cùng lớp cán bộ địa phương bao vây ngay hai anh Hung và Ba Lan, cả một lực lượng hơn mười người cùng hai tên thông dịch viên, thay nhau thảo luận, hỏi ý kiến liên tiếp, kèm thêm màn chụp hình, mời uống nước. Hai anh Hung và Ba Lan lại biểu đồng tình trì hoãn chiến để không qua sông chứng kiến trường hợp anh Công. Khốn nạn, tôi chỉ kéo được hai anh Gia Nã Đại và Nam Dương về bờ Nam. Trên giòng nước lạnh ngắt, dưới trời mưa bụi tôi đưa mắt nhìn ra xa nghĩ đến cảnh những người trầm mình để được chết tự do. Cao quý và đau đớn thật, hình như rất ít người nghĩ đến yếu tố thực tế này khi vỗ tay mừng Hiệp Định Ba Lê. Cuối cùng, anh Công vẫn được xếp vào hàng ngũ những người hồi chánh, dù thiếu sự chứng kiến của hai thành viên Ba Lan, Hung Gia Lợi. Trường hợp hồi chánh của anh vẫn được ghi nhận qua phái đoàn Nam Dương, phái đoàn Chủ vị Ủy ban Quốc tế của tháng này. Thạch Phên hay Hồ Văn Công là những trường hợp điển hình vì đã bùng vỡ và thực hiện qua hành động, nhưng còn biết bao nhiêu người nữa, những người không thể hồi chánh theo phong trào Tân Sinh Hoạt, những người không thể tách khỏi tay đám tù đồng bọn khi đi trên đường đến địa điểm trao trả. Bao nhiêu người muốn làm động tác như Hồ Văn Công của ngày 17-3-1973, bao nhiêu người muốn đưa tay lên để phát biểu ý kiến, bao nhiêu người lòng ngập bi thương khi bước chân vào địa điểm trao trả để đợi điểm danh trước khi về với... Nhân Dân!! Nhân Dân... Điển hình với hình ảnh phục phịch của một nữ đồng chí "phục vụ" với giọng nói miền Bắc Việt nghe lạ lẫm. Bao nhiêu người tù binh tóc đã ngã màu muối tiêu, bước chân lóng cóng, dầm lên chiếc thuyền để qua sông, ngập ngừng ném chiếc áo nâu dày ấm áp theo lệnh của "tù trưởng" để lộ làn da nhẵn nhúm một nhọc dưới làn mưa dầm dề của tiết xuân, lớp da dù được kích động, dù được bơm cảm thù vẫn phải co rúm dưới cơn gió rét miền Trung rờn rợn... Tù Binh... Về đâu? Câu hỏi vang lên

nghe nhức nhối và tội nghiệp khôn cùng.

Chẳng phải vì muốn tăng thêm cường độ cảm xúc trong văn chương nên tôi đã khai triển tới đa tình huống qua hai sự kiện cụ thể, nhưng bởi đã nhận ra thực tế không phải chỉ xảy ra ở bờ sông Thạch Hãn, sân bay Lộc Ninh, nơi rừng cao su Minh Thạnh, bên cạnh lớp tù nhân hùng hổ kéo nhau đi trong khi thể hận thù bốc cao đầy ánh mắt, có một số đông, một số rất đông tù binh Cộng sản bước những bước ngắn e ngại, thần thờ... Họ cũng như đám tù binh Hồng Quân đã tự sát tập thể bằng cách lao mình từ toa tàu xuống vực sâu trên đường trở về Nga Xô Viết sau khi Đức đầu hàng Đồng Minh 1945; họ cũng như những tù binh của các chiến dịch Atlante, Castor, được Pháp trả về phía bên kia phía Cách Mạng - Phía Việt Cộng. Thân phụ tôi, người chiến sĩ của Sư Đoàn 308, người chiến sĩ của chiến thắng Điện Biên, người từng bỏ tất cả đời sống bình yên cạnh vợ con để hiến dâng trọn đời mình đến cách mạng, cho dân tộc... Từ trại tù 51 ở Hải Phòng trước ngày Pháp trao trả về cho Quân Đội Nhân Dân đã không cảm lòng, phải viết nên lời: "Anh (ba tôi) bây giờ đã mệt mỏi lắm rồi, anh biết đủ thứ, biết bữa củi, nấu cơm, có thể làm tất cả mọi chuyện, chỉ muốn làm sao đưa em (mẹ tôi) và các con đi xa, đi thật xa, ra khỏi nước Việt Nam này.." Năm 1954, với chiến thắng rực rỡ lớn lao kia, người tù Cộng sản cũng phải nhìn lại đoạn đường mình đã đi qua, đưa mắt hướng về một tương lai ảo tượng để nói lên lời cay đắng, hướng gì hôm nay, thời gian của 1973, biên giới của Cộng Sản và Tự Do đã xóa nhòa trong men rượu Mao Đài, được quên đi nơi Công Trường Đỏ khi Nixon cúi mình tưởng niệm anh hùng Xô Viết... Thế nên, người tù binh Cộng sản còn đâu ý chí, còn đâu căm thù đích thực... Và "Chống Mỹ cứu nước" hiện rõ ra một khẩu hiệu không nội dung, không đối tượng khi "bè lũ quân Ngụy ác ôn còn đồ" cũng chỉ là những người lính da vàng âm thầm chịu đựng, khi thành tích cách mạng giải phóng miền Nam thật bày ra lớp thịt da người Việt phủ kín chín cây số của Đại Lộ Kinh Hoàng... Giải Phóng, Tự Do, Dân Tộc, Độc Lập, những danh từ chất chứa vĩ đại một cách phi nhân đã thể hiện đủ tính chất, trò xảo trá to lớn mà người tù binh đã đem đời mình hiến dâng nên thành. Trong nhà tù, nơi địa điểm trao trả, người tù binh thấy lại trước mắt cảnh cơm khô, nước lã miệt mài nơi rừng xanh để xây dựng một thiên đường nhạt thếch... Gia đình, làng xưa, nẻo đường về càng ngày càng mất hút. Tù binh Cộng sản, anh đi về đâu khi ngày sắp hết và đời anh cũng đến lúc kiệt cùng.

Còn một điều cần phải nói thêm cho đủ, những người tù dù đã chứng tỏ vững lập trường khi ở giai đoạn giam giữ, cũng phải phát triển căm thù cùng tinh thần chiến đấu ngoan cường ở địa điểm trao trả vì nếu không, sau ly nước trà vồn vã bốc khói, người tù lừng khừng, mệt mỏi, sẽ bị cô lập, tra hỏi, kiểm thảo và hạ tầng công tác ngay hoặc nếu cần thì thủ tiêu... Lớp tù binh được trao trả về theo Hiệp Định Genève 1954 đã chứng tỏ điều này trong những ngày sau 54, những người tù binh của những chiến trường khốc liệt được Pháp trả về đã bị phân tán, đánh tĩa, bỏ rơi và bắt buộc ở vào tình trạng tê liệt cho đến hôm nay, gần hai mươi năm sau ngày trao trả.

Đề địch quân bắt giữ là một tội phạm. Người Cộng Sản đã quan niệm như thế. Cả một bộ

máy tuyên truyền to lớn của họ không đề cập hoặc khai triển rất ít đối với thành phần những người tù vừa được VNCH trả lại. Trong các báo Quân Đội Nhân Dân, Quân Đội Giải Phóng, tin tức về các cuộc trao trả tù binh Cộng sản được loan báo rất sơ sài, một cột, vài ba dòng. Thiếu vắng hoàn toàn cách đề cao, thổi phồng các "anh hùng" bị giam giữ, bên cạnh những anh hùng sản xuất, anh hùng của đội làm cầu Hàm Rồng..v.v... Số phận những tù binh Cộng sản năm 1973 chắc cũng không khác gì những người hai mươi năm trước. Thực tế sau này chứng minh mức độ chính xác của lời tiên tri tiên kiến. Người viết gặp lại người tù anh đã trả nơi bờ sông Thạch Hãn năm 1973. Thượng úy Trọng - Trọng "già", người cùng chung phòng kỹ luật với Phan Nhật Nam (1983) tại Trại 5 Lam Sơn Thanh Hóa. Trọng đã ở tù từ ngày trao trả mười năm trước vì tội "Đề quân Ngụy bắt giữ!!!"

Đó là số phận của tù Cộng sản chân truyền, dù là người kiên quyết ném cái áo tù binh xuống giòng sông, móc từ hậu môn ra mảnh vải dài khoảng ba tấc ngang bằng ba đốt ngón tay trên ghi giòng chữ "Đả đảo Đế quốc Mỹ" và giữ vững trên đầu từ khi bước xuống thuyền, qua sông, ngồi xuống băng điểm danh. Huống gì loại tù binh mất lạc thần nhìn lên màu cờ đỏ, não nề không trả lời khi được gọi đến, những người tù tóc bạc, thờ dài không che dấu, bước những bước hững hờ, lạnh nhạt giữa hai hàng cán bộ phục dịch tay vỗ vang và ứa tràn miệng cười... Những tù binh quê miền Nam, những tù binh vốn du kích, những tù binh đã gần đến tuổi nghỉ ngơi. Về đâu? Đêm nay ngã lưng xuống nơi đâu, quê hương, gia đình đâu? Ảnh ông Hồ Chí Minh và khẩu hiệu "Không có gì quý hơn Độc Lập Tự Do" cũng chỉ nên hình ảnh nhạt nhòa vô nghĩa... Người tù Cộng sản lưng trần, đầu cúi xuống, bước đi ngập ngừng. Đi mãi vào một nơi không bao giờ biết. Không hề biết.

Phần những tù binh quân sự đã thê thảm tội nghiệp như thế, huống hồ gì những tù dân sự, những người được gọi là "nhân viên dân sự" của Cộng sản qua định nghĩa của điều 21 (b) Hiệp Định Genève 54: "Nhân viên dân sự là những người đã góp phần vào cuộc đấu tranh vũ trang, chính trị của một bên và bị bên kia giam giữ..." Định nghĩa rộng rãi nhưng vô cùng chặt chẽ đã không làm "lọt" một người nào giữa hai bên miền Nam, tất cả mọi người khi lựa chọn một bên để sống tức là đã lựa chọn một chế độ, hoàn tất một thái độ chính trị và "cuộc góp phần" có thể suy diễn từ thái độ này cũng không sợ nhầm lẫn quá độ. Qua định nghĩa này, tức không còn bóng dáng "thường dân" trong thời chiến, không còn người "dân" thuần túy, độc lập giữa hai thế lực đối kháng Người bị cuốn hút vào không cưỡng chế, phải góp phần tham gia, với một tương quan liên kết về một phe. Không có người làm nghề tự do, không có người buôn bán độc lập mà chỉ có nhân viên dân sự như Nguyễn Văn Tám, bốn mươi ba tuổi từ xã Đông Yên, quận An Biên, tỉnh Rạch Giá làm "gián điệp" cho Tám Cơ ở thị xã Rạch Giá và bị "Chính phủ Lâm Thời" bắt giữ tại địa điểm U Minh trong ngày 2-3-1971.

- Tám Cơ là ai?

- Dạ ông ở Rạch Giá...

- Tám Cơ bảo anh làm gì?

- Dạ bảo làm... gián điệp!!

- Làm gián điệp như thế nào? Làm những việc gì?... Nguyễn Văn Tám đứng tròn, đưa mắt nhìn tôi, anh không biết mình đã làm những việc gì có liên quan đến "điệp vụ" nguy nan như từ ngữ đó... Tám Cơ, phải chăng chỉ là một nhân viên tình báo của cuộc Cảnh Sát ở Rạch Giá đã nói với Tám trong một lần nào đó: "Vào trông thấy gì là lạ, ra nói lại nghe". "Vào trông là những khu U Minh mịt mù mà Tám hằng ngày ra vào để làm lúa!! Gián điệp Tám đã phạm tội nặng ngàn cân với tình cảnh một người dân khốn khổ! Gián điệp, tội tử hình dù giữa hai quốc gia có tuyên chiến. Tám phạm tội tất nhiên như Tám đã sống trong đời. Phải chăng làm người Việt Nam trong thời đại tàn khốc này đã là một cái tội?!! Trường hợp của bà Lê Thị Tám thì trái ngược lại, bà Tám năm hai mươi tuổi, tóc khô và người nhả nhúm, thân thể nhỏ bé quắt queo toát ra một vẻ chịu đựng khốc liệt. Bà Tám mở đôi mắt vàng đục, nhướn những lần mí mắt sùm sụp, cất giọng phiến não...

- Tui tên Tám, năm mươi hai tuổi ở làng La Chữ ngoài Huế.

- Bà phải nói đủ nơi sinh, gồm có xã, huyện, tỉnh... Viên Thiếu tá Mặt Trận có nhiệm vụ hỏi ý kiến bà già cũng náo nề trước tình trạng mệt mỏi này.

- Hi? Chi?!!

- Bà nói cho tôi biết huyện nào?

- Thì tui "noái" rồi đó, tui ngoài La Chữ, Thừa Thiên...

- Bà bị phía Việt Nam Cộng Hòa bắt vì tội gì?

- Răng biết?!

- Bà không biết lý do bị bắt thì tại sao bây giờ lại xin ở lại.

- Theo "bộ đội" thì biết khi mô về lại ngoài nớ, tui xin về nhà thôi, không được thì ở tù lại cũng được!!

Đến đây, tôi lại phải chen vào chứ để cho viên thiếu tá này vắn vẹo một hồi, bà Tám nói lung tung thì... vỡ mặt. Tôi can thiệp nhưng lòng cũng không có niềm hứng khởi đấu tranh... Vì đấu tranh ở đâu khi lôi kéo người đàn bà này về phía quốc gia, với tầng lớp nhân dân mệt mỏi vô tình này! Tôi cắt ngang lời phát biểu và các câu hỏi để đặt câu hỏi dứt khoát:

- Bây giờ bà đi theo bên Chính Phủ Lâm Thời hay là phía Việt Nam Cộng Hòa?

- Tui ở lại.

- Xong, cảm ơn bà, bà theo quân cảnh để ra đợi trực thăng về lại Biên Hòa.

Viên Thiếu tá Mặt Trận giở nón lấy khăn lau đầu, có những sợi tóc bạc đâm mờ hời. Dù là người Cộng sản chắc y cũng thoáng rã rời. Bà Tám loắt choắt bước theo người quân cảnh, hai bàn chân nhỏ bước thoăn thoắt, nắng rọi sáng trên đám tóc khô rối. Người đàn bà tội nghiệp này làm sao biết mình vừa lựa chọn một chế độ, vừa phân biệt và quyết định giữa hai đối lực chính trị Quốc Gia - Cộng Sản. Bà đã sống tình cờ nơi làng La Chữ, Hương Trà, Thừa Thiên, hàng ngày vào mạn núi phía tây quốc lộ 1 vùng Nam Hòa (Huế) kiếm củi, có người chặn lại đưa cho gói giấy, bảo khi trở về thì rải gói giấy này trên quốc lộ. Người lạ cũng gọi bà mua thuốc lá, xà phòng với giá cao. Gánh củi trở thành phương tiện mua bán thứ yếu, cách buôn bán trên trở nên nguồn lợi chính. Bà Tám rốt cuộc bị ủy viên an ninh xã khám phá và giam giữ!! Bà khai thật tình số thuốc lá đã bán, số lời thu được. Bà cũng rất thành thật nói rằng, sau này khi biết mấy người kia là "bộ đội" thì có hơi tin tức về chồng bà đã đi vào phía núi này từ năm 1952, 53... Liên quan giữa bà Tám với "bộ đội" quả rất phù hợp với định nghĩa của điều 21(b) - Điều khoản được hoàn tất từ những đầu óc nhiều kinh nghiệm, nhiều kiến văn. Lẽ tất nhiên không bao giờ nhằm lẫn, sơ sót. Buôn bán tức là có tương quan kinh tế và vong thân chính trị là gì nếu không phát xuất từ cơ sở kinh tế. Cuộc tranh chấp lớn hiện nay giữa Cộng Sản và Tư Bản cũng chỉ là hệ quả của sự chống đối tử chiến giữa hai lực kinh tế đối nghịch, Tư Bản - Vô Sản. Vậy bà Tám đã hiện thực một "tương quan kinh tế" tức là dự phần vào cuộc đấu tranh võ trang chính trị giữa hai bên miền Nam theo điều 7 Nghị Định Thư Từ Bình của Hiệp Định Ba Lê!!! Bà Tám được ghi tên vào danh sách để trao trả về Mặt Trận Giải Phóng tại Lộc Ninh ngày 21-2-74.

Bà Tám đã thê thảm nhưng Phan Anh Hoát lại còn đau đớn tàn khốc hơn. Hoát trên bốn mươi, người thấp bé nhẵn nhục. Hoát là công chức ở Huế, bị bắt sau cuộc chính biến miền Trung 1966, vì Hoát tham gia lực lượng tranh đấu Phật Giáo. Hoát bị đưa vào Sài Gòn và cuộc điều tra đã có kết luận: Hoát phá rối trị an, làm lợi cho Cộng sản, có dạng thức đấu tranh Cộng Sản, nhận chỉ thị từ thành ủy Huế..v.v.. Ngày trao trả 18-2-74 tại Lộc Ninh, Hoát lặng lẽ đi giữa hai hàng cán bộ tiếp đón với nước mắt chảy đầy má. Đám cán bộ Cộng Sản sững sờ trước khuôn mặt đầm nước mắt và môi mím chặt uất hận. Lần đầu tiên, tại một địa điểm trao trả có hiện tượng phản uất đau đớn này. Đi về phía Cộng sản thì phải vỗ tay phấn khởi, phải bộc lộ căm thù trên đầu nắm tay, trong cái nhìn hung hiểm. Về phía Cộng sản cũng phải dựng lên màn kịch được giải phóng toàn thể, được đời sống tự do tuyệt đối. Nhưng lần đầu tiên của một năm trao trả, người tù Phan Anh Hoát với giọt nước mắt bi phẫn, với lặng lẽ não nề đã từ chối tất cả, đã buông xuôi tất cả, đã hoàn toàn bó tay giữa một thế lưỡng cực phân tranh mà Hoát hoàn toàn thụ động. Hoát cô độc và yếu đuối giữa hai ý hệ. Hoát thả rơi những giọt nước mắt đớn đau. Hoát chỉ là một trường hợp điển hình của đám người cuối đáy tuyệt vọng, những người nghẽn lối và bị xé nát giữa cuộc đấu tranh Quốc - Cộng. Hoát khóc được nhưng một số người đồng đạo đã không đủ can đảm để khóc nên giòng nước mắt bị thương đó. Rất nhiều người đã không làm được. Rất nhiều

người như thế. Tôi đã biết những người Việt Nam không được khóc giữa các cuộc trao trả.

Những người tù của Gheorghiu quả tình đã bị xé nát bởi guồng máy phi nhân của những chính quyền nhân danh Tự Do và Nhân Loại. Người tù Việt Nam, kẻ chịu nạn ghê gớm giữa hai ý hệ đối cực. Họ không có giai đoạn trước và sau thời hạn tù. Sống ở trên đất nước này đã là một cái tội. Họ bị kết án bởi đời sống đó.

HÒA BÌNH, TƯƠNG NHƯ LÀ GIÁC MƠ

Hôm nay, gần hết tháng thứ năm hòa bình của chiến tranh "Đông Dương đệ nhị". Người Mỹ đã rút đi cùng bộ máy chiến tranh khổng lồ, khối nhân lực nửa triệu người, hàng trăm máy bay chiến đấu, những phi đoàn trực thăng, hệ thống phi trường đã chiến lần lượt đóng cửa. Người Mỹ phải tay gọn ghẽ: 1960-73, mười ba năm tham dự vào vũng lầy Đông Dương, nước Mỹ quả tình cần phải nghỉ ngơi. Vụ Watergate như một cơn sốt cao độ để người Mỹ trút được khối chất độc tự thân lần cuối. Ngoài giải tỏa chiến tranh, trong dọn sạch nội bộ, người Mỹ uống một liều thuốc nặng "độ" để dứt điểm cơn bệnh. Vệ tinh Skylab hư bộ phận chống nhiệt nhưng được sửa chữa kịp, phòng thí nghiệm không gian đáp tuyệt hảo xuống biển Thái Bình sau hai mươi tám ngày bên ngoài khí quyển quả đất.

Bà Golda Meir đón thủ tướng Tây Đức ở phi trường Tel-Aviv với câu nói lịch sử: "Nhân loại sẽ không còn nếu không có can đảm mở màn cho những bắt đầu mới..."

Ở Ba Lê, Kissinger mạnh miệng tuyên bố: "Sẽ không trở lại nơi này một lần nào nữa vì lý do Đông Dương.." Xong, tiếng bạc chót đã đặt xuống. Thế giới thở hơi dài trước một viễn ảnh đẹp đẽ đang ráp nối dần.

Nhưng Nam Việt Nam thì quả tình chưa xong một chuyện nhỏ. Ngày 27.1.73 khi dấu chấm cuối cùng vừa dứt trên văn kiện "Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam", thì ở Việt Nam, đêm 27 rạng 28-1-73 Thủy quân lục chiến cường tập dứt điểm mục tiêu Tango hay Cửa Việt. Pháo 130 của Bắc quân từ Đông Hà, Khe Sanh đổ xuống vùng Như Lệ, Tân Lệ làm quân Dù không thể ngóc nổi đầu... Ngày Chủ nhật 28-1-73 toàn thể các lộ đi vào Sài Gòn đều bị đóng "chốt". Chốt ở quốc lộ 15 phía nam Long Thành, chốt trên quốc lộ 1 ở Xuân Lộc, Long Khánh, chốt kẹt đường Tây Ninh, chốt giữ đường đi Đà Lạt. Người Việt Nam đón hòa bình với tiếng chất lưỡi khi mở tờ báo, lúc chui xuống hầm, bế con chạy trốn pháo. Hiệp Định Ngưng Bắn và Tái lập Hòa Bình tại Việt Nam: Thật sự đùa cợt tàn nhẫn trên bi thương của dân tộc Việt. Hòa Bình, chiếc bóng ao ước của cả một giống nòi chấp chờ ảo tượng. Hôm nay, cuối tháng thứ năm của ngày ngưng bắn, tất cả dạng thức hòa bình vẫn còn rời rạc, trừ hiện tượng người Mỹ đã mất hẳn, để khi đi trên đường trong Tân Sơn Nhất, trong Long Bình, Cam Ranh với canh cánh phản ứng... Hóa ra "Hòa bình" đã đi được một bước cụ thể. Bước trở về của đám lính Mỹ bên kia đại dương Thái Bình. Và cũng chỉ có mỗi hiện tượng đó, tất cả còn nguyên vẹn. Hòa Bình - Việt Nam Người ở đâu?

Có một cảm giác không an toàn, âu lo phảng phất trong không khí. Cất đất thành lập một

quốc gia thứ ba, ngưng bắn thật sự lại chỗ chờ đợi Hội Đồng Hòa Giải và cơ chế chính trị mới. Hay... Đánh trở lại?!! Những câu hỏi nhức nhối theo từng nhịp thở khi nghe tiếng đai bác rì rầm vang vọng trong đêm.

Chuyện gì sẽ xảy đến? Và câu hỏi hệ luận: Mặt Trận Giải Phóng hiện đang toan tính gì? Lẽ tất nhiên, phần cuối cùng của chiến lược Cộng Sản không thể đơn giản khẳng định với một minh xác cụ thể, nhưng nét chính chiến thuật phải nằm trong toàn bộ chiến lược lớn của Đảng Lao Động Việt Nam mà mục tiêu lớn từ lâu không thay đổi: Nhuộm đỏ toàn thể Đông Dương.

Nhưng dẫu nắm được điểm chính chiến lược của miền Bắc, cũng không thể dễ dàng tìm ngay được giải đáp cho câu hỏi. Đoạn đường dài đó, đảng Lao Động từ lâu đang tâm thực hiện, nhưng nhịp độ, phương thức thực hiện của bước tiến luôn vấp phải muôn ngàn trở ngại do đối kháng của phía Quốc gia, tình hình quốc tế, nên di chúc Hồ Chủ Tịch được mặc nhiên uyển chuyển thi hành theo các đường vòng nói rộng hay ép chặt tùy hoàn cảnh. Nhưng cái đích của mọi từ trường hành động vẫn không ra khỏi hai cực nam châm, cụ thể là quyết tâm của người đã chết. Từ quan điểm chiến lược này của đối phương, chúng ta cần thiết tìm nên đường đi trong ý nghĩa tự tồn và tự cứu. Viên đạn của địch đã lên nòng, ta phải xét thêm vị trí của nòng súng, thế qui nhắm của địch để từ đó tìm ra đường lối chống đỡ. Lăn chống đỡ cuối cùng để vượt qua cái chết hoặc chìm mất... Lập lại câu hỏi: Mặt Trận Giải Phóng toan tính những gì có thể thay thế bằng một câu hỏi tương tự: Cộng Sản đã mưu tính gì khi lần chiếm những vùng đất có chung nhiều mẫu số.

Qua những vùng đất bị tạm chiếm, chúng ta có nhiều yếu tố để nhận diện đối phương.

29-3-72, mở đầu cuộc tấn công mùa hè vào miền Nam, Cộng Sản Bắc Việt xua 13 sư đoàn bộ binh cùng ba trung đoàn chiến xa theo hai hướng tây-đông và bắc-nam, cường tập vào tỉnh Quảng Trị với mục tiêu thứ nhất là thị xã Đông Hà, sau khi giàn đại pháo 130 ly của ba trung đoàn pháo nặng yểm trợ tiếp cận, quét sạch dây căn cứ hỏa lực chạy từ làng Vei, Hương Hóa, như Carroll, Sarge, C1, C2, A1, A2, từ biên giới Lào Việt đến bờ biển. Mặt trận Đông Hà vỡ vì Sư đoàn 3 Bộ Binh và một Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến không thể nào giữ được một tuyến phòng thủ rộng đến ba mươi cây số không chiều sâu.

Ngày 1-5-72 Quảng Trị mất, người dân dùng tất cả mọi phương tiện để xuôi Nam. Thật lạ, người Việt vốn rất tinh, rất thương với biến cố, nhưng khi một làng xóm, một quận lỵ vừa ngửi mùi "bộ đội" gần đến, đã vội vàng di tản. Lữ đoàn 147 Thủy quân Lục chiến giữ nhiệm vụ bao chốt, vét hết người dân Quảng Trị cuối cùng và dừng lại tại Mỹ Chánh để lập phòng tuyến cuối. Điểm giữa đường Quảng Trị - Huế.

Ngày 29-6-72, hai sư đoàn chủ lực của miền Nam, Nhảy Dù phía tay trái, Thủy Quân Lục Chiến tay phải, cùng song song tiến về hướng Bắc lấy quốc lộ 1 làm chuẩn và thành phố Quảng Trị làm mục tiêu cuối cùng.

Bắt đầu từ ngày 29-6-72 và chấm dứt vào cuối tháng 7-72, Quảng Trị "nóng" mùi lính Cộng hòa, chỉ trừ một chót cuối: Cổ thành Đình Công Tráng, ba tiểu đoàn Thủy quân lục chiến hoàn tất nhiệm vụ đúng 12 giờ trưa ngày 15-9-72. Mặt trận Quảng Trị được phân ranh rõ rệt bởi giòng sông Thạch Hãn.

Tháng ngày qua từ từ, cuộc chiến tạm kết thúc với không người thắng cũng không kẻ bại.

Kết quả, Hiệp Định ngưng bắn tái lập hòa bình ra đời, tờ Hiệp Định quái dị, mờ mịt và lầu cá như một bài thơ tự do mà mọi phe đều có thể giải thích với phần lợi cho mình. Hòa Bình: từ ngữ linh thiêng lần đầu tiên được gọi tới.

Ta kiểm điểm đất đai Cộng sản đã chiếm được ở mặt trận phía bắc: Từ đèo Lao Bảo ra đến Cửa Việt, từ sông Bến Hải vào đến sông Thạch Hãn và đặt lại câu hỏi mà suốt những ngày đầu cuộc đại chiến của năm 1972 đã nhiều lần được nói tới: Cộng sản muốn chiếm Huế hay không? Câu trả lời có thể đặt lên hai vế mà không sợ lầm lẫn. Về mặt chiến thuật, Huế cũng là một mục tiêu nhưng chỉ là một mục tiêu chiến thuật, của Sư đoàn 324B. Bằng tất cả cố gắng, SĐ324B này đã cài răng lược với Sư đoàn 1 Bộ Binh VNCH trong dự tính đẩy sư đoàn này ra khỏi các cao độ King, Birmingham, Bastogne, Checkmate ở vùng tây-nam Huế, để từ đây theo trục lộ 547 tiến về Huế (Đường đã một lần được sử dụng trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân). Nhưng Huế chỉ là một mục tiêu chiến thuật lớn chứ không phải là một thành phố mà quan điểm chiến lược Bắc Việt quan niệm đến.

Sự xác định quân sự căn cứ từ các yếu tố, sau khi chiếm được Đông Hà và Quảng Trị, Cộng quân bỗng "khựng" lại ở bờ bắc sông Mỹ Chánh. Sự trì chệm của cuộc tiến quân có lý do là phương tiện tiếp vận không đi theo kịp với bước tiến của bộ binh. Nói rõ hơn, Cộng quân không "chuẩn bị" để đẩy quân sâu về phía nam hơn được, trong khi chuẩn bị là ưu điểm số một mà họ đã nhiều lần thực hiện đủ trong toàn thể các chiến dịch... Mậu Thân, Hạ Lào, cuộc tổng tiến công đầu tháng 4-1972 vào Đông Hà, Lộc Ninh, Darkto là những bằng chứng hiển nhiên về cách chuẩn bị kỹ của đối phương. Thế nên Sư đoàn 324B cùng các trung đoàn thuộc quân khu Trị-Thiên của Cộng sản dù có thay phiên nhau nhờ Sư đoàn 1 Bộ Binh ở vùng núi tây-nam Huế, thành phố này vẫn chưa được quan niệm đúng cỡ như điểm dứt của chiến tranh Việt Nam.

Xác định kéo đến một hệ luận: Mục tiêu lớn của cuộc tổng tấn công không vượt khỏi ranh sông Thạch Hãn, đường ranh giới này có thể tính được từ một khối óc điện tử khi có đủ các dữ kiện vừa trình bày. Khoảng đất 150 cây số vuông ở bắc sông Thạch Hãn là một vùng không có tiềm lực kinh tế và 90% dân chúng đã vượt sông bỏ làng mạc xuôi Nam. Không tài nguyên, không nhân lực, khoảng đất trống với thiên nhiên nghèo nàn đó trên ý niệm của chiến tranh cổ điển, chiến tranh chiếm đất, bắt dân, cướp tài nguyên không thể là mục tiêu đáng kích thích được. Nhưng lật tờ bản đồ Đông Dương chỉ với một nhận xét đơn sơ nhất của quan điểm chính trị địa lý, thì thấy vùng đất nằm hai bên quốc lộ 9, từ Đông Hà đến Tchépone quả thật là một trung điểm để kiểm soát được cạnh sườn tây và

đông của dãy Trường Sơn nằm trên ba quốc gia Việt, Miên, Lào. So sánh quốc lộ 9 nằm trên trục Đông Hà - Tchépone - Savanakhet với trục quốc lộ 12 Thakhet - Đèo Mụ Già; trục lộ 19 Stungteng - Đức Cơ - Pleiku thì nhận thấy ngay được tính chất quan trọng của con lộ kể trên, con đường tương đối ngắn (dài hơn trục bắc và ngắn hơn trục nam) nằm giữa trung tâm của Đông Dương hợp với đường Hồ Chí Minh thành ra một ngã tư nối liền được đông-tây, nam-bắc của bán đảo. Nhận định này cũng chẳng gì mới lạ, Cộng quân chỉ lập lại hoài bão mà tổ tiên ta xưa không thực hiện được: Kiểm soát đường số 9, chế ngự Nam Lào để tiến lên bắc, xuống nam bình định luôn toàn thể bán đảo. Nhận định có thể kiểm chứng khi ta nhìn lại diễn tiến và kết quả của hai mặt trận khác, Darkto và An Lộc.

Từ Attopeu trên đất Lào, đường Hồ Chí Minh có một hệ thống rẽ về phía đông. Gọi là một hệ thống vì gồm những con đường phẳng phiu trơn láng chạy quanh co trên các cao độ chập chùng, không che dấu dưới cánh phi cơ quan sát hay bằng mắt trần từ các trại Ben Hét, căn cứ 5 hay từ các căn cứ hỏa lực dọc sông Pôkơ của Nhảy Dù.

Mặt trận Tam Biên bao lâu nay vẫn giữ nguyên cường độ cối các trận đánh quanh các căn cứ 5, 6, cứ điểm Darksong; Sư đoàn Sao Vàng hay Nông Trường 2 (lực lượng chính của quân vùng khu Cộng sản Kontum, Phú Yên, Bình Định) có nhiệm vụ vừa đánh cầm chừng đồng thời bảo vệ luôn đường dây "giải phóng" nối từ đường dây Xã Hội Chủ Nghĩa (đường Hồ Chí Minh) về miền bình nguyên Trung phần. Cao điểm mùa hè 72, Cộng quân xử dụng Sư đoàn Thép hay Sư đoàn Điện Biên (320) tấn công cường tập các mục tiêu Delta, Charlie, Võ Định của Nhảy Dù, dãy cứ điểm bị vỡ tung dần... Hậu quả tất nhiên là Darkto bị tràn ngập. Nhưng không như ở Quảng Trị, Kontum vẫn không bị tấn công dứt điểm, Bộ chỉ huy Mặt trận B3 (Tây Nguyên) xử dụng thể liên hoàn, luân phiên cho các trung đoàn trực thuộc của Sư đoàn 320 và Sư đoàn F10 thay phiên nhau tấn công vào Kontum hai đợt trong tháng 5-1972, nhưng đơn vị Cộng sản vào được thành phố chỉ là các thành phần đặc công, không có đại pháo, chỉ một ít chiến xa yểm trợ.

Mặt trận Kontum không vỡ, chỉ bị khựng lại trong một giai đoạn ngắn. Cộng quân bị chặn lại ở phía nam Võ Định, một điểm bất ngờ không có được biên giới thiên nhiên để gọi tên. Thành phố cực bắc của vùng cao nguyên tưởng rằng đã có lúc rơi vào vòng tay địch, rồi cuộc trở nên thành phố yên tĩnh đầu tiên ngay từ đầu tháng 6-1972, khi ông Thiệu đáp trực thăng xuống để gắn sao cấp tướng cho Đại Tá Bá, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh.

Kontum vẫn chưa bị pháo 130 ly, mẫu số trùng hợp với Quảng Trị ở điểm: Tại sao Cộng quân không đưa pháo xuống sâu hơn nữa?

Tại mặt trận An Lộc, quả tình Cộng sản đã rơi vào sai lầm chiến thuật khi không phối hợp được chiến xa và quân bộ chiến ở những lần cường tập hồi đầu tháng 4-1972, lúc mà Tướng Hưng chưa bố trí kịp các đơn vị của Sư đoàn 5BB và các lực lượng tăng phái chưa vào trận. Địch mất đi một dịp may lớn để lấy được An Lộc trong lúc đủ thể thượng phong. Mặt trận An Lộc sở dĩ đã có kết quả như đã xảy ra cũng do yếu tố chính: Địch ngã về phương

thức bao vây An Lộc, lập chốt dọc quốc lộ 13 để tiêu diệt lực lượng tăng viện chứ không thực hiện phương thức bao vây cường tập, chiếm giữ An Lộc để rồi tiếp tục uy hiếp Lai Khê, Bình Dương hợp cùng các cánh quân của những mặt trận phụ như Sư đoàn C30B đang ở vùng Gò Dầu Hạ, Trảng Bàng (Hậu Nghĩa), Công Trường 5 đang ở Dầu Tiếng, Trị Tâm, Bình Dương, (CT5 sau khi dứt điểm Lộc Ninh ngày 5-4-1972 chia hai lực lượng đánh vào Phước Bình và Dầu Tiếng) cùng tiến chiếm thủ đô Sài Gòn. Giải thích như vừa kể để chúng ta nhìn rõ lại mục tiêu của Cộng sản, vẫn là các phần đất nằm hai bên quốc lộ 13 và gần biên giới. Nơi thích hợp nhất để họ đặt bộ chỉ huy tiến thẳng về Sài Gòn, sang trái là các tỉnh cao nguyên và nam Trung phần, phía phải là vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời nếu Cộng sản muốn đặt một cái gọi là thủ đô cho chính phủ lâm thời trong vùng này, người ta mới có thể hiểu được lý do chọn lựa kể trên.

Nhìn lại ba vùng chiến trận của thời gian qua, căn cứ vào những sự kiện chính trị của địch, diễn tiến, kết quả và hậu quả của hội nghị Ba Lê, ta có thể đúc kết nhận định tổng quát với hai điểm nổi bật:

Thứ nhất, cuộc tổng tấn công mùa hè 72 vào ba vùng của Việt Nam Cộng Hòa với mục tiêu là những thị trấn, những vùng đất biên giới, không thuần túy chỉ là những cuộc tấn công quân sự nhằm biểu dương sức mạnh của chế độ và các mục tiêu sơ dĩ được chọn lựa chỉ vì thuận lợi cho việc tiếp vận, tiếp trợ và điều động chiến thuật. Trận đại chiến được thực hiện không với ý niệm giản dị như thế, nó có mục đích to lớn, tổng quát hơn mà chúng ta có thể tìm thấy được do căn cứ trên những sự kiện khác - Đây là khi ba mặt trận lớn bùng nổ, các mặt trận phụ ở những vùng đông dân cư, vùng bản lẻ mở cửa vào thủ đô, những vùng tiếp giáp với bờ biển như Hoài Ân, Bồng Sơn, Bà Rịa, Long An, Chương Thiện, Tây Ninh, Bình Dương, Long Khánh đều bùng nổ với cường độ dồn dập. Những trận đánh này không thể quan niệm như là những cuộc hành quân thuần túy quân sự với âm mưu hỗ trợ cho ba điểm chính.

Thật quá giản dị khi cho rằng quận Đất Đỏ (Phước Tuy), quận Hoài Ân, căn cứ Đệ Đức (Bình Định) là những mục tiêu chính của cuộc tổng tiến công. Lẽ tất nhiên, chúng chỉ là mục tiêu lớn cho một tiểu đoàn, vài đại đội; nhưng cuộc đại tấn công có tính chất chiến lược quan trọng hơn; Bắc Việt muốn gây lại cho Mặt Trận Giải Phóng hệ thống hạ tầng cơ sở ở khắp miền Nam, đặc biệt nhắm vào những vùng đông dân, bản lẻ, để chuẩn bị lực lượng quần chúng đấu tranh cho những ngày của... Hòa Bình - Những ngày sau 27-1-1973. Một hướng khác, thuần túy quân sự và rõ ràng hơn, là trong trường hợp lực lượng quân sự Cộng sản dứt điểm được các mục tiêu Quảng Trị, Kontum, Pleiku, Lộc Ninh, họ sẽ triển khai thành một tuyến biên giới xong đánh úp toàn bộ miền Nam, từ Quảng Trị đánh sâu xuống Huế chiếm đèo Hải Vân, cánh quân từ Kontum tràn xuống đồng bằng lập vòng đai dọc quốc lộ 19 chia đôi miền Nam bởi trục Kontum - Bình Định, và cánh quân An Lộc sẽ dứt điểm Sài Gòn. Trong chiều hướng này Cộng sản sẽ phá bỏ Hội Nghị Paris, thành lập chính quyền đỏ, thống nhất đất nước, tràn qua phía tây bắt tay với các cơ sở nằm vùng phía đông sông Cửu Long ở đất Miên vẽ lại bản đồ Việt Nam!! Ý hướng này (lẽ tất nhiên) đã

không thực hiện được...(1)

Cuối thu 72, cuộc đại chiến lắng xuống, một vài vùng đất của Việt Nam Cộng Hòa bị Cộng quân tạm chiếm được giải tỏa, các thị trấn lớn dần dần dứt pháo. Thế nhưng, những đường giây giao liên quan trọng (Đã bị đứt khúc, vỡ tan sau các cuộc hành quân lớn như Johnson City hồi năm 67, sau Mậu Thân và bị vô hiệu hóa trong giai đoạn 69, 70...) dần dần được nối lại. Từ đường mòn Hồ Chí Minh khoảng ở Attoupeu, các cán binh Cộng sản có thể yên lành theo đường 36 vào Ben Hét, đến Darkto để từ đây theo đường 14 lên hướng bắc tiến vào thượng lưu sông Thu Bồn, ngổ chính đường về đồng bằng Quảng Nam hoặc từ Darkto theo hướng đông vượt sông Dark-Psi cạp theo đường liên tỉnh số 5 vào thung lũng Gia Vực, từ đây ra Quảng Ngãi hay vào Bình Định chỉ còn là kỹ thuật di chuyển.

Cuộc đại tấn công cũng đã nối lại được những đường dây ở bên kia biên giới Kampuchia để về Việt Nam. Các mật khu Ba Thu, Lý Văn Mạnh, Rừng Chàm, Bà Vù, cuối cùng là những nơi "ém quân" sát nách thủ đô Sài Gòn và cách trung tâm Sài Gòn với cự ly súng cối 82 ly. Những đường dây nối lại, những vùng "xôi đậu" dày hơn, tốc độ đắp mô, gài mìn tăng trưởng, ấp Mỹ Nhơn, Mỹ Yên cạnh quốc lộ 4 nằm giữa ranh hai quận Bình Chánh (Gia Định), Bến Lức (Long An) biến thành hai ấp hạng C, ban ngày cán bộ xã Việt Nam Cộng Hòa khó khăn vào thu thuế.

Một tình hình tổng quát tương tự như những ngày của năm 1960 với lớp cán bộ hạ tầng cộng sản mới có khả năng và tuổi trẻ hơn, bắt đầu cấy sâu dần nơi nông thôn miền Nam: Những cán bộ chính trị người Bắc. Thế trận chính trị bắt đầu, những ngày đầu năm 1973 kịp đón nhận biến cố: Hội nghị Ba Lê hoàn tất bản thỏa hiệp.

Thứ hai, cuộc đại chiến dù trải qua sáu tháng quân sự dòn dập vì đã có khi người ta nghĩ đến lúc cán bộ đặc công Cộng sản chờ lệnh giờ G (Giờ khởi đầu của lệnh hành quân) là ra mặt tàn sát, khởi đầu bạo động trong các thành phố lớn. Cũng có lúc người ta nghĩ rằng Hà Nội khó đứng vững thêm một ngày một buổi nào nữa, khi 100 pháo đài bay B52 không kể 300 chiến đấu cơ hộ tống cùng đánh bom liên tục trong 12 giờ, từ bình minh đến hoàng hôn trên vùng trời Hà Nội như trong ngày 5-12-1972. Nhưng tất cả khó khăn căng thẳng đều đi qua, bản Hiệp Định ngưng bắn vẫn được hoan hỷ ký kết cùng với những điều khoản được dự trù thực hiện trong khoản thời gian có giới hạn. Các yếu tố cụ thể dần dần được thống kê và hợp thức hóa để sẵn sàng tham dự trò chơi "Hòa Bình".

Các chuyến bay thả tù từ Phú Quốc, Biên Hòa; nhận tù ở Gia Lâm (Hà Nội), Lộc Ninh (Bình Long) được thiết kế và phân công. Hiệp Định đi bước thực hiện đầu tiên: Trao trả và tiếp nhận tù binh. Các địa điểm trao trả đã sẵn sàng. Kết quả tích cực nhất của chín tháng đại chiến.

Hai tháng sau ngày hiệp định ký kết, 26.058 tù cộng sản, 5018 tù Việt Nam Cộng Hòa dần dần được trao trả trên sáu địa điểm chính, bờ bắc sông Thạch Hãn, Quảng Trị, Đức Phổ (Quảng Ngãi), Hoài Ân (Bình Định), Lộc Ninh, Minh Thạnh (Bình Long) và Thiện Ngôn

(Tây Ninh). Cuộc trao trả tù binh đã vô tình hợp thức hóa "thực thể": Mặt Trận Giải Phóng có được một vùng tạm kiểm soát lổm đổm, xen kẽ lẫn vùng Việt Nam Cộng Hòa. Điều này làm mạnh thêm nhận định: Cuộc đại chiến chỉ là mặt nổi, dứt điểm cho hội đàm; thế nên chiến trận dù đã đạt đến cường độ cao nhất cũng chưa phải là "điểm nổ" để gây nên hệ thống nổ dây chuyền ảnh hưởng đến toàn thế giới. Hội nghị Ba Lê do đó đã không thể tan vỡ để bản hiệp định như là cơn hạ sốt phải đến sau cùng.

Nhưng đến khi phải thi hành hiệp định, phía Cộng sản đã không chấp thuận phương thức ngưng bắn tại chỗ, vạch đường phân ranh tạm thời, ấn định mỗi vùng trú quân tạm thời cho hai lực lượng tham chiến, cấp chỉ huy chiến trường gấp gờ để cam kết, cụ thể hóa vấn đề ngưng bắn (Điều 2, 3 và 7 của đề nghị VNCH). Phía Cộng sản đã không chấp nhận danh xưng "vùng trú quân tạm thời", họ lý luận đó là các vùng kiểm soát "thực tế" của MTGP, không cần phải xác định ở cấp trung đội, tiểu đội, nơi nào có cán binh Cộng sản, nơi đó phải được xem như vùng "kiểm soát" của họ. Cấp chỉ huy chiến trường gấp nhau chưa đủ, phải từng cá nhân võ trang của cả hai bên mới hội đủ cho điều kiện thảo luận ngưng bắn.

Những đòi hỏi như trên lẽ tất nhiên không thể chấp nhận được. Nhưng kinh qua sự kiện cùng các diễn tiến của hội nghị Ba Lê trong hạ tuần tháng 5, 7-73 và những ngày trước thông cáo chung 13-6-73, người ta thấy hiển hiện một âm mưu thâm độc của phe bên kia: Cộng sản muốn hợp thức hóa vùng đất kiểm soát để có đủ yếu tố cụ thể cho một "nước" với chính phủ, quân đội và đất đai riêng. Âm mưu đã lộ dạng toàn thể vào những ngày đầu tháng 6-73 tại bàn hội nghị Liên Hợp Quân Sự cũng như ở La Celle Saint Cloud.

Đến đây, có thể có thêm một nhận xét. Chánh quyền VNCH và cả MTGP đều có chung một ưu tư về thành phần thứ ba trong Hội Đồng Hòa Giải (Điều 12a của Hiệp Định), một thành phần tuy yếu "lực" hơn hai thành phần kia nhưng là "hy vọng" của toàn bộ hiệp định.

Sự kết luận về "nước" thứ ba như trên có vẻ khó thực hiện khi nhìn tình trạng đóng quân hiện tại của lực lượng võ trang MTGP một tình trạng loang lổ trải dài trên miền Nam qua các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kontum, Bình Định, Pleiku, Tuy Hòa, Bình Long, Tây Ninh, Chương Thiện, Kiến Phong. v.v... Có nơi Cộng quân chiếm được một quận hoặc một vùng rộng lớn như phần đất bắc Quảng Trị xuyên qua các quận Triệu Phong, phần đất bắc Kontum (quận Tân Cảnh), phần đất bắc Bình Long (quận Lộc Ninh và một phần quận Chơn Thành, An Lộc). Có nơi cộng sản chỉ chiếm được một ấp nhỏ sát vùng kiểm soát như ở Quảng Ngãi (ấp Vạn Lý thuộc quận Đức Phổ). Có nơi Cộng sản không chiếm hẳn được một ấp xã hay thị trấn nào như ở Chương Thiện, Định Tường, nhưng nhiều vùng trong các tỉnh này có rải rác cán bộ chính trị nằm vùng và lực lượng địa phương, du kích khi ẩn khi hiện.

Từ nhận định vừa được cấu thành, nhìn vào kết quả của chiến tranh và diễn tiến của hòa đàm, những buổi họp ù lý của ban LHQS hai bên trong suốt thời gian tháng 4, 5-73, bề tắc toàn diện của hội nghị song phương tại Ba Lê, cuối cùng là bản thông cáo chung của

Kissinger và Thọ. Chúng ta có thể đi đến những kết luận như trên mà không sợ sai lầm về ý đồ của đối phương trong suốt quá trình trước và sau 27 tháng 1-1973.

Tuy nhiên, dù sự kiện đã sáng tỏ nhưng kết luận toàn diện và khả thể nhất vẫn là điều chưa khẳng định dứt khoát được vì diễn tiến, mục tiêu đấu tranh quân sự, chính trị của Bộ Chính Trị Đảng Lao Động Việt Nam vẫn là một điều bí mật, nằm trong những khối óc, trên bàn giấy của Duẩn, Đồng, Giáp, Thọ. Nghị quyết của ngày 10-2-73 cũng chưa phải là điều suy tư chính thức của các Ủy Viên Trung Ương Đảng mà có thể là một trong những nội dung "bề mặt", đôi khi không phản chiếu gì đến "điểm chiến lược" mà có thể những ủy viên cũng không đồng nhất hoặc hoàn toàn khẳng định.

Thế nên, những kết luận sau, có thể xem như một lối nhìn giữa một rừng hỏa mù mà toàn đất nước đang chìm sâu:

a) Cuộc đại tấn công là "điểm" chính đối với các sư đoàn chính quy Bắc Việt, dùng hết lực đánh phá chiếm đóng các thành phố, ví dụ như Huế, Kontum, Bình Dương và có thể được là Sài Gòn (Như dự định đầu tiên của mặt trận An Lộc). Chiếm các đô thị lớn, lật đổ cơ cấu chính trị hành chánh của VNCH, phá bỏ hội nghị Ba Lê. Nhưng như thực tế đã xảy ra, phía Cộng sản không thực hiện được sự trù tính này. Hội nghị Ba Lê do đó có kết thúc ngày 27-1-1973 với một thỏa hiệp có thể giải thích dưới nhiều quan điểm khác nhau.

b) Không thực hiện được dự tính theo phương cách trên, Cộng sản dựa một chân trên các phần đất đã chiếm được để giải thích bản hiệp định theo ý đồ riêng. Ý đồ này này được nhận rõ khi Cộng sản khước từ đề nghị của VNCH về việc ngưng bắn tại chỗ, cấp chỉ huy chiến trường hai bên gặp nhau, định vùng trú quân tạm thời cho hai bên trong khi chờ đợi thành lập Hội Đồng Hòa Giải, tổ chức tổng tuyển cử. Phái đoàn MTGP luôn luôn nhắc đến điều kiện tiên quyết trên của MTGP; vậy chúng ta cần mở một cánh cửa mới để tìm hiểu thêm một sự kiện khả thể khác, một dự phóng đi xa hơn các điều 9 và 12 của Hiệp Định (Về quyền tự quyết của miền Nam và tinh thần hòa giải giữa các phe). Để hiểu rõ sâu xa và cụ thể hơn, chúng ta xét đến chi tiết của từng vùng tạm chiếm.

Vùng đất tiếp giáp nam Quảng Trị, vùng đồi từ phía nam Khe Sanh, Hương Hóa càng về phía nam càng đi ra gần biển. Bắt đầu từ Văn Xá núi chỉ cách đường số 1 khoảng mười cây số đường chim bay. Truồi và Cầu Hai, Trường Sơn đi song song với bờ biển và cuối cùng mồm Hải Vân, ranh giới thiên nhiên giữa Thừa Thiên và Quảng Nam. Trong vùng núi đồi này, cộng quân đã bố trí sư đoàn 325 từ Khe Sanh xuống đến vùng Cổ Bi, Hiền Sĩ (An Lỗ, Thừa Thiên - Huế) và từ đây sư đoàn 324B (đã có mặt từ lâu) nối tiếp hoạt động sâu xuống phía nam hướng A Sao, Thừa Thiên. Trên trăm cây số đường núi song song với quốc lộ 1 từ Quảng Trị đến A Sao có các đường 518, 547, 548, 561 trước kia chỉ là những đường mòn di chuyển bộ binh, nhưng từ sau ngày 27-1-73, khi các mặt trận chấm dứt, Cộng quân dồn nỗ lực khai thông và kiến tạo hệ thống đường mòn trên, nhất là đường giao liên T7 (Đường về A Sao hay căn cứ địa 611) thành những con đường rộng rãi trải đá để

xe Molotova có thể di chuyển. Từ A Lưới, cách biên giới Lào Việt chừng mười cây số, đường giây T7 có một đoạn rẽ sang mặt để nối vào lộ 922 trên đất Lào. Đường 922 là một nhánh rẽ của đường 92 hay binh trạm 36 thuộc đường 559 hay cũng là đường mòn Hồ Chí Minh, đường dây Xã Hội Chủ Nghĩa. Thung lũng A Lưới, A Sao vốn có sẵn ba phi trường; Phi trường A Lưới, Tà Bạt thuộc loại lớn, máy bay C130 có thể xuống được nếu có hướng dẫn, nay nếu hoàn tất thêm hệ thống đường bộ thì vùng núi non này không còn là một vùng bị cách trở với các thị trấn miền biển, lại càng gần gũi hơn với các vùng nội địa Đông Dương. Trên thực tế, vùng này nằm ngang với Đà Nẵng trên một vĩ tuyến, (cách vĩ tuyến 16 khoảng một trăm cây số về hướng bắc) và cũng là trung bình điểm của vùng đất kể từ Đà Nẵng vào đến biên giới Lào, Thái. Phi trường A Lưới, Tà Bạt còn được ghi nhận là phi trường của mọi thời tiết. Từ A Sao, Cộng quân đang dồn mọi nỗ lực để nối tiếp đoạn đường sạn đạo xuôi Nam. Đoạn Khe Sanh, A Sao tuy được thiết lập trên những đỉnh Trường Sơn, vùng Triệu Phong (Quảng Trị), Nam Hòa (Thừa Thiên), nhưng vùng núi non này tương đối dễ dàng với những đỉnh núi cao chỉ trên dưới ngàn thước như ở thượng lưu sông Mỹ Chánh ranh tỉnh Quảng Trị, Thừa thiên. Đoạn đường phía nam A-Sao thì gai góc, khó khăn hơn, ranh Thừa Thiên, Quảng Nam từ Hải Vân trở vào đất Lào là một chuỗi núi trẻ, cao độ trên một ngàn thước chập chùng tiếp nối vào nhau với những sườn dựng thẳng đứng đổ xuống các thung lũng hun hút, mở đầu cho những nhánh thượng lưu của hệ thống sông Buông, sông A Vương, sông Côn... Nhưng Cộng quân đang khai triển tối đa khả năng nỗ lực của cán binh và dân công phần đông là tù binh VNCH để khai rộng con đường 458 hầu nối hết những nút cuối của chặng đường mà tiền nhân xưa đã một lần sử dụng: Con đường nối vùng núi rừng Kontum theo trục Kontum - Quảng Nam - Thừa Thiên - Quảng Trị, nay được hiện đại hóa bằng các địa danh mới: Khe Sanh - A Lưới - A Sao - Đại Lộc - Darkto, bởi một hệ thống đường giây: 547, 458, bắc quốc lộ 14(Bắc Kontum). Đầu và cuối của hệ thống này được mắc nút vào hai trụ của đường dây Xã Hội Chủ Nghĩa. Cần mở thêm một ngoặc đơn ở đây để xác nhận thêm ý định của địch, trong những địa điểm mà Cộng sản đưa ra để trao trả tù binh có vị trí cách Hà Tân (Quảng Nam) mười cây số đường chim bay về hướng đông và thung lũng Hà Tân chính là điểm nối của đường 458 với cực bắc của đường 14 chạy từ Kontum lên.

Từ vùng Tà Lon, Hà Tân của vùng Quảng Nam này, công việc xuôi xuống đồng bằng sông Thu Bồn (Vùng Duyên Hải Quảng Nam) hay theo quốc lộ 14 để vào Nam (Bắc của Kontum) không vấp phải trở lực của thiên nhiên nào đáng kể. Con đường 14 của đoạn này lại cập theo con sông Cái chạy giữa một thung lũng trổng trải, chỉ cần sửa chữa với các phương tiện tối thiểu cũng sử dụng lại dễ dàng.

Chúng ta vừa đi qua một vùng địa thế bao gồm các phần đất thuộc các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi, Kontum và Bình Định với hệ thống đường giao liên 518, 516, 517, 548 (Vùng Khe Sanh), 458 (Vùng ranh Thừa Thiên - Quảng Nam), đường số 14, liên tỉnh lộ 5 (Nối Kontum À Quảng Ngãi) và đường dây 514 (Nối Quảng Ngãi - Bình Định: Từ thung lũng Gia Vực đến thượng lưu sông An Lão), đường

dây này Cộng quân đã sử dụng để chuyển chiến xa từ vùng ba biên giới xuống tham chiến mặt trận Hoài Ân hồi tháng 5-72. Hệ thống đường đã và đang được tu sửa lại để có một trục lộ giao thông song song với quốc lộ 1 xuyên qua vùng núi non của năm tỉnh cực bắc VNCH. Hồi chánh viên Trần Đức Cường đã nói rõ hơn về đoạn bắc con đường: "Hiện họ (Cộng sản) đang khai dụng theo một đường mới ở dãy Trường Sơn từ Quảng Trị đến Quảng Nam, ba tiểu đoàn dân công được sử dụng để sửa sang lại đường xâm nhập này và phi trường A Lưới. Từ bốn tháng nay, kể từ 27-1-73, chiến xa hạng nặng bắt đầu di chuyển rầm rộ theo con đường này để từ Quảng Trị vào Nam..."

Điều này chứng minh cho nhận định đầu tiên của bài viết: Cộng sản không "tha thiết" lắm với các mục tiêu thành phố. Các thành phố nếu có thể, chỉ là mục tiêu đến sau đối với các sư đoàn chiến thuật. Và chiến trận đã diễn ra dưới một cường độ hợp lý để không đi đến điểm nổ cuối cùng. Cả hai bên đều có lý thắng khi giải thích các thành quả mình đã thu đạt được tại chiến trường (1972). Và hai bên cũng đều có lý thắng khi giải thích kết quả của Hiệp Định Ngưng Bắn 1973.

Từ những sự kiện được móc nối hợp lý như trên, chúng ta có thể tìm đến kết luận không xa với sự thật và chính xác: Cộng sản không thể và cũng không bao giờ từ bỏ phần đất cạp theo sườn đông Trường Sơn chạy qua năm tỉnh khi họ đã được nối ráp vào nhau thành hình tượng thực tế. Dãy Trường Sơn chỉ là biên giới thiên nhiên chứ không thể là biên giới nhân văn hay chính trị khi khối nhân lực ở đông và tây của dãy núi cùng trong một lực lượng quân sự mang chung một ý hướng chính trị. Và như vậy con đường giao thông qua vùng Trường Sơn chỉ được quan niệm như lối đi bình thường trong một xứ sở núi non.

Âm mưu thành lập một quốc gia thứ hai ở miền Nam không phải chỉ được bộc lộ trong ý hướng tấn công vào các mục tiêu như đã nói, cũng không phải chỉ hiện rõ ở cách thức củng cố, xây dựng các phần đất tạm chiếm được, mặc dù ở bàn hội nghị họ luôn luôn chối bỏ ý đồ này bằng những luận cứ vô cùng tha thiết: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một... Không có hai nước Bắc và Nam Việt Nam, vĩ tuyến 17 chỉ là giới tuyến quân sự tạm thời... Đất nước sẽ thống nhất bằng tổng tuyển cử, hiệp thương, quan hệ hai miền bình thường, thì làm gì có nước thứ ba, thứ tư được!!" Nhưng luận lý vẫn chỉ là một lối nói, một số lời nói được học thuộc để sử dụng trong một giai đoạn nào đó, thế nên những cán bộ có bốn phần ở bàn hội nghị cứ phải nói, phần đằng sau (tức là vùng Cộng sản chiếm được) vẫn phải xây dựng, củng cố cơ sở, đấu tranh trên mọi "diện" để làm sao nổi bật được thực tế "vùng giải phóng".

Con đường xương sống như vừa trình bày đang được tiến hành và đang được nối dài xuống phía Nam để nối vào đoạn Tây Ninh - Bình Long - Phước Long qua trục Quảng Đức - Pleiku, (Sẽ trở lại vấn đề này ở đoạn cuối bài viết).

Chúng tôi tiếp tục trình bày công việc xây dựng "vùng giải phóng" của Cộng sản... Tại những nơi Cộng sản chiếm được sau tổng tấn công 1972 như Cam Lộ, Gio Linh, Đông Hà,

Tân Cảnh (Kontum), Xa Mát, Thiện Ngôn (Tây Ninh), Đức Cơ (Pleiku) đều được xây dựng thành những trung tâm hành chánh, kinh tế. Họ đặt các Ủy Ban Hành Chánh, các "chính quyền địa phương nhân dân" và xử dụng các danh xưng này thật nghiêm túc... - Tôi, Thiếu tá Trần Cảnh đại diện chính quyền địa phương tỉnh Pleiku - Viên thiếu tá mặt xanh mướt vì sốt rét vừa chui từ hóc rừng Đức Cơ ra đến địa điểm trao trả Đức Nghiệp (Tây-nam Pleiku ba mươi cây số đường chim bay) đã nói với giọng không chút khôi hài. Không phải chỉ một mình Trần Cảnh, nhưng toàn thể cán bộ, binh lính Cộng sản đều phải thực hiện mô thức "Chính phủ Lâm Thời với vùng kiểm soát cụ thể..." đó. Trong mục tiêu của việc thành lập "nước" thứ hai cho Chánh phủ lâm thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam, Bắc Việt đã đẩy vào Nam hàng chục ngàn dân chúng thuộc các tỉnh bắc Trung Việt vào định cư ở những vùng Tây nguyên, miền đông Nam phần, phần phía Bắc tỉnh Quảng Trị, sinh sống theo phong trào "quê hương mới", phong trào đặt trọng tâm vào khối cán bộ, mà đa số là thanh nữ trẻ, những thanh nữ này có "nhiệm vụ" kết hôn cùng đám binh sĩ trẻ tuổi đã đi vào đây trước, hiện tại đã được biến cải thành người miền Nam (Những người miền Nam quá dị với giọng nói thổ âm miền Bắc). Đến đây, chúng ta có thể xác định mà không sợ sai lầm: Khẩu hiệu "Sinh Bắc Tử Nam" không là một khẩu hiệu "khích động chiến thuật" nhưng là một "chi đạo chiến lược" để hoàn tất cuộc xích hóa miền Nam. Và như thế, chiến tranh chỉ là một môi trường, quân đội chỉ là một phương tiện để miền Bắc chuyển khối nhân lực đầu tư vào miền Nam. Vậy, Mặt Trận cách mạng giải phóng miền Nam, Chính phủ Lâm thời CHMNVN sẽ lần lượt đóng hết vai trò "chiến thuật" của nó, trận chiến cuối cùng, trận đấu then chốt vẫn chỉ là chúng ta cùng miền Bắc qua tấm đệm "Mặt Trận". Hình như cả thế giới, một số đông của thế giới không nhìn được âm mưu ghê tởm độc hại này. Nhưng cũng chỉ là một âm mưu rất rõ rệt.

Để tăng thêm cường độ hiện thực cho nước thứ hai kia, người Cộng sản ngoài việc lập các nhà máy kỹ nghệ, điện lực ở các "thị trấn" Xa Mát, Đức Cơ, không quên khai triển hoạt động ngoại giao để có đủ hình thức một tổ chức quốc gia về cái gọi là Chính Phủ Lâm Thời CHMNVN. Đại sứ Nga, Trung Cộng, Algérie cũng có màn trình Ủy Nhiệm Thư lên Nguyễn Hữu Thọ; Chủ Tịch Thọ họp báo quốc tế... v...v... Cộng Hòa miền Nam Việt Nam đang được ráp nối dần từ mảnh như từng khúc đường trong vùng núi rừng Trường Sơn trùng điệp.

Ngoài ra, còn có thêm một điều đáng chú ý để làm mạnh cho luận cứ trên nếu là Cộng sản muốn phá vỡ bản hiệp định bằng đường lối quân sự thì khoảng thời gian tháng 6-73 vừa qua quả là giai đoạn chín mùi cho chuẩn bị chiến thuật. Nhưng Cộng sản vẫn không mở cuộc đánh phá cấp độ lớn, không phải do lòng yêu chuộng hòa bình cũng không phải bởi tinh thần tôn trọng bản hiệp định mà họ đã ký, nhưng như Nghị Quyết ngày 10-2-73 của Cộng Sản Bắc Việt đã giải thích tình hình và đường lối đấu tranh sắp tới không phải thực hiện bởi nòng súng, điều này cũng phù hợp với nhận xét về cộng sản của J. Honey sau khi viếng thăm Hà Nội: "Cộng sản Bắc Việt vẫn chủ trương xích hóa toàn thể Đông Dương (Tuyên bố hôm 27-3-73); có điều sách lược đấu tranh được quan niệm theo một đường lối

khác."

Vậy theo đường hướng mới này, một xứ sở "an toàn" nằm trên ba vùng đất trung tâm của bán đảo Đông Dương, cuộc xâm lăng miền Nam Việt Nam của Bắc Việt chỉ còn một khoảng cách chiến lược tối thiểu để hoàn tất bước chót của ý đồ.

Qua các tin tức từng được phát giác, chúng ta khẳng định được rằng cách thức sửa soạn của Cộng sản ở phía bên kia giòng sông Thạch Hãn, trên miền thung lũng Ba Lòng, nơi phía tây cổ đô Huế kéo dài xuống miền Nam dọc theo dãy Trường Sơn cộng với các tin tức tại miền Lộc Ninh, các vùng đất từ Tây Ninh qua Bình Long sang Phước Long với các mặt khu Tam Giác sắt, Dương Minh Châu, Hồ Bò, Bời Lời.v.v... Các mưu toan chiếm lĩnh toàn thể vùng núi Thất Sơn tại Châu Đốc, đặc biệt vùng núi Dài, núi Cấm với những hang động thiên nhiên hiểm yếu, những trận đánh đằng dai trong sinh lầy miền Chương Thiện để tranh giành những làng xóm hoang vu, những cánh đồng cỏ mọc thay lúa, người ta thấy chiến thuật của Cộng sản vẫn là không bao giờ để đối phương có thì giờ nghỉ ngơi, đồng thời chính lực lượng của họ cũng không được phép nghỉ ngơi. Sự nghỉ ngơi đưa đến suy nghĩ, thắc mắc, so sánh, không có gì lợi ích cho mục tiêu do các lãnh tụ mà đầu óc đã chai cứng qua mấy chục năm vinh nhục vạch ra và nay họ phải thực hiện, Các tin tức trong các vùng Cộng sản tạm chiếm cho biết rằng, ngoài những sự sửa soạn cho đến những quyết định về những ngày sắp tới. Cán bộ Cộng sản luôn luôn học tập sách lược đấu tranh chính trị trong giai đoạn mới, cán binh được học tập đấu tranh võ trang phối hợp chính trị để lung lạc tinh thần dân chúng. Người Cộng sản còn nhấn mạnh một cách đặc biệt sự huấn luyện các thành phần dân chúng còn kẹt lại trong các vùng họ chiếm được. Các tin tức cho biết họ tổ chức đám dân này thành đội ngũ, vừa tuyên truyền vừa dọa nạt, thành từng đội, từng tổ sản xuất, chiến đấu, thu thuế, dân công v.v... Họ đã lưu tâm tới đám thiếu niên, vì tuổi trẻ dễ bị kích động, dễ tin nên dễ lợi dụng. Đây là khối nhân sự có giá trị lâu dài về cả quân sự và chính trị. Rút tĩa kinh nghiệm từ những ngày tháng đại chiến dai dẳng của năm 72 và những năm trước, họ tổ chức lại nhân sự, chuẩn bị lương thực trong tinh thần tự túc tự lực, tái trang bị và tăng cường tối đa khả năng võ khí tối tân gồm cả chiến xa, đại pháo, phòng không, hỏa tiễn chuyển vận từ miền Bắc vào. Hiệp Định Ba Lê chỉ như một cuộc dừng chân tạm nghỉ để người Cộng sản chỉnh đốn lại hàng ngũ và trang cụ. Người ta cũng thấy sách lược của họ vẫn là sách lược cổ điển, giai đoạn sắp tới, người ta sẽ không thấy cuộc xâm lăng của miền Bắc tại miền Nam Việt Nam nữa, nói một cách khác, ý định của một cuộc xâm lược như vậy sẽ được Cộng sản Bắc Việt né tránh tối đa để người Việt Nam và nhân dân thế giới hiểu rằng, cuộc chiến tranh khủng khiếp sẽ xảy ra trong tương lai chỉ hoàn toàn là của "Nhân dân miền Nam Việt Nam", do cái gọi là "Chính Phủ Cộng Hòa Nhân Dân miền Nam Việt Nam" lãnh đạo với đất đai và quân lực riêng, nghĩa là của một quốc gia chống lại một quốc gia". Nói như vậy để chúng ta hiểu thế quốc tế "tế nhị" gây nên bức tức cho chúng ta, do phía Cộng sản tạo dựng thành và thế trận quốc nội từ một lực lượng võ trang không dân không đất ngày nào, tuy không được công nhận nhưng là một thực thể khiến cho công cuộc chiến đấu sinh tồn của chúng ta sẽ càng ngày càng đi vào những khó khăn phức tạp.

Những tin tưởng vào sự kiện Nga Xô, Trung Cộng bắt tay với Mỹ và cắt chiến phí cung cấp cho Bắc Việt để chấm dứt chiến tranh (Nếu thật sự đi chăng nữa) cũng chỉ có giá trị giai đoạn; vì sách lược xâm lăng của Cộng sản luôn luôn biến thái tùy hoàn cảnh. Không thể nào không xảy ra trường hợp Nga Tàu dù đã đồng ý với Mỹ thôi cung cấp chiến cụ cho Bắc Việt mà chiến tranh vẫn đột nhiên tái phát khủng khiếp trong một lúc nào đó. Tóm lại, những chuẩn bị của Cộng sản trong các khu vực họ tạm chiếm trước ngày 27-1-73 hoàn toàn không có ý nghĩa như một củng cố cho các vùng đất này về mặt kinh tế chính trị để sống trong hòa bình: Không hề là như vậy!!

Tháng 6-1973

* * *

NHẬT KÝ TRONG CHIẾN TRANH CỦA HÒA BÌNH....

Ngày 27 tháng 1 năm 1973 trên thế giới, ngày ký kết Hiệp Định tái lập Hòa Bình tại Việt Nam. Những người dân văn minh, những người mang áo quần đẹp trong những căn nhà sang trọng, nơi đường phố ở những thủ đô thị tân tiến cùng nhau hân hoan nâng rượu, tung giấy ngũ sắc, hoa giấy lên bầu trời trong xanh vàng rực ánh nắng hay trắng mờ mờ mưa tuyết để chào mừng Hòa Bình Việt Nam, nơi xa họ nửa vòng thế giới, cách biệt bởi Thái Bình Dương, hai giải đại lục Âu - Á ngút ngàn. Nơi bây giờ là đêm tối đặng đặc với những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời và dưới trần thế, trên đất đen, có những bước chân thì thào độc địa, những mũi súng lạnh và âm vang của tiếng nổ trái phá vừa dứt. Nơi xa xôi, trong đáy cốc rực rỡ của Paris, Rome, Washington, NewYork người ta hân hoan trao cho nhau những nồng nhiệt của hòa bình, siết chặt tay nhau với nụ cười rạng rỡ của văn minh, thế giới tiến bộ nhân loại. Hòa Bình, báo hiệu sự thắng lớn của ánh sáng xua tan bóng tối, hòa giải chiến tranh, của ý hướng xây dựng trên phá vỡ tiêu hủy. Ở Việt Nam, đêm 27 rạng 28-1-1972 có những tiếng động tức tưởi hơi thở bị đứt khúc, tiếng thét kinh hoàng của kẻ sắp chết bị một lưỡi dao sáng loáng ngập xuống thân thể nồng ấm sức sống!! Bình minh ngày 28-1-93, cũng như mọi sáng sớm khác của đất nước cùng khổ điêu linh này, người Việt Nam bóp chặt hai bàn tay vào nhau xôn xao xúc động tự hỏi: Phải chăng là buổi sáng hòa bình? Ở Sài Gòn, các toán Nhân Dân Tự Vệ đi đập cửa từng nhà hỏi thúc treo cờ, radio đầy ứ âm thanh loại nhạc giữa hai tuyên ngôn như những ngày biến động 1965, 1966... Không một ai của miền Nam xác định được có một hiện trạng hòa bình trong buổi sáng cảm giác có một họng súng đang nhắm vào.

Mặt trận Cửa Việt, Đông Hà bùng nổ, phe Cộng sản đóng chốt trên quốc lộ 1 bắc quận Trảng Bàng, bắc Xuân Lộc (Long Khánh), đường 15 nối dài Sài Gòn - Phước Tuy - Vũng Tàu bị đứt bởi hai chốt nhỏ ở bắc, nam Long Thành. Trên đoạn đường dài dọc theo duyên hải từ đèo Bình Đê đến đèo Nhông - đèo Cả, nổ bùng những trận đánh cấp đại đội, tiểu đoàn giữa đám quân Cộng sản từ mật khu ào lên quốc lộ với đám lính Cộng hòa giữ an ninh đoạn đường. Trong vùng cận sơn Quảng Trị, Thừa Thiên vùng động Ông Đơ, núi Tang

Téo, núi Trường Phước, đám binh sĩ Bắc quân từ từ nhô mình lên khỏi chót ngoắt tay đám lính Nhảy dù, sư đoàn 1 bộ binh... Họ đã đối đầu cùng nhau qua ba trăm ngày chiến trận kể từ ngày 29-4-1972. Hai giờ chiều, một bóng dáng mặc quần áo kaki Nam Định, đội nón ông sao, chân đi giày vải rời khỏi hầm bước qua sáu mươi thước đất núi đến bắt tay thiếu úy Thắng thuộc đại đội 94 Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù. Ly nước trà nóng, thuốc Ruby quân tiếp vụ đôi lại cùng Điện Biên.

- Ừ, Chúng mình hòa giải, hòa hợp dân tộc theo tinh thần và lời văn của hiệp định...- Ha.., ha.. "ông" đi qua một mình không sợ à? - Tui tui không đánh "ông" đâu, mình bồ mà!!... Nửa giờ sau có mười hai người lính mặc áo rằn ri đi qua chót "bạn" thăm giao hữu. Một giờ qua, họ không trở về. Không có tiếng súng, chỉ có âm động của lưỡi lê đi qua da thịt. Giờ thứ tám của Hòa Bình Việt Nam. Không có một ai trong chúng ta xác định được hòa bình đã có. Vâng, hòa bình chỉ tới với một văn kiện, trên bàn giấy yên lành ở thủ đô Ba Lê. Hòa Bình chỉ có trong đáy cốc.

Tội nghiệp như cô bé lọ lem đột nhiên gặp được bà tiên hạnh phúc, toàn khối dân miền Nam ngửa bàn tay bắt hạnh để nhìn hạt ngọc hòa bình, kết tinh nỗi mơ ước thiên thu của một dân tộc khốn khó. Không ai tin được vào phép lạ hoang đường này, không ai tin được giấc mơ có thật với ánh sáng của ngày, giữa lòng đau đón trùng điệp. Người dân miền Nam nhìn ánh ngọc lấp lánh, bậm môi đến nức máu để tự thức tỉnh, để tự nhủ: Đây chỉ là ảo giác, ảo ảnh, đây chỉ là giấc mơ... Nhưng nếu không có những giấc mơ hạnh phúc, không tin vào giấc mơ thì còn gì. Chúng ta chỉ có những giấc mơ mang tính chất hy vọng.

Tôi đi giữa những con đường bình yên Sài Gòn trong buổi sáng dịu dàng của ngày hòa bình, lòng vang dội những chấn động xao xuyến bồn chồn...

Những phiên họp đầu tiên của Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên được thành hình trong những căn phòng rì rầm tiếng máy lạnh, các bên trao đổi với nhau những đối thoại mềm dẻo, hòa hoãn và... ít nội dung nhất. Tham dự vào cuộc đấu tranh cùng đối phương với tất cả say mê và thành thật trong lòng, nhưng dù với tâm tình trong sáng của số tuổi trẻ vị tha đôn hậu, cuối cùng tôi cũng phải nhận ra: Ngoài những nụ cười thật rộng, những bắt tay sẵn sàng, những câu nói hòa hợp và hòa giải... Người Cộng sản không có được điều gì hơn nữa. Họ không thể có điều gì hơn nữa để cho Hòa Bình. Dù người đó là Trung Tá Tuấn Anh (Bắc Việt), nữ Thiếu tá Ngọc Dung (MTGP), những người có nụ cười thẳng thắn và hiền hòa, những người bộc lộ sự chân thành trong mọi động tác, mọi lời nói (Dù là lời nói theo chỉ thị, bởi những chỉ thị...) Và họ chỉ có thế. Chỉ là những con người đôn hậu thụ động của một chủ trương cứng rắn! Nên dù rất thành thật, ân cần, khi qua sông Thạch Hãn, đến phi trường Lộc Ninh để cùng người Cộng sản làm việc, giải quyết sự kiện đau đớn nhất của chiến tranh, sự kiện người tù. Tôi cũng phải luôn luôn tự nhủ: Phải coi chừng, phải đề phòng, phải sửa soạn tấn công, phải quan tâm phòng ngự!! Trong không khí vắng vát nhẹ nhàng của rừng cao su Lộc Ninh, tay nâng ly trà nóng lòng phải trang bị một vũ khí để sẵn sàng nhả đạn. Người Cộng sản đã tập cho tôi quen với nghi kỵ và lừa dối. Hòa Bình đã dạy

cho tôi biết rằng đây chỉ là bộ mặt khác của chiến tranh - Mặt sau của Hòa Bình.

Tập rất mau công việc phải làm và quen rất nhanh với môi trường chung sống để một phía rất thành thật, kính nể cùng đối phương vì đó là những người lớn tuổi, khắc khổ và đã chịu nhiều khổ nạn. Một mặt khác tôi sẵn sàng tấn công không thương tiếc, hạ đòn độc địa không nương tay vì đây cũng là những đối phương cực kỳ hiểm độc. Ví dụ như trên chiếc máy bay đến Pleiku, tôi châm lửa thật ân cần, nhắc nhở chu đáo với Thiếu Tá Sĩ rằng:

- Trời Pleiku rất lạnh, ông ta nên mặc áo len vào vì tuổi già, sức yếu.

Tôi nói rất thành thật vì nhìn thấy những sợi tóc bạc trắng rơi lòa xòa xuống một vầng trán nhăn nheo. Nhưng khi đến địa điểm trao trả Đức Nghiệp thì không còn những cử chỉ và lời nói "hòa hợp" tốt đẹp đó nữa, để hét vang giữa núi rừng, tay chỉ vào lá cờ ông sao, gần từng tiếng:

- Ở địa điểm Thạch Hãn không có lá cờ này, ở Lộc Ninh, Minh Thạnh, Quảng Ngãi; cũng không có nó trong phòng làm việc của những nhân viên thuộc Ban Liên Hợp Quân Sự Trung Ương... Vậy tại sao ở đây có, phải chăng quý vị nằm ngoài cái hệ thống "chính phủ" của quý vị, phải chăng quý vị ở đây là quân đội ngoại nhập, là quân xâm lăng... Nếu quý vị duy trì lá cờ này thì ngay tại phòng làm việc của Ban Liên Hợp Quân Sự Trung Ương ở Sài Gòn chúng tôi sẽ dựng lá cờ Việt Nam Cộng Hòa... Quý vị bảo chúng tôi xâm phạm "không phận Đức Nghiệp" phải chăng quý vị nói giỡn, ai chứng nhận Đức Nghiệp này là của quý vị?!! Quý vị đã nói những điều vô lý mà người có một chút kiến thức quân sự và pháp lý tối thiểu không thể nào nghe vào được. Quý vị bảo chúng tôi vi phạm không phận địa điểm trao trả này, địa điểm trao trả được xác định bởi một tọa độ sáu số, tức là một điểm vô hình trên thực tế, từ điểm này có một đường thẳng tưởng tượng chạy thẳng góc với mặt đất lên khí quyển vào ngoại tầng không gian. Đó là không phận của địa điểm trao trả này chăng? Phải chăng quý vị kiểm soát không phận quá đàn và vô lý đó? Và khi nói chúng tôi cho phi cơ đi qua "điểm không phận" của quý vị, thì quý vị lấy gì làm bằng cớ. hay quý vị nghe tiếng phi cơ bay qua địa điểm trao trả (Theo như lời của trưởng đoàn quý vị nói tại bàn hội nghị Sài Gòn)... Lạ thật, Hiệp Định Ba Lê có qui định cả "vi phạm" phát sinh bởi tiếng động nữa sao?!!

Tôi "vòn" đám sĩ quan tóc bạc của Cộng sản, toàn là dân trên dưới năm mươi tuổi, mặt xanh màu lá và tóc trắng vì ngã nước không xót thương. Hai thái độ có thể xen kẽ, lồng vào nhau nhịp nhàng khắng khít. Trong lòng hòa bình cùng người Cộng sản, tôi chỉ học được những thủ đoạn độc địa không ngần ngại đó.

Những phiên họp bốn bên, những phiên họp hai bên, hàng chục lần trao trả, mười một địa điểm từ Thạch Hãn đến Cà Mau, từ anh "chiến sĩ" mặt nặng như chì gác cổng ở Lộc Ninh đến anh Trung tá Chi Huy Trưởng vùng Gio Linh, Trung tá mang kính lão và tóc bạc trắng nói đôi ngon lành: "Tôi người quê ở Gio Linh "sơ tán" vào núi để chống Mỹ cứu nước nay trở về tiếp quản Quảng Trị ". Trung tá nói tiếng Nam Định, Thái Bình không trệt một âm.

Tiên sư, vậy mà cũng là cán bộ cấp tá của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa!! Cái trò dối trá thô thiển đã được hệ thống hóa bởi Cục Chính Trị, cấp Đảng ủy phổ biến, học tập và kiểm soát từ tên lính mười sáu tuổi mặt búng ra nước cháo đến gã Trung tá sắp sửa đóng cửa quan tài đều ào ào một lời: Quảng Trị sơ tán!! Trò dối trá hạ đẳng này chắc đã được những bộ óc cỡ " thiên tài " Võ Nguyên Giáp, Lê Duẩn, Đồng nghiên cứu và chỉ đạo... Thế mà sao Cộng Sản thắng thế hờ trời?!! Tôi " hòa hợp, hòa giải " với những người như thế, nghe Hoàng Anh Tuấn ngâm ngùi nhắc lại:

- Các cháu học sinh ở Cai Lậy bị thảm sát, chúng tôi sẽ điều tra rộng rãi để tìm ra ai là thủ phạm. Để tháng sau chứng kiến vụ Song Phú, vụ Biên Hòa...!! Và ông giáo sư đại học Nguyễn Văn Trung đặt vấn đề nghiêm túc: "Vấn đề có thể nhìn một cách đích thực như sau: Người Việt theo cộng sản và người Việt không theo cộng sản... Nghĩa là về căn bản chỉ khác nhau về ý thức quốc gia..." . Ông nhà văn Sơn Nam khẳng định trong một cuộc phỏng vấn: " Tôi nghĩ rằng hai miền Nam, Bắc có thể hòa hợp với nhau bởi con đường văn hóa..." Ông chính khách Hồ Ngọc Nhuận: " Hòa giải là con đường cuối cùng của dân tộc..." . Đồng ý, tôi hoàn toàn đồng ý với các ông khoa bảng, tên tuổi trên với quá trình tranh đấu, chính trị, văn hóa này. Nhưng nhìn quanh trong suốt một năm, khi nghe Hoàng Anh Tuấn, Võ Đông Giang ở bàn hội nghị, nghe Trung tá Phụng ở Gio Linh, Thiếu Tá Giang ở bắc Thạch Hãn, Trung tá Năm Tích ở Lộc Ninh, Thiếu tá Dũng ở Rạch Giá. Tôi cam kết một điểm:

- Không thể hòa giải với mấy cán bộ này, tôi cũng không thể hòa giải với hai gã lính gác ở thuyền bắc Thạch Hãn vì khi tôi hỏi: " Anh học ở Hà Nội hay ở đâu? ". Thì nó đã sững cò nói vung bọt mép: " Tôi không phải là người Hà Nội, anh đừng xuyên tạc hiệp định, phá hoại tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc, tôi là người Quảng Trị sơ tán "... Lại sơ tán, tôi chửi ra tiếng: " Tiên sư mày 17, 18 tuổi Bắc Kỳ trăm phần trăm thì Quảng Trị cái quái gì được!!! ". Vậy hòa giải hòa hợp với ai? Hòa giải, hòa hợp là hòa với một người nào đó, một lớp người nào đó. Đặt vấn đề cụ thể như ông Cha ở nhà thờ Tân Định hôm mở đầu cho buổi thuyết trình về Canh Tân và Hòa Giải: " Ta phải cúi xuống cùng kẻ thù để chuyển yêu thương đến cùng kẻ thù... Hãy có can đảm yêu kẻ thù như yêu chúng ta vậy!!! ". Amen, Chúa có phán như thế vì Chúa hy vọng Tình Thương Chúa sẽ được hóa giải được kẻ thù, chứ nếu Chúa biết chắc kẻ thù đó đang thủ sẵn lưỡi dao để đợi lúc Chúa cúi xuống thì chắc phải có tinh thần và thái độ khác. Tôi không chống Cộng quá độ, tôi cũng không chống Cộng để được trả lương và hưu bổng; vị thế người lính chỉ là một phương tiện giúp biết rõ người Cộng sản, tôi cũng sắp già từ vị thế này để trở thành một cá nhân hoàn toàn tự do không bị ép buộc bất cứ từ một hướng nào, nên câu hỏi luôn đặt ra là: Hòa giải là cần thiết, nhưng hòa giải với ai và như thế nào? Nếu đối tượng để ta hòa cùng là lực lượng đối nghịch, luôn luôn sẵn sàng tiêu hủy ta thì làm sao hòa được? Ông thầy Chùa hôm buổi thảo luận tại nhà thờ Tân Định có ví von: " Hòa là hòa nước với nước, chứ không hòa với dầu? ". Ông thầy tu này nói chưa đủ, phải nói lại rằng: " Làm sao hòa máu cùng a-xít được!!"

Phiên họp hôm 15 tháng 3-74 cấp trưởng đoàn sau khi Tướng Hiệp đọc tuyên bố tố cáo lực

lượng vũ trang Cộng sản pháo kích vào trường Tiểu Học Cai Lậy, Tường Tuấn (MTGP) phản đối lời buộc tội với một luận điệu yếu ớt; tôi ngồi nghe, tán thêm cùng những người ngồi chung quanh: "Thằng cha này phản pháo yếu vì chưa biết được các yếu tố chạy tội, hơn nữa tai nạn quá lớn cũng làm nó phát hoảng... Thằng du kích nào dưới Cai Lậy chắc chuyến này bị "khiên" nặng...". Quả tình chúng tôi đã "chạy tội" cho người cộng sản rất nhiều qua ý kiến trên. Chúng tôi nghĩ, cuộc thảm sát chỉ là do rủi ro vì quả đạn cốt nhắm vào Chi Khu Cai Lậy, nơi đặt bộ chỉ huy hành quân tại khu vực này; cũng có thể kỹ thuật tác xạ quá kém, nên du kích vùng đó đã "lỡ" bắn vào trường Cai Lậy. Nghĩ như thế cũng là để giải thích cho tội ác quá phi lý, quá man dại của người cộng sản. Làm sao có thể bắn vào trẻ em, sự nghiệp giải phóng nào xây dựng trên thân xác trẻ thơ, những con người chưa có ý niệm về chữ nghĩa, về hận thù?!! Chúng tôi không tin tội ác phi lý quá độ này do từ một chủ trương hoạch định và hoàn tất bởi những sinh vật gọi là người. Nhưng quả tình chúng tôi đã lầm, lầm rất lớn vì người Cộng sản lại dựng thêm "chiến tích" ở Song Phú vào ngày 10-4-74 và Biên Hòa ngày 3-6-74... Đến đây thì không còn gì để che dấu được nữa. Người Cộng sản quả thật có một chủ trương giết người. Tôi khẳng định chắc quyết như vậy. Họ giết trẻ con, giết thường dân vì đây là trẻ con "ngụy"; họ giết người vì muốn dựng vinh quang trên nỗi sợ hãi, dựng thành quả trên xác người và máu nóng. Cách mạng phải có kích thích tố thù hận. Cách mạng vô sản Việt Nam đã có những men gây máu kia. Thực dân Pháp, Phát-xít Nhật, địa chủ, cường hào, ác bá, thực dân phong kiến, Mỹ - Diệm, Thiệu-Kỳ, Mỹ và chính sách thực dân mới. Nay, năm 1974, quả tình tất cả chất men trên đã không còn, đã hết, người Cộng sản phải có kích thích tố mới, phải có hận thù mới, xác người mới. Vậy phải tạo nên những đối tượng chém giết khác như "Ngụy quân, ngụy quyền, bè lũ ngoan cố, phản động không thi hành nghiêm chỉnh Hiệp Định". Đó chính là chúng ta, là đứa trẻ ở Cai Lậy, là người dân Tam Hiệp, Biên Hòa... Vậy thưa các ông cấp tiến, ông khuynh tả, các ông đối lập, các ông vô tình đang cổ vũ cho lũ giết người, cho trò giết người, các ông đã khuyến khích tội ác qua những danh từ được cố tình sơn phết thành linh động, đẹp đẽ và hòa bình. Hòa Bình, đây lại là một danh từ lạm phát, người Cộng sản đã có vũ điệu Hòa Bình, đoàn quân giết người là đoàn quân Hòa Bình. Hiệp Định chia đôi đất nước là Hiệp Định Hòa Bình và bây giờ là những ngày tháng 73, 74 họ lại xử dụng danh từ phá sản đó trong một cường độ to lớn và tích cực hơn để thực hiện "Hòa hợp, hòa giải theo tinh thần và lời văn của Hiệp Định Ba Lê...". Quái dị thật, những chữ nghĩa thô thiển như kia vẫn còn hiệu lực để che đậy những tội ác ngập đầu?! Tối 21 tháng 5-1935 trước khi xua 300.000 quân vào Rhéanie, Hitler đọc một diễn văn để làm yên lòng Anh, Pháp, trấn an Hội Quốc Liên với câu kết luận là: "Nước Đức cần Hòa Bình và mong mọi Hòa Bình...". Đẩy quân đi như một tia chớp, chiếm được xong mục tiêu Hitler trở lại với "Hòa Bình"; mỗi lần đọc diễn văn xong có chuông giáo đường khua âm ỉ, cùng câu kết: "Hòa Bình đầy tình thương của Chúa... Amen" hoặc: "Xin Chúa hãy ban tự do để khiến tạo Hòa Bình cho nước Đức, cho Âu Châu..."

Hai chữ hòa bình được xử dụng như bằng hiệu của một cuộc tấn công, thành quả của một lần tàn sát. Kỳ lạ thật, giữa những chữ nghĩa và hành động đã có những tan vỡ, chống đối

và hủy diệt nhau trận cùng như thế, nhưng sao vẫn có rất nhiều người, rất đông người ở trên những vùng đất văn minh, trong lòng những xã hội văn minh tin vào chữ nghĩa quái dị kinh khiếp này. Cả Âu Châu đều tin cây vào câu nói: " Tôi dâng hiến hòa bình, tôi không phát động chiến tranh chống Pháp và Anh Quốc " của Hitler sau khi tràn qua Ba Lan bắt tay với Nga (Lại một lực lượng hòa bình, nữa!!...) tại Brest Litovsk. Cũng tương tự như đối với Hitler; rập một khuôn mẫu của Staline, cả thế giới hôm nay lại a tòng kẻ giết người nên đã hân hoan hãnh diện trao giải Nobel Hòa Bình cho Lê Đức Thọ. Và đau đớn hơn hết thấy, mỉa mai hơn hết thấy là cùng ngày 3-6-74, ngày của hai trăm trái hỏa tiễn rơi vào Biên Hòa " giải phóng " cho trẻ em và những người vô tội bằng phương thức dã man ghê rợn tàn tệ nhất mà con người với giác quan, tâm lý của một sinh vật có lương tri không thể nào nhìn đến, không thể nào chịu đựng được. Cùng ngày thê thảm khốn nạn này, chính phủ Nga Sô nhân danh " Hòa Bình " trao cho Nguyễn Thị Bình Huân Chương Lenine Hòa Bình!!! Lại Hòa Bình, phải chăng tiếng nói của con người hôm nay đã biến đổi, đã tan vỡ tính chất, phải chăng đây là thời đại của lừa đảo, ngược ngạo, để con người thường nhân danh những tình từ, danh từ cao quý để thực hiện những tội ác đê hèn khốn nạn. Hòa Bình, người Cộng sản đã xử dụng như một dấu hiệu của sự chết.

Hai năm, tưởng chừng như qua một đoạn đường địa ngục dài, tôi tự hỏi: Tại sao chúng ta vẫn không có một ngày bình yên để sống, một ngày không có tiếng súng, một ngày không mưu toan, một ngày không nằm trong hệ thống thời gian của một chủ trương, một sách lược, bạo lực. Một ngày bình yên cho quê hương nhiệm màu, xứng đáng cho dân tộc vĩ đại, một giòng giống da vàng căng cứng trên khổ nạn. Tôi cũng tự hỏi: Tại sao sau một cuộc chiến triển miên với giá máu hằng trăm ngàn người lính ngã gục, những người lính đã chiến đấu cho một mục đích cao quý: Chiến đấu cho Tự Do - Nhưng chưa bao giờ được xiển dương thành hệ thống để cảm phục như anh hùng, kẻ tử đạo, kẻ vị quốc vong thân. Mà trái lại người lính và khối gia đình của họ trong những ngày của hòa bình lại là những kẻ bị đánh vỡ trước tiên, bị bóc trần từng sợi thịt, bị cặn dần từng giọt máu. Trung tá K, Chiến Đoàn Trưởng Dù ngày nào mười năm trước, nay hàng ngày lột lon, cất nón, đạp chiếc xe trong đưng vất cơm đến nơi làm việc. Trung Tá H, sếp cũ của tôi nay chỉ còn lại một hình ảnh tồi tàn của một ông già thêm từng điều thuốc lá đen. Và còn gì nữa...

Còn quá nhiều, nhiều như đồng xương vô định của những người lính đã chết, như lớp máu đỏ của hàng trăm ngàn người đã chảy xuống mạch đất miền Nam. Cảnh quả phụ cùng bốn con tự vẫn tại mồ chồng, người lính vừa chết cho hòa bình tại Nghĩa Trang Quân Đội. Còn người mẹ thuốc chết hai con trước khi tự sát vì lương lính từ trần không đủ tiền đóng gạo. Quá nhiều, đám vợ con lính ở trại tỵ nạn dẫn nhau đi trên đám đất cháy nắng vùng Quảng Ngãi để tìm củ xương rồng. Những người lính này chết cho ai? Phải chăng họ chết để nuôi dưỡng một thiểu số khốn nạn như tỉnh trưởng Định Tường, tỉnh trưởng Long An, những kẻ chuyển trăm triệu hàng lậu, những kẻ dáu trăm triệu phân bón, kẻ ký quota gỗ vài trăm triệu... Tại sao? Câu hỏi muốn bật máu trong tim, muốn nổ tung con người, muốn vỡ tan từng tế bào... Tại sao? Tại sao? Thượng Đế không giải thích, Phật Tổ không giải quyết và

Chúa cũng buông xuôi.

Cuối cùng, chiến tranh vẫn còn nguyên như đời sống lầm than; chiến tranh như cơn mộng dài không hết của đêm đen muôn đời; chiến tranh là cảnh sống thường trực, là thực thể miên man, là thực tại không rời. Đất nước ta với chiến tranh là một trạng thái bão hòa liên kết không tách rời được. Tôi lại đi đưa những người quen đến nghĩa địa... Nhìn chiếc quan tài phủ Quốc kỳ của Đại Tá Nguyễn Thế Nhã, tiểu đoàn trưởng cũ của tôi, người từng có hai mươi năm chiến trường khốc liệt nhất, cuối cùng chết vì một trái đạn pháo kích trên căn cứ La Sơn, Huế. Anh linh người chết tức tưởi không thể giải thích được nỗi đa đoan của hậu quả do một thứ hòa bình dấy non mang lại, người chết chắc không thể an lòng khi biết mình chết trong hòa bình, do hoà bình, sau quãng đời dài đã kinh qua DMZ, Mậu Thân ở Huế, Tây Ninh, Hạ Lào... Người chết với mối hận khó nguôi ngoai. Tôi tin chắc như thế. Cuối cùng, hòa bình cái bóng đáng mơ ước lừa bịp dễ tiện và tiếng gọi của lũ giết người dùng như một dấu hiệu truyền thông trước một cuộc tàn sát nhân danh nó.

Chiến trận lại xảy ra ở An Điền, bên kia sông Thị Tính, lại cảnh người chạy loạn gồng gánh mang vác tất tả trên quốc lộ 13, lại cảnh đưa bé bốn, năm tuổi co quắp vì cơn đau mảnh đạn ghim đầy, lại cảnh bà già đưa đôi mắt lạc thần nhìn lượng nắng cuối cùng đang lịm dần ngoài cửa đời sống... Tôi không thể đọc hết mẫu tin chiến sự, tôi không có can đảm nhìn đoạn phim thời sự về đám người chạy loạn, tôi kinh sợ đến độ phiền muộn. Tôi ê chề đến cuối đáy điêu linh. An Điền, sông Thị Tính của mười năm trước, tháng 12-64 tôi là gã thiếu úy trẻ tuổi cổ quần khăn đỏ, mình mặc áo saut ngực trang hào hùng dẫn quân đi đầu tiểu đoàn kể từ khi vượt qua chiếc cầu xi măng cũ kỹ để tiến sâu vào đám rừng chồi xanh ngất. Mười năm, đêm ở khu đồn điền ông Thịnh, quả lựu đạn lóe sáng, bóng tên Việt Cộng loáng thoáng trong ánh lửa, chiếc trục thăng tải thương lập lòe ngọn đèn đỏ và hàng lửa đạn súng cối pháo kích đứt đoạn. Mười năm, cái bối cảnh khốn nạn đó vẫn còn, vẫn tồn tại, còn và phát triển đến cực độ, phát triển đến tối đa khủng khiếp. Ngày xưa, chỉ cần Tiểu đoàn Dù của tôi cùng Tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến đủ sức "xấn" từ cầu Thị Tính vào An Điền lên đồn điền Alimot, Bussy, vòng qua trái đến đồn điền ông Thịnh để từ đây ra quốc lộ 13. Vũ khí lúc ấy là carbine M2, cối 81, nay quân phải cấp sư đoàn, mỗi hướng tấn công là một trung đoàn có một thiết đoàn yểm trợ và giàn đại pháo đập nát không gian. Lúc xưa đám du kích ở vùng đồn điền pháo bằng súng cối, đột kích bằng lựu đạn, nay bóng dáng nhỏ bé " khiêm nhường " đó đã không còn, để chỉ thấy nườm nượp đậm hơn rừng xanh từng trung đoàn chính quy Bắc Việt được " từng thiết " với hàng T54 bề thế. Mười năm, một cái xã nhỏ bé tội nghiệp ở quận Bến Cát cũng như hàng trăm ngàn thôn xóm khác của quê hương chỉ được mỗi vinh hạnh - Làm chiến trường tận lực cho hai bên - Nổi vinh hạnh hiển thâm sâu như oan nghiệp không giải.

Chiến tranh, chiến nạn, chiến binh, nạn nhân chiến cuộc, chiến trường, chiến địa, chiến tích, chiến cụ... Sao ngôn ngữ nước ta quá nhiều từ ngữ để gọi lên binh đao mà chỉ có vồn vện một chữ Hòa Bình, một chữ đơn độc mỏng manh thụ động giữa rừng gươm giáo ngút ngàn. Khốn khổ hơn nữa, Hòa Bình cũng đã bị nguy danh bị đánh vỡ, bị khuynh đảo và

biến dạng toàn thể yếu tính. Hòa Bình, phải chăng không còn nữa cho con người. Không còn nữa cho chúng ta. Sắp đến ngày ký Thông Cáo Chung 13-6-1973 - ngày Quốc Hận 20-7-54.

* * *

TRÊN CHIẾN ĐỊA TRONG SÀI GÒN

Những buổi chiều từ Lộc Ninh trở về, tôi bay qua đồi Gió, qua đồi 69, những ngọn đồi ở đông-nam An Lộc. Cũng những buổi chiều tháng 5 và tháng 6 như thế này của hai năm trước, 1972, nơi đây những người bạn tiểu đoàn 6, tiểu đoàn 3 pháo binh, Lữ đoàn I Nhảy Dù đào vùi chiếc hố, khoét sâu rãnh giao thông hào dưới cơn mưa đại pháo của Bắc quân. Cũng những buổi chiều muộn khi ngày sắp hết, ánh mặt trời hồng đỏ đã bị mờ dần bởi hơi sương lam bốc lên từ dãy rừng cao su ngút ngàn xanh ngắt. Nơi đây, trên dãy cao độ chập chùng trông trải này những Phạm Tường Tuấn, Phạm Kim Bằng, Lộc "lì", Vinh "con" của Tiểu đoàn 6 Nhảy Dù bậm môi đến bật máu, nhô chiếc nón sắt lên khỏi giao thông hào chờ đợi bóng đen của những T54 đang ló nhỏ, rì rầm dưới chân đồi sắp sửa tấn công. Hôm nay, trên chiến địa điêu tàn đó chỉ còn vương vãi vài chiếc nón sắt, túi đeo lưng và những mảnh xương trắng xám rơi rớt trên lớp đất đỏ màu máu. Dãy đồi nằm lặng dưới bóng chiều trông oan khiên như nắm mồ vĩ đại. Tôi bay qua chiến trường của hai năm trước, bay qua bầu Đồng Cỏ thấy xác chiếc Chinook bị rớt ngày 4-6-72; bay qua Chơn Thành thấy lại chiếc trực thăng chở Chuẩn Tướng Đức bị cháy nát chỉ còn tro chong chóng nằm sát bờ lộ. Những phi công trực thăng nghĩ gì khi từ trên không nhìn xuống những thân tàu cháy xám, đồng tro tàn của bộ máy, họ có tưởng đến những chiến hữu đã vỡ tan cùng cát bụi, những phi công lâm nạn của mùa chiến trận 72 trên đường bay dọc con lộ tử thần này. Đi qua chiến địa quá khứ không phải chỉ buồn ngùi vì chứng kiến dấu tích của binh lửa tang thương, nhưng để biết rằng chiến tranh chưa hề chấm dứt, hòa bình chưa bao giờ có thực, chỉ có chiến trận đôi vùng, chiến trường nguy trang dấu mặt. Bay qua đồi Gió, suối Tàu Ô, Tân Khai, Chơn Thành, qua các chốt của bộ đội, qua các căn cứ hỏa lực của ta, qua thôn xóm vây bủa bởi giao thông hào còn mùi đất mới để biết rõ một cách đau đớn và chua xót rằng, chiến trận không bao giờ ngừng nghỉ trên quê hương tàn khốc này. Không có một giây phút bình yên nào trên xứ sở tên gọi Việt Nam.

Tháng 5, tháng 6-74 đi qua, Phái đoàn Mặt Trận bỏ hốp vô hạn định, chiến trận bùng nổ không che dấu, phi trường Nha Trang, Đà Nẵng, lần đầu tiên sau ngày Hiệp Định bị pháo kích. Phe Cộng sản vứt bỏ chiếc mặt nạ "hòa bình" không ngần ngại. Đã đến lúc họ không còn cần dấu mặt sau cái vỏ hòa bình; họ cần phải chạy đua với thời gian, chạy đua với sự sắp vô ngày càng khít khao giữa Nga, Hoa quanh cái trục "Đế Quốc Mỹ". Cộng sản Bắc Việt phải tự cú trước khi bị hai cái gọng kìm này nghiền nát. Tháng 6 đi qua để bước vào tháng 7 với ngày 20-7, ngày Cộng sản xem như thắng lợi vinh quang, ngày rực rỡ sau chiến công Điện Biên, ngày đuổi hẳn thực dân Pháp thanh toán 100 năm nô lệ. Nhưng ngày 20 tháng 7 cũng là ngày di cư, ngày uất hận ngàn đời không nguôi ngoai, ngày chia ly tan tác

của khối dân miền Bắc đi về Nam để được sống tự do - 20-7-1954 - đến nay đã hai mươi năm, khoảng thời gian ngút ngàn tưởng chừng như giấc mơ, cuộc ra đi ngày nào nghĩ rằng sẽ trở lại trong thời hạn tối thiểu, ai ngờ trở thành một dứt khoát quyết liệt, một chọn lựa nghiêm trọng đánh đoạn giữa tự do và kìm kẹp, giữa đời sống thênh thang và lạnh lùng trong một hệ thống kiểm soát ngặt nghèo. Hai mươi năm qua như ngọn lửa lớn dãi lọc tinh tuyền sự chọn lựa ban đầu đó, chẳng ai trong khối người ra đi phải hối hận vì tất cả đã chọn đúng. Tôi biết chắc như vậy. Nhưng tháng 7-74 trên báo chí đối lập khuynh tả, trong những cuộc hội thảo của lực lượng đối lập tiến bộ yêu nước, của đám trí thức Sài Gòn nhan nhản xuất hiện một loại luận cứ: "Chỉ vì Hiệp Định Genève 1954 không được thi hành nên mới xảy ra chiến tranh trong hai mươi năm qua và vì "mâu thuẫn" vẫn còn nên Hiệp Định Ba Lê 28-1-73 không được thực hiện, Hòa Bình cho Việt Nam vì thế chưa có. Cuối cùng, chỉ còn con đường hòa giải và hòa hợp dân tộc, con đường độc nhất để hoàn thành hòa bình...". Loại luận cứ này được coi như đỉnh chót của ý thức tiến bộ của đám trí thức đối lập ở miền Nam. Song, tôi muốn hỏi những người này những câu hỏi cụ thể: Tại sao không dừng lại xác định: Vì Hiệp Định Ba Lê không được thi hành (Như đã dùng với Hiệp Định Genève) mà chỉ lấy có miền Nam còn "mâu thuẫn"? Mâu thuẫn gì? Ai mâu thuẫn với ai? Tại sao các anh không dám nói thẳng: Cũng chính bởi vì Hiệp Định Ba Lê không được thi hành nên hòa bình chưa có và chính phe Cộng sản là phe phá hoại nhiều nhất thâm độc nhất, có hệ thống nhất. Hai mươi năm chiến tranh, hai năm "hòa bình" khôn nạn chưa làm cho đám người này thấy đủ, biết được một sự thật. Sự thật rất đơn giản. Làm thế nào hòa giải được người Cộng sản. Người Cộng sản mang quốc tịch Việt Nam!!!

Trận cầu quốc tế giữa hai đội Đông - Tây Đức, phe cộng sản, phe không cộng sản, gặp nhau, bắt tay nhau, tranh tài trong tinh thần hòa hợp, thân ái của môi trường thể thao. Nhưng làm sao có được cái cảnh này cùng Cộng sản Việt Nam? Vì anh ta sẽ gọi cầu thủ của ta là "cầu thủ Ngụy", của phe tư bản rầy chết, tay sai của chính sách thực dân mới Hoa Kỳ. Phe Cộng sản sẽ không bao giờ thỏa thuận để cho hòa giải, gặp gỡ những cầu thủ "giải phóng dân tộc, của cách mạng vô sản, của giai cấp công nông" với đám cầu thủ của "Ngụy quyền", cầu thủ áp bức nhân dân, cầu thủ ác ôn Mỹ Ngụy. Tôi không nói quá nhưng chỉ xác định lại sự thật qua những kinh nghiệm quá nặng nề cùng người Cộng sản Việt Nam.

Đến đây, những dòng cuối cùng của tập bút ký, tự nhiên trong lòng bỗng rực sáng một niềm tin thanh thản. Quả tình tôi đã có một thái độ quyết liệt thật đúng đắn với người Cộng sản. Tôi xác định thái độ này chính thức, công khai mà không hề e sợ những dè bĩu, chụp mũ: Muốn được thưởng công bởi chính quyền. Còn lâu, chính quyền, chính phủ chỉ là những lực lượng nhất thời, tôi không chống Cộng để cho một cơ cấu chính trị, một cơ quan quyền lực. Tôi chống Cộng vì ghê sợ cái hướng đi hà khắc kìm kẹp vô nhân tính của chế độ đó. Giản dị và chính xác như thế. Ngày 20-7, đọc lại một bài viết ngắn của anh Doãn Quốc Sỹ nói về ngày uất hận thiên thu này, anh Sỹ nhắc lại trong "Một vài ký ức hình nổi của giai đoạn 20-7-54 - 20-7-72 (Báo Đời số 140): Hình ảnh đồng bào khắp nơi vượt mọi gian lao để tới Hải Phòng được phổ biến sâu rộng tại bất cứ nơi đâu còn gọi là đất Quốc

gia, những hình ảnh đặt biệt sỉ nhục một cách thậm tệ cho ông Hồ đăng tải trên các tạp chí lớn ở Âu Châu: Đó là hình ảnh hàng ngàn người xuất hiện trên bãi bể Bưởi, hình ảnh họ kéo lê chiếc bè lao nhào vào lớp sóng bạc đầu, hình ảnh họ chen chúc trên chiếc bè mỏng manh, đàn bà đứng bế con, ông chân ngâm dưới nước quên mỗi, phần trên rét run, đàn ông khom lưng cố chèo ra khơi cho kịp những chuyến tàu đương thân ái đợi họ để rồi xả hết tốc lực ra khơi xa hơn nữa để chuyển họ sang những tàu vận tải lớn hơn..."

Và hình ảnh bi thiết, rợn rở nhất của cuộc di cư thần thánh đã tụ lại trên điểm cao hoạt cảnh dưới đây:

- Xe lửa từ Hà Nội xuống đến Hải Dương ngừng lại ở ga Phú Thái, nơi đó cán bộ Cộng sản khám dân chúng, tha hồ dân chúng văng tục, chửi rủa, đám cán bộ vẫn cười tươi ngọt ngào như không. Có bà gần như khỏa thân từ trong phòng khám bước ra, có bà còn ra ngồi xuống tiểu tiện rồi mới đứng dậy, bận quần áo đầy đủ, có bà xoay đủ một vòng, nghêu ngهن hai bầu vú nuôi con rồi mới bận áo... Ôi! Những người đàn bà Việt Nam cực kỳ thông minh và biết trọng nhân phẩm đó! Tất nhiên đám cán bộ Cộng sản nam nữ vẫn luôn luôn giữ nụ cười nhả nhận bình tĩnh. Trên cái nền khỏa thân của các bà, nụ cười đó quả đã bị bóc trần đến chất lõi máy móc vô nhân của nó. Hàng bao tấn giấy tờ của người trí thức Quốc gia viết để chống đối Cộng sản không nặng bằng một đồng cân so với cái cử chỉ vừa khôi hài vừa thâm trầm chua chát của hình ảnh cố ý kéo dài cuộc khỏa thân của các bà..."

Anh Sĩ đã cất cho tôi được gánh nặng ngàn cân vì gần hai năm nay đi đâu tôi cũng thấy người Cộng sản... cười. Những nụ cười tươi, rộng, rất vồn vã, rất nồng nhiệt, tràn ứ đầy khắp trên các báo Quân Đội Nhân Dân, Quân Đội Giải Phóng, trên tạp chí " Đường Đến Vinh Quang của Nam Việt Nam...". Đâu đâu cũng thấy người Cộng sản cười, Võ Nguyên Giáp cười, Lê Duẩn cười, Phạm Văn Đồng cười, Song Hào cười, Văn Tiến Dũng cười, Phạm Văn Bạch cười, Nguyễn Hữu Thọ cười, chiến sĩ " tên lửa " cười, đội làm cầu cười, người nữ chiến sĩ miền Nam cười, những " Người Con Tây Nguyên " cười... Tất cả đều mở rộng miệng đến tối đa kích thước, hàm răng tràn ra khỏi những ghè môi nhăn nhúm, choáng chật cả khuôn mặt bị căng cứng, bị gập nếp vì nụ cười quá khổ... Rồi tôi lại phải " tiếp thu " thêm những nụ cười trên thực tế của Thiếu tá Trần Tín ở Hà Nội, của Thượng tá Năm Tích ở Lộc Ninh, của Nguyễn An Giang ở bắc sông Thạch Hãn... Những nụ cười như trong báo chí đó được lập lại đúng cỡ, đúng điệu, tràn ngập khắp nơi khi người Cộng sản tiếp xúc cùng người lạ. Một lần, hai lần,... Lần thứ một trăm, lần thứ một ngàn, nụ cười tràn ứ đó gây nên một cảm giác kỳ lạ trong tôi. Cảm giác nửa nhèm tởm, nửa bị đe dọa. Nụ cười vỡ như lửa lóe ra khi trái lựu đạn nổ, nụ cười ghê ghê, vô nhân, vô nghĩa như con vượn, con dã nhân khi được kích thích, vì được luyện tập. Tôi không nói quá lời, tôi không " hạ " đối phương nhưng quả tình nụ cười đó suốt hai năm gây cho tôi câu hỏi: Có phải chẳng người Cộng sản có một " chủ trương cười "? Người Cộng sản đã cười theo chỉ thị, theo công tác, theo tiêu chuẩn? Nếu không thì tại sao, đâu đâu, ai ai cũng có một cách cười, một vẻ cười chung giống nhau như thế? Sông Hào, Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, những cá tính khác biệt, những con người khác nhau về khả năng, tính chất, môi trường

trong một bức hình ở khóa hội thảo đều cùng có chung một nụ cười hả hê, thống khoái rạng rỡ. Cho đây những nụ cười thật vì các ông ấy là tướng, là cán bộ cao cấp được điểm Bác và Đảng... Nhưng rồi, sao đám nhân công nhà máy dệt, đội làm cầu, cán bộ mậu dịch... Những người gầy còm, mắt trắng, những kẻ tóc bạc mệt nhọc đầy như cỏ rôi, trên nét mặt, những người này có gì để phải cười giống như Giáp, như Đồng?!!! Vậy chỉ có thể hiểu, và chắc chắn như thế: Người Cộng sản đã được huấn luyện, kiểm soát và thi đua cười theo một tiêu chuẩn nào đó về nụ cười. Họ phải tập cười theo một mô thức được hoạch định bởi Đảng và nhà Nước. Vậy, trước nụ cười đó còn gì xứng đáng và sít sao hơn là những thân thể tinh khôi, cao quý phẩm hạnh của con người trần trướng toàn diện. Phải, chỉ có cái thân thể nồng nhiệt tự do, thân thể ấm áp sức sống nhân bản của con người cao quý mới gọi là ngọn triều lớn cuốn bay đi lớp nụ cười vô nhân khô héo của người Cộng sản... Hiểu như thế. Và phải hiểu như thế.

Tôi nhớ buổi chiều ngày 18-2-1973 tại bờ bắc sông Thạch Hãn, giữa bóng tối mờ mịt, khi tự xé chiếc áo phơi lồng ngực trần để chỉ cho đám sĩ quan quốc tế cùng đám cán bộ Cộng sản biết so sánh thế nào là " sự thật " về người tù Cộng sản bị " tra tấn " tại trại giam ở Phú Quốc. Với sự thật của chính thân thể tôi. Nhưng tôi đã làm chưa đủ, thật ra tôi phải làm như những người đàn bà cao quý họ.

Trong những tháng 8, 9, 10 năm 1974 tại Sài Gòn có phong trào chống tham nhũng tố đích danh Tổng Thống Thiệu bằng cáo trạng sáu điểm; phong trào đòi Tự Do, Dân Chủ, đòi hỏi hủy bỏ sắc luật 16-69 và 007, những sắc luật kìm kẹp báo chí một cách chặt chẽ hà khắc. Cuộc tranh đấu lên đến cao điểm: Đòi hỏi chính phủ Thiệu phải thực thi Hiệp Định Ba Lê, thành lập Hội Đồng Hòa Giải gồm có ba thành phần và chấm dứt ngay tiếng súng để cùng người Cộng sản hòa hợp và hòa giải trong tinh thần dân tộc.... Phong trào tập trung được toàn thể những linh mục Công giáo cấp tiến cánh tả như Nguyễn Ngọc Lan, Phan Khắc Từ, Trương Bá Cần, Chân Tín... Những người của nhóm Đối Diện trước đây. Phía Phật giáo cũng nhập cuộc trên một địa bàn khác với sự đồng ý của giáo hội Ấn Quang tích cực yểm trợ cho Lực Lượng Hòa Giải, Chủ tịch là Vũ Văn Mẫu.

Bỏ đi sự có mặt của những người như các dân biểu đối lập nguy danh, những chính khách cấp tiến tiền chế, những lãnh tụ tôn giáo tả khuynh có điều kiện, những đào kép cũ của những tuồng tích héo úa, trong đó do thúc đẩy quyền lợi, với khí thế ma đầu, những hào hùng cải lương... Những dòng viết sau đây tôi chỉ muốn nói đến cuộc nhập trận tích cực của các vị linh mục. Trong tập thể linh mục nhập cuộc cùng những phe khối của họ có thể chia ra làm hai thành phần rõ rệt. Thứ nhất, là nhóm linh mục cấp tiến khuynh tả như Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín, Trương Bá Cần cùng những người viết Đối Diện, Trình Bày như Nguyễn Văn Trung, Thế Nguyên, Lý Chánh Trung... Và thành phần thứ hai gồm những linh mục trước đây đã có một quá trình chống cộng như Nguyễn Viết Khai, ông Cha rửa lễ cho Tổng Thống Diệm, người lập trường "Ngô Đình Khôi" tại Phan Thiết, thủ lĩnh chống Cộng của Khu Tư sau 1945, Đặc Sứ lưu động của Tổng Thống Diệm liên lạc các trại định cư của những người Nghệ Tĩnh Bình, cũng là tiền đồn chống Cộng của giai đoạn 54... Và

Cha Thanh cũng là lý thuyết gia của Phong Trào Nhân Vị ở Vĩnh Long trước đây, một linh mục thuộc Dòng Chúa Cứu Thế nổi tiếng về hùng biện và tinh thần chống Cộng sản của người dân gốc Quảng Trị.

Mục đích của phong trào thoát tiên rất chính đáng, vì đó cũng là cơ hội cuối cùng để miền Nam kiện toàn lực lượng đối lập trong thế tranh đấu đối với Cộng sản lẫn phe Quốc gia, hình thành một lực lượng hòa giải trong giai đoạn sắp tới khi Hiệp Định Ba Lê được thi hành theo từng chi tiết nhỏ. Thái độ và tinh thần chung của Cha Trần Hữu Thanh, chủ tịch phong trào là thái độ tích cực đấu tranh với tinh thần cấp tiến, thiết tha đến tương lai của miền Nam, một tương lai rất gần phải chung sống cùng người Cộng sản. Phải nhìn nhận rằng Cha Thanh đã dựng lên một phong trào rất đứng đắn và cấp thiết, miền Nam sở dĩ tội tệ quá mức như hiện nay với nạn lạm phát đứng nhì của thế giới (sau Chí Lợi) chính là do tác dụng phá hoại tích cực của tham nhũng. Tham nhũng không chỉ có trong một vài động tác đầu cơ, hối lộ của giới chức chỉ huy hành chánh cao cấp, nhưng tham nhũng là một đặc thù của sinh hoạt miền Nam, tham nhũng bao trùm lên tất cả mọi dịch vụ giữa nhà cầm quyền và dân chúng, giữa những cán bộ hành chánh, quân sự với đám thừa hành, giữa giới chức lãnh đạo và toàn thể mọi đối tượng tiếp xúc. Thật là bỉ ổi và ghê tởm khi bên cạnh cảnh đe dọa của cuộc chiến (chưa hề dứt) với đám dân chúng lầm than tan tác, có những sự kiện tham nhũng bỉ ổi tàn nhẫn như vụ buôn lậu có xe còi hụ dẫn đầu bị bắt ở Long An, những dịch vụ buôn gạo, xăng cho Cộng sản được điều động bởi những tỉnh trưởng, sư đoàn trưởng với giao kèo, chia chác đến lạnh người. Khi một chức trưởng ty cảnh sát quận 5 ở Chợ Lớn được "mua" với giá trên một trăm triệu thì "tính tham nhũng" của chế độ đó đã đi đến mức siêu đẳng tội tệ. Cha Thanh đã dựng lên một phong trào sinh tử vì không thể nào sống với người Cộng sản (sẽ nói rõ lại tính chất của những người này sau) khi còn tập đoàn lãnh đạo ung thối khiếp đảm như thế, cộng thêm cơ cấu dân cử gồm đa số dân biểu tay ngang, khí phách và khả năng tại nghị trường chỉ là thái độ quy lụy khiếp sợ người cầm quyền hành pháp. Phong trào đã lên thật mạnh và đáp ứng được nỗi mơ ước đau đớn của toàn khối dân chúng đang lặn xuống cuối dốc đối khổ.

Nhưng phong trào đã không phải chỉ ngừng ở phạm vi chống tham nhũng thuần túy như danh xưng, cũng trái ngược luôn với lời của linh mục Thanh nói ở Xóm Mới hôm 6 tháng 10... " Chúng tôi không đòi lật đổ Tổng Thống Thiệu, ông Thiệu muốn ngồi thêm năm, mười năm nữa cũng được, nhưng cần nhất là ông Thiệu phải quyết liệt bỏ tham nhũng vì ba, bốn tháng nữa là Việt Cộng vào đây ở với chúng ta, mà với tình trạng tham nhũng thối nát thế này thì chúng ta "lúa rồi"... Lời nói của Cha Thanh, hướng đi của phong trào, mục tiêu của phong trào lần lần có những xa cách, nếu không nói là trái ngược nhau. Mà sau hơn một tháng bùng nổ, phong trào đã đi đến điểm cao " vận động trưng cầu dân ý về việc bất tín nhiệm Thông Thống Thiệu hay không...". Mục tiêu chót đã không dấu điểm. Để chuẩn bị thế hòa giải sống chung với người Cộng sản. Tôi dừng lại ở đây để trở lại vấn đề ban đầu: Có thể hòa giải hay không cùng người Cộng sản Việt Nam.

Phải, không thể nghi ngờ thiện chí và lòng tha thiết muốn hướng dẫn dân chúng vào một

phong trào sinh tử để chuẩn bị thể nhân dân tranh đấu với đối phương, một kẻ quỷ quyết tinh vi, vô cùng thâm độc trong việc khuynh đảo, gây hỗn loạn, cướp chính quyền. Nhưng hướng tấn công chính của phong trào (Tổng Thống Thiệu) cùng mục tiêu tối hậu (Hòa giải cùng người Cộng sản) đã gây trong tôi những công phá mạnh mẽ bởi mỗi phát hiện nghi ngờ: Phong trào hay nhóm linh mục lãnh đạo hay cụ thể hơn là cha Thanh chỉ là những lực lượng dọn đường để sống chung cùng người Cộng sản. Tiến trình được điều động bởi một áp lực tinh vi ghê gớm. Sức công phá gây đến nỗi náo nức khi theo dõi các cuộc biểu tình (to lớn và quan trọng nhất), như cuộc biểu tình ngày 10-10-74 tại Sài Gòn. Nhìn thấy tận mắt một lớp đào kép cũ diễn trò vui trên đau đớn và hy vọng cuối cùng của nhân dân. Phong trào phải chăng đã xử dụng nhân dân như là một con ngựa chiến để đi đến đấu trường. Cảm giác náo nức cũng không phải vì thấy phong trào chuẩn bị cho " thể đứng chung với người Cộng sản ". Người lãnh đạo quần chúng hơn ai hết có trách nhiệm hướng dẫn, báo động, chuẩn bị cho nhân dân những tình huống mới; huống gì những tình huống khắt khe bắt buộc sẽ phải xảy đến. Nhưng là cảm giác gây nên bởi tinh thần gọi là cấp tiến " Có thể sống chung được cùng người Cộng sản " của những người đã có kinh nghiệm máu với cộng sản. Tôi khai triển tiếp vấn đề này.

Trong cuộc viếng thăm Á Châu của Đức Giáo Hoàng Paul VI; lần viếng thăm Á Châu đầu tiên của một vị Giáo Hoàng Hội Thánh Công Giáo La Mã. Hội Thánh có một quá trình chống cộng tích cực, hữu hiệu nhất. Đức Thánh Cha đã không ghé thăm Đài Loan và Việt Nam nơi có tập thể giáo dân đông đảo với một hoàn cảnh bi thiết, nơi đất nước bị tàn phá khốc liệt bởi chiến tranh. Một xung đột hệ quả từ những tư tưởng chính trị đối nghịch Tây phương, trong đó Giáo Hội La Mã mặc nhiên có ảnh hưởng lớn. Ngài không vào hai nơi này để chứng tỏ tinh thần mới của Giáo Hội, khai phóng từ đời cổ Giáo Hoàng Gioan XXIII, sau Công Đồng Vaticano II, Công Đồng mở màn cho kỷ nguyên tiến bộ canh tân và hòa giải. Người Cộng sản là một trong những đối tượng lớn của cuộc hòa giải vĩ đại này. Vì " chỉ sau hơn năm mươi năm, chế độ Cộng sản đã chi phối và tác động lên trên 1500 triệu của toàn cầu, trong khi đó Giáo Hội Công Giáo sau gần 2000 năm truyền đạo cũng chỉ mới có 613 triệu tín đồ" (Báo Đối Diện). Thế nên vấn đề hòa giải với người Cộng sản không chỉ trong phạm vi Thần học, Triết học mà còn là một hướng chính trị chiến lược lớn của Giáo Hội. Dưới ảnh hưởng bởi ý hướng mới này nhóm linh mục trẻ cấp tiến, xuất phát từ các đại học Âu Tây muốn đẩy mạnh cường độ hiện thực hơn với môi trường " chiến tranh Việt Nam "; trong đó kẻ thù gớm ghiếc nhất không phải là Cộng sản mà là Thực Dân, Đế quốc Mỹ cùng chính quyền tay sai, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, một lực lượng phản động, một nguy quyền làm cục đá chặn đường, vật ngăn cản không để những người cấp tiến khuynh tả có cơ hội " đối diện, hòa giải " cùng người anh em Cộng sản trong tinh thần dân tộc!! Thái độ này không lạ, đó là ý hướng được khai triển từ lâu với J.P. Sartre, Bertrand Russell những người " lậm " nặng bởi mặc cảm trí thức bất lực, bất lực để tham dự cùng đời sống, bất lực để giải thích đời sống. Mặc cảm nhỏ bé, có tội trước Cộng Sản, vô dụng đối với Tư Bản. Những sản phẩm chính cống của hệ thống triết học Tây Phương. Mà họ chính là những người mang vác cồng kềnh mệt mỏi trên vai cùng với tất

cả nổi vô ích canh cánh đè nặng tinh thần. Thế nên, tôi không nói nhiều đến nhóm linh mục trên trong bài viết này vì hiểu rằng đây là thái độ độc nhất của họ. Họ không thể thỏa hiệp được với khối siêu quyền lực đã chi phối, nuôi dưỡng và xây dựng lên họ, vì kiến thức, mặc cảm và vị thế cao quý đầy đặc quyền mà họ thụ hưởng được cũng là hệ quả của một xã hội tư bản thoái hoá. Trở lại với nhóm linh mục hữu khuynh, những người có số tuổi trên dưới năm mươi, có những kinh nghiệm cụ thể sống chết với người Cộng sản. Bỗng nhiên trong một sớm một chiều. Họ xoay một vòng lớn và: " Xét về vấn đề Tổ Quốc thì chúng ta phải thực tâm mà thú nhận rằng phía Bắc Việt họ đã chiến đấu vì Tổ Quốc mà chúng ta chiến đấu vì đô-la, vì địa vị...". Linh mục Khai - Đối Diện 21- nên tóm lại:

-Thứ nhất: Đừng quá sợ sệt, trốn chạy và thù ghét Cộng sản như lâu nay.

-Thứ hai: Người Công giáo phải là một chiến sĩ Hòa Bình, nhưng luôn " đề cao cảnh giác..."

- Thứ ba: Phải biết đối thoại (với người Cộng sản) trên căn bản tự do, công lý, chân lý.

- Thứ tư: Phải xây dựng một Đức Tin sáng suốt để có đủ điều kiện sống chung với Cộng sản (nếu cần) và thu phục được họ.

- Thứ năm: Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối Giáo Hội để có thể " không còn cần thắng cộng sản bằng B52 của Mỹ..."

Những điều của linh mục Khai viết trong tháng 2-71 bây giờ đang được phong trào quảng diễn lại ở Xóm Mới, Chí Hòa, Hóc Môn và hiện thực hơn bằng cách yêu cầu Tổng Thống Thiệu từ chức để phong trào đẩy mạnh thể nhân dân vào cuộc chiến đấu tranh với người Cộng sản trong tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc. Những điều của cha Khai nói gây trong lòng tôi nhiều xao động và nảy sinh ra nhiều câu hỏi. Hỏi để trước tiên giải thích cho hành động của chính mình và sau đến tìm hiểu công việc, tinh thần của người khác. Những vấn đề cụ thể với những câu hỏi như sau đây:

- Chúng ta có thể hòa giải cùng người Cộng sản Việt Nam không? Tôi trả lời dứt khoát: Không được. Để giải thích khẳng định này, tôi lần lượt đi qua từng yếu tố. Trước tiên, chúng tôi những người trẻ, trên dưới ba mươi tuổi không hề có một mặc cảm, một nỗi trượng (chữ của cha Khai) nặng nề đối với người Cộng sản: Nghĩa là chúng tôi không có thiên kiến sợ, chạy trốn, thù hận, đánh đuổi, tiêu diệt đến cùng người Cộng sản. Cộng sản đối với chúng tôi trên lý thuyết là một hệ thống tư tưởng có tính " thực dụng " để giải thích và điều động xã hội theo ý niệm công bằng và hợp lý. Chúng tôi không " hữu thần " quá độ đến nỗi sợ hãi Cộng sản không chế tiêu hủy Thượng Đế hay tôn giáo của mình. Chúng tôi không đến nỗi " nổi loạn, vô chính phủ " nên sợ hãi chống đối với một cơ cấu quyền lực chính trị tổ chức chặt chẽ với những định chế khắc khe. Trên phương diện tư tưởng chúng tôi có quan niệm Cộng sản trước hay sau cũng chỉ là hệ thống tư tưởng với khuynh hướng tiến bộ xã hội có thể áp dụng cho một vài nơi, một vài hoàn cảnh xã hội nào đó để hình thành một tình trạng bình đẳng tương đối, chỉ là những tương đối so với những bất

công trầm trọng của chế độ chính trị trước đó.." Riêng tại quê hương Việt Nam, nơi đã có một tinh thần tổng hợp tuyệt vời Nho - Phật - Lão thấm sâu vào mạch sống dân tộc, tạo nên một sức mạnh dẻo dai, bền bỉ đối kháng với mọi công phá, từ ngoài như ngoại xâm, từ trong như tầng lớp lãnh đạo suy đồi, để luôn tồn tại vững chắc thâm lặng. Thực dân Pháp đến và cũng đi sau 100 năm, thực dân mới kiểu Mỹ đến và cũng ra đi và chắc chắn cũng sẽ bị tiêu vong ảnh hưởng. Tóm lại chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi một thần quyền hay một thế quyền nên chống lại người Cộng sản. Trên bình diện tư tưởng, chúng tôi chỉ vì không chịu được tư tưởng độc tôn yêu nước và độc tôn cách mạng xã hội của người Cộng sản. Với cơ cấu làng, xã của dân tộc Việt, với tinh thần tổng hợp Tam Giáo, với cốt tủy " Nhân chủ và Dân chủ " của người Việt, chúng tôi không thể chấp nhận chiếc mũ Cộng sản độc tôn phát sinh từ trời Tây. Cũng chỉ là một sản phẩm của Âu Tây tư bản.

Chúng tôi cũng không chống Cộng vì " khủng Cộng " (chữ của Cha Khai), vì sợ hãi, tê liệt trước người Cộng sản. Mười năm chiến tranh (63-73) nặng nhất của hai ý hệ, chúng tôi là tầng lớp gánh chịu đau đớn nhất và cụ thể nhất. Chúng tôi cũng không như Cha Khai, Cha Quỳnh, Cha Nguyễn Lạc Hóa phải nhờ Tây giết Cộng (Lẽ tất nhiên chúng tôi xài súng của Mỹ cũng như người Cộng sản dùng súng AK) mà đã chiến đấu bằng chính đời sống mình, còng lưng xuống mang một chiếc ba-lô, tay cầm súng, tay cầm thêm thùng đạn bấm đôi chân trên rừng núi bạt ngàn của miền Nam để đánh Cộng sản. Trong mười năm dài và chắc sẽ còn tiếp tục nếu Cộng sản nhất định đi bước chót của " Di chúc Hồ Chủ tịch..."

Cũng thật là xấu hổ và vô liêm sỉ khi bảo rằng chúng tôi chiến đấu vì quyền lợi. Quyền lợi nào ở đồng lương chỉ sống đủ nửa tháng, dăm bộ quần áo lính chỉ để mặc đủ trong chuỗi ngày dài của thời gian mười năm chiến trận. Chúng tôi cũng chưa hề được đãi ngộ (tinh thần và vật chất) như ngang với đám chiến sĩ, cán bộ của đối phương, huống gì bảo rằng chúng tôi có những " quyền lợi " để có thể trở thành đối tượng của phong trào chống tham nhũng. Đành rằng trong nhà binh (và cũng là một môi trường chính) tham nhũng hoành hành và tác hại gớm ghiếc. Nhưng thiếu số thụ hưởng đó quá nhỏ bé so với tập thể bao la những người chỉ mơ ước được một giấc ngủ ngắn và bữa cơm không pha mùi thuốc súng cùng máu nóng... Và quả tình thật đốn mạt và hèn hạ khi gọi chúng tôi là: " Những kẻ hiếu chiến trong cuộc chiến tranh này. Những tên điều hâu thực thụ. Thử nhiên liệu tinh hảo và rẻ mạt ném vào lò đúc kim cương. Những kẻ đánh thuê, và khi đã là lính đánh thuê bao giờ cũng được trả một giá cao vì ý thức rõ bản chất của điều họ muốn và điều họ làm..." - Nguyễn Tử Lộc báo Đối Diện số 20 -. Ai thuê và với giá nào? Phải chăng là người Mỹ với giá tiền lương một sĩ quan cấp úy chưa đủ tiền mua gạo cho gia đình?! Đừng nói như trên vì nói thế là vô ân, là kẻ ngu trí thức, là kẻ bạo dân liêm sỉ. Hẳn ta chỉ có thể viết như thế vì đang ở trong một thành phố của miền Nam. Miền đất bảo vệ bởi chính máu của chúng tôi.

Đã giải thích rõ các yếu tố về mình, coi như đã soi sáng một phần câu hỏi: Có thể hòa giải với người Cộng sản Việt Nam được không? Chúng tôi cần khẳng định lại, vì ngay ở xưng danh, trong khi chúng tôi gọi họ là những người Cộng sản Việt Nam, những người Việt

theo chủ nghĩa Cộng sản; trái lại họ gọi chúng tôi là " Ngụy quân ". Họ dành riêng do mình quyền và bổn phận phải làm " Cách mạng, dân tộc, giải phóng miền Nam...". Chỉ có họ mới là người Việt Nam yêu nước; người Hà Nội, Thanh Hóa, ở các xã giải phóng mới là nhân dân yêu nước, tiên bộ, yêu hòa bình còn nhân dân ở An Lộc, Quảng Trị, ở Tân Mai (Biên Hòa), ở Cai Lậy, Song Phú là nhân dân " Ngụy " không được quyền sống mà cần phải giết bỏ và tiêu hủy.

Không thể hòa giải cùng người Cộng sản Việt Nam cũng bởi vì họ là người Cộng sản Việt Nam mà không là Cộng sản Đức, Ý, Nhật, Pháp. Cho dù là Cộng sản Nga. Tổng Bí Thư Đảng như Khroustchev, Brezhnev cũng chỉ là những giới chức hành chánh cao cấp hành nghề chỉ huy tương tự như thủ tướng W. Brand, Tổng Thống Kennedy; Cộng sản ở Nga chỉ là một chính sách, một đường lối để canh tân và hiện đại hóa một nước với lãnh thổ quá mênh mông, sắc dân đa tạp. Và có lẽ Trung Hoa Đỏ đi nữa Mao Trạch Đông vẫn là tổng hợp của Tần Thủy Hoàng, Khổng Tử và một chút của Staline. Nhưng Cộng sản Việt Nam là một tổng hợp tuyệt hảo của niềm tin cách mạng vô sản, của giải phóng dân tộc, là khối kim cương của tất thắng, là toàn hảo tận thiện, mỹ không kể nết. Năm 1930 ở Hoa Lục Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch vẫn chỉ là hai người Trung Quốc yêu nước có đường lối cải cách xã hội, chỉ huy quốc gia khác nhau, nhưng " hòa giải " trong một thế Quốc - Cộng chặt chẽ. Năm 1930 chủ tịch Staline trong chiến tuyến chống phát-xít vẫn luôn muốn bắt tay với người bạn Mỹ tốt đẹp. Thế nhưng năm 1930 ở Việt Nam đã có Sô Viết Nghệ-Tĩnh, Sô Viết Quảng Ngãi, Cộng sản không chỉ đánh Tây cứu nước nhưng còn chặt đầu công giáo ở Trà Kiệu, Thăng Bình (Tam Kỳ, Quảng Tín bây giờ, Quảng Nam lúc đó), nửa đêm đốt đuốc diệt Đại Việt ở Quảng Ngãi, phục kích Phục Quốc Quân Việt Nam ở Tàu về, v.v... Cộng sản Việt Nam đã tạo dựng truyền thống tin truyền cho chủ nghĩa từ thuở phôi thai, từ ngày nhập cuộc. Một thủ đô văn hóa dài lâu như Hà Nội đã bị đánh vỡ hằn yếu tính thanh nhã cao quý của một chốn xưa đậm thắm, hóa thân thành một thành phố lạnh lùng quái dị, bị vô tính hóa đến độ tàn nhẫn phi nhân, tràn ngập đầy đường phố, trong trụ sở, nơi nhà giam một đám cán bộ nghiêm nghị, cảnh mật với tiếng nói âm thanh vùng Nghệ Tĩnh. Tôi không thấy, không nghe được hình ảnh, tiếng lời trong sáng dịu dàng của những người Hà Nội như trong ý niệm, trong trí tưởng. Ở Hà Nội tôi chỉ gặp được một số cán bộ gốc Nghệ Tĩnh Bình nếu không cũng là Bình Trị Thiên hay Nam Tín Ngãi. Và ở địa điểm trao trả Bạc Liêu, Rạch Giá trong ruộng đồng trái tim miền Nam những người kháng chiến Nam bộ hào hùng đánh Tây thuở trước cũng hoàn toàn vắng bóng. Cụ thể hơn hết, hai năm ở bàn hội nghị, Hoàng Anh Tuấn, Võ Đông Giang, Bùi Thiệp, Trần Văn Vây cũng chỉ là những người Cộng sản khu V (Nam-Ngãi-Bình-Phú: Liên khu V của cộng sản từ thời 1945). Phải chăng đây là những người từ đầu của Mặt Trận ở những năm 59, 60 khi mới thành lập hay là đào kép chính xuất hiện diễn màn cuối khi những người như Năm Quốc Đảng, Hai Chủ tịch xe ngựa, Tư Thắng những người Cộng sản kháng chiến miền Nam đã lót đường dưới bom đạn của chiến tranh hoặc vào quên lãng. Vậy hòa giải sao được với những người Cộng sản nay khi trí não họ chỉ có một ý niệm, khi ngôn ngữ chỉ có một lý luận, khi hành động đã là một động tác phản xạ có điều kiện. Họ có muốn ta hòa

giải cùng họ không? Chắc chắn là không. Vậy ta hòa giải với ai và như thế nào?? Tôi xin trao lại phần trả lời cho những người hòa giải. Nói thêm một điều: Nếu người Cộng sản chịu hòa giải trong một chiến thuật đoản kỳ nào đó, chắc chắn rằng họ cũng không ngồi chung chiếu với " lãnh tụ " Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu chứ đừng nói dám đào kếp cải lương mới nổi từ đồng lầy chính trị miền Nam.

Qua phần câu hỏi thứ hai, tôi muốn trình bày một tâm trạng náo nức khi thấy các linh mục hữu khuynh đổi thái độ... " Phải đánh thẳng quỉ lớn trước, đánh thẳng quỉ nhỏ sau ", lời Cha Thanh. Thằng quỉ lớn là tham nhũng, là chính phủ của Tổng Thống Thiệu, là người Mỹ với chính sách thực dân kiểu mới. Tùy theo mỗi cách đặt vấn đề trên mục đích của mỗi phe nhóm và thằng quỉ nhỏ là Cộng sản. Một thằng " quỉ nhỏ " sẵn sàng đối thoại, có thể đối thoại và nên đối thoại! Tại sao như vậy được? Ông Thiệu và chính quyền Việt Nam Cộng Hòa hiện tại đâu có phải một sớm một chiều bỗng dưng mà có. Chiến tranh hiện tại cũng không phải vì " không thi hành nghiêm chỉnh Hiệp Định Ba Lê " cũng không phải vì " Người Mỹ vẫn còn dính líu vào miền Nam Việt Nam để thực hiện chính sách Thực Dân Mới " mà có. Ông Thiệu, ông Khiêm, tình trạng tham nhũng bất công thối nát, chiến tranh hôm nay chỉ là hệ quả tất nhiên của các giai đoạn 45-54, 54-63, 63-73. Là hệ quả của các lực lượng Quốc gia không chịu tập trung và hoạch định hoạt động theo đúng hướng đi chung của lịch sử, dân tộc và thế giới; cũng như sau khi các lực lượng tôn giáo nhất quyết tựa vào phe cầm quyền để củng cố và phát triển giáo quyền (che dấu mặc cảm đã cộng tác với những người không chế dân tộc). Đó cũng là hệ quả của lần " sẩy tay " trầm trọng nhất khi miền Nam đánh mất cơ hội tốt đẹp, một hoàn cảnh thuận tiện (54-63) kiện toàn miền Nam, để có đủ khả năng và lực lượng cân bằng, hiệp thương cùng miền Bắc. Để rồi sau đó lại mất luôn khí thế cùng thời gian sau năm 1963 trong những sa đọa giành giật, cầu xé và phân hóa thô thiển vì quyền lợi cá nhân, rơi vào hố thảm bại cả một phong trào nhân dân năm 1966. Và tình hình hiện tại với ông Thiệu chỉ là ngọn cuối của một cơn cuồng phong thối tàn khốc qua quê hương khốn khổ. Có ai ngăn chặn một luồng gió ở cuối đường để đề phòng một cơn bão? Có ai chặt đi một ngọn cây để hủy diệt những hư thối từ gốc rễ?! Cha Thanh, Cha Hoàng Quỳnh, Cha Nguyễn Viết Khai chắc không thể bảo rằng đã vắn mặt ở các giai đoạn kể trên. Các Cha đã đứng vào đâu trong đoạn thời gian đằng đẳng hiem nghèo đó? Đã làm gì và làm được gì? Phải chăng các Cha đã tựa vào thế của Tổng Thống Diệm, đã dựa vào thế của Chủ Tịch Hành Pháp Nguyễn Cao Kỳ và gần đây, chắc cũng hơn một lần các Cha thỏa hiệp với ông Thiệu. Và các Cha đã làm gì được cho nhân dân qua những thỏa hiệp quyền lực đó? Năm 1974, phải chăng các thế lực đó không còn là nơi nương tựa chắc chắn nên các Cha phá bỏ. Thủ đoạn chính trị cho phép làm mọi chuyện nhưng nỗi khốn cùng của nhân dân không cho phép bất kỳ ai đem hy vọng cuối cùng của họ vào một cuộc trả giá.

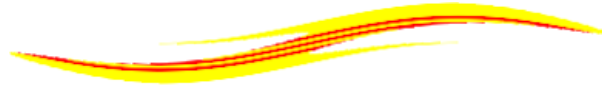
Giả sử rằng trong giai đoạn sau 1954, các ông Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu dùng khả năng và ý thức trọng trách của mình (như bây giờ đang khai triển) đối với Quốc gia và nhân dân, đặt vấn đề thẳng thắn cùng ông Diệm để cố Tổng Thống Diệm hữu hiệu hóa

guồng máy chính quyền, quân đội, kiện toàn cơ cấu lãnh đạo Quốc gia, chấp nhận đối thoại với Cộng sản. Giả sử, Cha Thanh, Cha Khai gần gũi, thường xuyên với Đức Cha Thực, Tổng Thống Diệm, dùng uy tín và thành tâm của mình để ngăn chặn những sai lầm chủ quan của ông Diệm và nhất là dùng " Đức tin vào Chúa để sẵn sàng đối thoại với người anh em không tin ngưỡng..." và " Để không những yêu mến thân nhân và hãy ghét thù địch mà phải mến yêu thù địch và khẩn cầu cho những người bắt bớ anh em... (MT 5, 53, 45). Giả sử rằng các ông Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín dừng di cư vô Nam tiếp tục ở cùng người cộng sản Hà Nội để sau khi đi Pháp học (Do sự điều động của Giáo Hội, của học bổng chính phủ Pháp thì phải chăng cũng là một " nhánh " của tư bản...), trở về Bắc đòi hỏi " Canh Tân và Hòa Giải ", và nhận định ngay từ giai đoạn đó (giai đoạn sau 54): " Từ một thế kỷ nay Giáo hội đã thông qua chế độ tư bản... Ít phù hợp với luân lý các Tiên Tri và Tin Mừng..." - Báo Đối Diện

Nhưng, tất cả chỉ là giả thuyết vì mọi người đã ulla vào miền Nam để " Tìm Tự Do ", đã dựng nên một mặt trận chống Cộng khốc liệt và dứt khoát, đã đẩy nhân dân vào trong hai thế đối nghịch sống chết và đẩy đưa đất nước dần vào cuộc chiến tan vỡ. Cuối cùng, đoạn cuối này chúng tôi gánh hết, không quyền ta thán, không ý kiến, không phần nộ trong mười năm dài. Mười năm ê chề của màn kịch " chống Cộng " nửa vời, mười năm đau đớn của hệ luận " tìm Tự Do " nơi miền Nam. Chiến tranh toàn diện là " cái đuôi " của " cách mạng 63 ", của vận động hòa bình 64-66, mà tất cả đã trôi đi như một thứ bèo tan tác trong đại dương cuồng nộ bi thảm. Tất cả cũng chỉ là giả thuyết và đôi khi cũng là những phản đề thô bạo đáng kinh ngạc, vì đã có những tố cáo trong quá khứ: " Đến nỗi Linh Mục Trần Hữu Thanh còn dùng cả thần học lý luận "(?) để biện minh loanh quanh cho việc tra tấn (của Chính Phủ VNCH) trên các báo Công Giáo như Sacredo, Thăng Tiến, Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp - Lý Chánh Trung - Đối Diện số 19.. Như vậy có nghĩa lý gì? Các người đã bày nên canh bạc máu, tham dự chán chê xong đứng dậy phủ tay. Ông Thiệu đâu có xa lạ với các vị trong cuộc chơi tàn bạo đau đớn đó. Bây giờ phải chăng các người bày trò chơi mới với một số đào kép khán giả mỗi mồn.

Cuối cùng, chỉ là chúng tôi, những người chống Cộng cuối cùng và cay đắng, chống Cộng vì không thể là Cộng sản, vì đã ở một phía đối địch với Cộng sản lập nên từ những đám tiền bối cực đoan bất lực, một đám đàn anh xoay rất lẹ và nhạy cảm đến độ phi nhân. Hai mươi năm của cuộc đấu tranh chống Cộng đến đây phải tạm dừng sao? Tôi lật đồng ảnh của ngày xưa... Trên bãi bể Trà Lý, đoàn người tan vỡ xao xác, mắt lạc thần và môi tái xanh vì giá rét đứng ngâm mình trong nước đón tàu đi Nam. Trên đại dương mệnh mông của vùng biển Bắc phần, chiếc mảng nhỏ gồm những thân cây tre ghép lại, nhóm dân áo đen rách gồm cả đàn bà và con trẻ ra sức chèo trong đêm về hướng đông, hướng mặt trời đợi ngày tới gặp được đoàn tàu đi Nam. Đi về Nam. Tìm Tự Do. Tất cả là thực tế hiển hiện đầy nhiệm màu cao quý. Tôi đã đi đúng đường cùng lớp người rục rờ cao cả của ngày xưa đó. Tôi đã đi đúng đường và viết những giòng chữ xứng đáng để ca ngợi Tự Do.

Miền Nam Việt Nam, Tháng 10-1974



NHỮNG LỜI KẾT

NHỮNG TÙ BINH TOÀN THỂ BỎ QUÊN MỘT HÒA BÌNH THẬM TỆ ĐỐI GẠT CUỐN SÁCH CẦN PHẢI VIẾT LẠI

Phan Nhật Nam tên thật Phan Ngọc Khuê, sinh ngày 9 tháng 9, năm 1943, chánh quán Thôn Nại Cữu, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị. Do một lý do (thật chưa biết rõ), cha mẹ đổi nên Phan Nhật Nam với ngày sinh mới, 28 tháng 12, 1942, làng Phú Cát, Huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Vốn lính tác chiến Nhảy dù (Ám số chuyên môn 240.7 - Chỉ huy một đơn vị bộ binh), kể từ ngày mãn khóa Trường Võ Bị Đà Lạt, 23 tháng 11, 1963; qua các tiểu đoàn 7, 9, 2; Lữ Đoàn II Nhảy Dù. Thế nên, mãi đến mùa xuân 1968 cũng không hề chuẩn bị, sắp sẵn cho việc viết văn. Dấu hiệu tài năng thiên phú lại là điều không khả thể, cho dù với tỷ lệ nhỏ nhất. Trong chức vụ sĩ quan hành quân Lữ đoàn với lệnh hành quân, máy truyền tin, điều động phối hợp, theo dõi bốn tiểu đoàn bộ chiến Nhảy dù, hai tiểu đoàn pháo cơ hữu, một tiểu đoàn pháo diện địa, hai liên đội Địa Phương Quân, một Giang Đoàn Xung Phong tăng cường... Công việc đúng nghĩa 24/24 giờ của một ngày. Một tháng đúng ba mươi ngày bắt đầu kể từ ngày vào vùng hành quân. Không một chút ngơi nghỉ, bởi một điều giản dị - Lực lượng Cộng sản không hề có dấu hiệu chấm dứt Tổng Công Kích kể từ đêm giao thừa Tết Mậu Thân. Sẵn giấy bút, đêm khuya không hết; và người bạn thời niên thiếu (Đã là nhà văn Nguyên Vũ) đang luôn ngồi bên cạnh làm sĩ quan liên lạc pháo binh thúc dục... Định Mạng của một Nghiệp Vận kỳ lạ mở ra - Người Lính Cầm Bút cùng lần với Vũ Khí. Và viết đã trở nên một nhu cầu. Viết mở ra một thế sống mới, một cứu viện sinh tử - Không có không được. Bởi cơn đau với dấu ấn binh lửa không phải chỉ cảnh nhà cháy, súng nổ, đạn bom rơi vãi... Điều kinh khiếp vô phương cứu nạn của chiến tranh lần hiện rõ - Thật lần tận diệt Con Người. Người Việt Nam hoàn toàn bị coi khinh, đầy ải ngay chính trên Quê Hương mình. Và Chiến Tranh không hề có dấu hiệu, khả năng chấm dứt. Cũng như tính tất yếu (được Lựa Chọn) của Tự Do - Người Việt chỉ có quyền đứng về phía của Chiến Tranh.

Từ trong tình cảnh khôn cùng khắc nghiệt kia: Dấu Binh Lửa - Dọc Đường Số I - Mùa Hè Đỏ Lửa, phải viết nên cho buổi Sống Thật và Chết Oan Khiên. Không phải của một cá nhân đơn lẻ mà toàn Dân Tộc Nghiệp Hận... Kẻ Bắc - Người Nam; trong binh ngũ, với dân lạc loài... Tất cả cùng chung mang dấu lửa, càng ngày càng đậm sắc, xuyên sâu. Và dấu rằng đằng sau cái chết, vẫn sừng sững nổi oán hờn thiên thu của dòng sống oan nghiệt thật đã hình thành từ rất lâu. Tận đáy vực không phương thể trốn thoát ấy, tiểu thuyết của: Dưa Lưng Nổi Chết - Ai Trần Gian, cũng chung một cảnh sắc bi thiết - Đất nước thật nơi tan vỡ với Sự Chết Thường Hằng.

Ngày 27 tháng 1, 1973, Hiệp Định Tái Lập Hòa bình tại Việt Nam được ký kết. Bởi con

đau không sút giảm, cuộc chiến chỉ thoáng đổi thay cường độ, không phải để kết thúc. Người viết đã nên quả quyết - Hòa Bình là trạng thái không Thật - và bản văn Hiệp Định chỉ hoàn tất chuyện dối lừa.

Tính Thiện và Tâm Thành đưa Người Lính Viết Văn bước cao hơn, vượt quá mưu toan biến lộn của chính trị - TÙ BINH VÀ HÒA BÌNH vì thế PHẢI ĐƯỢC VIẾT.

Ngày 28 tháng 1, toàn thể giới tung dây ngũ sắc, rót rượu uống mừng Hòa Bình. Ở Việt Nam, người viết với tâm cảnh bi thương trên quê hương khổ nạn đã cất lời cảnh cáo: " Kẻ lãnh giải thưởng Nobel huân công Hòa Bình kia là một lũ bọm bãi sát nhân...". Thế giới, loài người, kể cả ở Sài Gòn... Nào mấy được ai nghe!!

Có ai nghe tiếng kêu trầm thống của người tù mặt trận Hạ Lào nơi thung lũng Việt Hồng, xã Việt Cường, huyện Trấn Yên, tỉnh Hoàng Liên Sơn... Những Đại Tá Nguyễn Văn Thọ - Lữ Đoàn Trưởng; Trung Tá Trần Văn Châu, Thiếu Tá Đức, các Đại Úy Châu, Thương, Trụ của Lữ Đoàn III Dù; Thiếu Tá Trần Ngọc Huế của Sư Đoàn I Bộ Binh và hàng trăm người của những toán Biệt Kích mang bí danh: Bear, Cat, Lance, Red Dragon, Remus.. Những Biệt Kích Quân bị bắt từ những năm đầu của thập niên 60, Nguyễn Huy Luyện, Hà Sơn, Nguyễn Công Thành... ở " Cổng Trời " Quyết Tiến, Hà Giang - biên giới Việt-Trung, chịu đựng suốt hai, ba mươi năm (60, 70, 80...) cách đối xử tàn nhẫn đã vượt hẳn kỷ lục và kỹ thuật giết người của Đầm Đùn - Lý Bá Sơ, thuở Cộng sản còn trong giai đoạn " chuẩn bị cho tổng tấn công sau 1950 ". Danh sách trao trả do phía Cộng sản chuyển đến phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa tại Ba Lê không có tên những người tù kể trên. Phía Cộng sản nhận đủ 26.508 người không một sai sót. Trại giam tù quân sự Phú Quốc hoàn toàn giải thể và ba tiểu đoàn Quân cảnh (coi giữ tù) biến cải thành bộ binh, đưa trở về đất liền.

Lê Đức Thọ, Nguyễn Thị Bình ở Ba Lê; Trần Văn Trà, Lê Quang Hòa, Võ Đông Giang ở Tân Sơn Nhất; Xuân Thủy, Nguyễn Duy Trinh ở Hà Nội đều đồng loạt trình trọng tuyên bố "Nếu có quân nhân phía Việt Nam Cộng Hòa bị bắt ở mặt trận đường 9 Nam Lào thì (có thể) họ bị quân đội Pathet Lào bắt giữ?!...". Ở Hà Nội đồng thời cho phổ biến phim Người Khách Không Mời với nhân vật chính, Thiếu Tá Huế, sĩ quan cùng khóa, cùng đại đội với Phan Nhật Nam ở trường Đà Lạt. Huế bị bắt ngay tại LZ, bãi đáp mục tiêu Tchépone, Hạ Lào đầu năm 1971.

Năm 1976, Người Lính Viết Văn Bị Tù gặp đủ chiến hữu của mình ở thung lũng Hoàng Liên Sơn. Ngày 21 tháng 2, 1979 vào phòng kiên giam số 2, trại 5 Lam Sơn, Thanh Hóa, Phan Nhật Nam nghe từ buồng số 4 có tiếng hát "Bảo vệ làng thôn Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa..." giọng khàn đục mệt mỏi - Anh Nguyễn Công Thành bị kiên giam từ 1964 - Năm anh bị bắt.

Cuối cùng, ba mươi năm sau, những Biệt Kích Quân còn lại, khoảng bảy mươi người của tổng số hơn bốn trăm bị Cộng sản Bắt Việt giam giữ kể từ những toán đầu tiên: Atlas, Bart, Bear, Bell, Becassine, Bull... Tellus, Swan (Lưu ý bạn đọc, danh hiệu đã quá hai mươi bốn

chữ cái) của giai đoạn 1961 -1962 đến những người cuối cùng được ghi nhận, Mai Văn Tuấn bị bắt năm 1969, chết ngày 2 tháng Tám, 1970 tại Trại Phong Quang, Yên Bái, trở về Nam... Khi thiết lập hồ sơ H.O. những người lính trở về từ cõi chết này KHÔNG ĐƯỢC CHẤP NHẬN LÀ QUÂN NHÂN THUỘC QUÂN LỰC VNCH. Cơ quan tuyển mộ, huấn luyện điều động họ - TOÁN NGHIÊN CỨU VÀ QUAN SÁT/BỘ TƯ LỆNH YẾM TRỢ QUÂN SỰ (Military Assistance Command Studies and Observation Group - Viết tắt MACSOG hoặc SOG) từ đầu năm 1960 - 61; sau này thuộc Bộ Quốc Phòng, nhận quyền chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư Lệnh Thái Bình Dương (Kể từ biến cố 1963 tại Việt Nam mà các bộ phận kia trước đây có dính líu chặt chẽ với tổ chức, nhân sự của Đế Nhất Cộng Hòa) - Đồi qua Kế Hoạch mang bí danh Alpha 34, mà chính Bộ Trưởng McNamara cũng không hề trình đến Tổng Thống Mỹ - sự kiện không hề được ai biết. Không một ai muốn nhắc lại. Lính Biệt Kích Việt Nam Cộng Hòa không được kể đến trong tiêu chuẩn, chính sách di dân của chính phủ Mỹ qua chương trình ODP. Một người Mỹ, Sedgwick " Wick " Tourison, trước 1975 là nhân viên tình báo Lục Quân Hoa Kỳ, sau này phụ trách công tác Nghiên Cứu thuộc Ủy Ban Tù Binh và Người Mất Tích/Phòng Tình Báo Bộ Quốc Phòng Mỹ (1983-1988) lật khối hồ sơ bi thảm về những người bị cả bạn lẫn thù đẩy vào bóng tối lãng quên và sự chết. Chiến hữu cao thượng này không tìm được phần mộ. Anh gióng lên lời báo nguy: Secret Army Secret War - được thành hình. Thế nên, Người Viết Văn không thể im lặng. Người Lính không thể bỏ cuộc chiến đấu cùng đồng đội; lời tố cáo tội ác xảo quyệt cần phải được nhắc lại. Hơn hai mươi năm sau, Tù Binh và Hòa Bình vẫn còn nguyên giá trị về một lời báo động - Tù Biệt Kích VNCH vẫn thăm thẳm vùng tối dọa đầy nơi vùng đất có cái gọi là Hà Nội - Niềm Tin Yêu và Hy Vọng - Thủ Đô của Phẩm Giá Con Người ". Giáo sư Đoàn Viết Hoạt hôm nay hay lập lại tình cảnh của Đại Úy Biệt Kích Nguyễn Huy Luyện ba mươi năm trước, ở trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa; cũng là nơi Phan Nhật Nam đã đến từ ngày 17 tháng 4, 1986. Lúc ở đây không còn một ai là tù người Nam. Vâng, phải đến ba mươi năm để cốt giết một người. Những người tù miền Nam kia không được làm người biết đau đớn; họ là bọn " nguy quân, nguy quyền có nợ máu với nhân dân " nên con người vẫn tiếp tục bị đồ hình ở Quyết Tiến, Hà Giang; Phố Lu, Yên Bái; ở hệ thống trại Thanh Cẩm, Thanh Phong, Lam Sơn (Thanh Hóa). Hoặc khắp cùng Vĩnh Phú, Hà Tây, Nghệ Tĩnh... Bao nhiêu đất bấy nhiêu trại tù. Không mấy người nghe đến. Loài người khó ai nhận ra điều đau đớn đơn giản trên; kể cả các vị lãnh đạo tôn giáo, cầm đầu các Quốc gia, người tranh đấu cho nhân quyền, hòa bình thế giới. Chỉ mới kể một nửa nước, vùng phía Bắc Việt Nam.

CUỐN SÁCH VÌ THẾ CẦN PHẢI VIẾT LẠI.

Sự kiện về người tù dù sao vốn dĩ cũng là vấn đề với bản chất khép kín, che dấu, như thân phận tội nghiệp của họ. Thế nhưng, lại có những điều tội tệt khác xảy ra dưới ánh sáng như những biểu hiện công khai và hợp lý - Cũng được xem như hình thái của xã hội văn minh và tiến bộ: Sinh hoạt chính trị và những con người đặc thù của nó - Những người luôn luôn

kêu gọi, nài đến, trưng ra những danh xưng cao thượng Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ với những đối tượng mục tiêu có giá trị tuyệt đối - Tổ Quốc, Dân Tộc. Tiến trình mang tính " Chính Danh, Chính Nghĩa " này qua Hiệp Định đối trá ngang ngược kia cũng bị lộ hẳn toàn thể xấu xa sa đọa với những người gọi là: Chủ tịch, Tổng thống, Trưởng đoàn đại biểu, những ủy viên trung ương, hàng loạt đủ các thứ loại chính khách, chính trị gia... Kể cả những kẻ gọi chung danh nghĩa " đấu tranh cách mạng "... Tất cả đã bày ra trước mắt nhân dân và lịch sử nguyên hình đám múa rối vô duyên và cực kỳ xuẩn động. Những kẻ dụng bạc giả để mưu định buôn bán sinh mạng Quốc gia, đánh lừa hy vọng của toàn khối miền Nam. Cuối cùng, Dân Tộc Việt đồng bị xiên ngược trên giàn lửa bởi chính những người đồng chủng được ngụy danh nên thành " Người cộng sản Việt Nam ". Chung bàn tiệc máu kia còn xuất hiện vô số những người rất mực hân hoan và kiêu hãnh; họ lạc quan và chủ quan một cách bất bình thường rất đổi kinh ngạc - Những kẻ được gọi là thành phần tiến bộ, ưu tú của miền Nam.

... Ngày 24 tháng 7, 1973, tại địa điểm trao trả Lộc Ninh, những người tuổi trẻ như Võ Như Lanh, Trịnh Đình Ban, Cao Quế Hương, Trần Thị Lan, Trần Thị Huệ... Ngồi dưới gốc cây cao su vỗ tay hát lời ca hàm xúc... " Nếu là chim tôi sẽ là một loài câu trắng. Nếu là hoa... Sẽ là một đóa hướng dương. Là người, sẽ chết trên quê hương tôi!! " Suốt hai thập niên 70, 80, những người tuổi trẻ đấu tranh cho Hòa Bình, Tự Do, Hạnh Phúc, Công Bằng, Huynh Đệ kia... Những người đã cùng vỗ tay hòa nhịp với Trịnh Công Sơn hát "... Từ Bắc vô Nam tay lại nắm tay.." Nổi vòng tay lớn mừng " bộ đội cách mạng giải phóng Sài Gòn "; những người tay mang băng đỏ như Cung Tích Biền, Nguyễn Hữu Đồng (Chủ tịch sinh viên Đại Học Kiến Trúc), Kim Cương đi lòng Ngụy, bắt " văn nghệ sĩ Sài Gòn phản động " trong buổi sáng ngày 30 tháng 4, năm 1975... Tất cả những người này đều được chứng kiến, hoặc tự thân dự phần vào cuộc " vượt chết " bi tráng kỳ vĩ của Dân Tộc Việt - Hai triệu người xé thân trên đường vượt biên với giá máu sáu trăm ngàn người chết. Người Việt ra đi từ mũi Cà Mau đến biên giới sáu tỉnh phía Bắc... Hai đứa bé tuổi vừa quá lên mười vượt biển với chiếc thuyền thúng, hướng về Hồng Kông. Bà ngoại ôm cháu chết nghệt trong chiếc ghe bị công an bắn chìm nơi cầu Rạch Chiếc ngay trên Xa Lộ Biên Hòa.

Không tiếng lời nào của tuổi trẻ, của văn nghệ sĩ ở Sài Gòn, ở Việt Nam nói về Một của tổng số Sáu Trăm Ngàn lần chết đau thương này. Trịnh Công Sơn thêm một lần nổi tiếng là người tài hoa lãng mạng với bài hát " Huyền Thoại Mẹ " có lời dạo đầu... " Mẹ ngồi dưới hầm sâu nghe từng đêm đạn nổ..." Anh ta cũng có Người Mẹ hóa điên vỗ tay hoan hô Hòa Bình chiều đi qua Bãi Dâu, nơi chôn sống người ở Huế sau Tết Mậu thân, 1968, khi người Cộng sản rút quân đi.

NGƯỜI CHỈ MỘT LẦN SỐNG.

NGƯỜI CHỈ MỘT LẦN CHẾT.

NGƯỜI CHỈ CÓ MỘT NGƯỜI MẸ.

CÓ NHIỀU MẸ LÀ MẸ NUÔI

- ĐÓ LÀ CON HOANG.

Năm 1990, ông dân biểu một thời nổi tiếng đối lập chống độc tài Nguyễn Văn Thiệu: Lý Quý Chung, Bộ Trưởng Thông Tin cuối cùng của chế độ Cộng hòa miền Nam, khi trả lời với báo chí thiên tả Pháp, đã nói lên niềm hân hoan của người trí thức dưới chế độ xã hội chủ nghĩa "...Hôm nay có điều kiện để viết hơn bao giờ hết!! " Người này nói thật - Anh ta là người viết chuyện đá banh khéo nhất, cũng là chủ tiệm ăn đông khách nhất của Sài Gòn. Có một điều người này quên kể ra, Anh ta là thành phần thứ ba - Đã một lần thuộc lực lượng tranh đấu cho Hòa Bình và Hòa Giải Dân Tộc. Danh xưng đưa đến sự nghiệp vinh quang của hiện tại. Thành Phần Thứ Ba, đưa con hoang đẻ vội mà người Cộng sản đã đạp xuống dưới để dẹp lớp xe hơi một cách thậm tệ khinh miệt ngay trong buổi sáng ngày 30 tháng 4, 1975.

Cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng. Cái gọi là Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam cùng với Nguyễn Hữu Thọ, Trịnh Đình Thảo, Lâm Văn Tết, Trần Văn Trà, Nguyễn Hộ, Nguyễn Thị Bình, Dương Huỳnh Hoa... Tất cả đã cùng chung hổ rác vô dụng và tầm phào, đừng nói gì cỡ Nguyễn Long, Tôn Thất Dương Ky, Huỳnh Văn Trọng, Phạm Thị Thanh Vân (Vợ Ngô Bá Thành). Riêng những kẻ ăn ké đồ thừa " cách mạng chống Mỹ cứu nước " - loại Ngọc Lan, Chân Tín, Lý Chánh Trung... Đám ruồi nhặng vấy vo quanh tờ Đối Diện; báo Tia Sáng của nhóm Ngô Công Đức... Được một năm ân huệ. Sau 1976, hai tờ báo nhận lệnh đóng cửa; những kẻ gọi là " trí thức cấp tiến yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội...", thứ chuyên viên xuống đường " đòi quyền sống và cải thiện chế độ lao tù " ở đường phố Sài Gòn suốt thời gian của 1973, 1974 được nhận chức đại biểu nhân dân hữu danh vô thực. Để rồi tất cả đồng bị ném đi như một loại cặn bã tồi tệ phải loại trừ khẩn cấp - Nếu cần thiết cho vào trại cải tạo không ngại ngừng - Điều đơn giản tàn nhẫn này không lạ - Hãy xem gương Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường... Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm có thiếu mặt ai trong chín năm kháng chiến chống Pháp?! Chống Mỹ cứu nước, chống tham nhũng Nguyễn Văn Thiệu kiểu các linh mục cấp tiến dòng Chúa Cứu Thế có là bao công trận mà đòi chuyện đền bù. Dòng Chúa Cứu Thế ở bãi biển Nha Trang biến thành phòng ngủ và chỗ giải trí - Trùng Phạt của Thiên Chúa hiện thực nơi năm tháng đang phải sống. Ngay hôm nay.

Cũng năm 1990 này, Huỳnh Tấn Mẫm bị hạ tầng công tác vì vợ đi buôn lậu, móc nối tham nhũng, hối lộ. Chức vụ có được cũng chẳng cao sang ghê gớm gì. Ngang với một chức Trưởng ty.

CUỐN SÁCH VÌ THẾ CẦN PHẢI ĐỌC LẠI

"... Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam sẽ lần lượt đóng hết vai trò đoàn kỳ của nó. Và trận đấu cuối cùng vẫn là giữa chúng ta với những sư đoàn chính quy Cộng sản Bắc Việt qua tám đেম Ba Mầu - Lá Cờ Mặt Trận Giải Phóng - Thứ phế phẩm sẽ nhanh chóng bị vứt bỏ khi trận chiến tàn cuộc ". Hai mươi hai năm trước người

viết đã có lời cụ thể chính xác như thế và cũng khẩn thiết khẳng định: Chúng ta có thể Hòa Giải cùng người Cộng sản Việt Nam được không? Tôi trả lời dứt khoát - Không được!! Chúng tôi chống Cộng bởi không thể là Cộng sản; không thể chịu được tư tưởng " độc tôn yêu nước và độc tôn cách mạng xã hội của họ ". Và nếu người Cộng sản chịu hòa giải trong một chiến thuật ngắn hạn nào đó, chần chẫn họ cũng không ngồi chung chiếu với " lãnh tụ " Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu chứ đừng nói đến đám đào kép cải lương mới nổi từ đồng lầy chính trị miền Nam -Trang 411-417, ấn bản 1974, Hiện Đại, Sài Gòn –

Ngày viết những lời trên, Người Lính Viết Văn vừa đúng ba mươi tuổi.

Hôm nay, nơi đất Mỹ, Phan Nhật Nam bị cáo buộc " Hô hào hòa hợp hòa giải với Cộng sản " bởi những người không một ngày chiến trận; không một lần tù tội và chưa hề tiếp xúc với một cán bộ Cộng sản nào, cho là thứ Cộng sản hạng bét sau ngày 30 Tháng 4, 1975.

Mùa Hè Uất Hận nơi Đất Mỹ

Tháng 5 - 1995

KHI VIẾT LẠI TÙ BINH - HÒA BÌNH VÀ NGHE HÁT CHIẾN CA MÙA HÈ 72

*Có tiếng nói khẽ thắm người nghe được
Giọng lẹ sâu nín nuốt giữa đêm khuya
Âm kêu thét rền núi sông gào ngất
Hòa Bình đâu...
Không hề đến bao giờ!!*

1945.

*Mẹ gánh con chạy loạn dỗi trắng non
Buổi tháng Tám ứa bầm màu máu cặn
Giải trảm cát phá Tam Giang mờ sóng
Bé khóc chìm thêm thiếp sợ con đau*

1955.

*Bãi Trà Lý đông chiêm loang loáng nước
Thủy triều chậm dồn lên ngầu lớp lớp
Lực Thánh Thần, nâng vai nặng thân con
Chớm bình minh suốt hoàng hôn sẫm bóng
Sức cùng kiệt - Cầu vồng tìm Danh Chúa*

*Gió thảng chạp thịt da sâu nứt cửa
Dòng mồ hôi sống lạnh động đêm đông
Trời và Người chung nguyệt cảnh trầm luân*

1965.

*Đứa bé lớn lên cùng thống khổ
Phận người nung sôi vũng lửa
Bao nhiêu năm sống trong đời
Bấy dịp qua kỳ sinh - tử
Tôi đứng đây,
Thật không... Ở nơi đây??
Giữa đường phố Sài Gòn đục cay lựu đạn
Con lãnh nhục lăm lầy dơ trông mắt
Chập chùng ném đá nhẩn tâm
Chiến trận ngày qua...
Máu dính gậy tanh nón sắt
Quá tuần chưa bữa ăn no*

1975.

*Người bắt đầu chết khi qua sông Ba
Người hấp hối lúc tới Tuy Hòa
Chết chùng lườn tàu nơi chợ Hàn, cầu Đá
Chết dậm trường mỗi cây số vỡ miền Nam
Những người chết chưa kịp biết Hòa Bình
Hiệp Định cột dừa ngừ ngôn đàn điểm
Người Việt chết trần truồng không tấm liệm
Toàn cầu khiếp nhược ngậm thình*

1985.

*Mười hai năm sau lần ngưng bắn
Miền Nam lậm nhục lưu đày
Dài thập niên hậu khổ chiến chinh
Đất Việt ảm no, hạnh phúc, công bình khẩu hiệu
Dân Tộc cùng đành phá thân phơi bão biển
Bé mười ba, hai mươi bận, cướp xé toang hảm hiếp
Mẹ lịm ngất, cha đâm nhầy vớt xuống biển
Bể Đông đồng dậy oan khiên*

*Bồng bênh xô lớp sóng dầm thây người,
Mắt chống ngược ngược về trời,
Máu bầm đóng khô khôe miệng...
Tiền nhân Nghiệp Ác vọng rền!!*

1995.

*Năm mươi năm...
Thật không năm mươi năm??
Hồn cháy bỏng vết hằn tù nhân biệt xứ
Ngày đang hết chiều mờ bên quê cũ
Loáng đỏ như đất lạ tiếp chân mây
Ta ở đây...
Lơ đãng những riêng tây
Nhịp thở nghẹn
Gợn hơi men Thống Khổ
Chuỗi Oan Hận xuyên sâu tầng lịch sử
Người thiếp đau từng tác dạ Quê Hương
Hòa Bình - Việt Nam
Mất hút cuối con đường...*

Phan Nhật Nam
9 tháng 9, 1995,
Sinh nhật 53 tuổi,
Không còn chỗ, nơi xứ người.

